

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

Phúc Âm Lu-ca

Chương 14 - 24

Warren W.
Wiersbe

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

Phúc Âm Lu-ca

Chương 14 - 24

Warren W.
Wiersbe

VĂN PHẨM NGUỒN SỐNG

Phuc Am Lu-ca

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

LỜI GIỚI THIỆU

Mỗi người trong chúng ta có một “Giê-ru-sa-lem,” một “Ghết-sê-ma-nê,” “một Gô-gô-tha” phải đến trong ý muốn Đức Chúa Trời. Giống như Chúa Giê-xu, chúng ta phải can đảm và sẵn sàng theo tiếng gọi của Ngài. Đây không phải là điều dễ làm nhưng chắc chắn sẽ đem lại niềm vui cho chúng ta và vinh quang cho Đức Chúa Trời.

Với ngòi bút tinh tế của một sử gia, Lu-ca đã ghi lại đầy đủ chi tiết về hành trình thương khó của Chúa Giê-xu để qua đó độc giả của ông nhận thức được tình yêu của Ngài đối với mọi dân tộc và mọi hạng người trên thế giới, đồng thời thách thức về giá phải trả để làm môn đồ của Ngài.

Với tập giải nghĩa này, Warren W. Wiersbe, một mục sư và giáo sư danh tiếng, sẽ giúp chúng ta nghiên cứu Phúc Âm Lu-ca, chương 14 – 24, để thấy thế nào chúng ta có thể can đảm hành trình đến Giê-ru-sa-lem và mang thập tự giá, đồng thời có được một cuộc sống vui mừng trong mọi hoàn cảnh.

Được phép của nhà xuất bản SP Publications, Inc., Văn Phẩm Nguồn Sống sẽ lần lượt dịch, hiệu đính và ấn hành trọn bộ giải nghĩa Kinh Thánh Tân Cựu Ước của Warren W. Wiersbe để đáp ứng nhu cầu học hỏi Lời Chúa của các tôi tớ con cái Chúa. Chúng tôi ước ao được sự đón nhận và đóng góp ý kiến của tất cả quý vị.

Văn Phẩm Nguồn Sống
Tháng 5, 2000

MỤC LỤC

1. Con Người Đến Dùng Bữa	5
(Lu-ca 14)	
2. Niềm Vui Cứu Rỗi	20
(Lu-ca 15)	
3. Cái Xấu Và Cái Tốt Của Tiền Bạc	34
(Lu-ca 16)	
4. Những Vấn Đề Quan Trọng	48
(Lu-ca 17)	
5. Mỗi Hạng Người Một Bài Học	61
(Lu-ca 18)	
6. Đến Giê-ru-sa-lem !	74
(Lu-ca 19)	
7. Những Vấn Đề Và Câu Giải đáp	88
(Lu-ca 20)	
8. Câu Hỏi Về Tương Lai	101
(Lu-ca 21)	
9. Trên Phòng Cao	113
(Lu-ca 22:1-38)	
10. Vào Đêm Người Ta Bắt Chúa	126
(Lu-ca 22:39-71)	
11. Chúa Bị Kết Án	139
(Lu-ca 23)	
12. Con Người đã Chiến Thắng !	153
(Lu-ca 24)	

DÀN BÀI PHÚC ÂM LU-CA

Chủ đề: Những Hành Trình Của Chúa Cứu Thế
Như Là Con Người

Câu căn bản : *Lu-ca* 19:10

- I. HÀNH TRÌNH TỪ TRỜI XUỐNG ĐẤT-
1:5-4:13**
 1. Báo Tin Chúa Giáng Sinh, 1:5-56
 2. Những Trẻ Thơ Được Sinh Ra, 1:57-2:20
 3. Thời Thơ Ấu Và Niên Thiếu, 2:21-52
 4. Chịu Báp-têm Và Cám Dỗ, 3:1-4:13

- II. HÀNH TRÌNH KHẮP XỨ GA-LI-LÊ-
4:14-9:17**

- III. HÀNH TRÌNH ĐẾN GIÊ-RU-SA-LEM-
9:18-19:27**

- IV. CHỨC VỤ TẠI GIÊ-RU-SA-LEM-
19:28-24:53**

Con Người Đến Dùng Bữa

Lu-ca 14

Tiếp đãi khách trong ngày Sa-bát là một phần quan trọng trong đời sống người Do Thái, nên không có gì lạ khi Chúa Giê-xu được mời đến nhà dùng bữa sau buổi thờ phượng hàng tuần tại nhà hội. Đôi khi chủ nhà mời Ngài rất thực lòng vì muốn học thêm về lẽ thật của Đức Chúa Trời. Nhưng cũng có lúc Chúa được mời dùng bữa chỉ vì kẻ thù muốn dò xét Ngài và tìm cơ để chỉ trích hoặc kết tội Ngài. Đây là trường hợp được mô tả trong chương 14 khi một người lãnh đạo dòng Pha-ri-si mời Chúa dùng bữa.

Chúa Giê-xu hiểu rõ mọi suy nghĩ trong lòng người ta (*Giăng 2:24-25*) nên Ngài chẳng phớt mình cho họ. Thay vì chủ nhà hoặc khách xét đoán Chúa, chính Ngài đã xét đoán họ lúc họ chẳng ngờ. Ở phương diện này Ngài là “người đáng sợ” đối với những ai dùng bữa với Ngài hoặc đồng hành với Ngài! Qua *Lu-ca 14:1-35*, bạn sẽ thấy Chúa đối phó với năm hạng người khác nhau và bày tỏ những điều giá đối trong tư tưởng và nếp sống của họ.

1. Người Pha-ri-si: Lòng Mộ Đạo Giả Dối

Lu-ca 14: 1-6

¹ Một ngày Sa-bát, Đức Chúa Jê-sus vào nhà một người kẻ cả dòng Pha-ri-si để dùng bữa, những người ở đó dòm hành Ngài. ² Số là có một người mắc bệnh thùy thũng ở trước mặt Ngài. ³ Đức Chúa Jê-sus cất tiếng hỏi thầy dạy luật và người Pha-ri-si rằng: Trong ngày Sa-bát, có nên chữa bệnh hay không? ⁴ Họ đều làm thinh. Ngài bèn đem người bệnh chữa lành, rồi cho về. ⁵ Đoạn, Ngài phán cùng họ rằng: Nào có ai trong các người, đương ngày Sa-bát, nếu có con trai hay là bò mình té xuống giếng mà không kéo liền lên sao? ⁶ Họ không đối đáp gì về điều đó được.

Lời lên án gay gắt của Chúa Giê-xu đối với người Pha-ri-si và các thầy thông giáo thay vì khiến họ ăn năn (Lu-ca 11:39-52) lại làm khơi dậy lòng căm thù trong lòng họ, vì thế họ tìm phương nghịch Ngài. Người Pha-ri-si đã mời Chúa dùng bữa, cũng mời một người bị bệnh thùy thũng. Đây là một căn bệnh rất đau đớn, vì thận gan và tim đều suy thoái, các mô bị trữ nước. Người Pha-ri-si này thật nhẫn tâm khi dùng người bệnh này như một “công cụ” để thực hiện mục đích xấu xa của họ. Nếu không yêu Chúa, chúng ta sẽ khó lòng yêu thương người lân cận. Thái độ vô tâm của họ trước người bệnh tệ hại gấp bội lần so với thái độ bất chấp luật pháp của Chúa trong ngày Sa-bát.

Nếu người bệnh này không được sử dụng như một cái bẫy để bắt bẻ Chúa Giê-xu, hẳn người Pha-ri-si đã không mời anh ta dự một bữa ăn quan trọng như vậy. Họ biết rằng Chúa không thể nhìn thấy một con người đau khổ vì bệnh hoạn đã lâu mà không giúp gì cho người ấy. Nếu không quan tâm đến người bệnh, Ngài là người không có lòng thương xót. Nhưng nếu chữa bệnh cho anh ta, dĩ nhiên Ngài sẽ bị xem là người phạm luật Sa-bát và họ sẽ tố cáo Ngài. Họ đặt người bệnh ngồi ngay trước mặt Chúa cốt để Ngài có thể nhìn thấy anh ta, rồi chờ “cái bẫy” sập xuống.

Hãy nhớ rằng Chúa Giê-xu đã “vi phạm” những truyền thống ngày Sa-bát ít nhất là bảy trường hợp khác nhau. Trong

ngày Sa-bát, Ngài đã đuổi quỷ (4:31-37), chữa người đau rét (4:38-39), cho phép môn đệ bứt bông lúa (c.1-5), chữa lành người bại (*Giăng* 5:1-9), chữa lành người teo tay (*Lu-ca* 6:6-10), chữa người đàn bà đau bại và mắc quỷ ám (13:10-17), chữa người mù từ lúc mới sinh (*Giăng* 9:1-41). Chúng ta không hiểu vì sao kẻ thù của Chúa nghĩ rằng cần có thêm một chứng cứ nữa để buộc tội Ngài là điều cần thiết, nhưng chúng ta đều biết rằng mọi mưu kế của họ đã đem lại kết quả ngược với sự mong đợi.

Khi Chúa hỏi niềm tin của họ về ngày Sa-bát, Ngài đã dùng chính vũ khí họ định dùng cho Ngài để tấn công họ. Trước tiên, họ không thể chữa lành cho ai vào bất cứ ngày nào, và mọi người biết như vậy. Hơn thế, nếu người Pha-ri-si cho rằng không được chữa bệnh cho bất cứ ai trong ngày Sa-bát, thì họ là những kẻ tàn nhẫn dưới mắt dân chúng. Nếu cho phép chữa bệnh, họ sẽ bị những người cùng hội xem là kẻ phạm luật pháp. Chính họ đang ở thế “tiến thoái lưỡng nan” chứ không phải Chúa Giê-xu. Họ cần một lối thoát. Hơn một lần họ từng làm như vậy, nên né tránh vấn đề bằng cách nín lặng.

Chúa chữa lành người bệnh và cho anh ta đi, vì biết rằng nhà của người Pha-ri-si không phải là nơi an toàn nhất cho anh ta. Thay vì cung cấp chứng cứ nghịch lại *Chúa Giê-xu*, người được chữa lành đã trở thành bằng chứng chống lại *người Pha-ri-si*, vì anh ta là “sự biểu lộ tuyệt hảo” về quyền năng chữa bệnh của Chúa Giê-xu.

Chúa biết rất rõ những con người thuộc nhóm luật pháp này nên không để cho họ thoát. Ngài biết rằng trong ngày Sa-bát họ sẽ cứu súc vật khi chúng gặp nguy hiểm. Vậy tại sao Ngài lại không được phép cứu một con người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời. Dường như họ cho rằng súc vật quan trọng hơn con người! (Tiếc thay, hôm nay cũng có một số người yêu súc vật nuôi trong nhà nhiều hơn cả người thân trong gia đình, người lân cận và một thế giới hư mất).

8 / Lu-ca

Chúa Giê-xu đã phơi bày lòng mộ đạo giả dối của những người Pha-ri-si và thầy thông giáo - Họ tuyên bố bảo vệ luật pháp Đức Chúa Trời, nhưng thực ra họ đang chối bỏ Đức Chúa Trời bằng thái độ ngược đãi con người và tố cáo Đấng Cứu Thế. Có một sự khác nhau rõ rệt giữa việc bảo vệ lẽ thật của Đức Chúa Trời và duy trì những thông lệ của con người.

2. Khách Mời: Tìm Kiếm Hư Danh

Lu-ca 14: 7-11

⁷ Ngài thấy những kẻ được mời đều lựa chỗ ngồi trên, nên phán cùng họ thí dụ này: ⁸ Khi người ta mời người dự tiệc cưới, chớ ngồi chỗ cao nhất, vì e rằng trong những khách mời có ai tôn trọng hơn người, ⁹ người đứng mời sẽ đến nói cùng người rằng: Hãy nhường chỗ cho người này ngồi, mà người xấu hổ vì phải xuống chỗ chót chạng. ¹⁰ Nhưng khi người được mời, hãy ngồi chỗ chót, người đứng mời sẽ đến nói cùng người rằng: Hỡi bạn, xin ngồi lên cao hơn. Vậy thì điều đó sẽ làm cho người được kính trọng trước mặt những người đồng bàn với mình. ¹¹ Bởi vì ai tự nhắc mình lên, sẽ phải hạ xuống, còn ai tự hạ mình xuống, sẽ được nhắc lên.

Những người có kinh nghiệm về giao tiếp cho biết đa số mọi người đều muốn tỏ ra mình là người quan trọng. Nếu chúng ta hành động theo ý họ, chúng ta sẽ đắc nhân tâm. Mặt khác, nếu chúng ta nói hoặc làm điều gì cho thấy họ không là người quan trọng, chúng ta sẽ thất bại trong giao tiếp. Chúng ta sẽ bị họ giận dữ và thù ghét, vì ai cũng muốn người khác chiều cố và xem mình là kẻ quan trọng.

Thời của Chúa Giê-xu cũng như ngày nay, đã có những dấu hiệu về địa vị khiến con người luôn nâng cao và bảo vệ uy thế mình trong xã hội. Nếu chúng ta được mời đến một nơi sang trọng, được ngồi vào chỗ cao nhất, mọi người sẽ biết rằng chúng ta quan trọng. Điều được nhấn mạnh là danh tiếng chứ không phải là phẩm cách. Đối với nhiều người, ngồi ở những nơi cao còn quan trọng hơn sống một đời sống ý nghĩa!

Trong thời Tân Ước, việc ngồi càng gần chủ tiệc càng chứng tỏ được địa vị cao trọng trong xã hội và càng được sự chú ý

của những người khác. Đương nhiên, khi cửa mở ra, nhiều người đã lao đến ở đầu bàn tiệc vì muốn được làm nhân vật quan trọng.

Thái độ này cho thấy một quan niệm sai lầm về sự thành công. Albert Einstein nói rằng: “Bạn đừng cố gắng trở nên kẻ thành công nhưng hãy cố trở thành người có giá trị”. Trừ một vài trường hợp đặc biệt, người có giá trị cuối cùng cũng sẽ được người khác biết đến và tôn trọng. Sự thành công do tính “tự tôn” chỉ có tính chất tạm thời, bạn có thể bị bẽ bàng khi người ta “hạ bạn xuống” (*Châm Ngôn 25:6,7*).

Khi Chúa Giê-xu khuyên khách mời ngồi nơi thấp nhất, Ngài không muốn dạy họ một “mánh lới” để được người khác cất nhắc. Đức Chúa Trời không thích sự khiêm nhường giả dối qua hành động ngồi ở nơi thấp nhất cũng như sự kiêu ngạo khi ngồi ở nơi cao nhất. Dù dưới hình thức nào, Đức Chúa Trời không bao giờ bị ấn tượng bởi địa vị xã hội hay giáo hội của chúng ta. Ngài cũng không bị tác động bởi những điều con người nói hoặc nghĩ về chúng ta, vì Ngài hiểu thấu mọi suy nghĩ và động cơ trong lòng người (*I Sa-mu-ên 16:7*). Đức Chúa Trời sẽ hạ kẻ kiêu ngạo và cất nhắc người khiêm nhường (*Gia-cơ 4:6*).

Nhà văn người Anh Francis Bacon ví danh vọng như một dòng sông dễ dàng mang “những thứ nhẹ và xốp” nhưng nhận chìm “những thứ nặng nề và rắn chắc”. Thật thú vị khi xem qua những tự điển bách khoa cũ và thấy rằng có nhiều “danh nhân” nay đã trở thành “những con người bị quên lãng”.

Sự khiêm nhường là ơn phước quan trọng trong đời sống Cơ Đốc nhân, nhưng đức tính này cũng dễ bay biến. Nếu bạn biết mình có, bạn đã mất nó! Người ta cho rằng sự khiêm nhường không phải là xem nhẹ bản thân, nhưng chỉ đơn giản là không nghĩ gì về bản thân. Chúa Giê-xu là tấm gương tuyệt vời về sự khiêm nhường, vậy chúng ta hãy nài xin Đức Thánh Linh giúp chúng ta có thể bắt chước Chúa Cứu Thế (*Phi-líp 2:1-16*).

10 / Lu-ca

3. Chủ Nhà: Lòng Hiếu Khách Giả Dối

Lu-ca 14: 12-14

¹² Ngài cũng phán với người mời Ngài rằng: Khi người đãi bữa trưa hoặc bữa tối, đừng mời bạn hữu, anh em, bà con và láng giềng giàu, e rằng họ cũng mời lại mà trả cho người chẳng. ¹³ Song khi người đãi tiệc, hãy mời những kẻ nghèo khổ, tàn tật, què, đui, ¹⁴ thì người sẽ được phước, vì họ không có thể trả lại cho người; đến kỳ kẻ công bình sống lại, người sẽ được trả.

Chúa Giê-xu biết rằng người chủ nhà này mời khách với hai lý do: Vì họ đã mời anh ta những bữa tiệc trước nên nay phải mời họ để trả nợ, hoặc mời họ trước để mong họ sẽ mời lại anh ta những kỳ lễ sau. Thái độ tiếp đãi đó không phải là một sự bày tỏ lòng yêu thương, nhân từ nhưng là biểu hiện của sự kiêu ngạo và ích kỷ. Anh ta chỉ muốn được tiếng tăm.

Chúa Giê-xu không cấm chúng ta tiếp đãi gia đình và bạn hữu, nhưng Ngài khuyên chúng ta không nên chỉ tiếp đãi gia đình cùng bạn hữu thường xuyên mà thôi. Mỗi liên hệ đó sẽ nhanh chóng trở thành sự tâng bốc lẫn nhau, mỗi người đều cố vượt hơn kẻ khác và không ai dám phá lệ. Thật đáng buồn khi có nhiều người trong Hội Thánh sống theo cách này.

Động cơ tiếp đãi của chúng ta phải xuất phát từ tinh thần tôn vinh Đức Chúa Trời chứ không phải sự tán dương của con người. Đó là phần thưởng đời đời trên trời chứ không phải sự công nhận tạm thời của con người nơi thế gian. Một người bạn của tôi là mục sư, thường nhắc nhở tôi bằng câu nói thật hữu lý: “Anh không thể nhận phần thưởng hai lần!” (xem *Ma-thi-ơ* 6:1-18). Vào kỳ phán xét cuối cùng, nhiều người được xem là “đầu” dưới mắt con người hôm nay sẽ trở nên “rốt” dưới mắt Đức Chúa Trời, và nhiều người là “rốt” dưới mắt con người sẽ trở nên “đầu” dưới mắt Chúa (*Lu-ca* 13:30).

Trong thời đại của Chúa Giê-xu, việc mời người nghèo khổ và tàn tật dự tiệc bị coi như là điều không “hợp lẽ” (phụ nữ cũng không được mời thời bấy giờ!). Nhưng Chúa Giê-xu khuyên chúng ta ghi những người nghèo khổ và tàn tật vào đầu danh sách khách mời vì họ không có khả năng trả lại

chúng ta. Nếu chúng ta làm việc ấy với tấm lòng nhân ái Đức Chúa Trời sẽ “thưởng công” cho chúng ta dù phần thưởng ấy không phải là động cơ để bày tỏ sự rộng rãi. Khi tiếp đãi, phục vụ kẻ khác bằng tấm lòng quảng đại, chúng ta thật đã “chứa của cải ở trên trời” (*Ma-thi-ơ* 6:20) và trở nên “giàu có nơi Đức Chúa Trời” (*Lu-ca* 12:21).

Thế gian hôm nay đầy dẫy sự bon chen, khiến con cái Đức Chúa Trời dễ dàng có xu hướng quan tâm đến vấn đề “lời lỗ, được mất” hơn là nghĩ đến sự hy sinh và tinh thần phục vụ. “Tôi sẽ được chi? Có thể đã trở thành câu hỏi quan trọng nhất của đời người” (*Ma-thi-ơ* 19:27). Chúng ta hãy có thái độ quên mình như Chúa Giê-xu và chia xẻ điều mình có với kẻ khác.

4. Người Do Thái: Sự An Toàn Giả Dối

Lu-ca 14: 15-24

¹⁵ Một người đồng tiệc nghe lời đó, thì thưa Ngài rằng: Phước cho kẻ sẽ được ăn bánh trong nước Đức Chúa Trời! ¹⁶ Nhưng Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Có người kia dọn tiệc lớn, mời nhiều người ăn. ¹⁷ Khi đến giờ ăn, sai đầy tớ mình đi nói với những kẻ được mời rằng: Hãy đến, mọi sự đã sẵn rồi. ¹⁸ Song họ đồng tình xin kiếu hết. Người thứ nhất nói rằng: Tôi có mua một đám ruộng, cần phải đi coi; xin cho tôi kiếu. ¹⁹ Kẻ khác rằng: Tôi có mua năm cặp bò, phải đi xem thử; xin cho tôi kiếu. ²⁰ Kẻ khác nữa rằng: Tôi mới cưới vợ, vậy tôi đi không được. ²¹ Đầy tớ trở về, trình việc đó cho chủ mình. Chủ bèn nổi giận, biểu đầy tớ rằng: Hãy đi mau ra ngoài chợ, và các đường phố, đem những kẻ nghèo khó, tàn tật, đui, què vào đây. ²² Sau lại đầy tớ trình rằng: Thưa chủ, điều chủ dạy, đã làm rồi, mà hãy còn thừa chỗ. ²³ Chủ nhà lại biểu rằng: Hãy ra ngoài đường và dọc hàng rào, gặp ai thì ép mời vào, cho được đầy nhà ta. ²⁴ Vì, ta nói cùng các người, trong những kẻ đã mời trước, không có ai được nếm bữa tiệc của ta đâu.

Khi Chúa Giê-xu đề cập đến “sự sống lại của người công chính”, một vị khách hăm hở nói: “Phước cho kẻ sẽ được ăn bánh trong Nước Đức Chúa Trời”. Dân Do Thái ví Nước Đức Chúa Trời trong tương lai như một yến tiệc lớn có sự tham dự của những vị khách danh dự như Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp và những tiên tri (*Lu-ca* 13:28; xem *Ê-sai* 25:6). Vị khách này tin rằng một ngày nào đó ông ta sẽ được dự yến tiệc ở Nước

12 / Lu-ca

Trời cùng với các vị khách danh dự đó! Để đáp lời ông, Chúa Giê-xu kể một câu chuyện cho thấy hậu quả bi thảm do sự tin tưởng sai lầm.

Vào thời của Chúa Giê-xu, khi bạn mời khách đến dùng bữa, bạn cho họ biết ngày mời nhưng giờ thì không chính xác. Chủ nhà phải biết bao nhiêu khách sẽ đến để có thể làm thịt đủ số súc vật chuẩn bị cho bữa ăn được chu đáo. Ngay trước bữa ăn, chủ nhà sai đầy tớ đến từng khách mời để cho họ biết bữa ăn đã sẵn sàng và họ phải đến dự (xem Ê-xơ-tê 5:8; 6:14). Nói cách khác, *trong câu chuyện của Chúa Giê-xu, mọi vị khách đều đồng ý sẽ đến dự tiệc*. Chủ nhà chờ đợi họ đến. Nhưng thay vì hăm hở đến dự tiệc, tất cả các khách mời đã làm mất mặt chủ nhà khi chối từ dự tiệc và viện những lý do chẳng chính đáng để bào chữa cho sự thay đổi của mình.

Người khách thứ nhất xin kiếu vì phải “đi coi” một đám ruộng đã mua. Ở phương Đông, việc mua bán bất động sản là tiến trình phức tạp và lâu dài, hẳn người này đã có nhiều cơ hội để xem đất anh ta muốn mua. Những ai mua đất mà chưa từng xem qua trước thật là điều lạ! Đa số các bữa tiệc đều tổ chức vào chiều tối, vậy mà người khách này cũng muốn sử dụng thời gian còn lại ít ỏi trong ngày để xem đất vội vàng như vậy!

Người khách thứ hai cũng bận việc mua bán, anh ta làm ra vẻ vội vàng vì phải mua mười con bò. Tương tự như vậy, có ai mua súc vật với số lượng nhiều như vậy mà không kiểm tra trước? Ngày hôm nay nếu mua một chiếc xe hơi, có ai không “lái thử” trước? Hơn nữa làm sao người này có thể kiểm tra số bò đó khi trời đã tối? Câu nói: “tôi phải đi xem thử” cho thấy anh ta đã đang trên đường đến nông trại khi đầy tớ của chủ tiệc đến mời lần cuối.

Người khách thứ ba thật sự chẳng có lý do nào để xin kiếu. Lễ cưới của người Do Thái đâu phải là điều bất ngờ vì người ta đã chuẩn bị rất chu đáo, vì vậy hẳn người này đã biết trước mình sẽ lấy vợ. Trong trường hợp này, lẽ ra anh ta không nên

nhận lời mời dự tiệc nơi danh dự như vậy. Chỉ có người nam Do Thái mới được mời dự tiệc, nên chủ nhà không muốn người vợ của khách mời đi theo. Người mới lấy vợ không tham gia chiến trận (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 24:15) chứ đâu bị cấm dự tiệc!

Dĩ nhiên đó chỉ là những lời thoái thác mà thôi. Tôi nhớ Billy Sunday định nghĩa rằng: “Lý cơ viện ra là lớp vỏ bao bọc một sự dối trá”. Người chỉ chuyên viện lý do thường là người chẳng làm điều gì tốt đẹp cả. Ba vị khách này thực sự mong sẽ được mời dự tiệc vào dịp khác trong tương lai, *nhưng họ sẽ chẳng bao giờ được mời nữa.*

Vì đã chuẩn bị một bữa ăn thịnh soạn cho nhiều khách mời, chủ nhà không muốn để thức ăn bị bỏ đi một cách lãng phí nên đã sai đầy tớ đi ra mời những người ngoài đường phố vào dự tiệc. Những người được mời ở các đường phố, chợ, dọc hàng rào là hạng người nào? Đó là những kẻ bơ vơ, không nhà, tha phương cầu thực, bị xã hội khinh ghét. Đó là những con người mà *Chúa Giê-xu đã đến để cứu vớt họ* (*Lu-ca* 15:1-2; 19:10). Thậm chí có cả những dân ngoại trong số được mời dự tiệc!

Những con người này chỉ có một lý do để từ chối lời mời ân cần ấy: họ chưa chuẩn bị dự một bữa tiệc linh đình như vậy! Vì thế, đầy tớ phải nài ép họ (xem *II Cô-rinh-tô* 5:20). Họ không có cơ nào để chối từ. Kẻ nghèo khó không thể đủ tiền để mua bò, người mù lòa không thể “đi coi” ruộng; và người nghèo khó, kẻ què đui, thường không được hứa hôn. Họ là những con người đói khát, cô đơn, nay quá hạnh phúc đến nỗi không dám nhận lời dự một bữa tiệc miễn phí!

Chủ nhà không chỉ đem những người khác vào thế chỗ những vị khách được mời, mà *còn đóng cửa lại để những kẻ viện cớ kia không thể đổi ý và đến dự tiệc được* (*Lu-ca* 13:22-30). Chủ nhà thực sự đã nổi giận. Chúng ta ít khi nghĩ đến thái độ giận dữ của Đức Chúa Trời đối với những ai từ chối lời mời ân cần của Ngài, nhưng những lời trong *Ê-sai* 55:6 và *Châm*

14 / Lu-ca

Ngôn 1:24-33 khuyên chúng ta không nên thờ ơ với sự kêu gọi của Ngài.

Câu chuyện này mang một thông điệp đặc biệt đến cho dân Do Thái kiêu ngạo, là những kẻ tin chắc sẽ được “ăn bánh trong Nước Đức Chúa Trời”. Chỉ trong vài năm ngắn ngủi, Phúc Âm của Đức Chúa Trời đã bị các chức sắc tôn giáo chối bỏ. Vì vậy Phúc Âm đã được rao ra cho dân Sa-ma-ri (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 8:1-40) và cho dân ngoại (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 10:1-48; 13:1-52).

Thông điệp trong câu chuyện này cũng dành cho mọi tội nhân hư mất ngày hôm nay. Đức Chúa Trời vẫn đang phán: “Hãy đến, mọi sự đã sẵn rồi!” Bạn chẳng cần phải làm gì nữa để cứu linh hồn mình, vì Chúa Giê-xu đã hoàn tất công tác cứu chuộc khi chết thay bạn trên thập tự giá và sống lại từ cõi chết. Bữa tiệc đã được dọn sẵn, lời mời có tính vô điều kiện, bạn cũng được mời dự tiệc. Hôm nay, con người cũng mắc sai lầm như những người trong câu chuyện này: họ cũng trì hoãn, không đáp ứng ngay lời mời vì *phải lo cho những việc thiết yếu “hạng nhì”*. Dĩ nhiên, không có gì sai trái khi bạn có một mảnh vườn hay đi xem một món hàng sẽ mua, hoặc dành một buổi tối ở cạnh người mình yêu. Tuy nhiên, nếu những điều dường như *tốt đẹp* này ngăn cản bạn đến với những gì *tốt nhất* thì đó là những việc “*không hợp lẽ*”. Những kẻ hay viện cớ thực sự là những người thành công dưới mắt bạn hữu, nhưng chính là kẻ thất bại dưới mắt Chúa Cứu Thế. Đời sống Cơ Đốc nhân là một bữa tiệc, chứ không phải một đám tang và tất cả chúng ta đều được mời đến dự. Là những người tin Chúa, mỗi chúng ta phải loan thông điệp này ra “Hãy đến, mọi sự đã sẵn rồi!”. Đức Chúa Trời muốn thấy nhà Ngài đầy người, vậy mà “*hãy còn thừa chỗ*”. Chúa muốn chúng ta trở về nhà (*Mác* 5:19), đi ra chợ và các đường phố (*Lu-ca* 14:21), ra các đường lớn và dọc hàng rào (14:23) và đi khắp thế gian (*Mác* 16:15) giảng Phúc Âm của Chúa Giê-xu cho mọi người.

Câu chuyện này cũng là một phần trong bài giảng cuối

cùng của ông D. L. Moody ngày 23/11/1899 tại thính phòng Civic ở thành phố Kansas. Ông giảng đề tài “Những Thoái Thác” khi đang bị bệnh. Ông nói với các sinh viên ở Chicago rằng: “Tôi phải dành được những linh hồn ở thành phố Kansas. Đây là lúc tôi muốn đưa nhiều người đến với Chúa Cứu Thế hơn bao giờ hết!”

Tim của Moody đập mạnh, ông phải nghỉ ngơi, nhưng ông vẫn cứ truyền giảng Phúc Âm. Khoảng 50 người đã tiếp nhận Chúa. Hôm sau, Moody trở về nhà và một tháng sau thì qua đời. Đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời, ông vẫn muốn nài ép người khác vào “dự tiệc” của Đức Chúa Trời.

5. Đoàn Dân: Mong Mỗi Sai Lầm

Lu-ca 14: 25-35

²⁵ Có đoàn dân đông cùng đi với Đức Chúa Jêsus; Ngài xây lại cùng họ mà phán rằng: ²⁶ Nếu có ai đến theo ta mà không ghét cha mẹ, vợ con, anh em, chị em mình, và chính sự sống mình nữa, thì không được làm môn đồ ta. ²⁷ Còn ai không vác thập tự giá mình mà theo ta, cũng không được làm môn đồ ta.

²⁸ Vả, trong các người có ai là người muốn xây một cái tháp, mà trước không ngồi tính phí tổn cho biết mình có đủ của đặng làm xong việc cùng chẳng sao?

²⁹ E khi đã xây nền rồi, không làm xong được, thì mọi người thấy liền chê cười,

³⁰ và rằng: Người nầy khởi công xây, mà không thể làm xong được! ³¹ Hay là có vua nào đi đánh trận cùng vua khác, mà trước không ngồi bàn luận xem mình đem đi một muôn lính có thể địch nổi vua kia đem hai muôn cùng chẳng sao?

³² Bằng chẳng nổi, khi vua kia còn ở xa, sai sứ đi xin hòa. ³³ Như vậy, nếu ai trong các người không bỏ mọi sự mình có, thì không được làm môn đồ ta.

³⁴ Muối là giống tốt, nhưng nếu muối mất mặn, thì lấy chi làm cho nó mặn lại được? ³⁵ Không dùng chi được cho ruộng hoặch cho phân; người ta phải bỏ nó ra ngoài. Ai có tai mà nghe, hãy nghe!

Khi Chúa rời khỏi nhà người Pha-ri-si đoàn dân rất đông đi theo Ngài, nhưng Chúa không hề cảm động về sự nhiệt tình của họ. Chúa biết rằng đa số họ không mấy may quan tâm đến những vấn đề thuộc linh. Một số người muốn xem phép lạ, số khác nghe kể về việc Chúa nuôi những người đói khổ, một số ít hy vọng Ngài sẽ lật đổ Rô-ma và lập vương quốc đã hứa ban cho Đa-vít. Họ đều trông đợi những điều không hợp

lẽ.

Chúa hướng về đoàn dân và giảng một bài giảng, cốt để giải tán bớt đám đông. Ngài phán rõ rằng khi đề cập đến việc theo Chúa của cá nhân, Ngài quan tâm đến “*thực chất*” hơn “*số lượng*”. Trong phương diện cứu rỗi linh hồn hư mất, Ngài muốn nhà Ngài có nhiều người (*Lu-ca 14:23*), nhưng về phương diện làm môn đệ, Ngài chỉ muốn những ai sẵn sàng trả giá để theo Ngài.

“Môn đồ” là người theo học, gắn bó với một vị thầy để học nghề hoặc một môn học nào đó. Ngày nay, người học việc cũng học bằng cách nhìn xem và làm theo. Từ “*môn đệ*” thường dùng cho những người theo Chúa Giê-xu và được nhắc đến 264 lần trong các sách Phúc Âm và sách Công vụ.

Chúa Giê-xu dường như muốn phân biệt rõ giữa sự cứu rỗi và địa vị môn đệ. Sự cứu rỗi dành cho những ai đến với Chúa bởi đức tin, còn địa vị môn đệ dành cho người tin theo và chấp nhận trả giá. Được cứu rỗi nghĩa là đến thập tự giá và tin nhận Chúa Giê-xu, còn làm môn đệ Chúa là mang lấy thập tự giá và theo Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu muốn có nhiều tội nhân được cứu (“cho được đầy nhà ta”), nhưng Ngài khuyên chúng ta không nên xem nhẹ phương diện làm môn đệ Ngài. Qua ba ví dụ Ngài đưa ra, Ngài bày tỏ rằng theo Ngài, phải trả một giá.

Trước tiên, chúng ta phải yêu Chúa trên hết, hơn cả người thân của mình (*Lu-ca 14:26-27*). Từ “*ghét*” ở đây không có nghĩa là một sự đối kháng ra mặt, nhưng đó là “yêu ít hơn” (xem *Sáng Thế Ký 29:30-31; Ma-la-chi 1:2-3; Ma-thi-ơ 10:37*). Tình yêu của chúng ta đối với Chúa Cứu Thế phải mạnh mẽ đến độ nếu đem so sánh với những điều khác dường như chúng ta đã “ghét” người thân vậy! Thật vậy, chúng ta phải tự bỏ mình đi, vác thập tự để theo Chúa.

“Vác thập tự giá” có nghĩa là gì? Đó là hành động giống Chúa mỗi ngày qua sự nhịn nhục, chịu khổ và đầu phục ý muốn Đức Chúa Trời. Đó là sự tình nguyện phục vụ Chúa

theo sự hướng dẫn của Ngài (Giăng 12:23-28). “Thập tự” là điều gì đó đến từ Đức Chúa Trời và chúng ta sẵn sàng chấp nhận nó như ý muốn Ngài dành cho đời sống chúng ta. Tín hữu nào gọi những người lân cận làm phiền mình là “thập tự” mà mình phải mang lấy, chắc chắn người ấy chẳng hiểu gì về ý nghĩa của sự chết đi bản ngã của mình.

Chúa đưa ra ba ví dụ để giải thích lý do Ngài có những đòi hỏi “quá cao” đối với người theo Ngài: một người muốn xây tháp, vị vua đi đánh trận, và muối mất mặn. Theo sự giải nghĩa thông thường những người tin Chúa được tượng trưng bởi người xây tháp và vị vua đi đánh trận, chúng ta phải “tính phí tổn” trước khi khởi sự, kéo chỉ có bắt đầu mà không có kết thúc. Nhưng tôi lại đồng ý với cách giải nghĩa của Campbell Morgan cho rằng: người xây tháp và vị vua đi đánh trận không phải tượng trưng cho những người tin Chúa, nhưng tượng trưng cho Chúa Giê-xu. Ngài là Đấng phải “tính phí tổn” để biết chúng ta có phải là loại “nguyên vật liệu” Ngài có thể sử dụng để thành lập Hội Thánh và đánh bại kẻ thù hay không. Ngài không thể thực hiện công việc với những môn đệ thiếu can đảm không dám trả giá theo Ngài.

Khi viết đến đoạn này, tôi ngược lên và có thể thấy trên kệ sách của mình hàng trăm quyển tài liệu về tiểu sử và lời chứng của các Cơ Đốc nhân, những câu chuyện về người tin kính đã đóng góp nhiều trong sự gây dựng Hội Thánh và đương đầu với khó khăn. Họ sẵn sàng trả giá và được Chúa ban ơn, sử dụng. Họ là những con người có tính chất của “muối”.

Chúa Giê-xu cho môn đệ Ngài biết họ là “muối của đất” (Ma-thi-ơ 5:13). Khi tội nhân tiếp nhận Chúa Giê-xu làm Đấng Cứu Thế, một phép lạ đã xảy ra và “bụi đất” trở nên “muối”. Thời bấy giờ, muối rất quý, một phần lương của quân nhân được trả bằng muối! (Từ “muối” (salt) và “tiền công” (salary) có liên quan nhau nên có câu nói: “Anh ta không đáng nhận muối”).

Muối là chất gìn giữ thức ăn cho khỏi ươn thối, con cái Đức

Chúa Trời ở thế gian là những con người làm chậm sự phát triển của điều ác và sự xấu xa. Muối cũng là chất tẩy rửa, khử trùng, làm cho mọi thứ sạch hơn. Muối có thể làm đau rất vết thương nhưng giúp vết thương khỏi bị nhiễm trùng. Muối thêm hương vị cho thức ăn và rất cần cho con người. Với hạnh kiểm và tư cách của mình, chúng ta làm người khác khao khát Chúa Giê-xu và sự cứu rỗi mà chỉ có Ngài mới có thể ban cho.

Ngày nay, muối được tinh lọc và không bị mất vị mặn. Nhìn vào thời Chúa Giê-xu, muối chưa được tinh lọc và có thể bị mất vị mặn đặc biệt là nếu bị dính. Một khi vị mặn mất đi, không có cách nào làm cho mặn lại, muối ấy phải bị vứt ra đường và bị người ta chà đạp. Khi một môn đệ Chúa đánh mất phẩm chất của Cơ Đốc nhân người ấy sẽ trở nên “vô dụng,” sẽ bị người ta “chà đạp” và làm danh Chúa bị sỉ nhục.

Làm môn đệ Chúa là việc rất quan trọng. Nếu chúng ta không phải là những môn đệ thật, Chúa không thể xây lên “cái tháp” và “đánh trận” được. Oswald Chambers cho rằng: “Luôn luôn có chữ “nếu” trong việc làm môn đệ Chúa”. Nếu thấy không thích thì đừng bao giờ làm môn đệ của Chúa. Không có sự ép buộc bao giờ, Chúa Giê-xu không ép buộc chúng ta. Chỉ có một cách để làm môn đệ Chúa, đó là “tự bỏ mình mà theo Ngài”.

Nếu chúng ta nói với Chúa rằng chúng ta muốn vác thập tự theo Ngài như các môn đệ khi xưa, hẳn Ngài cũng muốn chúng ta biết rõ chúng ta sẽ được gì. Chúa Giê-xu không muốn ta có những mơ ước sai lầm, những ảo tưởng hoặc kỳ kèo mặc cả. Ngài muốn dùng chúng ta như những viên đá để gây dựng Hội Thánh của Ngài, như những chiến sĩ để đánh bại kẻ thù Ngài và như muối để làm cho thế giới tốt đẹp hơn, Ngài chỉ muốn tìm kiếm phẩm chất nơi chúng ta.

Tóm lại, Ngài đã phán những lời này trên đường đến Giê-ru-sa-lem. Chúa không bảo chúng ta làm gì cho Ngài mà Ngài lại chưa làm gì cho chúng ta. Chúa phán với một số người: “Các ngươi không thể làm môn đệ ta được”. Vì sao? Bởi họ

Con Người Đến Dùng Bữa / 19

không thể từ bỏ mọi điều vì Ngài, không thể chịu sỉ nhục, chỉ trích vì Ngài và không lấy tình yêu Chúa để chế ngự các yếu đuối của mình. Họ không thể vượt qua được những trở ngại đó. Bạn sẽ làm môn đệ Ngài?

Niềm Vui Cứu Rỗi

Lu-ca 15

Khi ông D. L. Moody hướng dẫn Trường Chúa Nhật ở Chicago, có một cậu bé từ xa đến dự. Có người hỏi cậu: “Sao cháu không đi Trường Chúa Nhật nào gần nhà hơn?” Câu trả lời của cậu bé đáng lẽ ra là cách trả lời của những người thiếu thốn và tội nhân trong thời Chúa Giê-xu: “Tại vì cháu mến người bạn kia kia!”

Thật ý nghĩa khi Chúa Giê-xu *thu hút* tội nhân trong khi người Pha-ri-si lại *khước từ* họ (còn Hội Thánh của chúng ta ngày nay thì sao?). Các tội nhân đến với Chúa không phải vì Ngài cho họ ăn hay thỏa hiệp với họ, nhưng vì Ngài đã chăm sóc, quan tâm đến họ. Ngài hiểu điều họ cần và giúp đỡ họ, trong khi người Pha-ri-si chỉ trích và xa lánh họ (*Lu-ca 18:9-14*). Người Pha-ri-si hiểu biết về luật pháp Cựu Ước và muốn bản thân được thánh khiết, nhưng chẳng yêu thương gì những linh hồn hư mất.

Ba từ tóm tắt thông điệp của đoạn Kinh Thánh này là: “*mất*”, “*tìm được*” và “*vui mừng*”. Chúa dùng ba ví dụ này để đáp lại lời tố cáo, gièm pha của người Pha-ri-si và các thầy thông giáo đối với hành vi của Ngài. Đối với họ việc Chúa Giê-xu *tiếp đón* những kẻ bị ruồng bỏ đã là điều không hay rồi, nhưng thêm vào đó Ngài lại *ăn chung với họ*. Các chức sắc tôn giáo Do Thái chưa hiểu rằng Con Người đã đến để “*tìm và cứu*”

bị mất” (*Lu-ca* 19:10). Hơn thế, họ vẫn mù lòa và không biết *mình cũng là tội nhân hư mất*.

Đoạn này cho thấy chỉ có một thông điệp cứu rỗi: Đức Chúa Trời tiếp đón và tha thứ tội nhân biết ăn năn. Các ví dụ này cũng cho thấy có *hai phương diện về sự cứu rỗi*. Về *phần Đức Chúa Trời*: Ngài tựa như người chăn chiên tìm kiếm chiên lạc mất, người đàn bà kiếm đồng bạc bị mất. *Con người cũng dự phần* trong sự cứu rỗi như đứa con hoang đàng quyết định ăn năn và trở về nhà Cha. Chỉ nhấn mạnh trên một phương diện là đã đưa ra một quan điểm sai về sự cứu chuộc, vì cả quyền tể trị của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của con người cần phải được đề cập đến (*Giăng* 6:37; *II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:13, 14).

Một trong những chủ đề của chương này là sự vui mừng, nên chúng ta hãy cùng suy gẫm ba niềm vui khác nhau trong sự cứu rỗi. C. S. Lewis nói rằng: “Niềm vui là việc rất quan trọng ở trên thiên đàng” và đó là sự vui mừng mà bạn và tôi có thể dự phần.

1. Vui Trong Khi Tìm Kiếm

Lu-ca 15: 1-10

¹ Hết thấy các người thu thuế và người có tội đến gần Đức Chúa Jêsus đặng nghe Ngài giảng. ² Các người Pha-ri-si và các thầy thông giáo làm bầm mà nói rằng: Người này tiếp những kẻ tội lỗi, và cùng ăn với họ!

³ Ngài bèn phán cho họ lời thí dụ nầy: ⁴ Trong các người ai là người có một trăm con chiên, nếu mất một con, mà không để chín mươi chín con nơi đồng vắng, đặng đi tìm con đã mất cho kỳ được sao? ⁵ Khi đã kiếm được, thì vui mừng vác nó lên vai; ⁶ đoạn, về đến nhà, kêu bạn hữu và kẻ lân cận, mà rằng: Hãy chung vui với ta, vì ta đã tìm được con chiên bị mất. ⁷ Ta nói cùng các người, trên trời cũng như vậy, sẽ vui mừng cho một kẻ có tội ăn năn hơn là chín mươi chín kẻ công bình không cần phải ăn năn.

⁸ Hay là, có người đàn bà nào có mười đồng bạc, mất một đồng, mà không thắp đèn, quét nhà, kiếm kỹ càng cho kỳ được sao? ⁹ Khi tìm được rồi, gọi bầu bạn và người lân cận mình, mà rằng: Hãy chung vui với ta, vì ta đã tìm được đồng bạc bị mất. ¹⁰ Ta nói cùng các người, trước mặt thiên sứ của Đức Chúa Trời cũng như vậy, sẽ mừng rỡ cho một kẻ có tội ăn năn.

22 / Lu-ca

Câu chuyện về con chiên lạc mất cũng như đồng bạc bị mất hẳn đã làm xúc động mọi lớp người trong dân chúng. Chúa Giê-xu muốn tìm cách đến với từng tấm lòng.

Con chiên lạc mất (Lu-ca 15:3-7). Con chiên này bị lạc vì thiếu khôn ngoan. Chiên có xu hướng đi lạc, vậy nên phải có người chăn (Ê-sai 53:6; I Phi-e-rơ 2:24). Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si dễ dàng có thể xem đoàn dân và tội nhân như những “con chiên lạc mất”, nhưng không hề nghĩ đó cũng là hình ảnh của chính mình! Tiên tri Ê-sai nói rõ rằng chúng ta đều như chiên đi lạc và đã phạm tội, dĩ nhiên trong số đó có cả những người khoác áo tôn giáo này.

Người chăn có trách nhiệm đối với từng con chiên. Nếu một con bị lạc mất, người chăn phải đền tiền trừ khi có thể chứng minh được con chiên đó bị thú dữ giết (xem *Sáng Thế Ký* 31:38-39; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 22:10-13; *A-mốt* 3:12). Điều này giải thích lý do người chăn phải để bầy chiên nơi đồng vắng mà đi tìm con chiên lạc mất và vui mừng khi tìm thấy nó. Không tìm được con chiên bị mất có nghĩa là phải “đốc” tiền túi ra để đền mà còn xấu hổ vì mang tiếng là người chăn tặc trách.

Khi để chín mươi chín con chiên lại nơi đồng vắng, người chăn không có ý nghĩ rằng chúng không quan trọng đối với anh ta. Chúng được bình an trong khi con chiên lạc gặp nguy hiểm. Hành động tìm kiếm *một* con chiên chứng tỏ từng con rất quý giá đối với người chăn. Chúa Giê-xu không cho rằng các thầy thông giáo và người Pha-ri-si không cần sự cứu rỗi, vì họ thực sự cần được cứu. Chúng ta đừng gán cho từng chi tiết của câu chuyện mang một ý nghĩa nào đó, nếu không nó sẽ bị biến thành một ngụ ngôn và thông điệp của Chúa bị bóp méo.

Có bốn niềm vui mừng được thể hiện khi một tội nhân đến với Chúa Cứu Thế. Mặc dù câu chuyện không nói gì về cảm xúc của con chiên nhưng chắc chắn *người được cứu* rất vui mừng. Niềm vui ấy được kiểm chứng qua Lời Kinh Thánh

(*Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:8; 8:39) và qua kinh nghiệm cá nhân của mỗi chúng ta.

Tuy nhiên, cũng có sự vui mừng từ phía người tìm kiếm. Mỗi khi chúng ta đưa một tội nhân đến tiếp nhận Chúa Giê-xu, chúng ta kinh nghiệm được một niềm vui kỳ diệu trong lòng. Người khác cùng chia sẻ niềm vui với chúng ta như một tin tốt lành về một “em bé” mới sinh ra trong gia đình Đức Chúa Trời, và cũng có sự vui mừng ở trên trời (*Lu-ca* 15:7,10). Các thiên sứ biết rõ chúng ta được cứu ra sao và chung niềm vui với chúng ta.

Đồng bạc mất (*Lu-ca* 15:8-10). Con chiên bị lạc vì nó vốn ngu dại, nhưng đồng bạc mất là do sự tặc trách của người khác. Đây là tư tưởng nghiêm túc cho thấy sự tặc trách của chúng ta có thể đưa đến hậu quả một linh hồn bị hư mất.

Khi một thiếu nữ Do Thái lập gia đình, nàng bắt đầu quần quanh đầu một dải vải có gắn mười đồng bạc nói lên ý nghĩa rằng giờ đây nàng đã có chồng. Đó là tập tục của người Do Thái giống như chúng ta đeo nhẫn cưới ngày nay. Thật là một tai họa nếu bà này đánh mất một đồng trong số đó. Nhà của người Palestine rất tối tăm, nên người đàn bà phải thắp đèn tìm kiếm cho đến khi tìm thấy đồng bạc. Hẳn chúng ta có thể hình dung niềm vui “tìm thấy” của người đàn bà ấy.

Chúng ta đừng “đẩy” những hình ảnh trong câu chuyện đi quá xa, nhưng điều đáng chú ý là đồng bạc mang hình ảnh của người chủ nó trên đó (*Lu-ca* 20:19-25). Tội nhân hư mất cũng mang hình ảnh của Đức Chúa Trời, mặc dù hình ảnh ấy đã bị tội lỗi làm biến dạng. Khi tội nhân được “tìm thấy”, Đức Chúa Trời bắt đầu sửa lại hình ảnh thiêng thượng qua quyền năng Đức Thánh Linh và trong tương lai người tin Chúa sẽ trở nên giống Chúa Giê-xu (*Rô-ma* 8:29; *II Cô-rinh-tô* 3:18; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:10; *I Giăng* 3:1, 2).

Hai ví dụ này giúp chúng ta hiểu được “mất” có nghĩa là gì. Trước hết, mất có nghĩa là *ra khỏi vị trí*. Con chiên lạc ra khỏi bầy, đồng bạc mất rớt ra khỏi dải vải, tội nhân hư mất đi ra

24 / Lu-ca

khỏi mối tương giao với Đức Chúa Trời. Mất cũng có nghĩa là *không còn hữu dụng*. Chiên đi lạc không còn hữu dụng đối với người chăn, đồng bạc mất không còn hữu dụng đối với chủ, tội nhân hư mất không thể kinh nghiệm được phước hạnh của sự phục vụ mà Đức Chúa Trời ban cho trong Chúa Cứu Thế Giê-xu.

“Tìm thấy” (được cứu) có nghĩa là bạn trở lại đúng chỗ của mình (phục hòa với Đức Chúa Trời); đúng công việc mình (sống có mục đích) và thoát khỏi mối nguy hiểm. Chắc chắn người chăn chiên và người đàn bà đều vui mừng nên mời bạn hữu đến chung vui với mình!

Ngày nay chúng ta dễ dàng đọc hai mẩu chuyện này và xem đó như điều dĩ nhiên, nhưng sẽ gây sửng sốt cho những ai nghe đầu tiên. Chúa Giê-xu muốn nói rằng *Đức Chúa Trời thật đang tìm kiếm những tội nhân hư mất!* Hẳn các thầy thông giáo và người Pha-ri-si cảm thấy khó chịu vì trong thuyết thần học nghiêm nhặt của họ, không có chỗ nào đề cập đến một Đức Chúa Trời như vậy! Họ quên rằng chính Đức Chúa Trời đã tìm kiếm A-đam và Ê-va khi họ phạm tội và tránh mặt Ngài (*Sáng Thế Ký 3:8-9*). Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si dù tưởng mình hiểu biết Kinh Thánh, nhưng quên rằng Đức Chúa Trời như một người cha thương xót những đứa con hư hỏng (*Thi Thiên 103:8-14*).

Có những niềm vui giống như niềm vui tìm thấy những người hư mất và đem họ đến với Chúa Cứu Thế. John Wesley, người sáng lập Hội Giám Lý nói rằng: “Hội Thánh chỉ có một nhiệm vụ là cứu những linh hồn hư mất. Vì vậy, hãy đặt ưu tiên cho công tác này”.

2. Niềm Vui Khi Trở Về

Lu-ca 15: 11-24

¹¹ Ngài lại phán rằng: Một người kia có hai con trai. ¹² Người em nói với cha rằng: Thưa cha, xin chia cho tôi phần của mà tôi sẽ được. Người cha liền chia của mình cho hai con. ¹³ Cách ít ngày, người em tóm trâu hết, đi phương xa, ở

đó, ăn chơi hoang đàng, tiêu sạch gia tài mình. ¹⁴ Khi đã xài hết của rồi, trong xứ xảy có cơn đói lớn; nó mới bị nghèo thiếu, ¹⁵ bèn đi làm mướn cho một người bốn xứ, thì họ sai ra đồng chăn heo. ¹⁶ Nó muốn lấy vỏ đậu của heo ăn mà ăn cho no, nhưng chẳng ai cho.

¹⁷ Vậy nó mới tỉnh ngộ, mà rằng: Tại nhà cha ta, biết bao người làm mướn được bánh ăn dư dật, mà ta đây phải chết đói! ¹⁸ Ta sẽ đứng dậy trở về cùng cha, mà rằng: Thưa cha, tôi đã phạm tội với trời và với cha, ¹⁹ không đáng gọi là con của cha nữa; xin cha đãi tôi như đứa làm mướn của cha vậy.

²⁰ Nó bèn đứng dậy mà về cùng cha mình. Khi còn ở đàng xa, cha nó thấy thì động lòng thương xót, chạy ra ôm lấy cổ mà hôn. ²¹ Con thưa cùng cha rằng: Cha ơi, tôi đã phạm tội với trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con của cha nữa. ²² Nhưng người cha bảo đầy tớ rằng: Hãy mau mau lấy áo tốt nhất mặc cho nó; đeo nhẫn vào ngón tay, mang giày vào chân. ²³ Hãy bắt bò con mập làm thịt đi. Chúng ta hãy ăn mừng, ²⁴ vì con ta đây đã chết mà bây giờ lại sống, đã mất mà bây giờ lại thấy được. Đoạn, họ khởi sự vui mừng.

Chúng ta gọi câu chuyện này là “Câu chuyện người con trai hoang đàng” (“hoang đàng” có nghĩa “tiêu xài phung phí”), cũng có thể gọi là “Câu chuyện về người cha nhân từ”, vì nó nhấn mạnh về lòng nhân từ của người cha hơn là tội lỗi của đứa con. Không giống như người chăn chiên và người đàn bà trong hai câu chuyện trước, người cha này không ra đi tìm con, nhưng chính ký ức về lòng nhân từ của người cha đã đưa đứa con đến chỗ ăn năn và được tha thứ (xem *Rô-ma* 2:4). Hãy chú ý đến ba kinh nghiệm của người con hoang đàng này.

Chống nghịch - đi phương xa (Lu-ca 15:11-16). Theo luật Do Thái, con trưởng nam được nhận của cải gấp đôi phần các con trai khác (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 21:17), và người cha có thể chia tài sản trong lúc còn sống nếu ông muốn. Nếu người con thứ xin chia phần của cải và bán đi, điều đó hoàn toàn hợp lệ. Tuy nhiên, đó không phải là điều tốt đẹp về phía anh ta, vì như thế anh ta dường như muốn nói với cha rằng: “Phải chi cha chết sớm!” Thomas Huxley nói: “Những nan đề tệ hại nhất của con người khởi đầu khi người ấy có thể làm theo điều mình thích”. Quả thật như thế!

Chúng ta luôn gây ra rắc rối khi đánh giá vật chất cao hơn con người, của cải hơn bốn phận, ảo ảnh hơn những phước

hạnh đang hưởng trong gia đình. Chúa có lần đã phán dạy hai anh em tranh giành của cải rằng: “Hãy giữ cẩn thận chớ tham lam chi hết” (Lu-ca 12:15). Vì sao Ngài dạy như vậy? Vì người tham lam chẳng bao giờ thoả lòng, dù có thù góp bao nhiêu. Sự không thoả lòng đó sẽ dẫn đến một đời sống tuyệt vọng. Đứa con hoang đàng này phải chịu nhiều khổ đau để học được rằng nếu bỏ qua những giá trị không thể mua bằng tiền thì khó mà hưởng thụ những thứ do đồng tiền đem lại.

“Phương xa” không nhất thiết là một chốn xa xôi mà ở tại lòng ta. Đứa con thứ nuôi ước vọng “hưởng” tự do khi bỏ nhà ra đi, thoát khỏi sự ràng buộc của người cha và người anh. Nếu con chiêm bị lạc do khờ dại và đồng bạc mất vì không được giữ gìn, thì đứa con trai này bị hư hỏng bởi ý muốn riêng. Nó muốn hành động theo ý riêng mình, nên đã nghịch cùng người cha và làm đau lòng cha.

Nhưng cuộc sống ở phương xa không như điều đứa con mong đợi. Tiền bạc cạn kiệt, bạn bè xa lánh, đói khát đe dọa, đứa con buộc phải phục dịch cho kẻ ngoại bang những việc nó chẳng từng làm cho cha mình - nó phải lao động! Hình ảnh này được Chúa dùng để cho thấy rõ những điều tội lỗi thực hiện qua đời sống của những ai nghịch với ý muốn Cha trên trời. Tội lỗi hứa hẹn tự do nhưng đem lại kiếp nô lệ (Giăng 8:34), hứa hẹn thành công nhưng đem đến thất bại; hứa hẹn sự sống nhưng “tiền công của tội lỗi là sự chết” (Rô-ma 6:23). Đứa con nghĩ rằng nó có thể “tìm thấy chính mình” nhưng lại chỉ “đánh mất chính mình”! Khi chúng ta bỏ Đức Chúa Trời ra ngoài cuộc sống mình, niềm vui hạnh phúc sẽ biến thành tình trạng nô lệ.

Ăn năn – trở về với chính mình (Lu-ca 15:17-19). “Ăn năn” có nghĩa là “đổi ý” và đó chính là điều chàng trai này làm khi đang chần heo. Đến giờ phút này đứa con trai mới thật sự nhận biết chính mình. Dường như tội lỗi làm cho trí óc rối loạn. Dường như tội lỗi làm cho hình ảnh Đức Chúa Trời bị tê liệt trong chúng ta và “con thú” trong chúng ta được tự do

hoành hành. Những người học về tác phẩm Shakespeare thích đối chiếu hai đoạn thơ dưới đây mô tả mâu thuẫn trong bản chất con người:

“Chàng là một tuyệt tác.

“Đầu óc cao vời, tài năng vô hạn, phong cách thanh cao,
“Có hành vi của một thiên sứ và bản lĩnh của một vị thần”

(*Hamlet*, II, 2)

“Lúc tốt nhất thì gã thua người thường một chút.

“Lúc xấu nhất thì may ra gã hơn loài thú một bậc.” (*The Merchant of Venice*, I, 2)

Chàng thanh niên tỉnh ngộ và biết thực trạng của mình, thừa nhận mình là tội nhân. Cậu biết cha mình là người có lòng rộng rãi, biết rằng làm việc trong gia đình còn hạnh phúc hơn được “tự do” nơi phương xa. Chính bởi sự nhân từ của Đức Chúa Trời, không phải chỉ sự xấu xa của con người đã đem chúng ta đến sự ăn năn (*Rô-ma* 2:4). Nếu người con chỉ nghĩ đến bản thân mình - tức là chỉ nghĩ đến sự đói khát, nhớ nhà, cô đơn có lẽ cậu đã nản lòng. Nhưng hoàn cảnh khổ sở ấy đã giúp cậu hiểu về người cha dưới cái nhìn mới, điều này khiến cậu tràn trề hy vọng. Cha rất tử tế với tôi ở trong nhà, lẽ nào không tha thứ con mình?

Nếu chỉ suy nghĩ như thế, có lẽ cậu thanh niên này chỉ hối tiếc suông (*II Cô-rinh-tô* 7:10). Sự ăn năn thật phải kết hợp ý chí, tư duy và cảm xúc: “Ta sẽ đứng dậy trở về... ta sẽ nói”. Cách giải quyết vấn đề của chúng ta có thể đúng đắn, nhưng nếu không hành động, những dự tính kia sẽ chẳng đem lại điều gì tốt đẹp. Nếu sự ăn năn là do Đức Chúa Trời thôi thúc (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 11:18), thì tội nhân phải vâng lời Đức Chúa Trời và đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:21).

Vui mừng – trở về với cha (*Lu-ca* 15:20-24). Chúa Giê-xu dùng đoạn này để đáp lại sự tố cáo của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si (*Lu-ca* 15:2), vì người cha không chỉ chạy đến mừng con mình mà còn mừng ngày con trở về bằng cách

dọn tiệc lớn và mời xóm giềng đến dự. Người cha chờ con mình ăn năn xưng tội xong, liền tha thứ cho con và ra lệnh đầy tớ chuẩn bị tiệc ăn mừng.

Dĩ nhiên, người cha trong câu chuyện đại diện cho thái độ của Cha trên trời đối với tội nhân nào ăn năn. Ngài giàu lòng thương xót, nhân từ và yêu thương họ (*Ê-phê-sô* 2:1-10). Ngài làm được mọi sự vì Con Ngài đã hy sinh trên thập tự giá. Mặc dù có một số người giảng rằng chúng ta được cứu bởi tình yêu của Đức Chúa Trời. Nhưng không phải thế, chúng ta được cứu do ân sủng, mà *ân sủng là tình yêu có trả giá*. Đức Chúa Trời vẫn yêu cả thế gian đầy chừ, nhưng đâu phải cả thế gian được cứu.

Ở Đông phương, người già chỉ đi khoan thai chứ không chạy, vậy mà người cha này “chạy ra” gặp con. Vì sao? Chắc hẳn là vì ông yêu con mình và khao khát bày tỏ tình yêu. Nhưng còn một điều khác có liên quan đến vấn đề này. Người con hoang đàng đã làm xấu hổ cho gia đình và láng giềng, theo luật chép trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 21:18-21 nó phải bị ném đá chết. *Nếu những người lân cận bắt đầu ném đá người con, có lẽ phải ném trúng người cha vì người cha đang ôm chặt con mình*. Đây thực sự là một bức tranh về những điều Chúa Giê-xu đã làm cho chúng ta trên thập tự giá!

Người con thứ khám phá tại nhà mình có mọi thứ nó hằng ao ước nơi phương xa: quần áo, vàng bạc, bạn hữu, tiệc vui, tình yêu và một tương lai đảm bảo. Điều gì đã thay đổi? Thay vì nói: “Thưa cha, *hãy cho con...*” đứa con muốn nói “Thưa cha, *hãy định đoạt số phận con*”. Đứa con muốn làm một đầy tớ! Dĩ nhiên, người cha không cần con phải trả nợ cho sự tha thứ của ông, bởi không có việc làm nào có thể cứu chúng ta khỏi tội lỗi (*Ê-phê-sô* 2:8-10; *Tít* 3:3-7). Nơi phương xa, người con hoang đàng đã học được ý nghĩa của sự khốn khổ, nhưng khi trở về, cậu khám phá ra ý nghĩa của sự thương xót. Chiếc nhẫn là dấu hiệu của địa vị làm con, và “áo tốt nhất” (dĩ nhiên là áo của cha) là chứng cứ người cha tiếp nhận con mình trở

về gia đình (xem *Sáng Thế Ký* 41:42; *Ê-sai* 61:10; *II Cô-rinh-tô* 5:21). Các đầy tớ không có nhẫn để đeo, không có giày để mang hoặc quần áo sang trọng để mặc. Người cha mở tiệc để bày tỏ niềm vui và chia sẻ với mọi người niềm vui đó. Lẽ ra người con hoang đàng phải bị đối xử theo luật pháp đã định, lẽ ra đã có một đám tang chứ không phải tiệc mừng như thế. *Thi Thiên* 103:10-14 là một minh họa tuyệt vời!

Thật thú vị khi người cha mô tả tình trạng của đứa con: “đã chết mà lại sống, đã mất mà lại thấy được”. Đây cũng là kinh nghiệm thuộc linh của mọi tội nhân đến với Đức Chúa Trời là Cha qua đức tin nơi Chúa Giê-xu (*Ê-phê-sô* 2:1-10; *Giăng* 5:24). Hãy xem sự so sánh giữa hành động người con hoang đàng trở về với cha và hành động chúng ta đến với Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu (*Giăng* 14:6).

- Người con hoang đàng
đã lạc mất (c.24)
thiếu hiểu biết (c.17)
đã chết (c.24)

- Chúa Giê-xu
“Ta là đường đi”
“Ta là lẽ thật”
“Ta là sự sống”

Chỉ có một con đường để đến với Đức Chúa Trời, đó là đức tin nơi Chúa Giê-xu. Bạn đã trở về “nhà” chưa?

3. Niềm Vui Của Sự Tha Thứ

Lu-ca 15: 25-32

²⁵ Vả, con trai cả đương ở ngoài đồng. Khi trở về gần đến nhà, nghe tiếng đàn ca nhảy múa, ²⁶ bèn gọi một đầy tớ mà hỏi cơ gì. ²⁷ Đầy tớ thưa rằng: Em cậu bây giờ trở về, nên cha cậu đã làm thịt bò con mập, vì thấy em về được mạnh khoẻ. ²⁸ Con cả liền nổi giận, không muốn vào nhà. Vậy cha nó ra khuyên nó vào. ²⁹ Nhưng nó thưa cha rằng: Này, tôi giúp việc cha đã bấy nhiêu năm, chưa từng trái phép, mà cha chẳng hề cho tôi một con dê con đặng ăn chơi với bạn hữu tôi. ³⁰ Nhưng nay con của cha kia, là đứa đã ăn hết gia tài cha với phường điếm đi rồi trở về, thì cha vì nó làm thịt bò con mập! ³¹ Người cha nói rằng: Con ơi, con ở cùng cha luôn, hết thủy của cha là của con. ³² Nhưng thật nên dọn tiệc và vui mừng, vì em con đây đã chết mà lại sống, đã mất mà lại thấy được.

Khi câu chuyện đến phần này, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si tin chắc mình đã thoát khỏi sự xét đoán của Chúa, vì Ngài tập trung vào những người thu thuế qua hình ảnh đứa con hoang đàng. Nhưng Chúa tiếp tục câu chuyện khi nói về người con cả, tiêu biểu cho các thầy thông giáo và người Pha-ri-si. Người thu thuế và kẻ tội lỗi phạm tội về mặt thuộc thể nhưng người Pha-ri-si và các thầy thông giáo là những kẻ phạm tội về mặt thuộc linh (*II Cô-rinh-tô* 7:1). Hành động bề ngoài của họ có thể trong sạch nhưng thái độ bên trong của họ thật tồi tệ (xem *Ma-thi-ơ* 23:25-28).

Chúng ta phải thừa nhận rằng nơi người con cả có những giá trị đạo đức đáng khen ngợi. Anh ta làm việc siêng năng và luôn vâng lời cha, chẳng bao giờ làm xấu hổ gia đình và láng giềng. Anh ta có nhiều bạn hữu và có ý định mở tiệc vui (*Lu-ca* 15:29). Dường như anh ta là mẫu công dân tốt và so với người em trai, anh ta gần giống một thánh nhân.

Tuy nhiên, dù sự vâng lời và nhiệt thành rất quan trọng, nhưng đó không phải là những thử nghiệm duy nhất của bản tính. Chúa dạy rằng có hai điều răn quan trọng nhất đó là phải yêu mến Đức Chúa Trời và yêu người khác (*Lu-ca* 10:25-28), nhưng người con cả đã phạm hai điều răn này. Anh ta không yêu Đức Chúa Trời (mà tiêu biểu là người cha trong câu chuyện) và không yêu em mình, không tha thứ cho đứa em hoang đàng vì nó phung phí của cải gia đình và làm xấu hổ gia đình. Người con cả cũng không chấp nhận cha mình vì ông đã rộng lượng tha thứ cho lỗi lầm của đứa con thứ.

Khi xem xét lỗi lầm của người con cả, bạn có thể hiểu vì sao người này là hình ảnh của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si. Trước hết, anh ta *tự xem mình là "công bình"*, công khai lên án tội lỗi đứa em mà không nhận biết tội lỗi của chính mình (xem 18:9-14). Người Pha-ri-si định nghĩa về tội lỗi dựa vào những hành động bên ngoài chứ không dựa vào thái độ bên trong. Họ hoàn toàn không hiểu gì về thông điệp của Bài Giảng Trên Núi nhấn mạnh đến thái độ bên trong và

tấm lòng thánh khiết (*Ma-thi-ơ* 5:1-7:29).

Kiêu ngạo cũng là một trong những nhược điểm của người con cả. Anh ta chỉ nghĩ đến những năm tháng phục vụ cha và *chưa từng cãi lời cha!* Đúng là lời biện hộ! Tuy nhiên, anh ta không hướng lòng vào công việc, chỉ luôn mơ tưởng một bữa tiệc thịnh soạn cùng bạn bè hưởng thụ. Anh ta chỉ là người lao dịch. Giống như tiên tri Giô-na, người con cả làm theo ý Đức Chúa Trời *một cách gượng gượng* (*Ê-phê-sô* 6:6; *Giô-na* 4:1-11). Anh là người làm công chăm chỉ và trung thành - những phẩm chất đáng biểu dương - nhưng công việc của anh ta không phải là “công việc của tình yêu” nên không làm cha hài lòng.

Bạn có thể thấy người anh *không hề mong mỗi đứa em* trở về. Người cha trông đợi con đã bao ngày mòn mỏi và cuối cùng đã thấy con mình từ xa, nhưng đến khi được đầy tờ báo tin người anh cả mới biết em mình đã về nhà. Dù biết cha rất vui mừng, anh ta cũng không muốn đứa em trở về nhà. Tại sao anh ta phải san xẻ của cải cho kẻ đã tiêu sạch của cải của riêng mình? Tại sao anh ta còn phải chia sẻ tình yêu của cha với kẻ đã làm xấu hổ gia đình và xóm giềng? Lối sống của người con hoang đàng càng khiến cho người anh cả được xem là người tốt lành, dĩ nhiên điều này có thể khiến cha yêu đứa con vâng lời hơn. Chắc chắn đối với người con cả sự trở về của người con thứ là một mối đe dọa đối với anh ta.

Có lẽ điều đáng ngại nhất là *cơn giận* gay gắt của người con cả. Anh ta giận cha và em trai nên không muốn vào nhà dự tiệc. “Giận” là cảm xúc bình thường của con người, không nhất thiết đó là tội. “Đương cơn giận, thì chớ phạm tội” (*Ê-phê-sô* 21:26; *Thi Thiên* 4:4). Môi-se, Đa-vít, các tiên tri và cả Chúa Giê-xu đã bày tỏ cơn giận thánh khiết đối với tội lỗi, chúng ta hôm nay cũng nên giận trong tinh thần như vậy. Thomas Fuller người theo phái Thanh giáo nói rằng cơn giận là một trong những “nguồn sức mạnh của linh hồn”.

Aristotle cũng đưa ra một lời khuyên hữu ích: “Ai cũng có

thể nổi giận. Thật dễ dàng! Nhưng giận với đúng đối tượng, đúng cường độ, đúng lúc, đúng mục đích và đúng cách. Nhưng giận một cách đúng đắn như thế không phải dễ.”

Người con cả giận cha vì cha đãi tiệc cho đứa con thứ, một bữa tiệc mà anh ta hằng mong có được. Anh ta nói với cha: “Cha chẳng hề cho tôi một con dê, nhưng vì nó làm thịt bò con mập!” Mơ ước của người con cả giờ đã tiêu tan khi cha tha thứ cho đứa hoang đàng!

Đương nhiên người anh giận đứa em vì nó được cha chiếu cố và ban cho những món quà đặc biệt. Theo suy nghĩ của người anh, *đứa em này chẳng xứng đáng nhận được bất cứ điều gì*. Nó đã trung thành ư? Không! Nó vâng lời cha ư? Cũng không! Vậy tại sao nó phải được đối xử tử tế và đầy yêu mến như vậy?

Tôn giáo của người Pha-ri-si là làm việc thiện. Qua việc kiêng ăn, học Kinh Thánh, cầu nguyện, bố thí họ hy vọng được Đức Chúa Trời ban phước cũng như hưởng được sự sống đời đời. Tuy nhiên họ đã không làm những gì đáng phải làm, khiến Đức Chúa Trời phải lìa xa họ (xem *Ma-thi-ơ* 23:23-24). Khi thấy Chúa Giê-xu tiếp nhận và tha thứ những kẻ không tôn giáo họ chống đối ra mặt. Hơn thế, họ không nhận biết *chính mình cũng cần Chúa Cứu Thế*.

Người cha đã chạy ra đón đứa con hoang đàng, giờ phải rời bữa tiệc để khuyên lơn đứa con cả. Cha trên trời nhân từ và khiêm nhường biết bao! Ngài nhẫn nhục với sự yếu đuối của chúng ta dường nào! Người cha vẫn có ý muốn đãi tiệc cho con cả và bạn hữu nó nhưng đứa con chẳng bao giờ xin Cha. Hơn thế, từ khi phân chia gia tài, người con cả đã làm chủ mọi thứ, anh ta có thể sử dụng của cải ấy theo ý mình kia mà.

Người con cả không muốn vào nhà, chỉ ở ngoài trề môi hờn dỗi. Anh ta đã đánh mất cơ hội dự phần trong niềm vui tha thứ cho đứa em và phục hồi lại thâm tình đã sứt mẻ, niềm vui làm hài lòng cha và niềm vui đoàn tụ gia đình. Thật kỳ lạ khi anh ta có thể nói với một tên đầy tớ cách nhẹ nhàng mà không

thể nói nhẹ nhàng với cha và em trai!

Nếu bước ra khỏi mối liên hệ với Đức Chúa Trời, chúng ta không thể yêu mến anh chị em mình và ngược lại nếu chúng ta có thái độ cố chấp với kẻ khác, chúng ta không thể ở trong mối giao thông với Đức Chúa Trời (xem *I Giăng* 4:18-21; *Ma-thi-ơ* 5:21-26). Khi kẻ khác thật sự ăn năn, chúng ta phải tha thứ cho họ và tìm cách hòa thuận lại với họ trong sự nhân ái và khiêm nhường (*Ma-thi-ơ* 18:15-35; *Ga-la-ti* 6:1-5; *Ê-phê-sô* 4:32).

Người cha đã nói hết lời, chúng ta cũng không biết câu chuyện kết thúc ra sao (xem câu chuyện tương tự ở *Giô-na* 4:1-11). Nhưng chúng ta hẳn biết rằng các thầy thông giáo và người Pha-ri-si tiếp tục chống đối Chúa Giê-xu và tránh xa các môn đồ của Ngài, các lãnh tụ tôn giáo của họ đã khiến Chúa Giê-xu bị bắt và chịu chết. Mặc cho Cha trên trời khuyên lớn, họ chẳng muốn vào nhà!

Trong chương này, mọi người đều vui mừng ngoại trừ đứa con cả. Người chăn chiên, người đàn bà và bạn hữu của họ đều kinh nghiệm niềm vui của sự tìm thấy. Người con thứ vui khi trở về nhà và được cha tiếp nhận với lòng yêu thương, nhân từ. Người cha vui vì đứa con hoang đàng trở về bình an lành mạnh. Nhưng người anh cả không tha thứ cho em, nên không có niềm vui. Lẽ ra anh ta phải nghĩ lại và dự tiệc, nhưng anh ta đã từ chối nên ở bên ngoài và đau khổ?

Trong những năm thi hành chức vụ, tôi đã chứng kiến những đàn anh đàn chị thích nuôi sự hờn giận hơn niềm vui thông công với Đức Chúa Trời và con cái Ngài. Bởi họ không muốn tha thứ ai, nên đã xa lánh Hội Thánh và thậm chí bỏ gia đình. Họ “tin chắc” không ai tốt lành ngoài họ cả. Họ có thể lên án tội lỗi kẻ khác nhưng mù lòa về những tội lỗi của mình.

“Tôi chẳng bao giờ tha thứ!” Đó là lời mà tướng Ogletherpe nói với John Wesley, và John đáp rằng “Thưa ông, thế thì chắc ông không bao giờ phạm tội”.

Đừng đứng ở ngoài! Hãy bước vào và vui vẻ dự tiệc!

Cái Xấu Và Cái Tốt Của Tiền Bạc

Lu-ca 16

Tạp chí *Wall Street* đã trích dẫn lời của một người vô danh có đầu óc dí dỏm khi định nghĩa về tiền như sau: “Tiền là tấm hộ chiếu để đến bất cứ nơi đâu trừ thiên đàng, là phương tiện cung cấp mọi thứ trừ hạnh phúc”. Người viết có thể cũng nói thêm rằng tiền bạc cũng là nguyên nhân khơi dậy sự tham lam và tranh cạnh, nó là một đầy tớ “tuyệt vời” nhưng lại là một ông chủ “độc ác”. Sự tham tiền vẫn luôn là “cội rễ của mọi điều ác” (*I Ti-mô-thê 6:10*), nó khiến thế giới chúng ta đầy dẫy sự sa đoạ và tham lam (*I Phi-e-rơ 1:4*).

Khi đọc những bài giảng và những câu chuyện của Chúa Giê-xu, chúng ta cảm thấy Ngài đề cập nhiều về vấn đề của cái vật chất. Ngài giảng dạy cho đa số người nghèo là những người tưởng rằng có nhiều tiền, sẽ giải quyết mọi nan đề. Chúa không phải không hiểu những nhu cầu của họ khi kể những câu chuyện này, nhưng Ngài muốn khích lệ những người theo Ngài phải chia xẻ những điều mình có cho kẻ khác. Hội Thánh đầu tiên là nhóm người đã tình nguyện chia xẻ của cải họ có cho những người thiếu thốn (*Công Vụ Các Sứ Đồ 2:44-47; 4:33-37*).

Khi phác họa hình ảnh người con hoang đàng và người con cả, Chúa Giê-xu muốn nói đến hai triết lý sống độc lập. Trước khi ăn năn hối lỗi, đứa con hoang đàng đã phung phí cuộc đời mình, nhưng người con cả chỉ sống như một kẻ lao dịch trung thành. Cả hai thái độ này đều sai lầm, bởi lối sống Cơ Đốc là phải đầu tư cuộc sống vì lợi ích của kẻ khác và vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Đoạn này tập trung vào một lẽ thật: đời sống là một trách nhiệm quản gia, và chúng ta phải sử dụng những cơ hội Đức Chúa Trời ban cách trung tín. Sẽ có một ngày ta phải khai trình mọi việc đã được Chúa giao cho. Vì vậy, chúng ta nên lưu ý đến những điều Chúa phán trong đoạn này về cách sử dụng đúng đắn và sai trật của cải vật chất.

1. Cách Sử Dụng Của Cải Đúng Đắn

Lu-ca 16:1-13

¹ Đức Chúa Jê-sus lại phán cùng môn đồ rằng: Người giàu kia có một quản gia, bị cáo với chủ rằng người tiêu phá của chủ. ² Vậy, chủ đòi người đó mà nói rằng: Ta nghe nói về người nầy chi? Hãy khai ra việc quản trị của ngươi, vì từ nay ngươi không được cai quản gia tài ta nữa. ³ Người quản gia tự nghĩ rằng: Chủ cách chức ta, ta sẽ làm gì? Làm ruộng thì ta không có sức làm nổi, còn đi ăn mày thì hổ ngươi. ⁴ Ta biết điều ta sẽ làm, để khi bị cách chức, có kẻ tiếp rước ta về nhà. ⁵ Người ấy bèn gọi riêng từng người mắc nợ chủ mình đến, và hỏi người thứ nhất rằng: Ngươi mắc nợ chủ ta bao nhiêu? ⁶ Trả lời rằng: Một trăm thùng dầu. Quản gia nói rằng: Hãy cầm lấy tờ khế, ngồi xuống đó, viết mau: Năm chục. ⁷ Rồi hỏi người kia rằng: Còn ngươi, mắc bao nhiêu? Trả lời rằng: Một trăm học lúa mì. Quản gia rằng: Hãy cầm lấy tờ khế và viết: Tám chục. ⁸ Chủ bèn khen quản gia bất nghĩa ấy về việc ngươi đã làm khôn khéo như vậy. Vì con đời nầy trong việc thông công với người đồng đời mình thì khôn khéo hơn con sáng láng. ⁹ Còn ta nói cho các ngươi: Hãy dùng của bất nghĩa mà kết bạn, để khi của ấy hết đi, họ tiếp các ngươi vào nhà đời đời.

¹⁰ Ai trung tín trong việc rất nhỏ, cũng trung tín trong việc lớn; ai bất nghĩa trong việc rất nhỏ, cũng bất nghĩa trong việc lớn. ¹¹ Vậy nếu các ngươi không trung tín về của bất nghĩa, có ai đem của thật giao cho các ngươi? ¹² Nếu các ngươi không trung tín về của người khác, ai sẽ cho các ngươi được của riêng mình?

¹³ Không có dây tơ nào làm tôi hai chủ được; vì sẽ ghét chủ nầy mà yêu chủ kia, hay là hiệp với chủ nầy mà khinh để chủ kia. Các ngươi không có thể đã làm tôi Đức Chúa Trời, lại làm tôi Ma-môn nữa.

Người quản gia đại dột (Lu-ca 16:1-2). Quản gia là người giữ của cải cho người khác. Người đó không phải là chủ của cải, nhưng có đặc quyền hưởng và sử dụng nó để làm lợi cho chủ. Quan trọng nhất là người đó phải phục vụ chủ cách trung thành (*I Cô-rinh-tô* 4:2). Khi quản gia nhìn của cải quanh mình, phải nhớ rằng của cải ấy thuộc về chủ, chứ không phải của chính mình, biết rằng chúng phải được sử dụng sao cho chủ hài lòng và có lợi cho chủ.

Quản gia này quên rằng mình là một quản gia, nên bắt đầu hành động như một “người chủ”. Người ấy đã trở nên một “quản gia hoang đàng”, đã phung phí của cải của chủ. Chủ biết điều đó nên lập tức bảo người quản gia khai trình mọi của cải và sổ sách. Chủ đồng thời cũng sa thải quản gia ấy.

Trước khi xét đoán người quản gia này cách gay gắt, chúng ta hãy kiểm điểm lại đời sống mình xem chúng ta trung tín với những điều Đức Chúa Trời giao cho ở mức độ nào. Trước tiên, chúng ta là những quản gia về của cải mình có, dù nhiều hay ít, chúng ta sẽ phải trả lời với Chúa về cách sử dụng nó.

Người quản gia Cơ Đốc không phải chỉ biết dâng Chúa 1/10 lợi tức rồi tùy ý sử dụng phần còn lại của mình cách nào cũng được. Làm quản gia thật có nghĩa là chúng ta phải cảm tạ Chúa về mọi điều mình có (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 8:11-18) và sử dụng theo sự hướng dẫn của Ngài. Dâng Chúa 1/10 lợi tức cũng là một cách tốt để khởi đầu bốn phận quản gia trung tín của chúng ta. Tuy nhiên, phải luôn nhớ rằng Đức Chúa Trời phải kiểm soát những gì chúng ta làm với chín phần còn lại.

Chúng ta đều là những quản gia về thì giờ (*Ê-phê-sô* 5:15-17). Câu nói “Hãy lợi dụng thì giờ” được dùng trong giới thương mại có nghĩa như “mua lấy cơ hội”. Thời giờ thì vĩnh cửu nhưng được chia ra thành từng phút quý giá và được giao cho chúng ta để sử dụng cách khôn ngoan hay đại dột. Bài học chính của câu chuyện này đó là người quản gia bất trung đã “khôn khéo” lợi dụng cơ hội để tính toán cho tương lai.

Cái Xấu Và Cái Tốt Của Tiền Bạc / 37

Cơ Đốc nhân là những quản gia về *ơn phước* và *khả năng* mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta (*I Phi-e-rơ* 4:10) nên chúng ta phải sử dụng ơn và năng lực mình có để phục vụ kẻ khác. Kẻ trộm nói: “Cái gì của người là của ta. Ta sẽ lấy nó!” Kẻ ích kỷ nói: “Cái gì của ta là của ta. Ta sẽ giữ nó!”. Nhưng Cơ Đốc nhân phải nói “Cái gì của tôi là sự ban cho của Đức Chúa Trời. Tôi phải chia xẻ nó!” Là quản gia, chúng ta phải sử dụng khả năng mình có để giành lấy những tội nhân hư mất, khích lệ kẻ khác và đáp ứng nhu cầu của người khốn khổ?

Điều cuối cùng, con cái Đức Chúa Trời cũng là những quản gia của Phúc Âm (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 2:4). Đức Chúa Trời đã giao chúng ta của cải “lẽ thật” (*II Cô-rinh-tô* 4:7) chúng ta phải bảo vệ của cải ấy (*I Ti-mô-thê* 6:20) và đầu tư nó trong đời sống của kẻ khác (*II Ti-mô-thê* 2:2). Kẻ thù muốn cướp khỏi Hội Thánh của cải quý báu này (*Giu-đe* 1:3,4) nên chúng ta phải tỉnh thức và mạnh mẽ.

Cũng như người quản gia trong câu chuyện, ngày kia chúng ta sẽ khai trình việc mình trước mặt Đức Chúa Trời (*Rô-ma* 14:10-12; *II Cô-rinh-tô* 5:10). Nếu chúng ta trung tín, Chúa sẽ khen thưởng chúng ta (*Ma-thi-ơ* 25:21; *I Cô-rinh-tô* 4:5), nhưng nếu bất trung, chúng ta sẽ mất phần thưởng dù được cứu và hưởng thiên đàng (*I Cô-rinh-tô* 3:13-15).

Vana Harner nói: “Đức Chúa Trời kêu chúng ta tham gia trận đấu chứ không phải chỉ ngồi để ghi điểm”. Nếu chúng ta là quản gia trung tín, Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng rổi rộng, phần thưởng đó sẽ làm vinh hiển danh Ngài.

Người quản gia khôn ngoan (*Lu-ca* 16:3-8). Quản gia này biết mình sẽ mất việc. Anh ta không thể thay đổi quá khứ nhưng có thể chuẩn bị cho tương lai sắp đến. Bằng cách nào? Bằng cách kết bạn với các con nợ của chủ để sau này họ sẽ tiếp đón anh ta khi anh ta bị chủ sa thải. Anh ta hào phóng giảm nợ cho từng người miễn sao họ sẽ trả nợ ngay. Các con nợ quá đổi vui mừng và hưởng ứng ngay. Thậm chí chủ của quản gia cũng khen về kế hoạch khôn ngoan ấy (*Lu-ca* 16:8).

Chúa Giê-xu không khen quản gia này vì anh ta đã lấy của chủ hay vì xúi giục kẻ khác gian dối nhưng Ngài *chỉ để ý việc anh biết lợi dụng cơ hội*. “Con đời này” là những kẻ chuyên nắm bắt những cơ hội kiếm tiền, kết bạn và tiến thân. Con cái Đức Chúa Trời cũng nên lưu tâm và có sự khôn ngoan khi quản lý những công việc thuộc linh trong đời sống. “Con đời này” chỉ khôn ngoan trong “thế hệ” của họ, chỉ thấy những sự việc trước mặt nhưng không thấy được những điều thuộc về sự vĩnh cửu. Vì con cái Đức Chúa Trời sống bằng “những giá trị của sự vĩnh cửu” nên phải biết sử dụng thật tốt những cơ hội mình có.

Ứng dụng (Lu-ca 16: 9-13). Chúa Giê-xu đưa ra ba lời khuyên dựa trên kinh nghiệm của người quản gia.

Trước tiên, Ngài khuyên chúng ta *sử dụng cơ hội mình có một cách khôn ngoan (16:9)*. Một ngày nào đó cuộc đời sẽ chấm dứt, chúng ta không thể kiếm tiền hoặc tiêu tiền được. Vì vậy, khi đang còn cơ hội, chúng ta phải đầu tư tiền bạc vào việc “tìm thân hữu” cho Chúa, nghĩa là đem người đến với Đấng Christ, Đấng sẽ tiếp đón chúng ta nơi thiên đàng. Cuộc đời và năng lực chúng ta ngày kia sẽ chấm dứt, nên chúng ta cần phải biết sử dụng chúng cách khôn ngoan.

Thật đáng buồn khi nhìn thấy của cải Đức Chúa Trời bị phung phí bởi những tín hữu có thái độ sống như thể Chúa Giê-xu chưa từng chịu chết và sự xét đoán sẽ chẳng xảy ra. Hai câu thơ sau đây của người xưa thật hữu lý.

“Sự khác nhau duy nhất giữa người lớn và trẻ con

Là ở chỗ người lớn mua những món đồ chơi đắt tiền hơn”.

Di sản của quá khứ phải được sử dụng cách khôn ngoan trong hiện tại để bảo đảm ích lợi về mặt thuộc linh trong tương lai. Chúng ta đều muốn gặp lại trên thiên đàng những người đã đặt niềm tin nơi Đấng Christ, do chúng ta đã dâng hiến cho việc truyền giảng Phúc Âm khắp thế giới, bắt đầu từ gia đình. Thoreau cho rằng một người giàu có tương xứng với những gì anh ta có thể làm cho người khác, như vậy mới đúng là “giàu”.

Cái Xấu Và Cái Tốt Của Tiền Bạc / 39

Có lần, tôi đã nghe ông Jacob Stam cầu nguyện: “Lạy Chúa, điều duy nhất chúng con biết về “sự dâng hiến” là phải thực hành nó.” Hiện nay ít người biết thực hành sự dâng hiến.

Lời dạy thứ hai của Chúa là hãy *trung tín trong cách bạn sử dụng của cải vật chất bạn có* (Lu-ca 16:10-12). Ngài cho thấy chúng ta không thể tách rời vấn đề “thuộc linh” khỏi “vật chất”. Hãy xem sự so sánh sau:

- <i>Vật chất</i>	- <i>Thuộc linh</i>
Thần tài-Ma-môn	Đức Chúa Trời thật
Chẳng giá trị gì	Giá trị cao
Của cải giả tạo	Của cải thật
Thuộc về kẻ khác	Thuộc về chính bạn

Vì sao Đức Chúa Trời lại quan tâm đến cách chúng ta sử dụng tiền bạc? Tiền bạc vốn không có tính chất “trung lập”, nó vốn là cội rễ điều ác (thần tài bất nghĩa), chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể thánh hóa nó và sử dụng nó để đem lại ích lợi. Thật ý nghĩa khi Phao-lô và Phi-e-rơ gọi tiền bạc là “mối lợi đáng鄙” (*I Ti-mô-thê* 3:3,8; *Tít* 1:7,11; *I Phi-e-rơ* 5:2). Rõ ràng tiền bạc vốn có bản chất như vậy, nó khiến kẻ ham tiền bị ô uế và mất phẩm cách, đời sống họ làm nô lệ cho đồng tiền. Richard Foster viết: “Nếu chưa thực sự biết rằng mình đang có quan hệ không chỉ với tiền bạc mà là tiền bất nghĩa, thì không thể dùng nó cách an tâm”.

Những ai không trung tín trong cách sử dụng tiền, sẽ không thể trung tín trong cách sử dụng “của báu thật” ở Nước Trời. Chúng ta không thể vừa sống theo đức tin vừa sống theo “tà đạo” trong cách sử dụng tiền bạc. Đức Chúa Trời sẽ không thể giao của cải thật cho những ai xài phí tiền bạc, Ngài lại cũng không ban điều lành cho kẻ sống vì tiền. Khi nói đến tiền bạc, Phao-lô rất thận trọng về việc tìm kiếm điều lành “chẳng những ở trước mặt Chúa, mà cũng ở trước mặt người ta nữa” (*II Cô-rinh-tô* 8:21).

Cuối cùng Chúa khuyên chúng ta *sống cho Đức Chúa Trời và chuyên tâm để đẹp lòng Ngài* (Lu-ca 16:13; Ma-thi-ơ 6:19-24). Chúng ta không thể yêu và phục vụ hai chủ, cũng không thể cùng một lúc đi hai hướng được. Nếu chọn con đường phục vụ tiền bạc, chúng ta không thể phục vụ Đức Chúa Trời. Nếu quyết định phục vụ Chúa, chúng ta sẽ không phục vụ tiền bạc. Chúa Giê-xu cần nơi chúng ta một *trinh thần chân thật*, dâng mình cho Đức Chúa Trời và đặt Ngài trên hết mọi sự (Ma-thi-ơ 6:33).

Nếu Đức Chúa Trời là chủ chúng ta, vậy tiền bạc sẽ là tôi tớ chúng ta. Chúng ta sẽ sử dụng những gì mình có theo ý muốn Đức Chúa Trời. Nhưng nếu Đức Chúa Trời không phải là chủ chúng ta thì *tiền bạc sẽ cai trị chúng ta* và nó sẽ trở nên một “ông chủ đáng sợ”! Chúng ta sẽ *hoang phí* cuộc sống mình thay vì *đầu tư* nó. Và như vậy, sẽ có một ngày chúng ta nhận ra mình là kẻ “cô độc” khi đi qua những cánh cổng vinh hiển.

Henry Fielding nói rằng: “Nếu tôn sùng tiền bạc, nó sẽ như quỷ Sa-tan gây tai hoạ cho bạn”. Chúa Giê-xu phán: “Hãy cai quản tiền bạc và sử dụng những cơ hội hôm nay như một sự đầu tư cho tương lai”. Bạn hãy là một quản gia khôn ngoan! Còn bao linh hồn cần đến với Đấng Christ, chúng ta có thể sử dụng tài chính mình có để thực hiện công tác ấy.

2. Sử Dụng Tiền Bạc Cách Sai Trật

Lu-ca 16: 14-31

¹⁴ Người Pha-ri-si là kẻ ham tiền tài, nghe mọi điều đó, bèn chê cười Ngài.

¹⁵ Ngài phán cùng họ rằng: Các ngươi làm bộ công bình qua mặt người ta, song Đức Chúa Trời biết lòng các ngươi; vì sự người ta tôn trọng là sự gồm ghiếc trước mặt Đức Chúa Trời. ¹⁶ Luật pháp và các lời tiên tri có đến đời Giăng mà thôi; từ đó, tin lành của nước Đức Chúa Trời được truyền ra, và ai nấy dùng sức mạnh mà vào đó. ¹⁷ Trời đất qua đi còn dễ hơn một nét chữ trong luật pháp phải bỏ đi. ¹⁸ Ai bỏ vợ mình mà cưới vợ khác, thì phạm tội tà dâm, ai cưới đàn bà bị chồng để, thì cũng phạm tội tà dâm.

¹⁹ Có một người giàu mặc áo tía và áo bằng vải gai mịn, hằng ngày ăn ở rất là sung sướng. ²⁰ Lại có một người nghèo, tên là La-xa-rô, nằm ngoài cửa người

Cái Xấu Và Cái Tốt Của Tiền Bạc / 41

giàu đó, mình đây những ghê. ²¹ Người ước ao được ăn những đồ ở trên bàn người giàu rớt xuống; cũng có chó đến liếm ghê người.

²² Vả, người nghèo chết, thiên sứ đem để vào lòng Áp-ra-ham; người giàu cũng chết, người ta đem chôn. ²³ Người giàu ở nơi Âm phủ đang bị đau đớn, ngược mắt lên, xa thấy Áp-ra-ham, và La-xa-rơ trong lòng người; ²⁴ bèn kêu lên rằng: Hỡi Áp-ra-ham tử tôi, xin thương lấy tôi, sai La-xa-rơ nhúng đầu ngón tay vào nước đọng làm cho mát lưỡi tôi; vì tôi bị khổ trong lửa nầy quá đỗi. ²⁵ Nhưng Áp-ra-ham trả lời rằng: Con ơi, hãy nhớ lại lúc người còn sống đã được hưởng những sự lành của mình rồi, còn La-xa-rơ phải những sự dữ; bây giờ, nó ở đây được yên ủi, còn người phải bị khổ hình. ²⁶ Vả lại, có một vực sâu ở giữa chúng ta với người, đến nỗi ai muốn từ đây qua đó không được, mà ai muốn từ đó qua đây cũng không được. ²⁷ Người giàu nói rằng: Tổ tôi ơi! Vậy thì xin sai La-xa-rơ đến nhà cha tôi, – ²⁸ vì tôi có năm anh em, – đọng người làm chứng cho họ về những điều nầy, kẻo họ cũng xuống nơi đau đớn nầy chẳng. ²⁹ Áp-ra-ham trả lời rằng: Chúng nó đã có Môi-se và các đấng tiên tri; chúng nó phải nghe lời các đấng ấy! ³⁰ Người giàu nói rằng: Thưa Áp-ra-ham tử tôi, không phải vậy đâu; nhưng nếu có kẻ chết sống lại đến cùng họ, thì họ sẽ ăn năn. ³¹ Song Áp-ra-ham rằng: Nếu không nghe Môi-se và các đấng tiên tri, thì đâu có ai từ kẻ chết sống lại, chúng nó cũng chẳng tin vậy.

Chúa Giê-xu dạy dỗ môn đệ về vấn đề này, những người Pha-ri-si ở đó lắng nghe và “chê cười” Ngài! Dù họ đã thực hiện luật lệ tôn giáo khe khắt, nhưng họ là kẻ yêu tiền bạc và đeo đuổi những giá trị vô bổ. Họ xưng mình là người yêu kính Đức Chúa Trời nhưng lại đo giá trị cuộc sống bằng của cải vật chất, giống như nhiều kẻ vô thần ở đời này. *Ngày nay cũng có biết bao tín hữu tự xưng mình là người tin Chúa nhưng cũng vướng sai lầm ấy.* Họ thờ phượng Chúa bằng môi miệng nhưng sống bằng giá trị của cải vật chất như thế gian.

Người Pha-ri-si cần phải chấm dứt thái độ “xu hướng” theo thế gian và bắt đầu “chen chân” vào thiên đàng như nhiều người. Người Pha-ri-si khước từ thông điệp của Giăng Báp-tít và cho phép người ta giết ông dù biết ông là tiên tri của Đức Chúa Trời. Họ cũng chối từ Chúa Giê-xu và cuối cùng cho phép Phi-lát đóng đinh Ngài. Khi đời sống bạn bị lòng tham tiền tế trị, cửa lòng bạn sẽ bỏ ngỏ cho mọi thứ tội lỗi bước vào!

Luật pháp và lời tiên tri kéo dài đến đời Giăng, vì Giăng đã giới thiệu về Chúa Cứu Thế cho dân tộc và rao về Nước Trời. Điều đó không có nghĩa là luật pháp bị phá vỡ và không đáng tin, vì trong Chúa Giê-xu, luật pháp đã được làm trọn (*Ma-thi-ơ* 5:17-20). Người Pha-ri-si tự hào là kẻ vâng phục trung tín luật pháp Môi-se, nhưng họ đã không tiếp nhận Chúa Cứu Thế - là Đấng mà Môi-se đã viết về.

Vì sao Chúa Giê-xu lại đề cập vấn đề hôn nhân và ly hôn khi Ngài đang luận về sự tham lam? Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si bị chi phối về vấn đề này, có lẽ họ muốn tranh luận với Chúa, nhưng Ngài đã phá vỡ ý định họ. (Hầu hết những cuộc hôn nhân và ly hôn, điều có liên hệ đến vấn đề tiền bạc, vì vậy vấn đề này không nằm ngoài điều Chúa muốn nói). Một số người Do Thái rất dễ dãi trong quan niệm về hôn nhân và ly hôn, trong khi một số khác rất khe khắt về vấn đề này. Chúa Giê-xu đã từng nói về chủ đề này trước đó, nên đây không phải là lời dạy mới (*Ma-thi-ơ* 5:31-32).

Sau khi làm cho người Pha-ri-si cứng miệng, Chúa đã cho họ thấy về những điều sẽ xảy đến cho họ nếu họ cứ tiếp tục tham lam và vô tín. Câu chuyện Chúa kể nói về một người giàu và một người ăn mày tên La-xa-rô (nghĩa là “Đức Chúa Trời là sự cứu giúp của tôi”) nhằm khuyên chúng ta tránh sự tham lam qua những khác biệt được trình bày sau:

Khác biệt trong cuộc sống (*Lu-ca* 16:19-21). Người này thực sự giàu có vì hàng ngày ông có thể “xúng xính” trong những bộ áo quần sang trọng và chiêu đãi những bữa tiệc thịnh soạn. Chắc hẳn ông thuộc hạng “giàu có và nổi tiếng”, được mọi người ngưỡng mộ và ghen tị. Lối sống của ông phải được gọi là một lối sống “phô trương”!

Vì sao một người lại giàu có, còn một người lại nghèo nàn thế kia? Nếu dân Do Thái vâng theo điều răn của Đức Chúa Trời về Năm Sa-bát và Năm Hân hỉ, có lẽ sẽ không có tình trạng nghèo nàn xảy ra trên đất, vì của cải không thể rơi vào tay một số kẻ giàu có được (xem *Lê-vi Ký* 25:1-55; *Xuất Ê-*

díp-tô Ký 23:11; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 14:28-29). Những tiên tri Cựu Ước cũng từng lên án những kẻ giàu có vì thu tô nhiều đất đai, bóc lột, ức hiếp những người góa bụa và người nghèo khó (*Ê-sai* 3:15; 10:2; *A-mốt* 2:6; 4:1; 5:11-12; 8:4-6; *Ha-ba-cúc* 2:9-13). Vào thời Chúa Giê-xu người Palestine bị La Mã cai trị, cuộc sống của người dân trở nên khổ khó.

La-xa-rô bị bệnh và có lẽ bị tàn tật, vì ông “nằm” ngoài cửa nhà người giàu (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:1-2). Chỉ có những con chó để ý đến ông. Đương nhiên người giàu có thể dễ dàng giúp đỡ cho La-xa-rô, nhưng ông ta phớt lờ và cứ tiếp tục vui hưởng của cải mình có. Cuộc sống thật sung túc khiến ông cảm thấy vô cùng yên tâm!

Người giàu này rõ ràng không có ý niệm về nhiệm vụ của người quản gia, chẳng hề nghĩ đến việc giúp đỡ La-xa-rô. Thật kỳ lạ khi ông ta cho phép người ăn mày này trú trước hiên nhà mình. Có lẽ ông nghĩ rằng cho người ăn mày một chỗ trú như vậy là đã bố thí cho La-xa-rô. Đã có ai trong số họ nhớ lại những điều Kinh Thánh Cựu Ước nói về sự quan tâm đối với kẻ nghèo khó như ở sách *Châm Ngôn* 14:21; 19:17; 21:13; 28:27?

Khác biệt trong sự chết (*Lu-ca* 16:22). “Kẻ giàu và người nghèo đều gặp nhau, Đức Giê-hô-va dựng nên cả hai” (*Châm Ngôn* 22:2). Theo cách nói của John Donne, “thần chết là tay san bằng kỳ diệu”. Người giàu dù có của cải dư dật cũng chết (*Thi Thiên* 49:6-9) và chắc được an táng một cách “long trọng”. Nhưng khi La-xa-rô chết, ông ta được đặt vào lòng Áp-ra-ham. Thật là một sự khác biệt rõ rệt! Dù người Do Thái có xót thương ông ta thế nào, có lẽ ông ta vẫn không được an táng theo đúng nghi thức dân Do Thái. Ông không được an táng bằng hoàng, không có những kẻ khóc mướn, không hương liệu ướp xác, không mồ mả bằng hoàng. Sau khi thân xác La-xa-rô được đem đi có lẽ những kẻ lân cận nói rằng: “Ồ, chúng

tôi rất mừng vì ông ta không còn lảng vảng ở đây nữa”!

Sự chết xảy ra khi hồn lìa khỏi xác (*Gia-cơ* 2:26). Nhưng đó chưa phải là sự chết cuối cùng, vì nó chỉ mới là sự khởi đầu một sự sống mới ở thế giới khác. Đối với những người tin Chúa, chết có nghĩa là được ở với Chúa (*II Cô-rinh-tô* 5:1-8; *Phi-líp* 1:21). Đối với kẻ vô tín, chết nghĩa là bị phân cách khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong khốn khổ.

Khác biệt trong cõi đời đời (*Lu-ca* 16:23-31). Từ “*Âm phủ*” ở 16:23 được người Gờ-réc gọi là “nơi người chết ở”. Đó là nơi người chết ở tạm khi chờ sự xét đoán. Nơi đoán phạt đời đời dành cho kẻ hư mất được gọi là “địa ngục” nơi có hồ lửa. Ngày kia, kẻ chết sẽ sống lại và âm phủ cũng trả lại những linh hồn (*Khải Thị* 20:13), những tội nhân hư mất sẽ bị xét đoán trước mặt Đấng Christ (*Khải Thị* 20:10-15).

Qua sự mô tả của Chúa Giê-xu, chúng ta biết rằng nơi người chết ở có hai “khu vực” riêng: một nơi Pa-ra-di gọi là “lòng Áp-ra-ham” và một nơi đoán phạt. Nhiều nhà thần học tin rằng sau khi Chúa sống lại và về trời thì Pa-ra-di không còn tồn tại nữa (*Giăng* 20:17; *Ê-phê-sô* 4:8-10). Chúng ta biết “thiên đàng” hôm nay ở trên trời, là nơi Chúa Giê-xu cai trị trong sự vinh hiển (*Lu-ca* 23:43; *II Cô-rinh-tô* 12:1-4). Kinh Thánh không nói rằng linh hồn ở thiên đàng hay nơi âm phủ có thể liên lạc với nhau hay có thể liên lạc với người sống trên đất.

Câu chuyện này bác lại quan niệm cho rằng “linh hồn ngủ”, vì cả người giàu và La-xa-rơ đều có sự nhận biết, một người được yên ủi và một người chịu khốn khổ. Đây là vấn đề nghiêm túc khi suy nghĩ về số phận đời đời của mỗi người cũng như nhận biết tính thực hữu về sự đoán phạt.

C. S. Lewis nghe nói có một bia mộ ghi rằng: “Đây là nơi yên nghỉ của kẻ vô thần, ăn mặc bánh bao nhưng không có chỗ để đi đến”. Lewis nhẹ nhàng đáp: “Tôi tin chắc người đó cũng muốn như vậy!” Có một điều thú vị là người giàu ở âm phủ bắt đầu cầu nguyện! Trước tiên ông ta cầu nguyện cho bản thân, xin Áp-ra-ham thương xót và khiến La-xa-rơ đến

Cái Xấu Và Cái Tốt Của Tiền Bạc / 45

yên ủi mình (*Lu-ca* 16:23-26). Thậm chí một giọt nước cũng rất quý báu đối với ông ta. Mọi sự đã thay đổi, khác hẳn với những yến tiệc xa hoa khi biết bao đầy tớ lẳng xằng làm theo mệnh lệnh của ông!

Từ “đau đớn”, “bị khổ” được sử dụng trong đoạn này nói về một sự đau đớn thật, giống với từ được sử dụng khi người bị tà linh ám (*Mác* 5:7) và sử dụng cho sự đoán phạt mà Chúa sẽ giáng trên một thế giới không ăn năn (*Khải Thị* 9:5; 11:10; 20:10). Nếu hoả ngục là nhà tù đời đời dành cho những kẻ bị đoán phạt, thì nơi của người chết ở là trại giam tạm thời, và sự khốn khổ trong hai trường hợp này là điều rất thực, chứ không phải tưởng tượng!

Có những người hỏi: “Sao một Đức Chúa Trời yêu thương lại có thể cho phép một nơi như địa ngục thế kia được tồn tại và đưa con người vào đó?” Khi hỏi câu này, chính họ tự bày tỏ mình không hiểu gì về tình yêu của Đức Chúa Trời hoặc sự độc ác của tội lỗi. Tình yêu Đức Chúa Trời một tình yêu thánh khiết (“Đức Chúa Trời là sự sáng” – *I Giăng* 1:5), chứ không phải là một tình cảm hời hợt, nông cạn. Tội lỗi là sự chống nghịch lại một Đức Chúa Trời yêu thương và thánh khiết. Ngài không đưa con người vào địa ngục, nhưng chính con người đã tự đẩy mình vào đó khi khước từ sự kêu gọi của Đức Chúa Trời và không tin Con Ngài. Những “kẻ chẳng tin” bị định vào danh sách những người hư mất nơi hỏa ngục, thậm chí trước những kẻ giết người là kẻ nói dối (*Khải Thị* 21:8; *Giăng* 3:18-21, 36).

Áp-ra-ham có hai lý do cho biết La-xa-rơ không thể an ủi kẻ giàu này đó là vì tính cách của người giàu và hiện trạng về sự sống đời đời khác nhau. Người giàu đã hưởng sự sung túc trên đất và những vui sướng trần tục. Ông đã được nhận phần thưởng ở thế gian (*Ma-thi-ơ* 6:2, 5, 12). Ông tự quyết định số phận mình khi đặt Đức Chúa Trời ra ngoài đời sống và giờ đây bản chất cũng như số phận ông chẳng thể thay đổi được. La-xa-rơ cũng không thể rời bỏ vị trí thoải mái của mình để đến

nơi đau khổ dù chỉ trong giây lát!

Người giàu cũng cầu nguyện cho anh em mình (Lu-ca 16:27-31). Ông không nói: “Tôi rất vui nếu các anh em tôi cùng đến đây. Chúng tôi sẽ có những giây phút tuyệt vời bên nhau!”. Đôi lúc, có lẽ bạn đã nghe một kẻ vô tín nói rằng: “Tôi không lo nếu phải vào địa ngục. Tôi sẽ có bè bạn rất nhiều”. Nhưng làm gì có “tình bạn” nào ở địa ngục! Địa ngục chỉ là nơi đau khổ và cô độc. Nơi ấy không phải là một bữa tiệc tất niên đời đời mà tội nhân có thể hưởng như ở trên đất.

Câu 28 cho thấy La-xa-rơ có lẽ đã làm chứng cho người giàu và anh em của ông, nhưng không ai tin. Giờ đây, lời chứng của La-xa-rơ quan trọng biết bao! Anh em của người giàu biết La-xa-rơ đã chết, vì vậy nếu kẻ ăn mày xuất hiện trước mặt họ, hẳn họ sẽ khiếp vía và nghe lời chứng của ông ta. *Những kẻ ở âm phủ đã quan tâm đến những con người hư mất, nhưng không thể làm được gì cho kẻ khác.*

Áp-ra-ham giải thích rằng chỉ có một điều duy nhất có thể giữ năm anh em khỏi chung số phận với anh họ: Họ phải nghe Lời Đức Chúa Trời và hưởng ứng bằng đức tin. Môi-se và các tiên tri cho tội nhân biết cách để ăn năn và được cứu. Người Do Thái đã từng nghe đọc về những điều này mỗi kỳ lễ Sa-bát trong nhà hội.

Dù phép lạ có thể chứng thực quyền năng của người rao giảng, cũng không thể khiến lòng của kẻ hư mất ăn năn hoặc thay đổi. Niềm tin chỉ dựa trên những phép lạ không phải là niềm tin cứu được kẻ khác (Giăng 2:23-25). Có một người tên La-xa-rơ thật đã sống lại từ cõi chết, nhưng *một số người vẫn muốn giết ông!* (xem Giăng 11:43-57; 12:10). Những ai cho rằng công tác truyền giảng sẽ không có hiệu quả nếu không có những “dấu kỳ phép lạ”, những người ấy cần suy ngẫm lại đoạn Kinh Thánh này và cũng xem Giăng 10:41-42.

Trong suốt cuộc đời của người giàu, Đức Chúa Trời đã nói với ông qua nhiều cách. Ngài đã cho ông có nhiều của cải, vậy mà ông vẫn không ăn năn (Rô-ma 2:4-5). La-xa-rơ đã làm

chứng trước người giàu, và Lời Thánh Kinh Cựu Ước cũng cho ông biết những gì quen thuộc với người Do Thái, nhưng ông vẫn cứ vô tín. Sự kiện La-xa-rô chết trước - là một chứng cứ mạnh mẽ nhắc ông rằng sẽ có ngày ông cũng chết. Nhưng thậm chí một cái chết xảy ra trước ngạch cửa nhà ông vẫn không khiến ông động lòng.

Mặc dù bị khốn khổ nơi âm phủ, người giàu vẫn không ăn năn, vẫn ích kỷ. Ông cầu nguyện nhưng chỉ cầu cho *bản thân* và sự an toàn của *gia đình*, chứ không quan tâm về những tội nhân hư mất khác. Ông chỉ biết nghĩ đến năm anh em của mình. Ông biện luận với Đức Chúa Trời chứ không phục tùng ý muốn Ngài. Điều này cho thấy sự đoán phạt dành cho tội nhân hư mất cũng không phải là biện pháp có thể thay đổi họ, hoặc làm họ tốt hơn. Âm phủ và nơi ở của người chết không phải là những bệnh viện dành cho người bệnh, mà là những nhà tù dành cho những kẻ bị đoán phạt.

Bác sĩ Lu-ca không cho chúng ta biết phản ứng của những người Pha-ri-si ích kỷ kia trước câu chuyện này. Họ đều biết rõ Môi-se và các tiên tri, điều này có nghĩa là họ phải chịu trách nhiệm lớn lao hơn và *sự đoán phạt càng gay gắt hơn* (Giăng 12:35-41).

Chúng ta phải biết rằng không phải người giàu bị lên án vì có nhiều của cải, hay La-xa-rô được cứu vì nghèo. Áp-ra-ham cũng là người giàu có, nhưng ông đâu chịu khổ nơi âm phủ! Người giàu này chỉ cậy nơi của cải mình và không tin cậy Chúa.

C. S. Lewis nói rằng: "Con đường chắc chắn dẫn đến âm phủ là con đường thoai thoải, dốc nhẹ, êm chân, không chỗ rẽ bất ngờ, không cột mốc, cũng không có bảng chỉ đường!"

"Người nào nếu được cả thiên hạ mà mất linh hồn mình, thì có ích gì?" (Mác 8:36)

Chúa Giê-xu đã trả lời cho câu hỏi trên.

Còn bạn trả lời ra sao?

Những Vấn Đề Quan Trọng

Lu-ca 17

Trên đường đến Giê-ru-sa-lem, Chúa tiếp tục dạy môn đệ và chuẩn bị tinh thần họ về sự thương khó của Ngài. Tuy nhiên Ngài cũng chuẩn bị cho họ có thời gian để khi Ngài không ở gần họ, họ vẫn có thể thay Ngài giảng dạy cho kẻ khác. Đó là giai đoạn quan trọng trong đời họ. Qua chương này, Lu-ca ghi lại những bài học Chúa dạy môn đệ về những điều cần có trong cuộc đời theo Chúa: sự tha thứ (*Lu-ca 17:1-6*) trung tín (*17:7-10*) tạ ơn (*17:11-19*) và tỉnh thức (*17:20-37*).

1. Sự Tha Thứ

Lu-ca 17: 1-6

¹ Đức Chúa Jêsus lại phán cùng môn đồ rằng: Không có thể khỏi xảy đến sự gây nên phạm tội được; song khốn thay cho ai là kẻ làm ra sự ấy! ² Nếu ai gây cho chỉ một kẻ nhỏ nầy phạm tội, thì thà rằng buộc cối đá vào cổ nó mà quăng xuống biển còn hơn. ³ Các người hãy giữ lấy mình. Nếu anh em người đã phạm tội hãy gỡ trách họ; và nếu họ ăn năn, thì hãy tha thứ. ⁴ Dầu trong một ngày, họ phạm tội cùng người bảy lần, và bảy lần trở lại cùng người mà nói rằng: Tôi ăn năn, thì hãy tha tội cho họ.

⁵ Các sứ đồ thưa Chúa rằng: Xin thêm đức tin cho chúng tôi! ⁶ Chúa đáp rằng: Nếu các người có đức tin trọng bằng hạt cải, các người khiến cây dâu nẩy rằng: Hãy nhổ đi mà trồng dưới biển, thì nó sẽ vâng lời.

Sau khi khuyến cáo người Pha-ri-si về tội tham tiền (*Lu-ca* 16:14-31) Chúa Giê-xu bắt đầu khuyên môn đệ tránh những tội có thể phạm phải trong đời sống, vì mỗi lần vi phạm là một lần bất hạnh cho cuộc đời. Nói cho cùng, chúng ta là những tội nhân sống trong một thế giới đầy dẫy tội lỗi. Nhưng chúng ta phải lưu ý, đừng gây cơ vấp phạm cho người người khác, vì đó là một hình thức tội chống lại anh em cùng đức tin và cũng là cơ gây cho họ phạm tội (*Rô-ma* 14:13; *I Cô-rinh-tô* 10:22; *I Giăng* 2:10).

Khi dùng từ “kẻ nhỏ”, Chúa không chỉ nói về trẻ con nhưng Ngài cũng đề cập đến những người có đức tin non yếu đang học theo Chúa (*10:21*; *Ma-thi-ơ* 18:1-6). Vì *Lu-ca* 17:1-10 là một phần của chủ đề bắt đầu từ 15:1, nên “những kẻ nhỏ” cũng bao gồm những người thu thuế và tội nhân đã đến tin nhận Chúa Giê-xu. Người Pha-ri-si chỉ trích Chúa, thái độ này có thể khiến những người mới tin vấp phạm. Đây là tội lỗi nghiêm trọng mà kẻ phạm tội đó lẽ ra đáng bị quăng xuống biển để không ai nhìn thấy hơn là khiến những người khác bị vấp phạm.

Giả sử bạn không phải là người gây cơ vấp phạm, nhưng có một tín hữu khác khiến bạn vấp phạm. Chúa đề cập đến điều này ở *Lu-ca* 17:3, 4 và dạy chúng ta những gì phải làm. Trước tiên, chúng ta nên quan tâm lẫn nhau và thực hiện lời dạy “các ngươi hãy giữ lấy mình”. Điều này có nghĩa là chúng ta phải chăm sóc nhau bằng sự yêu thương và làm mọi điều có thể làm để ngăn người khác phạm tội.

Nếu có một anh em gây cơ vấp phạm cho chúng ta, khi ấy ta nên dùng sự yêu thương để trách móc họ cách riêng tư. Chúng ta thường có xu hướng kiểm chế bức bối trong lòng, nuôi sự oán giận, rồi kể lể với người khác điều đã xảy đến cho mình, thật không phải là một hành động đúng (*Ma-thi-ơ* 18:15-20). “Lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật” (*Ê-phê-sô* 4:15) là bước đầu tiên giải tỏa những bất đồng cá nhân.

Mục đích chúng ta không phải là làm cho kẻ vi phạm bị

xấu hổ hay đau lòng, nhưng để khích lệ họ ăn năn (*Ga-la-ti* 6:1). Nếu người vi phạm ăn năn, ta nên tha thứ (*Ê-phê-sô* 4:32; *Ma-thi-ơ* 5:43-48). Thật ra, chúng ta *phải có thói quen tha thứ* cho dù kẻ khác có thể gây vấp phạm cho chúng ta bảy lần trong ngày, thậm chí 70 lần 7! (*Ma-thi-ơ* 18:21). Không ai có khả năng phạm tội như vậy chỉ trong một ngày, nhưng lối phóng đại này nhằm nhấn mạnh ý Chúa muốn dạy dỗ chúng ta: Đừng ghim trong lòng lỗi lầm của người khác, tình yêu thương không cho phép làm điều đó. (*I Cô-rinh-tô* 13:4-6). Chúng ta phải luôn sẵn sàng tha thứ kẻ khác, vì sẽ có ngày nào đó cũng cần được họ tha thứ.

Có thể chúng ta nghĩ rằng các môn đệ sẽ đáp ứng lời Chúa dạy bằng cách cầu xin, “Xin cho chúng tôi thêm tình yêu!” Dĩ nhiên tình yêu là yếu tố quan trọng trong sự tha thứ, nhưng yếu tố về đức tin còn quan trọng hơn. *Để có thể vâng theo lời Chúa dạy và tha thứ kẻ khác, cần phải có đức tin thật.* Hành động tha thứ kẻ khác chứng tỏ chúng ta đang tin cậy nơi Đức Chúa Trời về những gì Ngài sẽ hành động, tin rằng Ngài sẽ giải toả mọi hiểu lầm, khiến mọi sự trở nên ích lợi cho chúng ta và làm vinh hiển danh Ngài.

Cơ Đốc nhân trưởng thành hiểu rằng tha thứ không phải chỉ đơn giản là trao đổi những lời “xin lỗi” như cách trẻ con thường nói với nhau.

Sự tha thứ thật gắn liền với một nỗi đau làm cho ai đó bị đau lòng thì phải trả để chữa lành vết thương lòng người ấy. Tình yêu thương là *động cơ* để ta tha thứ nhưng đức tin là “*chất xúc tác*” khiến ta có thể tha thứ nhanh chóng hơn hầu cho Đức Chúa Trời có thể sử dụng đức tin ấy để bày tỏ ân phước Ngài trong đời sống của con cái Ngài.

Chúa đưa ra hình ảnh “*hột cải*” để nói về ý nghĩa của sự sống và tăng trưởng. Hột cải thật bé, nhưng tiềm ẩn một sự sống bên trong, nên có thể lớn lên và sinh quả (*Mác* 4:30-32). Đức tin của chúng ta là *đức tin sống* (*Gia-cơ* 2:14-26), sẽ tăng trưởng và giúp chúng ta vâng phục mệnh lệnh Đức Chúa Trời.

“Hãy phó thác đường lối mình cho Đức Giê-hô-va, và nhờ cậy nơi Ngài, thì Ngài sẽ làm thành việc ấy” (*Thi Thiên 37:5*). Sự tha thứ là một kiểm nghiệm về tình yêu thương và đức tin của chúng ta.

Bản chất con người không thay đổi, luôn có những vấp phạm dễ dàng trở thành những dịp phạm tội. Con cái Chúa phải tập đối diện với những lỗi lầm ấy một cách trung thực, đầy dẫy lòng yêu thương và tha thứ khi kẻ khác ăn năn, Mục sư kiêm thi sĩ George Herbert đã viết: “Ai không thể tha thứ, người ấy sẽ làm gãy chiếc cầu mà mình phải đi qua”.

2. Sự Trung Tín

Lu-ca 17: 7-10

⁷ Ai trong các người có đầy tớ đi cày hoặc đi chăn, khi ở ngoài đồng về, biểu nó rằng: Hãy đến ngay mà ngồi ăn, hay sao? ⁸ Trái lại, há không biểu nó rằng: Hãy dọn cho ta ăn, thắt lưng hầu ta, cho đến chừng nào ta ăn uống xong, rồi sau người sẽ ăn uống sao? ⁹ Đầy tớ vâng lệnh mà làm, thì chủ có biết ơn gì nó chăng? ¹⁰ Các người cũng vậy, khi làm xong việc truyền phải làm, thì hãy nói rằng: Chúng tôi là đầy tớ vô ích; điều chúng tôi đã làm là điều chắc phải làm.

Lu-ca 17:7 cho thấy Chúa muốn quân bình giữa bài học này với bài học khác. Thật nguy hiểm nếu mười hai sứ đồ có thể bị lôi cuốn vào những công việc phụ, khiến họ bỏ qua những nhiệm vụ hằng ngày trong đời sống! Nếu đức tin không đem lại sự trung tín, sẽ không thể hoàn thành công việc của Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta có đức tin làm những việc khó (c.1-6) là điều tốt, nhưng điều quan trọng là đức tin ấy có thể giúp chúng ta thực hiện *nhiệm vụ bình thường hằng ngày* Chúa đã giao phó. Những đặc ân phải luôn cân bằng với trách nhiệm!

Người đầy tớ trong câu chuyện là người làm đủ mọi việc. Anh ta có nhiệm vụ làm ruộng, chăn chiên, nấu ăn. Vì ít tiền nên chỉ thuê một đầy tớ là chuyện bình thường. Nhưng Chúa mô tả một trường hợp mà thời đó người ta không thể tưởng tượng được: chủ chăm sóc đầy tớ! Thật vậy, Ngài mở đầu câu chuyện với câu hỏi: “Ai trong các người...?” Hẳn các môn đệ

đã đáp: “Chẳng ai trong chúng tôi tưởng tượng nổi”.

Chúa Giê-xu đã từng nói về mối liên hệ giữa Ngài với các môn đệ và *hứa sẽ phục vụ họ nếu họ trung tín* (Lu-ca 12:35-38). Ngài ở giữa họ như một đầy tớ (22:27) dù Ngài là Đấng chủ tể muôn loài. Câu chuyện này nhấn mạnh về sự trung tín đối với nhiệm vụ được giao. Nếu một tôi tớ bình thường còn biết vâng phục mệnh lệnh của người chủ không hề thưởng công cho mình, vậy môn đệ Chúa càng phải vâng phục Đấng yêu thương nhiều hơn thế, vì Ngài là Đấng hứa thưởng cho họ cách rộng rãi!

Một đầy tớ trung tín không nên mong đợi một phần thưởng nào vì chỉ làm những việc được giao. Khi nói “là đầy tớ vô ích” có nghĩa là: “Chủ tôi không nợ tôi điều gì”. *Việc Chúa Giê-xu sẽ thưởng cho tôi tớ Ngài là vấn đề ân huệ của Đức Chúa Trời*. Chúng ta không xứng đáng đòi hỏi điều gì cho sự vâng lời và phục vụ Ngài.

Là tôi tớ Chúa, chúng ta phải giữ mình kẻo có thái độ không đúng đắn đối với trách nhiệm được giao. Có hai thái cực cần tránh. Hoặc chỉ làm nhiệm vụ như một tôi tớ miễn cưỡng, hoặc làm việc để mong nhận được phần thưởng. Nhà công nghệ R. G. Le Tourneau từng nói: “...Nếu bạn ban cho để được đền đáp, thì chẳng được đền đáp gì cả”. Nguyên tắc này cũng áp dụng cho sự phục vụ, cả hai thái độ này đều thấy trong thái độ của người con cả (15:25-32), là người vâng phục cha một cách khổ sở, luôn mong cha sẽ cho mình một bữa tiệc đãi bạn hữu. Vậy Cơ Đốc nhân cần phải có thái độ ra sao? “Lấy lòng tốt làm theo ý muốn Đức Chúa Trời” (*Ê-phê-sô* 6:6). “Nếu các ngươi yêu mến ta thì giữ gìn các điều răn ta” (*Giăng* 14:15). Đối với người được tái sinh thì “Điều răn của Ngài chẳng phải là nặng nề” (*I Giăng* 5:3). Phục vụ Chúa là một sự vui mừng chứ không chỉ là nhiệm vụ, chúng ta vâng phục Ngài vì yêu mến Ngài. “Hỡi Đức Chúa Trời, tôi lấy làm vui mừng làm theo ý muốn Chúa; Luật pháp Chúa ở trong lòng tôi” (*Thi Thiên* 40:8).

3. Tinh Thần Tạ Ơn

Lu-ca 17: 11-19

¹¹ Đức Chúa Jê-sus đương lên thành Giê-ru-sa-lem, trái qua bờ cõi xứ Sa-ma-ri và Ga-li-lê. ¹² Nhằm khi vào làng kia, có mười người phung đến đón rước Ngài, đứng đàng xa, ¹³ lên tiếng rằng: Lạy Jê-sus, lạy Thầy, xin thương xót chúng tôi cùng! ¹⁴ Khi Ngài thấy họ, liền phán rằng: Hãy đi, tỏ mình cùng thầy tế lễ. Họ đương đi thì phung lành hết thầy. ¹⁵ Có một người trong bọn họ thấy mình đã được sạch, bèn trở lại, lớn tiếng khen ngợi Đức Chúa Trời; ¹⁶ lại đến sấp mặt xuống đất, nơi chân Đức Chúa Jê-sus, mà tạ ơn Ngài. Vả, người đó là người Sa-ma-ri. ¹⁷ Đức Chúa Jê-sus bèn cất tiếng phán rằng: Không phải mười người đều được sạch cả sao? Còn chín người kia ở đâu? ¹⁸ Chỉ có người ngoại quốc này trở lại ngợi khen Đức Chúa Trời ư! ¹⁹ Ngài lại phán rằng: Đứng dậy, đi; đức tin người đã cứu người.

Những sự kiện ở sách *Giăng* 11 đã xảy ra giữa khoảng thời gian của câu *Lu-ca 17:10* và *17:11*, khi Chúa trên đường đến Giê-ru-sa-lem. Tại ranh giới Sa-ma-ri và xứ Giu-đê, Ngài chữa lành mười người phung cùng một lúc. Trong số những kẻ được lành có một người Sa-ma-ri, khiến cho sự kiện này càng thêm ý nghĩa (*Lu-ca 10:30-37*). Qua sự kiện này, Chúa Giê-xu muốn dạy dỗ chúng ta bài học về lòng biết ơn đối với Đức Chúa Trời.

Câu chuyện bắt đầu từ *mười người phung* (*Lu-ca 17:11-13* xem *5:12-15*). Người Do Thái và người Sa-ma-ri vốn không giao hảo với nhau, nhưng những kẻ khốn khổ thích kết bạn với nhau. Đây là mười người bị xã hội ruồng bỏ. Bạn nghĩ xem, sống mà như đang chết, vậy sự tồn tại của họ trên đời có gì khác nhau? Tuy vậy mười người phung đều có hy vọng vì Chúa Giê-xu đang ở đó, nên họ đã lớn tiếng cầu xin Ngài thương xót. Từ họ dùng “lạy Thầy” cũng giống như Phi-e-rô đã dùng (*5:5*), có nghĩa Ngài là Đấng có quyền ra lệnh trên mọi sự. Họ biết Ngài có thể ra lệnh cho bệnh tật và sự chết, nên tin rằng Ngài có thể giúp mình.

Câu chuyện tiếp tục đề cập đến *chín kẻ vô ơn* (*Lu-ca 17:17*). Chúa Giê-xu ra lệnh cho những người phung đến tỏ mình cùng các thầy tế lễ. Đây là một hành động của đức tin, vì lúc đó họ

vẫn chưa được chữa lành. Khi họ vâng lời, họ được lành bệnh hoàn toàn vì sự vâng lời là bằng chứng của đức tin (*II Các vua* 5:1-14).

Có lẽ bạn tưởng rằng mười người sẽ chạy đến cảm tạ Chúa vì họ có một đời sống mới, nhưng chỉ có một người biết ơn Ngài, hơn nữa anh ta không phải là người Do Thái. Lẽ ra, họ phải có lòng biết ơn vì Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Giê-xu đến đây và tình yêu đã khiến Ngài chú ý đến nhu cầu của họ. Chính vì ân sủng và quyền năng của Đức Chúa Trời đã khiến họ được lành. Lẽ ra họ phải cùng thành lập một ban hát đột xuất và tôn vinh Chúa bằng *Thi Thiên* 103

Tuy nhiên, trước khi xét đoán họ gay gắt, chúng ta hãy nhìn lại xem “mức độ biết ơn” của chúng ta ra sao. Có bao lần chúng ta nhận những ơn phước nhưng không cảm tạ Chúa? “Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự nhơn từ Ngài, và vì các công việc lạ lùng Ngài làm cho con loài người!” (*Thi Thiên* 107:8, 15, 21, 31). Chúng ta luôn hài lòng với những sự ban cho và quên Đấng ban phát. Chúng ta nhanh nhẹn trong sự cầu xin nhưng chậm chạp trong sự tạ ơn.

Martin Rinkhart đã viết bài ca mang tựa đề “*Nào, Chúng Ta Hãy Cảm Tạ Chúa*” (*Now Thank We All Our God*) trong thời gian cuộc chiến ba mươi năm là lúc mà chức vụ mục sư của ông gặp nhiều khó khăn nhất. Mỗi ngày ông phải làm lễ tang cho khoảng 40 đám tang trong đó có tang lễ của vợ ông. Vậy mà ông vẫn viết được những lời ca vui mừng, xem như đó là một ơn phước Chúa dành cho gia đình mình. Bất chấp chiến tranh, bệnh tật, đau buồn diễn ra quanh ông, ông vẫn có thể dâng lời cảm tạ Chúa với lòng biết ơn.

Lu-ca kết thúc câu chuyện khi đề cập đến *một người đặc biệt* (*Lu-ca* 17:15-19). Người Sa-ma-ri này đã lớn tiếng ngợi khen Đức Chúa Trời, quỳ nơi chân Chúa Giê-xu để tạ ơn Ngài. Theo lệ thường, có lẽ anh ta đã theo chín người kia đến đền thờ, nhưng trước tiên anh ta đã đến với Chúa Giê-xu bằng của lễ “ngợi khen” (*Hê-bơ-rơ* 13:15; *Thi Thiên* 107:22). Điều này

làm Chúa đẹp lòng hơn mọi của lễ của những kẻ khác dâng lên, cho dù họ đã vâng theo luật pháp (*Thi Thiên* 51:15-17). Thay vì đến thầy tế lễ, người Sa-ma-ri đã trở nên một thầy tế lễ và anh ta đã lập một bàn thờ ngay bên chân Chúa Giê-xu (đọc *Thi Thiên* 116:12-19).

Đến với Chúa Giê-xu, người Sa-ma-ri này đã nhận được một điều kỳ diệu hơn sự chữa bệnh thể xác: anh ta cũng được cứu khỏi tội lỗi. Chúa phán: “đức tin người đã cứu người”, đó cũng là lời Ngài đã phán với người đàn bà xứ dầu nơi chân Ngài (*Lu-ca* 7:50). Chín người kia được thầy tế lễ xưng là tinh sạch, nhưng người Sa-ma-ri này được Con Đức Chúa Trời xưng là kẻ được cứu! Kinh nghiệm được phép lạ chữa bệnh là điều kỳ diệu, nhưng kinh nghiệm phép lạ của sự cứu rỗi đời đời còn kỳ diệu hơn nhiều.

Mỗi con cái Đức Chúa Trời phải luôn sống trong tinh thần tạ ơn. Điều đó không chỉ khiến đời sống chúng ta phước hạnh mà còn làm vinh hiển danh Chúa. Lòng vô ơn chính là “vùng đất” màu mỡ cho mọi điều ác phát triển (*Rô-ma* 1:21).

4. Sự Tĩnh Thúc

Lu-ca 17: 20-37

²⁰ Người Pha-ri-si hỏi Đức Chúa Jêsus nước Đức Chúa Trời chừng nào đến, thì Ngài đáp rằng: Nước Đức Chúa Trời không đến cách rõ ràng, ²¹ và người ta sẽ không nói: Ở đây, hay là: Ở đó; vì vậy, nước Đức Chúa Trời ở trong các người.

²² Ngài lại phán cùng môn đồ rằng: Sẽ có kỳ các người ước ao thấy chỉ một ngày của Con Người, mà không thấy được. ²³ Người ta sẽ nói cùng các người rằng: Ngài ở đây, hay là: Ngài ở đó; nhưng đừng đi, đừng theo họ. ²⁴ Vì như chớp nháng loè từ dưới phương trời nầy đến dưới phương trời kia, thì Con Người trong ngày Ngài cũng như vậy. ²⁵ Nhưng Ngài trước phải chịu đau đớn nhiều, và bị dòng dõi nầy bỏ ra. ²⁶ Việc đã xảy đến trong đời Nô-ê, thì cũng sẽ xảy đến trong ngày Con Người: ²⁷ Người ta ăn, uống, cưới, gả, cho đến ngày Nô-ê vào tàu, và nước lụt đến hủy diệt thiên hạ hết. ²⁸ Việc đã xảy ra trong đời Lót cũng vậy, người ta ăn, uống, mua, bán, trồng tía, cất dựng; ²⁹ đến ngày Lót ra khỏi thành Sô-đôm, thì trời mưa lửa và diêm sinh, giết hết dân thành ấy. ³⁰ Ngày Con Người hiện ra cũng một thể nầy. ³¹ Trong ngày đó, ai ở trên mái nhà, có của để trong nhà, đừng xuống mà chuyên đi; ai ở ngoài đồng, cũng đừng trở về nữa.

³² Hãy nhớ lại vợ của Lót. ³³ Ai kiếm cách cứu sự sống mình, thì sẽ mất; ai mất

sự sống mình, thì sẽ được lại. ³⁴ Ta phán cùng các người, trong đêm đó, hai người nằm chung giường, một người sẽ được rước đi, còn một bị để lại. ³⁵ Hai người đàn bà xay chung cối, một người được rước đi, còn một bị để lại. (Có mấy bản thêm câu 36 rằng: Hai người ở ngoài đồng, một người được rước đi, còn một bị để lại.) ³⁷ Các môn đồ bèn thưa Ngài rằng: Thưa Chúa, sự ấy sẽ ở tại đâu? Ngài đáp rằng: Xác chết ở đâu, chim ó nhóm tại đó.

Người dân Do Thái sống trong tinh thần chờ đợi nôn nóng, đặc biệt vào kỳ lễ Vượt Qua (kỷ niệm dân Do Thái được giải thoát khỏi Ai Cập). Họ mong một Môi-se nào đó có thể giải cứu họ khỏi ách nô lệ. Một số người hy vọng Giăng Báp-tít sẽ là người giải phóng họ, và giờ đây họ lại chú ý đến Chúa Giê-xu (*Giăng* 6:15). Sự kiện Chúa đến Giê-ru-sa-lem càng khiến họ nôn nóng hơn (*Lu-ca* 19:11). Họ nghĩ rằng Ngài sẽ lập ra vương quốc như đã được báo trước!

Người Pha-ri-si là những người rất chăm về luật pháp (*Ma-thi-ơ* 23:2-3) nên họ có quyền hỏi Chúa Giê-xu rằng khi nào Nước Đức Chúa Trời sẽ hiện ra. Các thầy luật Do Thái thường bàn luận những vấn đề này giữa công chúng, và Chúa đã trả lời cho họ cách thỏa đáng. Tuy nhiên, Ngài dùng những bài học này cốt để dạy các môn đệ.

Ở *Lu-ca* 17:20, từ “rõ ràng” được sử dụng ở đây đối chiếu với từ Hy Lạp cổ nghĩa là “có thể quan sát qua những dấu hiệu”. Từ này bao hàm ý theo dõi, rình rập hoặc sự điều tra cách khoa học. Vấn đề Chúa đưa ra đó là Nước Trời sẽ không đến rõ ràng để người ta có thể biết trước khi nào nó xuất hiện hay theo dõi được diễn tiến của nó.

Câu hỏi của người Pha-ri-si đưa ra hoàn toàn chính đáng, nhưng cũng thật đáng buồn, vì Chúa đã giảng dạy giữa họ suốt ba năm, mà họ vẫn còn ở trong sự tối tăm *thuộc linh*. Họ không hiểu Chúa là ai và Ngài đang đeo đuổi điều gì. Quan điểm về Vương quốc mới của họ mang tính “chính trị” hơn thuộc linh, mang tính “Do Thái” hơn phổ quát. Chúa không phủ nhận rằng sẽ có một vương quốc trên đất trong tương lai, nhưng Ngài muốn nói đến tầm quan trọng của vương quốc

thuộc linh mà người ta chỉ có thể vào được qua sự tái sinh (Giăng 3:1-8).

Câu nói “Nước Đức Chúa trời ở trong các người” đã làm cho các dịch giả Kinh Thánh và những nhà giải nghĩa phải suy nghĩ bao thế kỷ qua. Họ đưa ra nhiều giải thích. Có một điều chúng ta biết chắc, đó là Chúa không muốn nói với những người Pha-ri-si vô tín rằng họ có Nước Đức Chúa Trời trong lòng! Chúa muốn nói: “Đừng tìm kiếm Nước Trời ở bên ngoài nếu trước tiên ngay trong lòng các người chưa có Nước Đức Chúa Trời” (Rô-ma 14:17). Đồng thời Chúa muốn nói: “Ta ở giữa các người là điều có ý nghĩa, vì ta là Vua. Làm sao các người có thể vào Nước Trời nếu các người chối bỏ Vua?” (xem Lu-ca 19:38-40). Người Pha-ri-si rất quan tâm đến những biến cố tương lai nhưng lại không để ý đến những cơ hội trong hiện tại (12:54-57).

Sau khi trả lời người Pha-ri-si, Chúa cho môn đệ biết Nước Đức Chúa Trời sẽ đến. Ngài dặn họ đừng quá nghĩ đến sự tái lâm của Ngài để rồi không làm gì cả, nhưng phải noi dấu chân Ngài. Đây là lời khuyên bổ ích cho những ai chẳng làm gì mà chỉ nghiên cứu những lời tiên tri. Hẳn chúng ta ai cũng nôn nóng chờ đợi ngày Chúa tái lâm, nhưng đồng thời chúng ta phải lo làm xong việc Chúa giao trước khi Ngài đến (Công Vụ Các Sứ Đồ 1:6-11).

Trước hết, việc Chúa đến tác động cả thế giới, nên thật dại dột cho những ai tin theo các tiên tri giả, cho rằng “Ngài ở đây” hoặc “Ngài ở đó!” Hơn nữa, Chúa đến tựa như chớp nhoáng (Ma-thi-ơ 24:27, 30). Dù những lời tiên tri trong Kinh Thánh giúp chúng ta hiểu đặc điểm chung của thời kỳ Chúa tái lâm, nhưng không thể biết rõ ngày và giờ (Lu-ca 12:40,46; Ma-thi-ơ 25:13). Xem những dấu lạ rồi cố tính toán ngày giờ Chúa trở lại, là điều vô nghĩa.

Chúa dùng hai biến cố thời Cựu Ước để bày tỏ sự chắc chắn và bất ngờ trong ngày Chúa trở lại: đó là biến cố nước lụt (Sáng Thế Ký 6:1-8:22) và sự hủy diệt thành Sô-đôm (Sáng

Thế Ký 19:1-38). Trong hai biển cố ấy, người thế gian chỉ mãi mê ăn uống, cưới gả, mua bán mà chẳng hề tỉnh thức. Trong những năm trước khi nước lụt xảy ra, Nô-ê đã làm chứng cho người lân cận nhưng lòng họ vẫn không thay đổi (*II Phi-e-rơ* 2:5). Nô-ê cùng vợ, ba con trai và các dâu của ông, tất cả chỉ có tám người được cứu sống vì họ đã bước vào tàu. Phi-e-rơ xem đây như một minh hoạ về sự cứu rỗi mà Cơ Đốc nhân nhận được bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu (*I Phi-e-rơ* 3:18-22).

Nô-ê và Lót sống trong thời kỳ niềm tin con người chao đảo, đạo đức bị biến chất, chẳng khác gì thời đại chúng ta. Trong đời Nô-ê, dân số phát triển đáng kể (*Sáng Thế Ký* 6:1), sự gian ác của con người gia tăng (*Sáng Thế Ký* 6:5) và bạo lực dấy đầy trên đất (*Sáng Thế Ký* 6:11, 13). Trong đời Lót, sự tham lam tội cùng của dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ khiến Đức Chúa Trời vô cùng gớm ghiếc, đến nỗi Ngài quyết định tiêu diệt hai thành ấy. Chỉ có Lót, hai con gái và vợ ông (là người sau đó cũng bị hành phạt) được cứu khỏi sự đoán phạt kinh khiếp này.

Lu-ca 17:30-36 mô tả điều sẽ xảy đến khi Chúa Giê-xu trở lại xét đoán thế gian, đánh bại kẻ thù Ngài và lập Vương quốc Ngài trên đất (*Khải Thị* 19:11-20:6). Các tín hữu của mọi thời đại có thể lưu ý những câu này như chính sự cảnh tỉnh dành cho mình nhưng chúng được áp dụng cách đặc biệt cho dân Y-sơ-ra-ên vào cuối thời đại (*Ma-thi-ơ* 24: 29-44). Khi Chúa đến rước Hội Thánh Ngài lên trời, điều này sẽ xảy ra “trong giây phút, trong nháy mắt” (*I Cô-rinh-tô* 15:52). Không ai có phần trong sự được cất lên với Chúa lại phải lo mình đang ở trên mái nhà hoặc nơi đồng ruộng hoặc muốn đem cái gì đó ra khỏi nhà! Khi Chúa trở lại, sự hiện đến của Ngài sẽ được báo trước bởi một dấu lạ từ trời (*Ma-thi-ơ* 24:30-31) có lẽ một số người cố chạy về nhà để giữ cho mình cái gì. Hãy nhớ đến vợ của Lót!

Động từ “được đem đi” ở *Lu-ca* 17:34-36 không có nghĩa là “được đem lên trời” nhưng “bị đem đi để chịu sự phán xét”

(*Ma-thi-ơ* 24:36-41). Người ở lại chính là người tin Chúa sẽ được hưởng Nước Thiên Đàng. Nô-ê và gia đình ông được “để lại” để hưởng một cuộc sống mới, trong khi mọi dân trên đất bị nước cuốn đi. Lót và các con được để lại trong khi dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ bị đem đi khi lửa và diêm sanh hủy diệt hai thành phố này.

Hình ảnh đêm và ngày ở *Lu-ca* 17:34-36 cho thấy cả thế gian sẽ chứng kiến sự tái lâm của Chúa trong vinh hiển “Kìa Ngài đến giữa những đám mây, mọi mắt sẽ trông thấy...” (*Khải Thị* 1:7).

Các môn đệ được nghe Chúa nói về người bị đem đi và để lại ba lần, nên họ hỏi Ngài “ở tại đâu?” Câu trả lời của Chúa tương tự một châm ngôn: “Như chim ó tụ tập quanh xác chết, thì những kẻ hư mất sẽ bị biệt riêng ra để chịu sự đoán phạt” (xem *Ma-thi-ơ* 24:28). Cuộc chiến cuối cùng được mô tả trong *Khải Thị* 19:17-21 thật giống với hình ảnh những con chim ăn thịt người chết được ăn uống no nê trên những xác chết.

Mặt khác, khi Chúa trở lại đoán phạt kẻ ác, sẽ có sự phân cách giữa người được cứu và kẻ hư mất. Dù ngày hay đêm, dù mọi người đang làm việc hay đang ngủ, sự phân cách và xét đoán này sẽ xảy ra. Những ai được cứu sẽ được ở lại để hưởng Nước Thiên Đàng vinh hiển, còn những kẻ hư mất sẽ bị đem đi để chịu đoán phạt.

Mặc dù lời giải thích ở những câu này trước tiên dành cho người Y-rơ-sa-ên trong thời kỳ sau rốt, nhưng cũng cho Hội Thánh Chúa ngày nay thấy tầm quan trọng của tinh thần sẵn sàng khi Chúa đến. Chúng ta không nên giống vợ Lót là người quá “vương vấn” thành Sô-đôm nên đã quay lại nhìn dù đã được thiên sứ dặn trước (*Sáng Thế Ký* 19:17,26). Ngày nay có nhiều người tự xưng là Cơ Đốc nhân, nhưng sự giả dối của họ sẽ bị vạch trần khi Chúa trở lại (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 5:1-11)! Lời Chúa dạy ở *Lu-ca* 17:33 tương tự với *Ma-thi-ơ* 10:39; *Lu-ca* 9:24 và *Giăng* 12:25. Đó là nguyên tắc cơ bản trong đời sống Cơ Đốc nhân. Cách duy nhất để cứu sự sống bạn, đó là chịu

mất nó vì Chúa Cứu Thế và vì Phúc Âm.

Chúa Giê-xu phác họa nền văn minh như một “xác chết thối rữa” và sẽ có một ngày phải chịu sự đoán phạt. Người tin Chúa có óc sáng suốt sẽ hiểu những biến cố xảy đến với chính mình. Chúa vì Hội Thánh, có thể trở lại bất cứ lúc nào. Vì vậy, chúng ta không cần tìm kiếm những dấu hiệu nhưng điều chúng ta có thể biết là những cái bóng của biến cố đi trước các biến cố. Khi những điều ấy bắt đầu xảy ra, chúng ta biết rằng ngày Chúa tái lâm đã gần kề (*Lu-ca* 21:28).

Chúng ta có mong Chúa trở lại không? Chúng ta có thật sự muốn gặp Ngài không?

Mỗi Hạng Người Một Bài Học

Lu-ca 18

Chesterfield, một chính khách người Anh đã viết: “Kiến thức... có thể có được là do đọc con người và nghiên cứu những mẫu người khác nhau”.

Ông ta muốn đề cập đến “tri thức của thế gian”, nhưng điều ông ta nói cũng áp dụng cho sự hiểu biết về thuộc linh. Con người có thể học biết nhiều điều qua “cuốn sách nhân loại” trong đời sống thường nhật, trong lịch sử, tiểu sử con người hoặc ngay cả trong tiểu thuyết.

Có nhiều “mẫu” người được nói đến trong đoạn Kinh Thánh này và mỗi mẫu người cho chúng ta một bài học. Là một thầy thuốc có lòng thương xót, Lu-ca đã viết về những góa phụ, chính khách, người Pha-ri-si, người thu thuế, trẻ con, người già, người giàu có và kẻ hành khất. Qua sắc thái phong phú của tính cách con người, tôi xin chọn ra bốn mẫu người để chúng ta cùng tìm hiểu, qua họ, chúng ta sẽ nhận được những bài học ý nghĩa.

1. Một Bà Góa Kiên Nhẫn Nài Xin

Lu-ca 18:1-8

¹ Đức Chúa Jêsus phán cùng môn đồ một thí dụ, để tỏ ra rằng phải cầu nguyện luôn, chớ hề mỗi một: ² Trong thành kia, có một quan án không kính sợ Đức Chúa Trời, không vì nể ai hết. ³ Trong thành đó cũng có một người đàn bà góa, đến thưa quan rằng: Xin xét lẽ công bình cho tôi về kẻ nghịch cùng tôi. ⁴ Quan ấy từ chối đã lâu. Nhưng kể đó, người tự nghĩ rằng: Dầu ta không kính sợ Đức Chúa Trời, không vì nể ai hết, ⁵ song vì đàn bà góa này khuấy rầy ta, ta sẽ xét lẽ công bình cho nó, để nó không tới luôn làm nhức đầu ta. ⁶ Đoạn, Chúa phán thêm rằng: Các ngươi có nghe lời quan án không công bình đó đã nói chẳng? ⁷ Vậy, có lẽ nào Đức Chúa Trời chẳng xét lẽ công bình cho những người đã được chọn, là kẻ đêm ngày kêu xin Ngài, mà lại chậm chạp đến cứu họ sao! ⁸ Ta nói cùng các ngươi, Ngài sẽ vội vàng xét lẽ công bình cho họ. Song khi Con Người đến, há sẽ thấy đức tin trên mặt đất chẳng?

Lu-ca chú ý đến các bà góa nhiều hơn các sách Phúc Âm khác (Lu-ca 2:37-38; 4:25-26; 7:11-17; 18:1-8; 20:45-47; 21:1-4). Vào thời ấy, các góa phụ rất khó khăn trong việc kiếm sống dù Đức Chúa Trời đã phán dạy dân chúng phải chăm sóc họ (Xuất Ê-díp-tô Ký 22:22-24; Phục Truyền Luật Lệ Ký 14:28-29; 16:9-15; Thi Thiên 146: 9; Ê-sai 1:17; 23; Giê-rê-mi 7:6). Hội Thánh ban đầu cũng rất quan tâm đến các tín hữu góa bụa (Công Vụ Các Sứ Đồ 6:1; I Ti-mô-thê 5:3-10; Gia-cơ 1:27), đó là một gương tốt cho chúng ta hôm nay noi theo.

Khi suy ngẫm câu chuyện này, bạn hãy xem bối cảnh của nó. Phòng xử án không phải là một tòa nhà đẹp, nhưng chỉ là một lều trại có thể di chuyển từ nơi này sang nơi khác khi quan tòa xử án lưu động trong khu vực của ông. Quan tòa lập chương trình và ngồi xử án giữa trại, chung quanh là các trợ lý. Ai cũng có thể theo dõi diễn tiến xử án từ ở bên ngoài, nhưng chỉ có những ai được chấp thuận mới được xét án. Điều này có nghĩa là phải dứt lốt cho các trợ lý mới mong được quan tòa xét đơn kiện.

Bà góa này có ba trở ngại khó vượt qua. Thứ nhất, vì là phụ nữ, bà bị cô thế trước pháp luật. Trong xã hội Palestine thời Chúa Giê-xu, phụ nữ không đi đến tòa án. Thứ hai, vì là

góa phụ, bà không có chồng cùng đi đến tòa. Thứ ba, bà quá nghèo nên không thể “đút lót” dù muốn đi nữa. Chúng ta không lấy làm lạ khi các bà góa nghèo không được luật pháp bảo vệ như đáng phải có.

Qua bối cảnh câu chuyện, chúng ta có thể hiểu nhiều hơn về điều Chúa muốn dạy dỗ. Để khích lệ môn đệ cầu nguyện Ngài nêu lên ba điểm tương phản:

Cầu nguyện tương phản với mỗi một (Lu-ca 18:1). Nếu không cầu nguyện chúng ta sẽ mỗi một, đó là điều đơn giản! Từ “mỗi một” mô tả một người tin Chúa bị ngã lòng và hèn nhát, muốn trốn chạy. Tôi nhớ có hai lần bị mỗi một về thể chất và đó thật là một cảm giác tồi tệ nhất mà tôi đã kinh nghiệm. Tôi cảm thấy mình sắp “ra đi” mà chẳng làm được gì.

Có một sự liên hệ giữa Lời Chúa phán trong Lu-ca 18:1 và 17:37. Nếu xã hội tựa như một “xác chết” thối rữa, vậy “không khí” chúng ta đang hít thở dần dần bị ô nhiễm và chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến đời sống tâm linh của chúng ta. Khi cầu nguyện, chúng ta đã sử dụng “không khí tinh khiết” từ thiên đàng, giữ cho chúng ta không bị mỗi một.

“Cầu nguyện luôn” hoặc “cầu nguyện không thôi” nghĩa là gì? (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:17). Chắc chắn đó không có nghĩa là chúng ta phải liên tục lặp lại các bài cầu nguyện, vì Chúa Giê-xu cũng đã cảnh cáo chống lại loại cầu nguyện này (Ma-thi-ơ 6:5-15). Đúng hơn, nó có nghĩa là làm cho sự cầu nguyện trở nên tự nhiên như hơi thở vậy. Nếu không có những lúc bệnh hoạn hoặc bị ngạt thở, chúng ta hiếm khi nghĩ đến hơi thở mình. Sự cầu nguyện cũng phải trở nên một thói quen bình thường trong đời sống chúng ta, là “không khí” chúng ta cần có luôn luôn để sống.

Cầu nguyện còn vượt trên những lời của môi miệng, đó là những ước muốn khao khát từ đáy lòng. Tấm lòng chúng ta lúc nào cũng có sự khao khát trước mặt Chúa, dù chúng ta chưa hề mở lời. Vì vậy “cầu nguyện không thôi” nghĩa là có những ước muốn thánh khiết trong ý Chúa, hầu chúng ta luôn

ở trong mối liên hệ mật thiết với Cha trên trời và cầu xin những ơn phước từ Ngài.

Bạn hãy chọn lựa: bạn muốn cầu nguyện hay muốn bị mệt?

Bà góa tương phản với người được Đức Chúa Trời chọn. Chúa Giê-xu không nói rằng con cái Đức Chúa Trời giống bà góa này, nhưng Ngài phán điều ngược lại. Vì không như bà góa, chúng ta phải dạn dĩ trong sự cầu nguyện. Chúa lập luận từ điều nhỏ đến điều lớn hơn: “Nếu bà góa nghèo kia còn được một quan án ích kỷ chiếu cố đến, lẽ nào con cái Đức Chúa Trời lại chẳng nhận được nhiều phước hạnh từ nơi Cha trên trời là Đấng đầy lòng yêu thương?” Hãy suy ngẫm những tương phản này. Trước hết, người đàn bà góa này chỉ là một người lạ, nhưng *chúng ta là con cái Đức Chúa Trời* được Ngài chăm sóc (Lu-ca 11:13). Người đàn bà góa không có cơ hội nào đến gần quan tòa, nhưng con cái Chúa có cơ hội dễ dàng để đến với Ngài bất cứ lúc nào khi cần được cứu giúp (Ê-phê-sô 2:18; 3:12; Hê-bơ-rơ 4:14-16; 10:19-22). Người đàn bà không bệ bạn nơi tòa án, không ai giúp bà ghi vụ kiện vào sổ án. Bà chỉ có thể đi tới lui bên ngoài trại xử, than thở và kêu cầu lớn tiếng với quan tòa. Khi người tin Chúa cầu nguyện, ngay trên thiên đàng họ có Đấng Christ là Đấng cầu thay (I Giăng 2:1) và là Thầy tế lễ thượng phẩm (Hê-bơ-rơ 2:17-18) lúc nào cũng cầu thay họ trước ngai Đức Chúa Trời. Khi cầu nguyện, chúng ta có thể mở lời bằng cách kể ra những lời hứa của Đức Chúa Trời, nhưng bà góa lại không có lời hứa nào khi cố gắng thuyết phục quan tòa nghe lời kiện của mình. Chúng ta không chỉ có những lời hứa thành tín của Đức Chúa Trời mà còn được Đức Thánh Linh giúp đỡ trong sự cầu xin của mình (Rô-ma 8:26-27). Có lẽ sự tương phản lớn nhất là bà góa đã đến tòa án của luật pháp, còn con cái Đức Chúa Trời đến trước “ngai ơn phước” của Ngài (Hê-bơ-rơ 4:14-16). Bà góa cầu xin vì sự nghèo khổ, còn chúng ta được Đức Chúa Trời dành sẵn mọi của báu đáp ứng nhu cầu chúng ta (Phi-líp 4:19).

Điểm được nêu lên thật rõ ràng; nếu không cầu nguyện, tình trạng thuộc linh của chúng ta chẳng khác gì một bà góa nghèo khổ. Điều này nhắc nhở chúng ta phải cầu nguyện luôn!

Quan án tương phản với Cha trên trời. Nếu bạn không hiểu rằng Chúa muốn đưa ra những tương phản này, bạn sẽ cho rằng phải “lý luận” hay “đút lót” điều gì đó cho Đức Chúa Trời mới mong được nhậm lời cầu xin! Đức Chúa Trời không giống vị quan án, vì Ngài là một người Cha đầy lòng yêu thương luôn chú ý đến lời kêu xin của chúng ta, ban cho rời rộng, đáp ứng mỗi nhu cầu và sẵn sàng nhậm lời khi chúng ta kêu cầu Ngài. Lý do duy nhất khiến quan án giúp bà góa, đó là vì bà có thể sẽ “làm nhục đầu” ông, sẽ làm mất uy danh của ông. Đức Chúa Trời đáp lời cầu nguyện của chúng ta vì vinh hiển Ngài và vì lợi ích của chúng ta, Ngài không hề bực bội khi chúng ta đến với Ngài.

Vậy chúng ta giải thích thế nào về “sự trì hoãn” trong những sự nhậm lời, đặc biệt khi Chúa Giê-xu phán rằng Đức Chúa Trời sẽ “vội vàng xét lẽ công bình” (*Lu-ca* 18:8). Hãy nhớ rằng “sự trì hoãn” của Đức Chúa Trời không phải là sự thụ động nhưng là “sự trì hoãn có dự tính”. Ngài luôn đáp lời cầu xin, bằng không thì *Rô-ma* 8:28 chắc không thể có trong Kinh Thánh! Đức Chúa Trời hành động qua mọi việc trong mọi lúc, hiệp mọi sự lại để hoàn thành mục đích Ngài, khi chúng ta cầu xin theo ý Chúa (*I Giăng* 5:14-18) là lúc Ngài bắt đầu hành động. Có thể bây giờ chúng ta không hiểu được, nhưng rồi có một ngày chúng ta sẽ nhận được sự nhậm lời.

Câu hỏi ở câu 8 có liên hệ với điều Chúa Giê-xu dạy ở *Lu-ca* 17:22-37. “...Con người đến, há sẽ thấy đức tin trên mặt đất chăng?” Thời kỳ sau rốt sẽ không phải là thời kỳ người ta có đức tin mạnh mẽ. Có tám người được cứu trong đời Nô-ê và chỉ bốn người thoát khỏi Sô-đôm (trong đó một người bị hư mất trên đường đi). Đoạn này giống với ý tưởng ở *I Ti-mô-thê* 4:1-5 và *II Ti-mô-thê* 3:1-9, vẽ lên một bức tranh u tối của thời kỳ sau rốt!

2. Người Pha-ri-si Tự Lừa Đối Mình

Lu-ca 18: 9-14

⁹ Ngài lại phán thí dụ nầy về kẻ cậy mình là người công bình và khinh để kẻ khác: ¹⁰ Có hai người lên đền thờ cầu nguyện: một người Pha-ri-si và một người thu thuế. ¹¹ Người Pha-ri-si đứng cầu nguyện thẳm như vậy: Lạy Đức Chúa Trời, tôi tạ ơn Ngài, vì tôi không phải như người khác, tham lam, bất nghĩa, gian dâm, cũng không phải như người thu thuế nầy. ¹² Tôi kiêng ăn một tuần lễ hai lần, và nộp một phần mười về mọi món lợi của tôi. ¹³ Người thu thuế đứng xa xa, không dám ngước mắt lên trời, đấm ngực mà rằng: Lạy Đức Chúa Trời, xin thương xót lấy tôi, vì tôi là kẻ có tội! ¹⁴ Ta nói cùng các người, người nầy trở về nhà mình, được xưng công bình hơn người kia; vì ai tự nhắc mình lên sẽ phải hạ xuống, ai tự hạ mình xuống sẽ được nhắc lên.

Trong thời gian thi hành chức vụ, Chúa Giê-xu từng vạch trần sự giả hình và vô tín của người Pha-ri-si (xem *Lu-ca* 11:39-54). Ngài mô tả họ như những con nợ của Đức Chúa Trời không có khả năng trả nợ (7:40-50), như những khách mời cố dành cho được chỗ ngồi cao nhất (14:7-14) và như những đứa con tự hào mình vâng lời cha nhưng không hề quan tâm đến nhu cầu của người khác (15:25-32). Đáng buồn thay khi người Pha-ri-si tự lừa dối mình và cho rằng Chúa Giê-xu đã nói sai về họ. Câu chuyện này minh họa cho bản chất họ.

Người Pha-ri-si tự dối trong sự cầu nguyện, vì ông ta cầu nguyện với chính mình và nói cho Đức Chúa Trời (và bất cứ ai khác đang nghe) biết rằng ông là người tốt như thế nào. Người Pha-ri-si dùng sự cầu nguyện như một phương tiện để có được sự tôn trọng của quần chúng, chứ không phải như một sự thờ phượng thuộc linh nhằm làm vinh hiển Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ* 6:5; 23:14).

Người Pha-ri-si lừa dối chính mình, vì cho rằng Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận mình vì những việc mình đã làm cùng những điều mình đã giữ. Theo lệ, người Do Thái phải kiêng ăn một lần trong năm vào ngày lễ chuộc tội (*Lê-vi Ký* 16:29) nhưng người Pha-ri-si này đã kiêng ăn hai lần một tuần. Ông dâng phần mười mọi của cải, dù là những cây dứa thảo nhỏ bé trong vườn nhà (*Ma-thi-ơ* 23:23)!

Người Pha-ri-si ấy lại cũng xem thường người thu thuế cùng đứng cầu nguyện trong đền thờ. Người Pha-ri-si nghĩ rằng người thu thuế là một đại tội nhân, nhưng người thu thuế được Đức Chúa Trời xưng công bình, còn người Pha-ri-si chỉ thoả mãn ý riêng mình. “Được xưng công bình” nghĩa là được Đức Chúa Trời xem là người công bình qua sự chết của Chúa Giê-xu trên thập tự (*Rô-ma* 3:19-4:25).

Người thu thuế cứ đấm ngực vì biết rõ nan đề lớn nhất của mình. Ông cầu xin sự thương xót của Đức Chúa Trời vì biết những trọng tội ông đã gây ra, nhưng người Pha-ri-si do thiếu hiểu biết nên cảm thấy sung sướng trong lòng. Sự kiêu ngạo, kết án người Pha-ri-si, nhưng đức tin đơn sơ của người thu thuế đã cứu ông (*xem Lu-ca* 14:11; *Ê-sai* 57:15). Đây là sự lặp lại hình ảnh đứa con hoang đàng và người con cả (*Lu-ca* 15:11).

Tương phản với hình ảnh người Pha-ri-si kiêu ngạo là những con trẻ được đem đến gần Chúa Giê-xu (*Lu-ca* 18:15-17). Người Do Thái có lệ hay đem các trẻ nhỏ đến các thầy dạy luật để được chúc phước đặc biệt. Thật kỳ lạ khi các môn đệ Chúa ngăn cản điều này. Có lẽ họ nghĩ rằng Chúa đã mệt mỏi, cần được nghỉ ngơi, hoặc có thể họ cho rằng Ngài không để ý đến trẻ con. Suy nghĩ của họ sai lầm biết bao! Đây không phải là lần đầu tiên các môn đệ muốn đuổi dân chúng đi. Họ muốn để đám đông bị đói khát, nhưng Chúa đã cho đoàn dân ăn (*Ma-thi-ơ* 14:15). Các môn đệ cố ngăn cản người đàn bà Ca-na-an cầu xin Chúa chữa lành bệnh cho con gái bà (*Ma-thi-ơ* 15:24), nhưng Chúa đã nhậm lời bà. Vào thời điểm ấy, mười hai sứ đồ vẫn chưa có lòng thương xót như Thầy họ.

Chúa muốn chúng ta trở nên *giống như con trẻ*, chứ không phải có *tính trẻ con*, thiếu hiểu biết một con trẻ ngoan ngoãn minh họa cho sự hạ mình, đức tin và sự tin cậy, có cảm giác ngạc nhiên trước sự vật làm cho cuộc sống trở nên lý thú. Cách duy nhất để bước vào Nước Thiên Đàng là phải trở nên như một con trẻ và phải được tái sinh (*Giăng* 3:1-16). Nếu người Pha-ri-si kiêu ngạo kia giống con trẻ, hẳn ông ta đã được xưng công bình khi ra khỏi đền thờ.

3. Người Trai Trẻ Thiếu Thành Thật

Lu-ca 18:18-34

¹⁸ Bấy giờ có một quan hỏi Đức Chúa Jê-sus rằng: Thưa thầy nhân lành, tôi phải làm gì cho được hưởng sự sống đời đời? ¹⁹ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Sao người gọi ta là nhân lành? Chỉ có một Đấng nhân lành, là Đức Chúa Trời.

²⁰ Người đã biết các điều răn nầy: Người chớ phạm tội tà dâm; chớ giết người; chớ trộm cướp; chớ nói chứng dối; hãy hiếu kính cha mẹ. ²¹ Người ấy thưa rằng: Tôi đã giữ các điều ấy từ thuở nhỏ. ²² Đức Chúa Jê-sus nghe vậy, bèn phán rằng: Còn thiếu cho người một điều; hãy bán hết gia tài mình, phân phát cho kẻ nghèo, thì người sẽ có của cải ở trên trời; bấy giờ hãy đến mà theo ta. ²³ Nhưng người ấy nghe mấy lời thì trở nên buồn rầu, vì giàu có lắm. ²⁴ Đức Chúa Jê-sus thấy người buồn rầu, bèn phán rằng: Kẻ giàu vào nước Đức Chúa Trời là khó biết dường nào! ²⁵ Lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước Đức Chúa Trời! ²⁶ Những người nghe điều đó, nói rằng: Vậy thì ai được cứu? ²⁷ Ngài đáp rằng: Sự chi người ta không làm được, thì Đức Chúa Trời làm được.

²⁸ Phi-e-rơ bèn thưa rằng: Nầy, chúng tôi đã bỏ sự mình có mà theo thầy.

²⁹ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, người nào vì cơ nước Đức Chúa Trời mà bỏ nhà cửa, cha mẹ, anh em, vợ con, ³⁰ thì trong đời nầy được lãnh nhiều hơn, và đời sau được sự sống đời đời.

³¹ Kế đó, Đức Chúa Jê-sus đem mười hai sứ đồ riêng ra mà phán rằng: Nầy, chúng ta lên thành Giê-ru-sa-lem, mọi điều mà các đấng tiên tri đã chép về Con Người sẽ ứng nghiệm. ³² Vì Ngài sẽ bị nộp cho dân ngoại; họ sẽ nhạo báng Ngài, mắng nhiếc Ngài, nhổ trên Ngài, ³³ sau khi đánh đòn rồi, thì giết Ngài đi; đến ngày thứ ba, Ngài sẽ sống lại. ³⁴ Song các môn đồ không hiểu chi hết; vì nghĩa những lời đó kín giấu cho môn đồ, nên không rõ ý Đức Chúa Jê-sus nói là gì.

Có lẽ vị quan trẻ giàu có này là người duy nhất trong các sách Phúc Âm (*Ma-thi-ơ* 19:20) đã đến với Chúa Giê-xu và ra đi trong thất vọng. Tuy vậy, anh ta là người có nhiều điều tốt. Anh ta được biết đến như một người đạo đức, tin kính, sốt sắng, thành tâm và có lẽ đủ tiêu chuẩn là một thành viên trong giáo hội. Tuy nhiên anh đã từ chối đi theo Chúa Giê-xu và ra đi với tâm trạng buồn rầu vô cùng.

Điều gì đã xảy đến với anh? Thật đơn giản: *sự thiếu thành thật!* Dù đã đến với đúng Người, đặt một câu hỏi chính đáng và được trả lời thỏa đáng, nhưng anh đã *quyết định sai lầm*. Vì sao? Vì anh không thành thật với Đức Chúa Trời hoặc với

chính mình. Vì vậy anh không thể làm điều Chúa bảo. Anh là chàng trai nông nổi, nói một đằng và làm một nẻo. Hãy suy ngẫm về những lãnh vực thiếu thành thật của anh ta.

Quan điểm về Đấng Christ (Lu-ca 18:18-19). Những người dạy đạo được người ta gọi là Thầy, nhưng thật khác thường nếu một thầy được gọi là “nhơn lành”. Người Do Thái dành từ này cho Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 25:8; 34:8; 86:5; 106:1). Điều này cho thấy lý do Chúa Giê-xu hỏi người trai trẻ về ý nghĩa anh muốn dùng khi nói đến từ đó, vì nếu anh thực sự tin Chúa Giê-xu là Đấng “nhơn lành”, vậy anh phải xưng nhận Ngài là Đức Chúa Trời. Khi hỏi câu này, Chúa Giê-xu không muốn chối bỏ thần tính Ngài, ngược lại Ngài muốn xác nhận điều đó. Ngài muốn thử lòng người trai trẻ xem anh ta có thực sự hiểu điều mình vừa nói hay không.

Thái độ kế tiếp của người trai trẻ chứng tỏ anh ta không tin rằng Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời. Nếu thực sự nghĩ rằng mình đang ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời toàn năng, vậy tại sao anh ta lại khôn khéo bàn luận về luật pháp, khoe khoang về phẩm hạnh mình và không muốn vâng theo lời Chúa? Chắc chắn anh biết rằng Đức Chúa Trời nhìn thấy trong lòng và biết tất cả.

Quan điểm về tội lỗi (Lu-ca 18:20-21). Anh ta suy nghĩ rất hời hợt về tội lỗi của chính mình. Dĩ nhiên người trai trẻ này thật lòng muốn giữ trọn luật pháp. Thực ra, đây là vấn đề khiến anh ta chạy đến với Chúa Giê-xu (*Ga-la-ti* 3:24). Chúa không trích dẫn luật pháp trước mặt anh ta như một phương cách cứu rỗi, bởi vì sự vâng phục luật pháp không cứu được chúng ta. Ngài để luật pháp trước mặt anh ta như một chiếc gương bày tỏ tội lỗi của anh (*Rô-ma* 3:19-20; *Ga-la-ti* 2:21; 3:21).

Tuy nhiên, người trai trẻ này nhìn vào chiếc gương luật pháp thấy mình chẳng có “tì vết” chi trong đời sống. Khi đưa ra điều răn kế tiếp, Chúa không trích dẫn điều răn cuối cùng “ngươi chớ tham...” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:17). Chúa biết lòng

anh ta cho nên thay vì dạy anh ta về sự tham lam, Ngài bảo anh làm một điều mà một người hà tiện chẳng làm được. Không ai được cứu bởi bố thí của cải cho kẻ nghèo, nhưng cũng không ai được cứu lại không ăn năn và từ bỏ tội lỗi mình. Người trai trẻ này bị sự tham tiền chi phối nên không thể đi theo Chúa.

Quan điểm về sự cứu rỗi (Lu-ca 18:22-27). Người trai trẻ này cho rằng sự sống đời đời đến với những ai làm một điều gì đó (18:18) giống như kiểu phô trương của người Do Thái (18:9-12). Nhưng khi Chúa Giê-xu bảo anh ta làm một việc, anh không vâng phục! Anh ta muốn được cứu rỗi dựa trên những điều kiện của chính mình chứ không phải của Đức Chúa Trời. Vì vậy, anh ta ra đi trong sự buồn bực tột cùng.

Các môn đệ ngạc nhiên khi Chúa Giê-xu tuyên bố rằng người giàu có rất khó được cứu. Là người Do Thái, họ tin rằng sự giàu có là dấu hiệu ơn phước từ Đức Chúa Trời. Họ nêu lý do: “Nếu người giàu khó được cứu, vậy chúng tôi đây còn hy vọng gì chẳng?” John D. Rockefeller có lẽ cũng đồng tình với họ, vì ông cho rằng sự giàu có là “một sự ban cho từ trời”, có ý nghĩa như “Đây là con yêu dấu của ta, làm đẹp lòng ta”.

Không phải giàu có khiến con người không vào được thiên đàng, vì Áp-ra-ham, Đa-vít, Sa-lô-môn cũng là những người giàu có. *Bị chi phối* bởi của cải và *nhờ cậy* nơi nó, sẽ khiến người giàu khó được cứu. Của cải khiến con người có cảm giác giả tạo về sự thành công và an toàn. Khi con người thoả mãn với chính mình, sẽ không cần đến Đức Chúa Trời.

Lời nói của Phi-e-rơ trong *Lu-ca* 18:28 cho thấy ông có cái nhìn đầy tính toán khi theo Chúa; “Vậy thì chúng tôi sẽ được chi?” (*Ma-thi-ơ* 19:27). Chúa hứa ban cho họ phước hạnh trong đời sống và phần thưởng ở đời sau. Đồng thời, Ngài cũng cho họ biết trước về sự thương khó và sự chết của Ngài sắp tới. Sao Phi-e-rơ lại có thể nghĩ đến vấn đề được mất của cá nhân khi Chúa mình sắp phải đến Giê-ru-sa-lem để chịu đóng đinh?

Câu chuyện về vị quan trẻ giàu có này là một lời khuyên

cho những ai muốn theo Chúa nhưng không dám đánh đổi những giá trị khác hoặc không dám từ bỏ lối sống riêng của mình. Chúa Giê-xu không bảo mỗi người phải bán mọi của cải để bố thí cho kẻ nghèo, nhưng Ngài thật sự không hài lòng với những điều chúng ta thiếu trung thực trong đời sống mình.

4. Người Ăn Xin Quyết Tâm

Lu-ca 18:35-43

³⁵ Đức Chúa Jê-sus đến gần thành Giê-ri-cô, có một người đui ngồi xin ở bên đường, ³⁶ nghe đoàn dân đi qua, bèn hỏi việc gì đó. ³⁷ Người ta trả lời rằng: Ấy là Jê-sus, người Na-xa-rét đi qua. ³⁸ Người đui bèn kêu lên rằng: Lạy Jê-sus, con vua Đa-vít, xin thương xót tôi cùng! ³⁹ Những kẻ đi trước rầy người cho nín đi; song người càng kêu lớn hơn nữa rằng: Lạy con vua Đa-vít, xin thương xót tôi cùng! ⁴⁰ Đức Chúa Jê-sus dừng lại, truyền đem người đến. Khi người đui lại gần, thì Ngài hỏi rằng: ⁴¹ Người muốn ta làm gì cho? Thưa rằng: Lạy Chúa, xin cho tôi được sáng mắt lại. ⁴² Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy sáng mắt lại; đức tin của người đã chữa lành người. ⁴³ Tức thì, người sáng mắt, đi theo Đức Chúa Jê-sus, ngợi khen Đức Chúa Trời. Hết thấy dân chúng thấy vậy, đều ngợi khen Đức Chúa Trời.

Ma-thi-ơ cho chúng ta biết có hai người mù gặp Chúa Giê-xu khi Ngài ra khỏi thành Giê-ri-cô (*Ma-thi-ơ* 20:29-30), nhưng *Lu-ca* giới thiệu cho chúng ta một người ăn mày mù tên là Ba-ti-mê kêu cầu Chúa khi Ngài đến thăm Giê-ri-cô. Có hai thành Giê-ri-cô, một thành phố đã bị đổ nát và một thành phố mới được xây dựng cho vua Hê-rốt đại đế. Hai thành cách nhau một dặm đường. Một trong hai người mù đã la lớn khi họ ngồi tại cửa thành mới, vì vậy không có sự mâu thuẫn nào giữa các sách (*Mác* 10:46).

Thời ấy, mù lòa thường là một sự tàn tật vô phương cứu chữa và người mù chỉ biết đi ăn xin. Hai người này không phải bị mù từ thuở lọt lòng mẹ, vì họ cầu xin “được sáng mắt lại” (*Lu-ca* 18:41 *Ma-thi-ơ* 20:34). Họ lớn tiếng nài xin Chúa bất chấp những trở ngại họ đang gặp phải: không khả năng thấy Chúa, bị đám đông chống đối, không được Chúa đáp lời

ngay. Họ muốn Chúa nghe họ thống thiết nài xin sự thương xót nơi Ngài.

Sự kiện họ gọi Chúa là “con vua Đa-vít” một danh hiệu của Đấng Mết-si-a, cho thấy hai người Do Thái này biết Chúa có thể khiến kẻ mù được sống (*Ê-sai* 35:5; xem *Lu-ca* 4:18). Chúa đáp lại đức tin họ và chữa lành họ. Thật là một sự thay đổi kỳ diệu! Từ bóng tối, họ bước qua ánh sáng. Họ đã thay đổi từ kẻ ăn mày thành người đi theo Chúa, từ khóc than đến ca ngợi Chúa. Họ cùng gia nhập vào đám đông theo Chúa đến Giê-ru-sa-lem và cất cao giọng ngợi khen Ngài.

Thật là một khác biệt rõ rệt giữa người ăn xin và vị quan trẻ (*Lu-ca* 18:18-27). Những người ăn xin rất nghèo nay trở nên giàu có, trong khi vị quan trẻ kia trở nên nghèo nàn mãi mãi. Những người ăn xin không có gì để khoe khoang nên họ công khai thừa nhận nhu cầu mình. Nhưng vị quan trẻ lừa dối chính mình và khoe khoang về đạo đức mình. Ông ta không tin Chúa nên ra đi cách buồn rầu, còn những người ăn mày tin nhận Chúa, đi theo Ngài và vui mừng dâng lời ca ngợi. “Ngài đã làm cho kẻ đói được đầy thức ngon, và đuổi kẻ giàu có về tay không” (*Lu-ca* 1:53).

Những mẫu người chúng ta xem trong chương này khích lệ chúng ta đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu, cho dù kẻ khác nói gì hay làm gì. Người đàn bà góa không nản lòng bởi thái độ lạnh nhạt của quan án. Người thu thuế cũng không xấu hổ trước thái độ kiêu ngạo của người Pha-ri-si. Những cha mẹ đã đem con trẻ đến với Chúa Giê-xu bất chấp thái độ ích kỷ của các sứ đồ, và những người mù chạy đến với Chúa dù đám đông bảo họ câm nín. Chúa luôn đáp lại đức tin và ban thưởng cho những ai có lòng tin cậy Ngài.

Người trai trẻ giàu có là một gương cho những ai chỉ cậy nơi đạo đức riêng để được cứu. Qua anh ta, chúng ta thấy một con người có thể đến gần sự cứu rỗi nhưng cũng có thể bỏ đi vì vô tín. John Bunyan kết thúc cuốn sách của ông mang tựa đề *Hành Trình Vĩnh Cửu* với lời khuyên: “Tôi thấy có một con

Mỗi Hạng Người Một Bài Học / 73

đường dẫn đến địa ngục, dù từ cổng thiên đàng cũng như từ thành phố hủy diệt". Bạn hãy để tâm đến lời cảnh cáo ấy!

Đến Giê-ru-sa-lem!

Lu-ca 19

Khi Christopher Columbus thực hiện chuyến du hành về hướng Tây năm 1492, ông giữ hai cuốn sổ lộ trình, trong đó có một cuốn ghi sai chi tiết. Ông muốn các thuộc hạ tin rằng họ đang đến gần đất liền hơn. Rõ ràng, Columbus xem tinh thần của thủy thủ đoàn còn quan trọng hơn uy tín của người thuyền trưởng.

Khi Chúa Giê-xu trên đường đến Giê-ru-sa-lem, Ngài cho môn đệ biết những việc sẽ xảy đến nhưng họ không hiểu ý Ngài (*Lu-ca 18:31-34*). Một số người nghĩ rằng Ngài đến Giê-ru-sa-lem để giải phóng dân Y-sơ-ra-ên khỏi ách thống trị của La Mã và dẫn họ vào Nước Trời. Số khác vẫn theo Chúa cốt chỉ muốn xem phép lạ Ngài sắp làm. Qua đoạn này, Lu-ca tập trung vào chính Chúa Giê-xu khi Ngài bày tỏ chính mình qua ba công tác:

1. Đấng Christ Tìm Kiếm Kẻ Hư Mất

Lu-ca 19:1-10

¹ Đức Chúa Jê-sus vào thành Giê-ri-cô, đi ngang qua phố. ² Tại đó, có một người tên là Xa-chê, làm đầu bọn thu thuế, và giàu-có. ³ Người đó tìm xem Đức Chúa Jê-sus là ai, nhưng không thấy được, vì đoàn dân đông lắm, mà mình lại thấp. ⁴ Vậy, Xa-chê chạy trước, trèo lên cây sung, để ngó thấy Đức Chúa Jê-sus, vì Ngài phải đi qua đó. ⁵ Đức Chúa Jê-sus đến chỗ ấy, ngược mắt lên mà phán

rằng: Hỡi Xa-chê, hãy xuống cho mau, vì hôm nay ta phải ở nhà người. ⁶ Xa-chê vội vàng xuống và mừng rước Ngài. ⁷ Ai nấy thấy vậy, đều lầm bầm rằng: Người nầy vào nhà kẻ có tội mà trọ! ⁸ Song Xa-chê đứng trước mặt Chúa, thưa rằng: Lạy Chúa, nầy, tôi lấy nửa gia tài mình mà cho kẻ nghèo, và nếu có làm thiệt hại ai, bất kỳ việc gì, tôi sẽ đền gấp tư. ⁹ Đức Chúa Jêsus bèn phán rằng: Hôm nay sự cứu đã vào nhà nầy, vì người nầy cũng là con cháu Áp-ra-ham. ¹⁰ Bởi Con người đã đến tìm và cứu kẻ bị mất.

Tên Xa-chê nghĩa là “người công bình” nhưng vị quan thu thuế này không sống đúng với tên của mình. Cộng đồng tôn giáo Do Thái ở Giê-ru-sa-lem dĩ nhiên chẳng xem ông là người công bình, bởi ông không chỉ thu thuế người bản xứ mà còn làm việc cho kẻ ngoại bang ô ử! Những kẻ thu thuế vốn bị mang tiếng xấu vì đã thu tiền tội hơn qui định; càng thu được nhiều, họ càng hưởng lợi nhiều (*Lu-ca* 3:12-13). Dù dưới mắt người Do Thái, Xa-chê là kẻ bội đạo, nhưng đối với Chúa Giê-xu ông là một tội nhân hư mất đáng quý!

Thật thú vị khi xem những đổi thay của Xa-chê trong ngày hôm ấy. Tất cả là vì Chúa Giê-xu đã đến thành Giê-ri-cô.

Một người trở nên con trẻ. Ở phương Đông, hiếm có chuyện một người lớn chạy, đặc biệt là một viên chức chính phủ giàu có. Vậy mà Xa-chê đã chạy ra đường như cậu bé con bám theo đoàn người, lại còn leo cả lên cây! Tò mò hẳn là tính của đa số trẻ con, ấy vậy mà trong ngày đó Xa-chê đã bị thôi thúc bởi sự tò mò.

John Calvin nói rằng: “Tính tò mò và giản dị là khởi điểm của niềm tin”. Câu nói ấy đúng với trường hợp của Xa-chê. Sao người ta tụ tập đông thế? Họ theo Chúa Giê-xu Na-xa-rét nào? Mình có cơ hội không?

Chúa Giê-xu phán: “Ai không nhận lãnh Nước Đức Chúa Trời như một đứa trẻ, thì sẽ không được vào đó” (*Lu-ca* 18:17). Có lẽ hơn bất cứ điều gì, chính lòng kiêu ngạo đã khiến những người “thành công” trong cuộc sống không muốn tin cậy Chúa Giê-xu.

Xa-chê tìm Chúa trong lúc Chúa đi tìm Xa-chê. Xa-chê muốn tìm gặp Chúa (*Lu-ca* 19:3), nhưng Chúa mới chính là Đấng tìm

kiếm ông (19:10). Đứng ra không tội nhân nào tìm kiếm Chúa (Rô-ma 3:11). Khi tổ phụ chúng ta phạm tội, họ trốn mặt khỏi Đức Chúa Trời, nhưng Ngài đã đến tìm họ (Sáng Thế Ký 3:1-10). Khi Chúa Giê-xu thi hành chức vụ trên đất, Ngài tìm kiếm kẻ hư mất. Hôm nay, Đức Thánh Linh cũng tìm kiếm tội nhân qua Hội Thánh Ngài.

Chúng ta không biết Đức Chúa Trời đã hành động ra sao trong lòng Xa-chê để chuẩn bị cho ông gặp Chúa. Phải chăng Lê-vi trước đây cũng là người thu thuế, bạn của Xa-chê? (Lu-ca 5:27-39). Lê-vi chắc đã kể cho Xa-chê nghe về Chúa Giê-xu? Lê-vi đã cầu nguyện cho Xa-chê? Hay Xa-chê đã chán nản với của cải và mong ước điều gì đó tốt đẹp hơn? Chúng ta không thể hiểu được, nhưng điều có thể vui mừng vì Đấng Christ là Đấng tìm kiếm luôn luôn tìm gặp tội nhân nào mong đợi một sự đổi mới.

Con người “bé nhỏ” trở nên “cao lớn”. Người thấp bé, không có khả năng chen vào đám đông, đó không là trở ngại đối với Xa-chê. Ông tìm mọi cách khắc phục khiếm khuyết của mình khi quên đi thể diện của mình và leo lên cây. Trong ý niệm thuộc linh, chúng ta đều “thấp bé” vì “mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Rô-ma 3:23), không ai đạt được tiêu chuẩn cao của Đức Chúa Trời. Chúng ta quá “thấp bé”, nên không thể vào được thiên đàng.

Điều đáng buồn là có nhiều tội nhân nghĩ rằng họ “cao lớn”. Họ “đo” bản thân bằng thước đo của “loài người”: tiền tài, địa vị, quyền thế, danh vọng. Đó là những điều “gồm ghiếc trước mặt Đức Chúa Trời” (Lu-ca 16:15). Họ nghĩ mình có mọi thứ nhưng thực sự không có gì (Khải Thị 3:17).

Xa-chê tin nhận Chúa Giê-xu và trở nên “con cháu thật của Áp-ra-ham” nghĩa là con của đức tin (Rô-ma 4:12; Ga-la-ti 3:7). Bạn cũng có thể đạt đến sự “cao lớn” như vậy!

Kẻ nghèo nàn trở nên giàu có. Người đời nghĩ rằng Xa-chê là kẻ giàu có, nhưng ông thực sự chỉ là một tội nhân

“trắng tay” cần được Đức Chúa Trời ban cho sự sống đời đời, là món quà “đắt giá” nhất trên đời. Đây là câu chuyện duy nhất trong bốn sách Phúc Âm nói về việc Chúa Giê-xu đích thân vào nhà người khác và minh họa cho lời ở *Khải Thị* 3:20.

Xa-chê được cứu không phải vì đã hứa làm việc thiện, nhưng vì ông đã đáp lại sự nhơn từ của Chúa bằng đức tin. Tin nhận Chúa Giê-xu, ông bày tỏ đức tin mình khi hứa sẽ đền bồi cho những ai ông làm thiệt hại. Đức tin cứu được con người còn giá trị hơn những lời thiêng liêng và cảm xúc nhiệt thành. Đức tin tạo nên một mối liên hệ sống động với Đấng Christ và khiến đời sống được đổi mới (*Gia-cơ* 2:14-16).

Theo luật Môi-se, nếu kẻ trộm cắp nào tự nguyện thú tội, phải bồi hoàn lại vật ăn cắp và trả thêm 1/5 giá trị của vật ấy, sau đó đem của lễ chuộc sự mắc lỗi dâng cho Chúa (*Lê-vi Ký* 6:1-7). Nếu ai ăn cắp vật gì mà không trả lại được, phải bồi thường gấp bốn lần (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 22:1), nếu bị bắt với vật ăn cắp còn ở trong tay, phải bồi hoàn gấp đôi (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 22:4). Xa-chê không hề tranh luận về những điều khoản của luật pháp, ông muốn trả một giá cao nhất, vì tấm lòng ông thực sự đã được đổi mới.

Con cái Đức Chúa Trời vốn rất giàu có, vì Ngài là Đấng ban “mọi phước thiêng liêng” trong Chúa Giê-xu (*Ê-phê-sô* 1:3). Chúng ta đều giàu có về sự thương xót và ân sủng Đức Chúa Trời (*Ê-phê-sô* 1:3; 2:4) cũng như giàu có về sự khôn ngoan thông biết của Ngài (*Phi-líp* 4:19; *Rô-ma* 11:33). Đó là “sự giàu có không dò được”, không ai hiểu tường tận và sự giàu có ấy chẳng bao giờ cạn kiệt (*Ê-phê-sô* 3:8).

Chủ trở nên khách. Chúa Giê-xu không được mời nhưng tìm đến nhà Xa-chê, còn Xa-chê rất hoan hỉ đón tiếp Ngài. Vui mừng là một trong những đề tài chính trong Phúc Âm Luca. Từ này xuất hiện hơn hai mươi lần với những dạng khác nhau. Kinh nghiệm về sự cứu chuộc chắc chắn phải sản sinh sự vui mừng trong lòng người tin.

Xa-chê đã trở thành vị khách trong ngôi nhà của mình, vì

giờ đây Chúa Giê-xu là Chủ của ông. Ông sẵn sàng vâng theo mọi điều Chúa bảo để bày tỏ một chứng cứ thật trước mọi người. Hẳn Chúa Giê-xu bị chỉ trích vì đã viếng thăm nhà kẻ thu thuế (*Lu-ca* 5:27-32), nhưng Ngài không chú ý đến lời nói của họ. Những kẻ chỉ trích cũng cần được cứu rỗi, nhưng họ không muốn tin nhận Chúa.

Khi một ngày mới bắt đầu, bạn chẳng bao giờ biết nó sẽ kết thúc ra sao. Đối với Xa-chê, ngày hôm ấy đã kết thúc trong mối liên hệ đầy vui mừng với Con Đức Chúa Trời, vì ông đã là người được thay đổi với một đời sống mới. Chúa Giê-xu đang tìm kiếm những tội nhân hư mất và mong muốn cứu rỗi họ. Ngài đã tìm thấy bạn chưa?

2. Vị Chủ Thưởng Công Cho Người Trung Tín

Lu-ca 19:11-27

¹¹ Họ nghe những lời ấy, thì Đức Chúa Jêsus thêm một thí dụ nữa, vì Ngài gần đến thành Giê-ru-sa-lem, và người ta tưởng rằng nước Đức Chúa Trời sẽ hiện ra ngay. ¹² Vậy, Ngài phán rằng: Có một vị thế tử đi phương xa, đặt chịu phong chức làm vua rồi trở về; ¹³ bèn gọi mười người trong đám đầy tớ mình, giao cho mười nén bạc, và dạy rằng: Hãy dùng bạc nầy sanh lợi cho đến khi ta trở về. ¹⁴ Song dân xứ ấy ghét người, thì sai sứ theo đặng nói rằng: Chúng tôi không muốn người nầy cai trị chúng tôi!

¹⁵ Khi người đã chịu phong chức làm vua rồi, trở về, đòi các đầy tớ đã lãnh bạc đến, đặng cho biết mỗi người làm lợi được bao nhiêu. ¹⁶ Đầy tớ thứ nhất đến trình rằng: Lạy chúa, nén bạc của chúa sanh lợi ra được mười nén. ¹⁷ Chủ rằng: Hỡi đầy tớ ngay lành kia, được lắm; vì người trung tín trong sự nhỏ mọn, người sẽ được cai trị mười thành. ¹⁸ Người thứ hai đến thưa rằng: Lạy chúa, nén bạc của chúa sanh lợi ra được năm nén. ¹⁹ Chủ rằng: Người được cai trị năm thành. ²⁰ Người khác đến thưa rằng: Lạy chúa, đây nầy, nén bạc của chúa tôi đã gói giữ trong khăn; ²¹ bởi tôi sợ chúa, vì chúa là người nghiêm nhặt, hay lấy trong nơi không để, gặt trong chỗ không gieo. ²² Chủ rằng: Hỡi đầy tớ ngoan ác kia, ta cứ lời người nói ra mà xét người. Người đã biết ta là người nghiêm nhặt, hay lấy trong nơi không để, gặt trong chỗ không gieo; ²³ cơ sao người không giao bạc ta cho hàng bạc? Khi ta về, sẽ lấy lại vốn và lời. ²⁴ Chủ lại nói cùng các người đứng đó rằng: Hãy lấy nén bạc nó đi, cho người có mười nén. ²⁵ Họ bèn thưa rằng: Lạy chúa, người ấy có mười nén rồi. ²⁶ Ta nói cùng các người, ai có, thì sẽ cho thêm; song ai không có, thì sẽ cất luôn của họ đã có nữa. ²⁷ Còn như những kẻ nghịch cùng ta, không muốn ta cai trị họ, hãy kéo họ đến đây, và chém đi

trước mặt ta.

²⁸ Sau khi Đức Chúa Jêsus phán điều đó, thì đi trước mặt dân chúng lên thành Giê-ru-sa-lem.

Lễ Vượt Qua là thời gian gây xúc động cho dân Do Thái, nhắc họ nhớ lại sự giải cứu khỏi ách nô lệ ở Ai Cập. Nhân dịp lễ hằng năm này những kẻ khốn khổ sống dưới ách La Mã, thấy thêm khát một Đấng giải cứu. Dĩ nhiên, có những nhóm quá khích như đảng Xê-lốt, sử dụng sách lược du kích để chống lại Rô-ma. Những nhóm chính trị ủng hộ Hê-rốt đã thỏa hiệp với Rô-ma, nhưng đa số dân Do Thái chống đối các đường lối đó. Họ muốn Đức Chúa Trời thực hiện những lời tiên tri trong Cựu Ước và ban cho họ một vua đã hứa.

Chúa Giê-xu biết có nhiều người mong thấy Ngài lập một vương quốc mới nên Ngài dùng câu chuyện này để giải thích mọi sự. Dĩ nhiên nhiều người khi nghe chuyện này đã liên tưởng đến biến cố trong lịch sử Do Thái xảy ra đã lâu. Khi vua Hê-rốt đại đế qua đời năm 4 TC, ông để lại xứ Giu-đê cho con trai là A-chê-lau, người phải đến Rô-ma để xin chuẩn nhận sự kế vị này. Vì không muốn A-chê-lau làm vua, dân Do Thái cử 50 người đến trình bày duyên cớ của họ trước Sê-sa Au-gút-tơ, người đã phê chuẩn sự kế vị này nhưng không ban cho A-chê-lau tước vị “vua”.

Chúa Giê-xu giải thích rằng Nước Ngài sẽ không đến ngay lập tức, nhưng tôi tớ Chúa phải trung tín làm những việc được giao ngay bây giờ. Qua câu chuyện, bạn sẽ thấy có ba thái độ hưởng ứng của đầy tớ đối với Chủ.

Trung tín vâng lời. Mỗi đầy tớ nhận được một khoản tiền tương đương với ba tháng lương của người làm công, vì vậy hôm nay bạn có thể ước tính trị giá của nó. Các đầy tớ có thể dùng tiền để đầu tư kiếm lợi hoặc mua mặt hàng nào đó để bán lại có lời. Điều quan trọng là họ phải trình cho chủ nhiều hơn số tiền được giao. Làm gì với số tiền tùy thuộc vào mỗi người, miễn sao họ hành động chính đáng và đem lại ích lợi.

Chúng ta chỉ biết về ba trong số mười đầy tớ. Người thứ

nhất đã thành công, anh ta giao cho chủ thêm mười nén bạc. Người thứ hai làm lợi ra năm nén và cả hai được chủ thưởng công. Họ đều trung tín làm việc dù không được chủ hứa ban phần thưởng và không có gì đảm bảo rằng chủ sẽ trở về, chưa kể đến việc chủ có dành được vương quốc hay không!

Câu chuyện về các ta lạng (*Ma-thi-ơ* 25:14-30) và câu chuyện về các nén bạc tương tự nhau, nhưng không nên lẫn lộn giữa các bài học này. Trong câu chuyện này, mỗi người trong số mười đầy tớ nhận được một khoản tiền như nhau nhưng phần thưởng khác nhau, còn trong câu chuyện về các ta lạng, các đầy tớ nhận được các khoản tiền khác nhau nhưng cùng hưởng một phần thưởng, sự hài lòng và vui mừng của Chúa (*Ma-thi-ơ* 25:21).

Câu chuyện về các ta lạng dạy ta phải trung tín với những sự ban cho khác nhau khi Đức Chúa Trời ban cho chúng ta cơ hội phục vụ Ngài. Một số người có nhiều tài năng, vì vậy Chúa ban cho họ nhiều cơ hội. Điều quan trọng không phải khả năng của bạn được bao nhiêu, nhưng chính là mức độ trung tín của bạn ra sao khi sử dụng những gì mình có trước mặt Chúa. Người dù có ít khả năng nhất nhưng nếu trung tín cũng sẽ nhận được cùng một phần thưởng như người lãnh đạo giáo hội có khả năng nhất.

Trong câu chuyện về các nén bạc, mỗi đầy tớ được giao một khoản tiền giống nhau, có lẽ tượng trưng cho sứ điệp Phúc Âm (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 2:4; *I Ti-mô-thê* 1:11; 6:20). Sự ban cho và khả năng của chúng ta khác nhau, nhưng công việc chúng ta làm giống nhau: rao truyền Lời Chúa khắp thế gian (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 1:8; *II Tê-sa-lô-ni-ca* 3:1). Trong ngày lễ Ngũ Tuần, chỉ có 120 tín hữu nhóm lại (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:15), nhưng cuối ngày có thêm 3.000 người (2:41). Và không lâu sau đó lại thêm 5.000 người. Đó cũng là lúc các nhà cầm quyền Do Thái vu cáo các môn đệ về tội làm cho Giê-ru-salem đầy dẫy đạo Đức Chúa Trời! (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:28).

Khi đề cập đến việc làm chứng, các tín hữu đều có khởi

đầu giống nhau, vì vậy phần thưởng tùy thuộc vào sự trung tín và thành quả. Những đấng tở trung tín được giao cai quản các thành khác nhau. Phần thưởng cho sự trung tín là được giao thêm công việc! Đúng là sự khen thưởng có kèm theo sự giao phó trông coi nhiều thành! Hôm nay, cách chúng ta phục vụ Chúa sẽ giúp xác định phần thưởng và nhiệm vụ mình khi Chúa đến lập vương quốc Ngài trên đất. Ngay bây giờ, sự trung tín là bước chuẩn bị cho công tác phục vụ Chúa được đầy ơn.

Sự bất trung. Có ít nhất một trong mười đấng tở không vâng lời chủ nên mất cả nén bạc đã có. Đây cũng là nguyên tắc cơ bản trong đời sống Cơ Đốc nhân: bỏ qua cơ hội mình có đồng nghĩa với sự mất phần thưởng và *đặc quyền phục vụ Chúa*. Nếu không chịu sử dụng sự ban cho của Chúa theo hướng dẫn của Ngài, thì ban cho thêm làm chi? Ai cũng có thể sử dụng đúng đắn sự ban cho để tôn vinh Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ* 13:12; *Lu-ca* 8:18).

Charles Haddon Spurgeon nói: “Người ngay lành và trung tín luôn được ban ơn và có nhiều cơ hội phục vụ, còn kẻ bất trung càng ngày càng lún sâu trong sự tệt hại”. Chúng ta phải đem các sự ban cho để sinh lợi, nếu không sẽ bị mất đi. Trong đức tin chỉ có hoặc tiến hoặc thoái chứ không có tình trạng đứng nguyên một chỗ.

Người đấng tở này bất trung vì anh ta có suy nghĩ không đúng về chủ mình. Anh xem chủ như người nghiêm khắc và bất công nên không yêu mến chủ. Anh chỉ sợ chủ và sợ bản thân không làm hài lòng chủ. Sợ bị mất nén bạc khiến chủ nổi giận, anh ta giữ nén bạc ấy để ít nhất cũng có một cái gì đó trình chủ nếu chủ trở về yêu cầu “tính sổ”. Thật đáng buồn nếu Cơ Đốc nhân bị chi phối bởi sự sợ hãi giống như tôi tớ hơn sự yêu mến tin cậy Chúa. Cơ Đốc nhân phải có sự “kính sợ Chúa” đúng nghĩa. “Kính sợ” là thái độ kính mến của một người con đối với cha chứ không phải sự sợ hãi của kẻ làm tôi tớ. Tiến sĩ A. W. Tozer nói: “Không điều gì hủy

hoại linh hồn hơn một quan niệm thiên cận về Đức Chúa Trời”. Hết lòng làm theo ý muốn Đức Chúa Trời mới thật là điều quan trọng! (*Ê-phê-sô* 6:6).

Sự nổi loạn. “Công dân” hay “kẻ thù” (*Lu-ca* 19:14,27) được nhắc đến ở đầu và cuối câu chuyện là một phần quan trọng, vì đa số dân chúng trong đám đông ngày ấy đều thuộc một trong hai trường hợp đó. Khi Chúa Giê-xu đến gần thành Giê-ru-sa-lem, chỉ sau vài ngày Ngài sẽ nghe đám đông la lớn rằng: “Chúng tôi không có vua nào khác Sê-sa!” (*Giăng* 19:15), nghĩa là “chúng tôi không muốn người này cai trị chúng tôi!”

Đức Chúa Trời tỏ lòng nhân từ Ngài đối với dân Y-sơ-ra-ên khi ban cho họ gần bốn mươi năm phước hạnh trước khi sự đoán phạt xảy đến (*Lu-ca* 19:41-44). Đây cũng là lời cảnh cáo cho những ai chối từ Chúa, cả người Do Thái lẫn người ngoại, nên chúng ta phải cẩn thận! Bởi vì khi Chúa được cất lên trời, Ngài kêu gọi con người ở mọi nơi ăn năn tin nhận Ngài. Những đầy tớ trung tín vâng phục chủ vì họ tin cậy chủ và muốn làm đẹp lòng chủ. Đầy tớ bất trung không làm theo lời chủ vì chỉ sợ chủ chứ không yêu mến. Những người dân chống nghịch vì họ ghét vua mình (*Lu-ca* 19:14), Chúa Giê-xu trích dẫn *Thi Thiên* 69:4 và phán với môn đệ: “Họ ghét ta vô cớ” (*Giăng* 15:25).

Hôm nay chúng ta đang sống trong thời kỳ của *Lu-ca* 19:14-15 khi Chủ chúng ta đi vắng nhưng sẽ trở lại như lời Ngài hứa. Chúng ta đều đã được giao làm một nhiệm vụ, phải trung tín cho đến khi Ngài trở lại. Vua sẽ phán gì với chúng ta khi Ngài trở lại? Đó là phần thưởng hay sự trừng phạt? “Vả lại, cái điều người ta trông mong nơi người quản trị là phải trung thành” (*I Cô-rinh-tô* 4:2).

3. Vị Vua Đem Đến Hòa Bình

Lu-ca 19: 28-48

²⁸ Sau khi Đức Chúa Jê-sus phán điều đó, thì đi trước mặt dân chúng lên thành Giê-ru-sa-lem.

²⁹ Đức Chúa Jêsus gần đến thành Bê-pha-giê và Bê-tha-ni, ngang núi gọi là Ô-li-ve, sai hai môn đồ đi, ³⁰ và dặn rằng: Hãy đi đến làng trước mặt các người; khi vào làng, sẽ thấy một lừa con buộc đó, chưa hề có ai cỡi; hãy mở và dắt về cho ta. ³¹ Hoặc có ai hỏi sao các người mở nó ra, hãy trả lời rằng: Chúa cần dùng lừa nầy. ³² Hai người được sai ra đi, quả gặp mọi điều y như Đức Chúa Jêsus đã phán. ³³ Đang mở lừa con, các chủ lừa hỏi rằng: Sao mở lừa con nầy ra? ³⁴ Hai người trả lời rằng: Chúa cần dùng nó. ³⁵ Hai người bèn dắt lừa về cho Đức Chúa Jêsus; rồi lấy áo mình trải trên con lừa, nâng Ngài lên cỡi.

³⁶ Khi Đức Chúa Jêsus đang đi tới, có nhiều kẻ trải áo trên đường. ³⁷ Lúc đến gần dốc núi Ô-li-ve, cả đám môn đồ lấy làm mừng rỡ, và cả tiếng ngợi khen Đức Chúa Trời về những phép lạ mình đã thấy, ³⁸ mà nói rằng: Đáng ngợi khen Vua nhân danh Chúa mà đến! Bình an ở trên trời, và vinh hiển trên các nơi rất cao!

³⁹ Bấy giờ, có mấy người Pha-ri-si ở trong đám dân đông nói cùng Ngài rằng: Thưa thầy, xin quở trách môn đồ thầy! ⁴⁰ Ngài đáp rằng: Ta phán cùng các người, nếu họ nín lặng thì đá sẽ kêu lên.

⁴¹ Khi Đức Chúa Jêsus gần đến thành, thấy thì khóc về thành, và phán rằng: ⁴² Ước gì, ít nữa là ngày nay, mấy đã hiểu biết sự làm cho mấy được bình an! Song hiện nay những sự ấy kín giấu nơi mắt mấy. ⁴³ Vì sẽ có ngày xảy đến cho mấy, khi quân nghịch đào hố xung quanh mấy, vây mấy chặt bốn bề. ⁴⁴ Họ sẽ hủy hết thầy, mấy và con cái ở giữa mấy nữa. Không để cho mấy hòn đá nầy trên hòn đá kia, vì mấy không biết lúc mình đã được thăm viếng.

⁴⁵ Đức Chúa Jêsus vào đền thờ rồi, bèn đuổi những kẻ bán ở đó ra, ⁴⁶ mà phán rằng: Có lời chép rằng: Nhà ta sẽ là nhà cầu nguyện; song các người làm thành ra một cái hang trộm cướp.

⁴⁷ Hằng ngày Ngài giảng dạy trong đền thờ. Các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo, cùng người tôn trưởng trong dân tìm phương giết Ngài; ⁴⁸ nhưng họ không biết dùng chức chi, vì dân sự đều chăm chỉ mà nghe Ngài nói.

Theo lịch truyền thống, những sự kiện trong tuần lễ thi hành chức vụ cuối cùng của Chúa Giê-xu xảy ra như sau:

Chúa Nhật – Vào thành Giê-ru-sa-lem cách khải hoàn.

Thứ Hai – Dẹp sạch đền thờ

Thứ Ba – Biện luận với các lãnh tụ Do Thái

Thứ Tư – Nghỉ ngơi

Thứ Năm – Chuẩn bị lễ Vượt Qua

Thứ Sáu – Bị xử án và bị đóng đinh

Thứ Bảy – Nằm trong mồ mả

Chúa Nhật – Chúa sống lại từ cõi chết

Xin bạn nhớ rằng một ngày của người Do Thái là khoảng

giữa hai lần mặt trời lặn, vậy chiều thứ Năm của chúng ta là thứ Sáu của họ - đó là ngày lễ Vượt Qua.

Chuẩn bị (Lu-ca 19:28-36). Các chủ lửa và lửa con là những gì đã được chuẩn bị sẵn cho Chúa. Công việc được thực hiện cách âm thầm vì các nhà lãnh đạo Do Thái tuyên bố rằng nếu ai xưng nhận Chúa Giê-xu sẽ bị rút phép thông công (Giăng 9:22). Việc các nhà lãnh đạo tìm phương giết Chúa khiến các chủ lửa cũng cần được bảo vệ (Giăng 7:1, 19, 25; 8:37; 11:47-57).

Chúng ta nghĩ về con lừa như một con vật thấp hèn, nhưng đối với người Do Thái nó là con vật được vua sử dụng (I Các Vua 1:33, 44). Chúa Giê-xu cỡi trên con lừa (Lu-ca 19:35) trong khi những người khác đi theo. Con lừa này chưa được ai cỡi lên trước đó, giờ đây được dành cho Chúa Giê-xu. Điều này cho thấy Ngài là Đấng có quyền trên tạo vật Ngài đã dựng nên. Người ta trải áo trên đường đi, dùng lá kê đón Ngài. Đó là một phần nghi thức tiếp đón hoàng gia theo truyền thống Do Thái.

Đón mừng (Lu-ca 19:37-40). Đây là lần duy nhất Chúa Giê-xu công khai bày tỏ chính Ngài. Ngài làm vậy với ít nhất hai lý do. Trước hết, Ngài muốn làm trọn lời tiên tri bày tỏ Ngài là vua Y-sơ-ra-ên (Xa-cha-ri 9:9). Chúng ta không biết có bao nhiêu người trong đám đông hiểu được điều này dù họ hưởng ứng bằng lời ca ngợi trích từ sách *Thi Thiên* nói về Đấng Mết-si-a (*Thi Thiên* 118:25-26). Chắc hẳn nhiều người đến dự lễ Vượt Qua nghĩ rằng Chúa Giê-xu sẽ đánh đuổi quân xâm lược La Mã và lập một vương quốc hùng mạnh. Lý do thứ hai là Chúa muốn thúc đẩy các nhà lãnh đạo Do Thái phải hành động. Họ mong bắt được Ngài sau lễ Vượt Qua (*Ma-thi-ơ* 26:3-5), nhưng chính Đức Chúa Trời đã định trước rằng Con Ngài phải bị giết vào lễ Vượt Qua, bởi vì “Chiên Con của Đức Chúa Trời là Đấng cất tội lỗi thế gian đi” (*Giăng* 1:29; *I Cô-rinh-tô* 5:7). Mọi cố gắng để bắt Chúa trước đó đều thất bại, vì “giờ Ngài chưa đến” (*Giăng* 7:30; 8:20; *Giăng* 13:1; 17:1). Khi họ

thấy lễ mừng long trọng này, họ biết mình phải hành động, và với sự hợp tác đầy “thiện chí” của Giu-đa, nan đề của họ đã được giải quyết (*Ma-thi-ơ* 26:14-16).

Ý nghĩa của lễ mừng này là “sự bình an”. Bác sĩ Lu-ca mở đầu sách Phúc Âm với lời loan báo của thiên sứ, “bình an dưới đất” (*Lu-ca* 2:14), và đây là lễ mừng về sự “bình an trên trời”. Bởi Vua đã bị khước từ, nên không thể có bình an dưới đất, thay vào đó là sự xung đột gay gắt, dai dẳng giữa Nước Trời và vương quốc của ma quỷ (*Lu-ca* 12:49-53). Sẽ không thể có bình an trên đất, nhưng nhờ công tác của Đấng Christ trên thập giá, đã có sự hoà thuận với Đức Chúa Trời ở trên trời (*Rô-ma* 5:1; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:20). Lời khuyên dành cho chúng ta hôm nay là “Hãy hòa thuận lại với Đức Chúa Trời” (*II Cô-rinh-tô* 5:17-21).

Lời than khóc (Lu-ca 19:41-44). Trong khi dân chúng vui mừng, thì Chúa Giê-xu lại khóc! Đây là lần thứ hai Chúa khóc công khai trước nhiều người. Lần thứ nhất Ngài đã khóc trước phần mộ La-xa-rô (*Giăng* 11:35). Trước mộ La-xa-rô, Ngài âm thầm khóc nhưng giờ đây Ngài cất tiếng than khóc như người khóc kẻ chết vậy. Ngài hành động giống như tiên tri Giê-rê-mi đã khóc cay đắng về sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem (*Giê-rê-mi* 9:1, xem *Ca Thương*). Giô-na nhìn thành Ni-ni-ve với hy vọng nó sẽ bị hủy diệt (*Giô-na* 4:1-24 trong lúc Chúa Giê-xu nhìn Giê-ru-sa-lem và khóc vì nó đã tự hủy diệt mình).

Dù nhìn ở bất cứ phương diện nào, Chúa cũng có nguyên nhân để khóc. Nếu nhìn ngược về quá khứ, Ngài thấy dân tộc này đã bỏ lỡ biết bao cơ hội họ có và không hề nhận thức về thời gian họ được thăm viếng. Nếu nhìn “bên trong”, Ngài thấy họ mù lòa về thuộc linh. Họ cần phải biết Ngài là ai, vì Đức Chúa Trời đã ban cho họ Lời Ngài và sai những sứ giả Ngài đến để dọn đường.

Khi nhìn xung quanh, Chúa thấy hoạt động tôn giáo chẳng làm được điều gì ích lợi. Đền thờ đã trở thành “cái hang trộm cướp” và các chức sắc tôn giáo trở thành những kẻ muốn giết

Ngài. Thành phố đầy dẫy những kẻ mộ đạo đến dự lễ, nhưng trong lòng mang gánh nặng tội lỗi cùng những khốn khó trong đời sống.

Khi nhìn về tương lai, Chúa khóc vì Ngài thấy sự đoán phạt khủng khiếp sắp xảy đến cho dân tộc này, thành phố này và đền thờ này. Vào năm 70 SC, quân La Mã đã kéo đến vây thành và sau 143 ngày vây hãm đã giết 600.000 người Do Thái, bắt giữ hàng ngàn người, phá hủy đền thờ và thành phố Giê-ru-sa-lem. Vì sao mọi điều này đã xảy đến? Vì dân tộc này đã không biết Đức Chúa Trời thăm viếng họ! “Ngài đến trong xứ mình, nhưng dân mình chẳng hề nhận lấy” (Giăng 1:11). “Chúng tôi không muốn người này cai trị chúng tôi” (Lu-ca 19:14).

Lời buộc tội (Lu-ca 19:45-48). Chúa Giê-xu trọ trong thành Bê-tha-ni qua đêm (Mác 21:17) và Ngài đến thành Giê-ru-sa-lem vào sáng sớm hôm sau. Đó cũng là lúc Ngài quở trách cây vả (Mác 11:12-14) và sau đó Ngài dẹp sạch đền thờ (xem Giăng 2:13-22). Sân của dân ngoại là nơi duy nhất trong đền thờ được dành riêng cho họ. Ở đó người Do Thái có thể giảng đạo cho những người lân cận vô thần và cho họ biết về một Đức Chúa Trời hiện hữu. Nhưng thay vì để dành riêng cho việc truyền giảng Lời Chúa, nơi đây đã được sử dụng như một “cái chợ tôn giáo” để những người Do Thái từ các nơi đến đổi bạc và mua bán các sinh tế. Các thầy tế lễ cũng “dự phần” vào việc kinh doanh này và kiếm được một món lợi lớn.

Thay vì phải cầu nguyện cho dân chúng, các thầy tế lễ đã “bóc lột” họ! Đền thờ đã không còn là “nhà cầu nguyện” (Ê-sai 56:7) mà trở thành “hang trộm cướp” (Giê-rê-mi 7:11). Campell Morgan nhắc ta nhớ rằng “hang trộm cướp” là nơi ẩn náu của kẻ cướp sau khi đã phạm tội ác. Những chức sắc tôn giáo muốn dùng sự phục vụ trong đền thánh để che đậy tội lỗi mình (Ê-sai 1:1-20). Tuy nhiên, trước khi lên án họ gay gắt, chúng ta hãy nhìn lại xem đã có bao giờ chúng ta đi nhà thờ, tham dự sự thờ phượng chỉ cốt để cho người ta biết mình

là người “tin kính”?

Chúa Giê-xu ở lại trong đền thờ và xem đền thờ là nơi nhóm lại của những con người cần được giúp đỡ. Ngài chữa lành nhiều người bệnh tật, dạy họ Lời Đức Chúa Trời. Các chức sắc tôn giáo giả hình tìm cách giết Ngài, nhưng giờ Ngài chưa đến nên họ không thể tra tay trên Ngài. Trong những ngày kế tiếp, họ biện luận với Ngài để bắt bẻ lời Ngài (*Lu-ca* 20:1-47), nhưng họ đã thất bại. Khi giờ Ngài đến, Ngài sẽ chịu để họ bắt và đóng đinh.

Con Đức Chúa Trời bình thần đến Giê-ru-sa-lem. Trong tuần lễ cuối cùng thi hành chức vụ trên đất, Ngài dạn dĩ đối mặt với kẻ thù và can đảm bước lên thập tự giá chịu chết cho tội lỗi của thế gian.

Ngài vẫn đang kêu gọi chúng ta: *hãy can đảm!*

Những Vấn Đề Và Câu Giải Đáp

Lu-ca 20

Chúa Giê-xu đã cho các sứ đồ biết trước sự chống nghịch bất bớ họ sẽ gặp khi đến Giê-ru-sa-lem. “Con người phải chịu nhiều điều khốn khổ, phải bị các trưởng lão, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo bỏ ra, phải bị giết, ngày thứ ba phải sống lại” (*Lu-ca 9:22*). Chúa biết rõ những điều sẽ xảy đến, Ngài không hề nao núng.

Qua đoạn này, bạn sẽ thấy ba nhóm chức sắc tôn giáo (20:1) cùng chứng cớ họ nghịch Chúa. Họ thách thức Ngài vì Ngài đã dọn dẹp đền thờ và gọi họ là “trộm cướp”. Họ cố bắt bẻ lời Ngài để vu cáo và bắt Ngài như một tội phạm. Những câu hỏi họ đặt ra cho Chúa chỉ là “trò lừa đảo”. Từ “bỏ ra” trong 9:22 (tương tự 20:17) có nghĩa như “loại bỏ sau khi kiểm nghiệm”. Dân Do Thái kiểm nghiệm các chiên con dành cho lễ Vượt Qua rất cẩn thận (từ ngày mồng 10 đến ngày 14) để đảm bảo chúng không tì vết (*Xuất Ê-díp-tô Ký 12:1-6*). Là Chiên Con của Đức Chúa Trời (*Giăng 1:29*), Chúa Giê-xu cũng bị kẻ thù dò xét suốt tuần lễ cuối cùng. Dù đã thấy và nghe mọi điều, họ vẫn muốn “loại bỏ” Ngài. Tuy nhiên, *Ngài cũng muốn dò xét họ!* Khi chất vấn Ngài, họ bị Ngài đặt câu hỏi lại, và lời

đáp của họ phơi bày tấm lòng tối tăm, đầy thù hận và vô tín. Những câu hỏi của Chúa nhằm vào bốn nhân vật:

1. Câu Hỏi Về Giăng Báp-tít

Lu-ca 20:1-19

¹ Một ngày trong những ngày đó, Đức Chúa Jê-sus đang dạy dỗ dân chúng trong đền thờ và rao truyền Tin lành, thì các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo, và các trưởng lão đến thành linh, ² hỏi Ngài như vậy: Hãy nói cho chúng tôi, bởi quyền phép nào mà thầy làm những điều nầy, hay là ai đã ban cho thầy quyền phép ấy? ³ Ngài đáp rằng: Ta cũng hỏi các người một câu. Hãy nói cho ta:

⁴ Phép báp-têm của Giăng đến bởi trên trời, hay là bởi người ta? ⁵ Vả, những người ấy bàn cùng nhau rằng: Nếu chúng ta nói: Bởi trời, thì người sẽ nói với ta rằng: Vậy sao các người không tin lời người? ⁶ Lại nếu chúng ta nói: Bởi người ta, thì cả dân sự sẽ ném đá chúng ta; vì họ đã tin chắc Giăng là một đấng tiên tri. ⁷ Vậy nên họ trả lời rằng không biết phép ấy bởi đâu mà đến. ⁸ Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng: Ta cũng không nói cho các người bởi quyền phép nào ta làm những điều nầy.

⁹ Đức Chúa Jê-sus phán cùng dân chúng lời thí dụ nầy: Người kia trồng một vườn nho, đã cho kẻ trồng nho mướn, rồi bỏ xứ đi lâu ngày. ¹⁰ Đến mùa nho, chủ sai một đầy tớ tới cùng những kẻ trồng nho đặng nhận một phần hoa lợi; song bọn trồng nho đánh đầy tớ, đuổi về tay không. ¹¹ Chủ lại sai một đầy tớ khác nữa; song họ cũng đánh, chưởi, và đuổi về tay không. ¹² Chủ lại sai đầy tớ thứ ba; song họ cũng đánh cho bị thương và đuổi đi. ¹³ Chủ vườn nho bèn nói rằng: Ta làm thế nào? Ta sẽ sai con trai yêu dấu ta đến; có lẽ chúng nó sẽ kính nể!

¹⁴ Song khi bọn trồng nho thấy con trai ấy, thì bàn với nhau như vậy: Kia, ấy là con kế tự; hãy giết nó, hầu cho gia tài nó sẽ về chúng ta. ¹⁵ Họ bèn liệng con trai ấy ra ngoài vườn nho, và giết đi. Vậy chủ vườn sẽ xử họ làm sao? ¹⁶ Chủ ấy chắc sẽ đến diệt những kẻ trồng nho nầy, rồi lấy vườn giao cho người khác. Ai nấy nghe những lời đó, thì nói rằng: Đức Chúa Trời nào nỡ vậy! ¹⁷ Đức Chúa Jê-sus bèn ngó họ mà rằng: Vậy thì lời chép:

Hòn đá thợ xây nhà bỏ ra,

Trở nên đá góc nhà,

nghĩa là gì? ¹⁸ Hễ ai ngã nhằm đá nầy, thì sẽ bị giập nát, còn đá nầy ngã nhằm ai, thì sẽ giập người ấy. ¹⁹ Chính giờ đó, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo tìm cách giết Ngài, vì hiểu Ngài phán thí dụ ấy chỉ về mình; nhưng lại sợ dân chúng.

Việc dọn dẹp đền thờ là sự kiện gây ấn tượng mạnh mẽ khiến dân chúng chú ý đến, cũng như khơi dậy lòng tức giận của giáo hội. Việc Chúa chọn đền thờ làm trung tâm dạy dỗ dân

chúng cũng khiến một số viên chức của tòa công luận phần nộ. Họ đặt câu hỏi, “Bởi thẩm quyền nào mà thầy làm những điều này? Hay là ai đã ban cho thầy thẩm quyền ấy?”

Thẩm quyền có ý nghĩa quyết định sự thành công của một tổ chức xã hội, chính trị hay tôn giáo. Không có thẩm quyền, bạn sẽ gặp trở ngại. Các thầy tế lễ cả khẳng định thẩm quyền của họ từ Môi-se, vì luật pháp chọn dòng Lê-vi phục vụ trong đền thánh. Các thầy thông giáo khẳng định thẩm quyền của họ từ các giáo sư họ học. Các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên là người đứng đầu các thị tộc, được chọn lựa do có kinh nghiệm và khôn ngoan. Những nhóm người này đều biết chắc thẩm quyền mình nên họ không ngại đối đầu với Chúa. Họ muốn đẩy Chúa vào thế khó xử để dù Ngài trả lời thế nào đi nữa Ngài vẫn bị mắc bẫy. Nếu Chúa nói Ngài không có thẩm quyền nào, Ngài sẽ bị dân Do Thái phản đối vì đã xâm phạm đền thờ và hành động như một tiên tri. Nếu nói thẩm quyền đến từ trời, Ngài sẽ gặp rắc rối với người La Mã, những kẻ luôn cảnh giác với những người tự xưng là Đấng Mết-si-a đặc biệt trong kỳ lễ Vượt Qua (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:34-39; 21:37-39).

Bạn hãy chú ý đến phản ứng đầy khôn ngoan của Chúa khi Ngài xoay chuyển vấn đề và dồn những kẻ chất vấn Ngài vào thế “phòng thủ”. Trước hết, Ngài đặt một câu hỏi (*Lu-ca* 20:3-8) kể đến Ngài cho một ví dụ (20:9-16) và sau cùng Ngài trích dẫn lời tiên tri (20:17, 18). Trong mọi phản ứng, Ngài vạch trần tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên.

Tội khước từ trong quá khứ (*Lu-ca* 20:3-8). Chúa nhắc về Giăng Báp-tít với hai lý do: Lý do thứ nhất, Giăng đã làm chứng về Chúa Giê-xu cho dân chúng (*Giăng* 1:15-34). Vì vậy việc họ chối bỏ Giăng cũng đồng nghĩa với sự chối bỏ Chúa. Thứ hai, theo nguyên tắc thuộc linh, nếu chúng ta không vâng theo lẽ thật đã biết, thì Đức Chúa Trời không thể bày tỏ cho chúng ta lẽ thật nào khác (*Giăng* 7:14-17). Tại sao Chúa phải trả lời câu hỏi của họ khi họ không tin lời Giăng?

Giờ đây chính các chức sắc tôn giáo mới thật là những kẻ

Những Vấn Đề Và Câu Giải Đáp / 91

ở thế “tiến thoái lưỡng nan”. Dù trả lời ra sao, họ vẫn gặp “rắc rối” nên họ quyết định “giả câm” và chẳng nói gì. Họ gian dối khi đặt câu hỏi với Chúa và thiếu thành thật khi trả lời Ngài. Dù Chúa đã trả lời họ, vẫn không khiến lòng họ thay đổi. Nếu đã không tin thông điệp Đức Chúa Trời qua Giảng Báp-tít (*Lu-ca 7:24-30*), họ cũng sẽ không tin lời của Con Đức Chúa Trời. Đó là ý chính của ví dụ Chúa nêu ra.

Tội chống nghịch trong hiện tại (Lu-ca 20:9-16). Những người này biết Kinh Thánh và hiểu rằng Chúa nói về “vườn nho” của Y-sơ-ra-ên (*Ê-sai 5:1-7; Thi-Thiên 80:8*). Đức Chúa Trời đã ban phước dư dật cho dân tộc này, Ngài cho họ một miền đất phì nhiêu và hấp dẫn. Ngài chỉ muốn họ vâng theo mệnh lệnh Ngài và dâng cho Ngài “hoa lợi thuộc linh” xứng đáng.

Thay vì có lòng biết ơn và vui mừng dâng lên Chúa những gì thuộc về Ngài, dân này đã phản nghịch Chúa và giết các đấng tiên tri của Ngài (xem *Nê-hê-mi 9:26; Giê-rê-mi 7:25-26; 25:4*). Đức Chúa Trời đầy lòng nhẫn nhục đã sai từng tôi tớ đến với họ nhưng họ không tin theo (*Ma-thi-ơ 23:29-39*). Sau cùng, Ngài sai chính Con yêu dấu của Ngài (*Lu-ca 3:22*) nhưng cũng bị họ giết đi. Qua câu chuyện này, Chúa cũng báo trước về sự chết của Ngài.

Theo luật Do Thái, ai cũng có thể giữ tài sản vô chủ. Những kẻ thuê đất nghĩ rằng chủ đã chết nếu không thì ông hẳn đã đích thân đến. Nếu giết con trai của chủ, họ có thể giành lấy vườn nho cho mình. Đây chính là cách suy nghĩ của các chức sắc tôn giáo khi họ đối diện với Chúa Giê-xu (xem *Giăng 11:47-54*).

Sự tàn rụi trong tương lai (Lu-ca 20:17-18). Chúa nhìn chăm vào họ và trích dẫn *Thi Thiên 118:22*. Các nhà lãnh đạo biết rằng đây là *Thi Thiên* nói về Đấng Mết-si-a và họ đã từng nghe dân chúng la lớn những lời ấy khi Chúa cỡi lừa tiến vào thành Giê-ru-sa-lem (*Lu-ca 19:38; Thi Thiên 118:22*). Khi áp dụng lời Kinh Thánh cho chính mình, Chúa tuyên bố công

khai Ngài là Đấng Mết-si-a. Dĩ nhiên, những “thợ xây nhà” là các chức sắc Do Thái này (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:11).

Trong Cựu Ước, “đá” là biểu tượng chỉ về Đức Chúa Trời và về Đấng Mết-si-a (xem *Sáng Thế Ký* 49:24; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:6; 33:22; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 32:4, 15, 30-31; *Ê-sai* 8:14; 28:16; *I Cô-rinh-tô* 10:4). Bởi vô tín, dân Do Thái đã “vấp nhằm” Ngài và bị đoán phạt. Những ai tin nơi Chúa Giê-xu đều nhận biết Ngài là “nền” và “đá góc nhà” của Hội Thánh (*I Cô-rinh-tô* 3:11; *Ê-phê-sô* 2:20).

Chúa Giê-xu cũng nhắc đến *Đa-ni-ên* 2:34-35, 44-45 Đấng Mết-si-a được hình dung như “hòn đá đập vỡ” nghiền nát tất cả mọi thứ trên đường đi. Ngài cảnh cáo những nhân viên tòa công luận rằng họ chỉ tự huỷ diệt mình nếu lên án Ngài. Nguyên tắc này vẫn áp dụng cho hôm nay và những ai vô tín nên cẩn thận chú ý đến lời khuyến cáo này.

Khi giết Giăng Báp-tít các nhà lãnh đạo đã phạm tội nghịch với Đức Chúa Trời là Đấng đã sai ông đến, khi đóng đinh Chúa Giê-xu, họ phạm tội nghịch với Con Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu cho họ biết rằng họ vẫn được tha thứ nếu chỉ phạm tội nghịch Ngài, nhưng sẽ không có sự tha thứ nếu phạm tội nghịch cùng Đức Thánh Linh (*Ma-thi-ơ* 12:24-37). Vì sao? Bởi đó là chứng cứ cuối cùng Đức Chúa Trời bày tỏ cho dân này. Các nhà lãnh đạo Do Thái đã phạm tội gọi là “tội không thể tha thứ” khi họ chối bỏ chứng cứ về Thánh Linh của Đức Chúa Trời được bày tỏ qua các sứ đồ. Việc ném đá Ê-tiên là bằng chứng về sự chống nghịch của họ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:51-60).

Qua câu chuyện, Chúa Giê-xu bày tỏ bản chất ngấm ngấm của tội lỗi: Chúng ta càng phạm tội, bản chất tội lỗi càng trở nên tệ hại hơn. Những kẻ thuê đất trong câu chuyện chỉ bắt đầu bằng hành động làm bị thương các đầy tớ nhưng sau cùng chúng đã trở thành những kẻ sát nhân! Các quan trưởng Do Thái ra lệnh giết Giăng Báp-tít, muốn Chúa Giê-xu phải bị đóng đinh và sau đó chính họ đã ném đá Ê-tiên. Họ phạm tội

ngịch với Đức Chúa Trời, Con Ngài và Đức Thánh Linh – chứng cứ cuối cùng Đức Chúa Trời tỏ cùng họ.

Thật sai lầm biết bao nếu chối bỏ lời Đức Chúa Trời và không tin các sứ giả Ngài (xem *Hê-bơ-rơ* 2:1-4; *Giăng* 12: 35-43)!

2. Câu Hỏi Về Sê-sa

Lu-ca 20:20-26

²⁰ Họ bèn dòm hành Ngài, sai mấy kẻ do thám giả làm người hiền lành, để bắt bẻ Ngài trong lời nói, hầu để nộp Ngài cho kẻ cầm quyền và trong tay quan tổng đốc.

²¹ Những người đó hỏi Đức Chúa Jê-sus câu này: Thưa thầy, chúng tôi biết thầy nói và dạy dỗ theo lẽ ngay thẳng, không tư vị ai, lấy lẽ thật mà dạy đạo Đức Chúa Trời. ²² Chúng tôi có nên nộp thuế cho Sê-sa hay không? ²³ Song Đức Chúa Jê-sus biết mưu họ, thì đáp rằng: ²⁴ Hãy cho ta xem một đơ-ni-ê. Đơ-ni-ê này mang hình và hiệu của ai? Họ thưa rằng: Của Sê-sa. ²⁵ Ngài bèn phán rằng: Vậy thì của Sê-sa hãy trả lại cho Sê-sa, của Đức Chúa Trời hãy trả lại cho Đức Chúa Trời. ²⁶ Trước mặt dân chúng, họ không bắt lỗi lời Ngài phán chi được; và lấy lời đáp của Ngài làm lạ, thì nín lặng.

Chúa Giê-xu biết rằng những kẻ hỏi Ngài là do thám của người Pha-ri-si và đảng Hê-rốt (*Mác* 12:13), nhưng Ngài vẫn kiên nhẫn nghe và đáp lời họ. Hai nhóm người này luôn luôn công kích nhau nhưng nay họ có chung một “kẻ thù” nên họ phải hợp tác nhau. Họ muốn bàn luận về vấn đề thuế và quyền hạn của La Mã, mang kích động Chúa nghịch với người Do Thái (“hãy đóng thuế”) hoặc người La Mã (“đừng đóng thuế”). Nhưng Chúa đã đưa vấn đề này lên một mức suy nghĩ thâm thúy và buộc những kẻ do thám này phải suy nghĩ về mối liên hệ giữa Nước Trời và nước của loài người.

Nhà cầm quyền được Đức Chúa Trời lập ra nên chúng ta phải tôn trọng (*Châm Ngôn* 8:15; *Đa-ni-ên* 2:21, 37-38 *Rô-ma* 13:1-14; *I Phi-e-rơ* 2:11-17). Chúng ta là công dân Nước Trời (*Phi-líp* 3:20) và là khách lữ hành trên đất. Tuy nhiên, điều ấy không có nghĩa là chúng ta có thể làm ngơ đối với bốn phận

trên đất của mình. Chính quyền của con người rất cần thiết cho một xã hội an ninh trật tự, vì con người vốn là tội nhân cần phải được kiểm soát.

Chúa không muốn nói rằng chúng ta “phân tán” sự trung thành của mình giữa Đức Chúa Trời và chính quyền. Vì “các quyền đều bởi Đức Chúa Trời chỉ định” (*Rô-ma* 13:1) nên chúng ta phải sống như những công dân mẫu mực khi vâng phục những bậc cầm quyền theo ý Chúa. Nếu sự vâng phục Đức Chúa Trời mâu thuẫn với loài người, vậy chúng ta phải đặt Đức Chúa Trời lên trên mọi sự (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:19-20; 5:29), nhưng hãy hành động với thái độ khiêm nhường và yêu thương. Dù không thể tôn trọng những người trong cơ quan, chúng ta phải tôn trọng cơ quan đó. Lời của Giê-rê-mi khuyên dân Do Thái bị lưu đày ở Ba-by-lôn cũng là một lời khuyên hữu ích đối với những “khách lữ hành” của Đức Chúa Trời hôm nay “Hãy tìm sự bình an cho thành!” (*Giê-rê-mi* 29:4-7.)

Hình và hiệu của Sê-sa ở trên đồng tiền, nên nó đúng là tiền của Sê-sa. “Đóng thuế” đơn giản có nghĩa là trả cho Sê-sa những gì thuộc về ông ta. Hình ảnh Đức Chúa Trời được ấn chứng trên chúng ta nên Ngài có quyền điều khiển đời sống chúng ta, như những công dân của riêng Ngài. Chúng ta phải cố gắng trở nên những công dân gương mẫu hầu làm sáng danh Đức Chúa Trời và khiến những người chưa tin biết đến Phúc Âm của Đức Chúa Trời và muốn trở thành Cơ Đốc nhân (*I Phi-e-rơ* 2:9-12; 3:8-17).

Thật bất hạnh cho những tín hữu có suy nghĩ sai lầm rằng càng trở thành những công dân bị chê bai, họ càng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và là chứng nhân cho Chúa Cứu Thế! Đừng làm trái với lương tâm, nhưng hãy là những người đem đến sự hòa bình chứ đừng là kẻ gây rối. Đa-ni-ên là một gương cho chúng ta noi theo (*Đa-ni-ên* 1:1-21).

3. Câu Hỏi Về Môi-se

Lu-ca 20: 27-40

²⁷ Có mấy người Sa-đu-sê, là người vẫn quyết rằng không có sự sống lại, đến gần Đức Chúa Jê-sus, mà hỏi rằng: ²⁸ Thưa thầy, Môi-se đã truyền lại luật nầy cho chúng tôi: Nếu người kia có anh, cưới vợ rồi chết, không con, thì người phải cưới lấy vợ góa đó để nối dòng cho anh mình. ²⁹ Vậy, có bảy anh em. Người thứ nhất cưới vợ, rồi chết, không con. ³⁰ Người thứ hai cũng lấy vợ đó, ³¹ rồi đến người thứ ba; hết bảy người cũng vậy, đều chết đi không có con. ³² Rốt lại, người đàn bà cũng chết. ³³ Vậy thì đến ngày sống lại, đàn bà đó sẽ là vợ ai? Vì bảy người đều đã lấy làm vợ. ³⁴ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Con cái của đời nầy lấy vợ gả chồng; ³⁵ song những kẻ đã được kể đáng dự phần đời sau và đáng từ kẻ chết sống lại, thì không lấy vợ gả chồng. ³⁶ Bởi họ sẽ không chết được nữa, vì giống như các thiên sứ, và là con của Đức Chúa Trời, tức là con của sự sống lại. ³⁷ Còn về sự kẻ chết sống lại, Môi-se đã cho biết trong câu chuyện về Bụi gai, khi người gọi Chúa là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp. ³⁸ Vậy, Đức Chúa Trời không phải là Đức Chúa Trời của kẻ chết, nhưng của kẻ sống; vì ai nấy đều sống cho Ngài. ³⁹ Có mấy thầy thông giáo cất tiếng thưa Ngài rằng: Lạy thầy, thầy nói phải lắm. ⁴⁰ Họ không dám hỏi Ngài câu nào nữa.

Người Sa-đu-sê xen vào với một câu hỏi có tính giả thuyết dựa trên luật Do Thái liên quan đến lãnh vực hôn nhân (*Sáng Thế Ký 38:1-30; Phục Truyền Luật Lệ Ký 25:5-10*). Người Sa-đu-sê chỉ chấp nhận năm sách của Môi-se chứ không tin có thiên sứ, các thần hay sự sống lại từ cõi chết (*Công Vụ Các Sứ-đồ 23:8*). Họ tuyên bố rằng Môi-se không hề viết gì về những giáo lý này. Những người Sa-đu-sê thường giữ chức tế lễ ở Y-sơ-ra-ên, nên đó là lý do các thầy tế lễ nghịch lại lời giảng về sự sống lại của các sứ-đồ (*Công Vụ Các Sứ-Đồ 4:1, 2*) cũng như vì sao họ muốn giết La-xa-rơ khi ông sống lại từ cõi chết (*Giăng 12:10-11*).

Chúa bày tỏ sự sai lầm của những kẻ nghịch Ngài và cho thấy câu hỏi của họ đã giới hạn quyền năng Đức Chúa Trời và chối bỏ Lời Ngài. Sự sống lại không phải là một sự tái thiết, nhưng là sự ban cho kỳ diệu của Đức Chúa Trời khi thân thể chúng ta được đổi mới, không giống với bản chất của thân thể cũ. Phao-lô so sánh thân thể hiện tại của chúng ta với hạt

giống được gieo ra, và thân thể khi sống lại với hoa và quả vinh hiển (*I Cô-rinh-tô* 15:35-50). Khi Chúa Giê-xu sống lại, Ngài vẫn có hình thể như trước khi Ngài chịu chết nhưng lại khác biệt! Các môn đệ có thể nhận ra Ngài, ngay cả rờ Ngài; Ngài có thể ăn nhưng cũng có thể đi xuyên qua cửa, thay đổi hình dạng và biến mất bất ngờ.

Cuộc sống đời sau với Chúa không chỉ là sự tiếp nối đời này ở “mức cao hơn”. Chúng ta sẽ vẫn là chính mình, có thể nhận biết nhau, nhưng sẽ không có sự chết nữa. Vì vậy sẽ không cần có sự cưới gả hay sinh con. Cơ Đốc nhân không trở thành các thiên sứ. Ở thiên đàng, chúng ta sẽ mang hình ảnh của Chúa Giê-xu và địa vị chúng ta còn cao hơn các thiên sứ nữa! (*I Giăng* 3:2). Trong Kinh Thánh các thiên sứ xuất hiện như con người, nhưng họ ở thể thần linh và không có bản năng giới tính. Về mặt này, chúng ta sẽ giống họ, không cưới gả và sinh sản trên thiên đàng.

Đức Chúa Trời há không đủ quyền năng khiến kẻ chết sống lại và ban cho họ thân thể mới phù hợp với môi trường mới sao? Nếu hôm nay Ngài có thể ban cho mọi tạo vật Ngài hình dạng khác nhau, vậy sao Ngài lại không thể ban cho con người thân thể mới khi họ sống lại” (*I Cô-rinh-tô* 15:35-44). Khi làm ra về “sáng suốt”, người Sa-đu-sê đã chối bỏ chính quyền năng của Đức Chúa Trời!

Chúa Giê-xu đã vượt quá lý lẽ con người khi nhắc họ nhớ lại lời Đức Chúa Trời đặc biệt là sự kiện xảy đến với Môi-se được chép ở sách *Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:1-22. Đức Chúa Trời xưng Ngài là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp. Ngài chứng thực ba vị thánh tổ này đang sống. Nếu họ sống, họ hẳn phải ở thể phi vật chất vì họ đã chết trước đó (*Gia-cơ* 2:26). Phải có một thể giới thần linh thực hữu, nếu không Môi-se đã chẳng viết những lời này (Môi-se cũng xác nhận sự thực hữu của các thiên sứ: *Sáng Thế Ký* 19:1,15; 28:12; 32:1).

Chúa Giê-xu giải thích rằng *Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:6,15-16

không chỉ dạy lẽ thật về sự sống sau khi chết mà còn về sự sống lại, không bằng lời trực tiếp như mang ý nghĩa sâu xa của những điều ấy. Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của con người toàn vẹn - tâm thần, linh hồn và thân thể (*1 Tê-sa-lô-ni-ca* 5:23). Vì Ngài đã dựng nên con người toàn vẹn, Ngài không chỉ cứu linh hồn chúng ta rồi bỏ mặc phần còn lại thuộc con người chúng ta. Bản chất vốn có trong sự sáng tạo của Ngài là quan tâm đến mọi mặt của con người. Vì vậy, Ngài không để chúng ta phải “hồn lìa khỏi xác” mãi mãi, nhưng ban cho chúng ta thân thể vinh hiển thích hợp với sự hoàn mỹ ở thiên đàng.

Một vấn đề khác, đó là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời với ba vị thánh tổ này. Ngài hứa ban cho họ và con cháu họ những phước hạnh trên đất, nhưng Ngài không thể làm trọn lời hứa nếu dân Ngài chỉ muốn sống đời đời như những linh hồn không có xác. Có thể nào tồn tại một trời mới và đất mới vinh hiển mà không có sự vinh hiển về thể xác dành cho con cái Đức Chúa Trời?

Chúa Giê-xu xác nhận những điều người Sa-đu-sê chối bỏ: sự tồn tại của thiên sứ, sự thực hữu của đời sống sau khi chết, sự sống lại ở đời sau. Ngài xác nhận điều này dựa trên sách của Môi-se. Dĩ nhiên Ngài có thể dẫn chứng những đoạn Kinh Thánh khác nói về sự sống lại ở đời sau, nhưng Ngài đã giải đáp cho những kẻ chống nghịch Ngài dựa trên chính lý lẽ họ đưa ra. (Xem *Gióp* 14:14; 19:25-27; *Thi Thiên* 16:9-10; 17:15; *Ê-sai* 26:19; *Ê-xê-chi-ên* 37:1-28; *Đa-ni-ên* 12:2).

4. Câu hỏi về Đa-vít

Lu-ca 20: 41-47

⁴¹ Đức Chúa Jêsus hỏi họ rằng: Làm sao người ta nói được rằng Đấng Christ là con vua Đa-vít? ⁴² vì chính vua Đa-vít đã nói trong sách Thi thiên rằng:

Chúa phán cùng Chúa tôi rằng:

Hãy ngồi bên hữu ta,

⁴³ Cho đến khi ta bắt kẻ nghịch người làm bệ chân người.

⁴⁴ Vậy, vua Đa-vít gọi Ngài bằng Chúa; có lẽ nào Ngài là con vua ấy được?

⁴⁵ Khi dân chúng đương nghe, thì Ngài phán cùng môn đồ rằng: ⁴⁶ Hãy giữ

mình về các thầy thông giáo, là người ưa mặc áo dài đi dạo, và thích những sự chào hỏi giữa chợ, muốn ngồi cao trong nhà hội, ngồi đầu trong tiệc lớn, ⁴⁷ làm bộ đọc lời cầu nguyện dài, mà nuốt gia tài của đàn bà góa. Họ sẽ bị đoán phạt nặng hơn.

Khi người Pha-ri-si nhóm nhau lại, Chúa Giê-xu hỏi họ câu cuối cùng: “Về Đấng Christ, các người nghĩ thế nào? Ngài là con ai?” (*Ma-thi-ơ* 22:41-42). Đây là câu hỏi *quan trọng* dành cho mọi thời đại và mỗi cá nhân, vì sự cứu rỗi và số phận đời đời của chúng ta tùy thuộc vào suy nghĩ của chúng ta về Chúa Cứu Thế (*I Giăng* 2:21-25; 4:1-6; 5:1).

Dĩ nhiên, họ đều biết câu trả lời sẽ là “Con vua Đa-vít” dựa trên các câu Kinh Thánh ở *II Sa-mu-ên* 7:13-14; *Ê-sai* 11:1 và *Giê-rê-mi* 23:5. Đức Chúa Trời đã định trước rằng Đấng Mết-si-a phải thuộc dòng Đa-vít, sinh trong thành Đa-vít tức Bết-lê-hem (*Mi-chê* 5:2). Sự kiện dân Do Thái gắn liền Chúa Giê-xu với Na-xa-rét chứ không phải Bết-lê-hem, chứng tỏ họ không thực sự tìm kiếm những sự kiện có liên quan đến sự giáng sinh của Ngài (*Giăng* 7:40-53).

Sau đó Chúa đề cập đến *Thi Thiên* 110:1-6, một Thi Thiên được trích dẫn trong Tân Ước nhiều hơn những Thi Thiên khác. Thời bấy giờ, các nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái xem *Thi Thiên* 110 là chương Kinh Thánh Đa-vít nói tiên tri về Đấng Mết-si-a. Nếu Đấng Mết-si-a là Chúa của Đa-vít, sao Ngài có thể là con vua Đa-vít được? Đây thật là điều khó lý giải đối với họ!

Lời giải thích duy nhất là: Đấng Mết-si-a là Đức Chúa Trời cũng là Con Người. Vì là Đức Chúa Trời hằng hữu, Ngài được gọi là *Chúa* của Đa-vít, nhưng trong thân vị con người, Ngài là con vua Đa-vít (*Rô-ma* 1:3; 9:4-5; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:32-36; 13:22-23).

Vào tuần lễ cuối cùng, đoàn dân đông đã gọi Chúa là con vua Đa-vít nhưng Ngài không quở trách họ (*Ma-thi-ơ* 21:9; *Mác* 11:10). Khi áp dụng *Thi Thiên* 110:1; cho chính mình, Chúa tuyên bố chính Ngài là Đấng Mết-si-a của giao ước, là

Những Vấn Đề Và Câu Giải Đáp / 99

Con Đức Chúa Trời. Vậy tại sao người Pha-ri-si không tin Ngài? Bởi lòng họ cứng cõi và mắt họ mù lòa (*Giăng* 12:37-50). Họ không đủ can đảm thừa nhận lẽ thật, nên đã bắt bớ những người đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu. Câu hỏi Chúa đặt ra khiến họ nín lặng (*Ma-thi-ơ* 22:46) và chấm dứt những cuộc chất vấn công khai ấy. Dầu vậy, họ cũng chẳng chịu thua. Vì giả hình và thiếu thành thật, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si là những kẻ nguy hiểm không nên gần họ, vì vậy Chúa khuyên môn đệ, dân chúng cảnh giác đối với hạng người này (*Lu-ca* 20:45-47; *Ma-thi-ơ* 23:1-39). “Loài người xem bề ngoài, nhưng Đức Giê-hô-va nhìn thấy trong lòng” (*I Sa-mu-ên* 16:7; *Hê-bơ-rơ* 4:12). Các chức sắc tôn giáo chẳng hề khao khát sự thánh khiết của bản thân, chỉ muốn được nổi danh trong thiên hạ. Vì vậy, họ xứng xính trong lễ phục sang trọng, mong người ta chào hỏi và tôn trọng mình cũng như muốn ngồi chỗ “đặc biệt” trong nhà hội.

Có hai bi kịch đáng nói ở đây. Trước hết, sự giả hình có chủ tâm của các thầy thông giáo chỉ là cái vỏ bên ngoài để họ lừa dối và lợi dụng dân chúng. Trong những thủ đoạn kiếm tiền, thủ đoạn mang hình thức tôn giáo là điều tồi tệ nhất. Các chức sắc này đã biến đền thờ Đức Chúa Trời thành “hang trộm cướp” và biến sự quyên góp của tín hữu thành một vở kịch. Dân chúng cho rằng các chức sắc của họ là những con người yêu mến Đức Chúa Trời, thực ra hai chức sắc đó chỉ là những kẻ làm ô uế và hủy hoại linh hồn người ta (*Ma-thi-ơ* 23:13-36).

Bi kịch thứ hai là họ chối bỏ Đấng Mết-si-a và cổ vũ việc đóng đinh Ngài. Họ dẫn dắt dân tộc đi đến chỗ hư mất, vì không muốn thừa nhận tội lỗi mình cũng như không muốn hiểu Chúa Giê-xu là Đấng Christ. Bạn hãy nhớ rằng những con người này là các “học giả” Kinh Thánh, vậy mà họ lại không áp dụng những lẽ thật của Kinh Thánh vào đời sống mình. Niềm tin tôn giáo của họ chẳng qua chỉ là sự tuân thủ lễ nghi bên ngoài, chứ không phải sự biến đổi ở bên trong.

Về phương diện này, theo *Ma-thi-ơ* 23:37-39, một lần nữa Chúa Giê-xu đã than khóc cho những kẻ vô tín mù lòa của dân tộc và khóc cho lòng cứng cổ không tin Chúa của họ. Ngài cho họ quá nhiều cơ hội nhưng họ đều bỏ qua. Giờ thì đã quá muộn!

Hôm nay bi kịch này lại tái diễn. Đó là lý do Đức Thánh Linh phán: “Ngày nay nếu các người nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng...” (*Hê-bơ-rơ* 3:7-8).

“...bao nhiêu lần ta muốn... mà các người chẳng chịu!” (*Ma-thi-ơ* 23:37)

Câu Hỏi Về Tương Lai

Lu-ca 21

Giờ lại đến lượt các môn đệ Chúa đặt câu hỏi!

Vấn đề bắt đầu lúc có một bà góa vào đền thờ dâng hiến cho Đức Chúa Trời (*Lu-ca 21:1-4*). So với của cải người giàu, hai đồng tiền của bà góa chẳng ý nghĩa gì! Nhưng Chúa Giê-xu phán rằng bà góa đã dâng nhiều hơn của cải của mọi người cộng lại. Phần dâng hiến khiêm nhường của bà góa không phải có ý nghĩa rằng chúng ta có thể dâng phần *nhỏ nhất*, nhưng là phần *tốt nhất* trong những gì chúng ta có. Khi tôn vinh “hiến cả thầy cho Ngài”, chúng ta bày tỏ rằng mọi thứ mình có thuộc về Ngài.

Khi chúng ta dâng hiến, Đức Chúa Trời nhìn thấy “tỷ lệ” hơn là “của dâng”. Con người chỉ nhìn thấy “của dâng”, nhưng Đức Chúa Trời nhìn thấy những gì con người còn “giữ lại”, bởi đó Ngài đánh giá được của lễ và tấm lòng chúng ta. Winston Churchill nói rằng: “Chúng ta sinh nhai bằng những gì mình kiếm được, nhưng xây dựng cuộc đời bằng những gì mình dâng hiến”. Có lẽ ông đã học được điều này từ Chúa Giê-xu (*Lu-ca 6:38*) hoặc từ Phao-lô (*II Cô-rinh-tô 8:1-15*).

Đền thờ được xây cất công phu và tô điểm bằng những vật trang trí đắt giá mà một bà góa nghèo không bao giờ có thể dâng được, nên các môn đệ nhắc Chúa về điều này. Tuy nhiên,

Chúa không để tâm đến vấn đề đó. Ngài cho họ biết sẽ có một ngày đền thờ tráng lệ của dân Do Thái sẽ bị phá hủy (*Lu-ca* 21:5-6). Ngài cũng báo trước về sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem (*Lu-ca* 19:41-44), nhưng giờ đây Ngài đặc biệt chú ý đến việc đền thờ bị phá hủy.

Chúa Giê-xu rời khỏi đền thờ và đi đến núi Ô-li-ve. Tại đó, Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng hỏi Ngài ba câu: khi nào đền thờ sẽ bị phá hủy? Có điềm gì chỉ về sự Chúa đến? Có điềm chi cho biết các sự đó sẽ hoàn thành? (xem *Mác* 13:3, 4; *Ma-thi-ơ* 24:3). Các môn đệ nghĩ rằng ba sự kiện đó sẽ xảy ra cùng một lúc, nhưng Chúa Giê-xu giải thích các sự việc này khác nhau. Theo thực tế, đền thờ sẽ bị phá hủy trước tiên và sau một thời gian dài Chúa sẽ trở lại để lập vương quốc Ngài trên đất (xem *Lu-ca* 19:11-27).

Lời đáp của Chúa bao gồm những điều mà chúng ta gọi là “bài giảng trên núi Ô-li-ve”, một bài giảng về lời tiên tri kỳ diệu nhất của Ngài. Bài giảng được chép chi tiết ở sách *Ma-thi-ơ* 24:1-25:46 và *Mác* 13:1-37. Vì *Lu-ca* viết cho dân ngoại nên ông đã bỏ đi một số chi tiết nói về dân Do Thái, nhưng ông vẫn giữ lại những lẽ thật quan trọng mà chúng ta cần xem xét và ứng dụng.

Hãy nhớ rằng đây là thông điệp dành cho dân Do Thái được loan ra từ môi miệng của một người Do Thái, nói tiên tri về tương lai của dân Do Thái. Mặc dù hôm nay có vài điều ứng nghiệm đối với con cái Đức Chúa Trời, nhưng lời tiên tri này nhằm vào Giê-ru-sa-lem, dân Do Thái và đền thờ. Chúa Giê-xu không bàn về sự trở lại của Ngài dành cho Hội Thánh, vì sự kiện này có thể xảy đến bất cứ lúc nào và không cần có điềm báo trước (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18; *I Cô-rinh-tô* 15:51-58). “Người Giu-đa đòi một dấu hiệu” (*I Cô-rinh-tô* 1:22) nhưng Hội Thánh trông đợi Cứu Chúa mình (*Phi-líp* 3:20-21).

Bài giảng tập trung vào một thời kỳ hoạn nạn khi Đức Chúa Trời trút cơn thịnh nộ trên các nước ở thế gian. Nhiều học giả Kinh Thánh cho rằng thời kỳ hoạn nạn ấy sẽ bắt đầu xảy ra

khi Chúa ngự đến trên không trung để cất Hội Thánh Ngài lên Thiên Đàng (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-5:11). Nó sẽ đạt đến cao điểm khi Chúa trở lại trên đất, vào lúc ấy Ngài đánh bại kẻ thù và lập vương quốc Ngài (*Khải Thị* 19:1-20:6).

Sau đây là những ý chính trong tiến trình của bài giảng hầu giúp ích cho bạn hiểu rõ hơn:

. Nửa đầu cơn đại nạn (*Ma-thi-ơ* 24:4-14; *Mác* 13:5-13; *Lu-ca* 21:8-19)

. Giữa cơn đại nạn (*Ma-thi-ơ* 24:15-28; *Mác* 13:14-18; *Đa-ni-ên* 9:24-27).

. Nửa cuối cơn đại nạn (*Ma-thi-ơ* 24:29-31; *Mác* 13:19-27; *Lu-ca* 21:25-27).

. Lời cảnh cáo sau cùng (*Ma-thi-ơ* 24:32-51; *Mác* 13:28-37; *Lu-ca* 21:28-36)

Để trả lời câu hỏi của các môn đệ, Chúa phán về bốn vấn đề có liên quan đến tương lai của dân Y-sơ-ra-ên.

1. Mô Tả Thời Đại

Lu-ca 21: 8-19

⁸ Ngài đáp rằng: Các ngươi hãy giữ, kéo bị cám dỗ; vì có nhiều người sẽ mạo danh ta mà đến, và nói rằng: Ấy chính ta là Đấng Christ, thì giờ đã đến gần. Các ngươi đừng theo họ. ⁹ Lại khi các ngươi nghe nói về giặc giã loạn lạc, thì đừng kinh khiếp, vì các điều đó phải đến trước; nhưng chưa phải cuối cùng liền đâu.

¹⁰ Ngài cũng phán cùng họ rằng: Dân này sẽ đẩy lên nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia; ¹¹ sẽ có sự động đất lớn, có đói kém và dịch lệ trong nhiều nơi, có những điềm lạ kinh khiếp và dấu lớn ở trên trời. ¹² Song trước những điều đó, thiên hạ sẽ vì cơ danh ta mà tra tay bắt bớ các ngươi, nộp tại các nhà hội, bỏ vào ngục, kéo đến trước mặt các vua và các quan tổng đốc.

¹³ Điều ấy xảy ra cho các ngươi để làm chứng cứ ¹⁴ Vậy các ngươi hãy nhớ kỹ trong trí, đừng lo trước về sự binh vực mình thế nào. ¹⁵ Vì ta sẽ ban cho các ngươi lời lẽ và sự khôn ngoan, mà kẻ nghịch không chống cự và bẻ bác được.

¹⁶ Các ngươi cũng sẽ bị cha, mẹ, anh, em, bà con, bạn hữu mình nộp mình; và họ sẽ làm cho nhiều người trong các ngươi phải chết. ¹⁷ Các ngươi sẽ vì cơ danh ta bị mọi người ghen ghét. ¹⁸ Nhưng một sợi tóc trên đầu các ngươi cũng không mất đâu. ¹⁹ Nhờ sự nhịn nhục của các ngươi mà giữ được linh hồn mình.

Những sự kiện Chúa phán có thể xảy đến ở bất cứ thời đại nào của Hội Thánh, vì ngay từ đầu đã có những Đấng Christ giả, những biến động trên thế giới và tình trạng bất ổn Hội Thánh. Tuy vậy, những sự việc này sẽ *gia tăng* và *khốc liệt* hơn khi sự tái lâm của Chúa đến gần. Thomas Campbell, nhà thơ người Anh và cũng là nhà giáo dục, thật có lý khi nói rằng: “Những biến cố sắp xảy đến ngã bóng của chúng ở phía trước”.

Sẽ có tình trạng *lừa dối đạo* (Lu-ca 21:8) và thậm chí con cái Đức Chúa Trời cũng rơi vào sự dỗ dành ấy. Trái bao thế kỷ, Sa-tan là kẻ cám dỗ con người đi sai đường khi nó lừa dối và khiến lòng con người trở nên tăm tối (II Cô-rinh-tô 11:1-4, 13-15; 4:1-6). Dân Y-sơ-ra-ên đã bị các tiên tri giả dỗ dành và sa vào tội lỗi. Hội Thánh cũng bị các giáo sư giả truyền đạo dối làm hại họ (II Phi-e-rơ 2:1-22).

Con người vốn luôn quan tâm đến tương lai, đặc biệt khi có những sự kiện thế giới đáng lo ngại xảy ra. Vì vậy, những kẻ trục lợi trong lớp vỏ “tôn giáo” có thể bóc lột và lợi dụng họ. Mỗi thời đại đều có những kẻ mạo danh Chúa Cứu Thế hoặc tuyên bố thời điểm Chúa tái lâm. Những tiên tri giả này thường trích dẫn Kinh Thánh để chứng minh sự chính xác trong lời tiên đoán của họ, bất kể việc Chúa Giê-xu từng phán rõ ràng rằng không ai có thể biết thời điểm tái lâm của Ngài (Ma-thi-ơ 24:36-44).

“Các người hãy giữ, kẻo bị cám dỗ!” Đó là lời Chúa khuyên dạy và chúng ta phải ghi vào lòng. Chỉ có một cách duy nhất giữ cho chúng ta sống quân bình, đó là phải hiểu biết Kinh Thánh và vâng theo lời Đức Chúa Trời dạy dỗ (II Phi-e-rơ 3:17-18). Thật đại họa và tai hại nếu chúng ta quá chú tâm đến lời tiên tri, đến nỗi lơ là đối với những vấn đề thực tiễn của đời sống Cơ Đốc nhân. Phước cho những ai sống quân bình!

Tai họa cũng sẽ xảy ra ở mọi nơi trên thế giới (Lu-ca 21:9-11). Một người bạn của tôi còn giữ lại những tư liệu về các trận động đất xảy ra những năm gần đây. Một sinh viên nghiên

Câu Hỏi Về Tương Lai / 105

cứu tiên tri đã liệt kê tất cả các cuộc chiến và những cuộc xâm lấn. Cả hai đều bỏ sót một chi tiết: Chúa phán rằng chiến tranh, động đất, bệnh dịch, và nạn đói không phải là những dấu hiệu Chúa tái lâm ngay. Đó chỉ là những diễn tiến xảy ra khắp nơi và mọi thời đại.

Tuy nhiên, trong thời kỳ đầu của sự hoạn nạn, những biến cố này sẽ gia tăng số lượng và cường độ bội phần. *Ma-thi-ơ* 24:1-14 liệt kê chi tiết các biến cố sẽ xảy ra. Nếu so sánh với *Khải Thị* 6:1-17, bạn sẽ thấy có điểm tương đồng.

Biến cố

Christ giã	<i>Ma-thi-ơ</i> 24:4-5	<i>Khải Thị</i> 6:1-2
Chiến tranh	<i>Ma-thi-ơ</i> 24:6	<i>Khải Thị</i> 6:3-4
Đói kém	<i>Ma-thi-ơ</i> 24:7	<i>Khải Thị</i> 6:5-6
Sự chết	<i>Ma-thi-ơ</i> 24:8	<i>Khải Thị</i> 6:7-8
Tử đạo	<i>Ma-thi-ơ</i> 24:9	<i>Khải Thị</i> 6:9-11
Tội ác	<i>Ma-thi-ơ</i> 24:10-13	<i>Khải Thị</i> 6:12-17

Thực ra, sách *Khải Thị* từ chương 6 đến chương 19 mô tả chi tiết thời hoạn nạn theo như tiến trình của *Ma-thi-ơ* 24:1-51: (1) khởi đầu cơn đại nạn, đoạn 6-9; (2) giữa cơn đại nạn, đoạn 10-14, (3) nửa cuối cơn đại nạn, đoạn 15-19.

Chúa phán với con cái Ngài rằng “đừng kinh khiếp!” . Những biến cố này ắt phải xảy đến, không ai có thể ngăn trở được. Điều này không có nghĩa là con cái Chúa sẽ phó mặc cho số phận mình, nhưng thay vào đó, họ muốn đầu phục chương trình của một người Cha yêu thương, Đấng hiệp mọi sự lại theo “ý quyết đoán” của Ngài (*Ê-phê-sô* 1:11).

Sau cùng, sẽ có sự bắt bớ đạo do lệnh trên (*Lu-ca* 21:12-15) hoặc do cá nhân (21:16-19). Dĩ nhiên, đã có tình trạng bắt bớ kể từ khi Ca-in giết A-bên (*Ma-thi-ơ* 23:34-36; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:1; 5:17; 6:9; 8:1). Chúa nói trước rằng những ai theo Ngài sẽ chịu khổ (*Giăng* 15:18-16:4, 32-33) và hôm nay lời phán ấy đã xảy ra (*II Ti-mô-thê* 3:12). Nhưng sự bắt bớ trong thời kỳ sau rốt sẽ gay gắt hơn và nhiều người sẽ bỏ

mình vì Chúa.

Bạn hãy để ý những lời khích lệ của Chúa Giê-xu đối với những người chịu sự bắt bớ. Trước hết, chúng ta hãy nhớ rằng khi bị bắt bớ, chúng ta đã *chịu khổ vì danh Chúa* (Lu-ca 21:12) và đây là một vinh dự lớn lao của chúng ta (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:41). Điều quan trọng không ở chỗ người khác nói gì về chúng ta, nhưng quan trọng là danh Chúa Cứu Thế phải được vinh hiển.

Điều thứ hai, thời gian chịu sự bắt bớ cho chúng ta cơ hội làm chứng về Chúa (Lu-ca 21:13-15). Việc các sứ đồ của Chúa đã bị bắt và bị giải đến tòa công luận là một chứng tỏ rõ đức tin kiên trì của họ. (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:1-5:42). Những người tử đạo và tội tớ Chúa trải qua các thế kỷ đã noi theo gương của các sứ đồ khi liều mình vì Chúa.

Khi bị bắt bớ, chứng nhân của Đức Chúa Trời cứ can đảm vững vàng trước những dọa dẫm của cường quyền, vì Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ sự khôn ngoan để đối đáp. Lời hứa này không phải là cơ để các Mục sư, Truyền đạo biếng nhác hoặc các giáo viên Trường Chúa Nhật không muốn nghiên cứu lời Chúa! Đây là lời yên ủi khích lệ những nhân chứng trung tín của Đức Chúa Trời.

Các thánh đồ không những sẽ bị sự bắt bớ từ phía nhà cầm quyền mà còn gặp phải sự chống đối của gia đình và bạn hữu. Người thân của họ sẽ theo dấu Giu-đa khi xưa, phản bội người thân yêu nào tin nơi Chúa Giê-xu. Sự ghen ghét, bắt bớ, chết chóc sẽ xảy đến với nhiều con cái Chúa suốt thời kỳ hoạn nạn. Tuy nhiên, các con cái Chúa không nên nản lòng vì Đức Chúa Trời là Đấng tể trị mọi sự, không bởi ý Ngài, không sợi tóc nào trên đầu chúng ta bị rơi rớt (*Ma-thi-ơ* 10:28-31). Khi hiểu được điều này, chúng ta có thể chịu đựng sự bắt bớ và đối đầu với sự thử thách bằng đức tin và sự dạn dĩ.

Trong lúc có nhiều Cơ Đốc nhân không bị sự bắt bớ của nhà cầm quyền và sự chống đối của gia đình thì lại có những người khác đã chịu nhiều khốn khổ vì đức tin mình. Điều

Chúa phán ở đây là sự khích lệ đối với họ. Một người bạn của tôi hầu việc Chúa ở Đông Âu được một tín hữu ở Ba-lan thổ lộ: “Chúng tôi đang cầu nguyện cho các bạn là những tín hữu ở phương Tây, vì các bạn sống trong điều kiện vô cùng dễ dàng, không bị ai bắt bớ nên có thể đi đến chỗ thỏa hiệp với thù nghịch”.

Hãy nhớ rằng những sự kiện Chúa mô tả không phải là dấu hiệu cuối cùng của sự tái lâm, vì đó chỉ là những sự kiện tiếp nối dòng lịch sử của các thời đại. Tuy nhiên, khi thời kỳ Chúa đến gần, những sự việc này sẽ gia tăng cả về số lượng và cường độ của nó. Trong mọi trường hợp, chúng ta hãy chú ý lời khuyên của Ngài: “Hãy giữ mình! Đừng sợ! Đừng lo lắng!”

2. Sự Phá Hủy Đền Thờ

Lu-ca 21: 20-24

²⁰ Và, khi các người sẽ thấy quân lính vây thành Giê-ru-sa-lem, hãy biết sự tàn phá thành ấy gần đến. ²¹ Lúc đó, ai ở trong xứ Giu-đê hãy trốn lên núi; ai ở trong thành phải đi ra ngoài, ai ở ngoài đồng đừng trở vào thành. ²² Vì những ngày đó là ngày báo thù, hầu cho mọi lời đã chép được ứng nghiệm. ²³ Trong những ngày ấy, khôn cho đàn bà có thai, và đàn bà cho con bú! Vì sẽ có tai nạn lớn trong xứ, và cơn thịnh nộ nghịch cùng dân nấy. ²⁴ Họ sẽ bị ngã dưới lưỡi gươm, sẽ bị đem đi làm phu tù giữa các dân ngoại, thành Giê-ru-sa-lem sẽ bị dân ngoại giày đạp, cho đến chừng nào các kỳ dân ngoại được trọn.

Đoạn này có vẻ đặc biệt trong *Lu-ca*, không giống với *Ma-thi-ơ* và *Mác*, mặc dù trong hai sách sau này có những chi tiết tương tự với *Lu-ca* (*Ma-thi-ơ* 24:16-21; *Mác* 13:14-17). Tuy nhiên, rõ ràng là *Ma-thi-ơ* và *Mác* đề cập đến những biến cố xảy ra trong thời kỳ trọng điểm của sự hoạn nạn, khi “sự tàn nát gớm ghiếc” lập ra trong đền thờ Do Thái và An-ti Christ (kẻ cai trị thế giới) sẽ khởi sự bắt bớ Y-sơ-ra-ên (*Đa-ni-ên* 9:24-27; *Khải Thị* 13:1-18). Chúa Giê-xu khuyên dân chúng phải trốn đi, vì sự hoạn nạn lớn sẽ cập đến.

Còn Phúc Âm *Lu-ca* không đề cập đến biến cố nào xa xôi

xảy ra trong thời kỳ đại nạn, nhưng đề cập đến sự kiện La Mã tàn phá thành Giê-ru-sa-lem năm 70 chỉ sau khi viết sách này 40 năm xem *Lu-ca* 19:41-44). Trong nhiều phương diện, biến cố khủng khiếp này giống như “cuộc tập dợt trình diễn trang phục” của điều sẽ xảy đến vào nửa sau của thời kỳ đại nạn (*Khải Thị* 12:7-17), khi Sa-tan trút cơn giận trên Y-sơ-ra-ên và người ngoại tin Chúa. Sử gia Do Thái Josephus cho biết có hơn một triệu người bị quân La Mã giết hại, và trên 100.000 người bị bắt làm nô lệ khi Titus chiếm lấy thành.

Đây không phải là lần đầu Giê-ru-sa-lem “bị dân ngoại giày đạp” (*Lu-ca* 21:24) vì dân Ba-by-lôn đã từng phá huỷ thành năm 586 TC, khi “các kỳ dân ngoại” bắt đầu. Giai đoạn mang đầy ý nghĩa trong chương trình của Đức Chúa Trời sẽ kết thúc khi Chúa Giê-xu tái lâm trên đất, hủy diệt mọi quyền lực dân ngoại và lập Vương quốc công bình của Ngài (*Đa-ni-ên* 2:34-36, 44-45; *Khải Thị* 19:11).

Các tín hữu hôm nay trông mong Chúa trở lại đều không nên áp dụng các câu 20-24 cho hoàn cảnh của chính mình. Chúa Giê-xu muốn nói về thành Giê-ru-sa-lem năm 70 SC. Trong *Ma-thi-ơ* 24:15-28 và *Mác* 13:14-23, Ngài phán về tình trạng Y-sơ-ra-ên trong thời kỳ giữa cơn đại nạn. Vì sự tái lâm của Chúa đối với Hội Thánh Ngài sẽ xảy ra trong chớp mắt (*I Cô-rinh-tô* 15:52), nên không ai có thời gian về nhà hoặc lo về ngày nghỉ, hay cho con bú.

Chúa Giê-xu đã nói cho các môn đệ biết thời gian đến thờ sẽ bị phá hủy và dấu hiệu của thời kỳ cuối cùng. Giờ đây, Ngài cho họ biết về sự tái lâm của Ngài vào cuối thời kỳ đại nạn.

3. Sự Tái Lâm Của Chúa

Lu-ca 21:25-28

²⁵ Sẽ có các điềm lạ trong mặt trời, mặt trăng, cùng các ngôi sao; còn dưới đất, dân các nước sầu não rối loạn vì biển nổi tiếng om sòm và sóng dào. ²⁶ Người ta nhân trong khi đợi việc hung dữ xảy ra cho thế gian, thì thất kinh mất vía, vì các thế lực trên trời sẽ rung động. ²⁷ Bất giờ thiên hạ sẽ thấy Con Người dùng

đại quyền đại vinh mà ngự đến trên đám mây.

²⁸ Chẳng nào các việc đó khởi xảy đến, hãy đứng thẳng lên, ngược đầu lên, vì sự giải cứu của các người gần tới.

Khải Thị 15:1-19:21 mô tả những dấu hiệu đoán phạt khủng khiếp do Đức Chúa Trời giáng trên đất vào nửa cuối của “kỳ tai hại của Gia-cốp” (*Giê-rê-mi* 30:7). Khi những sự việc này xảy ra, thì biết ngày Chúa trở lại rất gần. Các nước bị “rúng động” như những cơn sóng lớn mô tả sự xuất hiện và sự sụp đổ của các dân tộc như các lượn sóng giữa cơn bão tố (*Thi Thiên* 46:1-6; *Khải Thị* 17:15). Đó sẽ là thời kỳ khủng khiếp, dân trên đất sẽ run rẩy khiếp sợ nhưng vẫn không ăn năn tội để tin nhận Chúa (*Khải Thị* 9:20-21; 16:9-11).

Ma-thi-ơ 24:29 cho biết mặt trời và mặt trăng tăm tối, các ngôi sao trên trời sa xuống (*Ê-sai* 13:10; 34:4; *Giô-ên* 2:10, 31; 3:15). *Ma-thi-ơ* 24:30 cho biết “điềm của Con Người sẽ hiện ra trên trời”. Chúng ta không biết điềm này là gì, nhưng nó sẽ làm cho các dân tộc trên đất sợ hãi. Chúa Giê-xu sẽ xuất hiện, thì “mọi mắt sẽ trông thấy” Ngài (*Khải Thị* 1:7). Cuối cùng, dân Y-sơ-ra-ên sẽ nhận biết Đấng Mết-si-a, ăn năn tin nhận Ngài và được cứu (*Xa-cha-ri* 12:10-14; *Mác* 14:61-62).

Đối với tội nhân, những điềm này gây nỗi sợ hãi khủng khiếp nhưng đối với những ai tin cậy Chúa thì đó là hy vọng trong thời kỳ đại nạn (*Khải Thị* 7:1-17) vì biết rằng Chúa mình sắp tái lâm. Hôm nay, Cơ Đốc nhân trông đợi Chúa Cứu Thế chứ không phải những điềm lạ. Tuy nhiên, khi thấy bóng của những biến cố sắp xảy ra, chúng ta tin rằng sự tái lâm của Chúa đã đến gần.

Chúa Cứu Thế sẽ xuất hiện cách bất ngờ trong sự vinh hiển và đại quyền của Ngài (*Lu-ca* 21:27). Hình ảnh mô tả trong *Đa-ni-ên* 7:13-14, hẳn rất quen thuộc với các môn đệ. Các thiên sứ cũng báo trước rằng Chúa Giê-xu sẽ trở lại như cách Ngài lên trời (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:9-11) và quả thật như vậy! (*Khải Thị* 1:7).

Có nhiều người không quan tâm, thậm chí nhạo báng giáo lý tái lâm của Chúa. Họ cho rằng Hội Thánh đã chờ đợi 2000 năm qua, nhưng Chúa sao vẫn chưa tái lâm? Phi-e-rô đáp lại sự chế giễu này qua sách *II Phi-e-rô* 3:1-18. Ông chứng minh rằng Đức Chúa Trời vẫn giữ lời hứa Ngài dù niềm tin chúng ta ra sao, vì Ngài tính toán thời gian không theo suy nghĩ của con người. Hơn thế, Ngài nhin nhục hầu cho *tội nhân có cơ hội ăn năn, tin nhận và sẵn sàng khi Chúa đến*. Đối với Hội Thánh sự trì hoãn của Chúa là một thử thách, nhưng đối với tội nhân đây là một cơ hội.

Sau khi trả lời các câu hỏi của môn đệ, Chúa muốn họ ghi nhớ lời dạy Ngài nên Ngài khuyên họ những lời sau cùng: “Hãy tự giữ lấy mình!” và “Hãy tỉnh thức luôn!”

4. Trách Nhiệm Của Người Tin Chúa

Lu-ca 21: 29-38

²⁹ Đoạn, Ngài phán cùng họ một lời ví dụ rằng: Hãy xem cây vả và các cây khác; ³⁰ khi nó mới nứt lộc, các người thấy thì tự biết rằng mùa hạ đã gần đến.

³¹ Cũng vậy, khi các người thấy những điều ấy xảy ra, hãy biết nước Đức Chúa Trời gần đến. ³² Quả thật, ta nói cùng các người, đòng dơi này chẳng qua trước khi mọi sự kia chưa xảy đến. ³³ Trời đất sẽ qua, song lời ta nói sẽ không qua đâu.

³⁴ Vậy, hãy tự giữ lấy mình, e rằng vì sự ăn uống quá độ, sự say sưa và sự lo lắng đời này làm cho lòng các người mê mẩn chẳng, và e ngày ấy đến thình lình trên các người như lưới bủa; ³⁵ vì ngày đó sẽ đến cho mọi người ở khắp trên mặt đất cũng vậy. ³⁶ Vậy, hãy tỉnh thức luôn và cầu nguyện, để các người được tránh khỏi các tai nạn sẽ xảy ra, và đứng trước mặt Con Người.

³⁷ Vả, ban ngày, Đức Chúa Jêsus dạy dỗ trong đền thờ; còn đến chiều, Ngài đi lên núi, gọi là núi Ô-li-ve, mà ở đêm tại đó. ³⁸ Vừa tảng sáng, cả dân sự đến cùng Ngài trong đền thờ, đặng nghe Ngài dạy.

Trong Kinh Thánh, “cây vả” thường là hình ảnh của dân Do Thái (*Lu-ca* 13:6-10; *Ô-sê* 9:10). Một số người nghiên cứu Kinh Thánh giải thích rằng sự kiện Do Thái lập quốc vào ngày 15/5/1948 là “điểm” Chúa sắp tái lâm. Thật là một sự kiện có ý nghĩa khi dân Do Thái giờ đây là một quốc gia độc lập sau hàng bao thế kỷ sống trong ách nô lệ. Nhưng nhóm từ “các

cây khác" (*Lu-ca* 21:29), ngầm cho thấy còn có nhiều quốc gia khác nữa. Có lẽ Chúa Giê-xu muốn nói rằng *sự nổi dậy của phong trào dân tộc trên thế giới* là sự kiện đáng quan tâm. Trong những năm gần đây, hẳn chúng ta đã chứng kiến sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc và sự xuất hiện của một số quốc gia mới. Đây có thể là "điềm" cho biết sự tái lâm của Chúa đã đến gần.

Tuy nhiên, quan điểm chính ở đây là phải *biết* điều gì đang *diễn tiến*. Cây nứt lộc chỉ về mùa hạ sắp đến, vậy những điềm này xảy ra cho biết sự tái lâm của Chúa đã đến gần (xem *Lu-ca* 12:54-57). Điều quan trọng, người tin Chúa phải biết rằng Đức Chúa Trời luôn thành tín với lời hứa của Ngài, và lời Ngài sẽ không sai trật (*Giô-suê* 23:14).

Lu-ca 21:32 nói về dòng dõi nào? Một số người nghi ngờ việc Chúa sẽ trở lại nghĩ rằng câu này áp dụng cho thế hệ của các sứ đồ. Vì vậy sự tái lâm của Chúa có thể là sự giáng lâm của Đức Thánh Linh vào lễ Ngũ Tuần (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:1-47) hoặc vào thời điểm Giê-ru-sa-lem bị tàn phá năm 70 SC! Nhưng không có điềm nào Chúa Giê-xu nói đến đã xảy ra trước hoặc trong diễn tiến của những biến cố lịch sử ấy. Cũng không điềm nào xảy ra khi Y-dơ-ra-ên được giải phóng và lập quốc.

Có lẽ Chúa muốn nói về thế hệ đang sống trên đất vào thời điểm những điềm này xảy ra. Ngài không nói rằng phải mất thời gian của một thế hệ mới hoàn tất những sự kiện này vì khi đã bắt đầu rồi thì nó xảy ra rất nhanh chóng. Từ Hy Lạp được dịch là "dòng dõi hay thế hệ" cũng có thể có nghĩa "chủng tộc" và có thể nói về dân tộc Y-sơ-ra-ên. Chúa Giê-xu đã sử dụng ý này trong *Mác* 8:12, 38 và 9:19. Chúa Giê-xu xác nhận với các môn đệ: dù dân Y-sơ-ra-ên chịu nhiều hoạn nạn nhưng dân này sẽ được Đức Chúa Trời gìn giữ nên không bị tuyệt diệt. Sa-tan muốn tiêu hủy dân Y-sơ-ra-ên nhưng nó sẽ thất bại.

Lời khuyên thứ nhất của Chúa là "hãy tự giữ lấy mình" và lời khuyên thứ hai "hãy tỉnh thức luôn!" (*Lu-ca* 21:34-36). Dù

mang ý nghĩa đặc biệt đối với dân Do Thái trong kỳ hoạn nạn, nhưng hai lời khuyên cũng dành cho con cái Đức Chúa Trời ở mỗi thời đại. “Hãy tỉnh thức luôn” không có nghĩa là chúng ta cứ tìm kiếm những điềm lạ, nhưng có nghĩa như “Hãy cẩn thận! Đừng lơ là!” Hôm nay lời khuyên ấy cũng là lời cảnh tỉnh chúng ta, chúng ta dễ bị “mỏi mệt” bởi những lo toan của đời này cùng những cám dỗ vật chất và thể xác (12:35-48).

Trong kỳ khó khăn, con người dễ “đầu hàng” hoàn cảnh và bắt đầu sống như người thế gian. Cơ Đốc nhân sẽ đối diện với sự cám dỗ trong kỳ hoạn nạn. Chúng ta phải “tỉnh thức và cầu nguyện” hầu có thể chống lại sự cám dỗ quanh mình, vì chúng ta thấy đều muốn trong thế sẵn sàng khi Chúa trở lại.

Lu-ca 21:36 nói về việc các Cơ Đốc nhân sẽ đứng trước mặt Chúa để chịu phán xét khi Ngài trở lại và lập vương quốc Ngài (*Ma-thi-ơ* 25:31-46). “Chiên” sẽ vào thiên đàng, còn “dê” sẽ bị đuổi ra ngoài. Một số con cái Chúa bị giết và chịu sự bất bớ trong kỳ hoạn nạn, nhưng có một số được bình yên để gặp Chúa khi Ngài tái lâm trong vinh hiển.

Trong kỳ khó khăn tín hữu bị cám dỗ chiều theo thế gian và xác thịt đã đành, nhưng trong kỳ thuận lợi và sung túc ngày nay, tín hữu sẽ phải đương đầu với nhiều hiểm họa hơn. Hôm nay chúng ta không biết khi nào Chúa mình trở lại, nên phải luôn trung tín và sẵn sàng.

Mục sư Hội Trưởng Lão ở Tô Cách Lan là Robert Murray Mc Cheyne đôi khi hỏi người chung quanh rằng. “Bạn có tin Chúa Giê-xu sẽ tái lâm hôm nay không?” Nếu họ đáp “không” thì Mc Cheyne nói tiếp: “Vậy bạn nên chuẩn bị ngay, vì Ngài sẽ đến vào giờ bạn không ngờ”.

Vance Havner nói: “Tôi không chờ đợi những dấu lạ, tôi sẽ lắng nghe một âm thanh. Đó là tiếng kèn, tiếng kêu của thiên sứ trưởng!”

“Lạy Đức Chúa Giê-xu, xin hãy đến!” (*Khải Thị* 22:20).

Trên Phòng Cao

Lu-ca 22:1-38

Trước khi Chúa Giê-xu “quyết định đi vào thành Giê-ru-salem” (*Lu-ca 9:51*), Ngài đã biết rõ những điều sẽ xảy đến cho Ngài ở đó, và giờ đây những biến cố ấy sắp diễn ra. Đó không phải là những tai họa, nhưng là những việc phải được thực hiện bởi đã do Cha trên trời định trước và được Kinh Thánh Cựu Ước chép ra từ bao thế kỷ trước (*24:26-27*). Chúng ta chỉ có thể hạ mình trước Chúa Cứu Thế và kính yêu Ngài nhiều hơn khi biết Ngài đang tiến bước vào giai đoạn thương khó và chịu chết. Hãy nhớ rằng Ngài làm điều đó vì chúng ta!

Bữa ăn tối trong kỳ lễ Vượt Qua tại phòng cao là trọng tâm bài học của chúng ta.

1. Trước Bữa Ăn Tối: Sự Chuẩn Bị

Lu-ca 22:1-13

¹ Ngày lễ ăn bánh không men tức là lễ Vượt Qua đến gần. ² Các thầy tế lễ cả cùng các thầy thông giáo tìm phương đặng giết Đức Chúa Jê-sus; vì họ sợ dân.

³ Vả, quỷ Sa-tan ám vào Giu-đa, gọi là Ích-ca-ri-ốt, là người trong số mười hai sứ đồ, ⁴ nó đi kiếm các thầy tế lễ cả và các thầy đội, để đồng mưu dùng cách nào nộp Ngài cho họ. ⁵ Các người kia mừng lắm, hứa sẽ cho nó tiền bạc. ⁶ Nó đã ưng thuận với họ, bèn kiếm dịp tiện đặng nộp Đức Chúa Jê-sus trong khi dân chúng không biết.

⁷ Đến ngày lễ ăn bánh không men, là ngày người ta phải giết con sinh làm lễ Vượt Qua, ⁸ Đức Chúa Jê-sus sai Phi-e-rơ và Giăng đi, mà phán rằng: Hãy đi

dọn lễ Vượt Qua cho chúng ta ăn. ⁹ Hai người thưa rằng: Thấy muốn chúng tôi dọn lễ ấy tại đâu? ¹⁰ Ngài đáp rằng: Khi các người vào thành, sẽ gặp một người mang vò nước; hãy theo người vào nhà, ¹¹ và nói cùng chủ nhà rằng; Thấy phán cùng người rằng: Phòng khách là chỗ ta sẽ ăn lễ Vượt Qua với môn đồ ta ở đâu? ¹² Chủ nhà sẽ chỉ cho một cái phòng rộng và cao, đồ đạc sẵn sàng; các người hãy dọn ở đó. ¹³ Hai môn đồ đi, quả gặp những điều như Ngài đã phán, bèn dọn lễ Vượt Qua.

Theo lịch Do Thái, có ba kỳ lễ quan trọng nhất là: lễ Vượt Qua, lễ Ngũ tuần và lễ Lều Tạm (*Lê-vi Ký* 23:1-44). Vì vậy, hằng năm mọi người dân Do Thái đều đến Giê-ru-sa-lem dự các lễ ấy (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 16:16). Lễ Vượt Qua kỷ niệm dân Y-sơ-ra-ên được giải thoát khỏi Ai Cập, là thời kỳ đáng ghi nhớ và vui mừng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 11:1-12:51). Hằng ngàn người từ khắp nơi nô nức đổ về Giê-ru-sa-lem suốt kỳ lễ, điều này khiến các nhà cầm quyền La Mã lo ngại về những cuộc nổi loạn có thể xảy ra. Lễ Vượt Qua mang những hàm ý mạnh mẽ có tính chính trị, nên đây là thời điểm lý tưởng cho kẻ nào tự xưng là “Đấng Mết-si-a” tìm cách lật đổ Rô-ma. Đó cũng là lý do vua Hê-rốt và quan tổng đốc Phi-lát đại diện chính quyền Rô-ma có mặt tại Giê-ru-sa-lem, thay vì ở Tiberius và Caesarea. Họ muốn góp phần giữ an ninh ở đây!

Các lãnh đạo trong đền thờ chuẩn bị thực hiện một tội ác (Lu-ca 22:1-6). Thật không thể ngờ rằng những con người này lại phạm vào một tội lỗi nghiêm trọng nhất trong lịch sử suốt kỳ lễ thiêng liêng nhất của dân Do Thái. Vào lễ Vượt Qua, dân Do Thái phải dẹp mọi thứ men ra khỏi nhà mình (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:15) để nhớ rằng tổ phụ họ đã thoát khỏi Ai Cập nhanh chóng và phải ăn bánh không men. Chúa Giê-xu cảnh cáo môn đệ về “men của người Pha-ri-si, là sự giả hình” (*Lu-ca 12:1; Ma-thi-ơ 6:1; I Cô-rinh-tô 5:1-8*) và giờ đây chúng ta thấy sự giả hình này đang hành động.

Các chức sắc đền thờ chỉ dọn dẹp nhà cửa mình sạch sẽ, nhưng tấm lòng họ đầy sự ô uế (*Ma-thi-ơ 23:25-28*). Từ lâu, họ muốn bắt và giết Chúa nhưng chưa nghĩ ra cách nào ổn

nhất. Giu-đa đã giải quyết nan đề thay họ. Hẳn hứa sẽ giao nộp Chúa cho họ cách bí mật để tránh sự phản kháng của dân chúng. Điều cuối cùng mà tòa công luận mong đợi là một cuộc nổi dậy Mết-si-a vào kỳ lễ Vượt Qua (*Lu-ca* 19:11).

Sa-tan đã cám dỗ Giu-đa (*Giăng* 13:2, 27) vì anh ta chưa bao giờ thật sự tin nơi Chúa Giê-xu. Tội lỗi anh ta chưa được Chúa tẩy sạch (*Giăng* 13:10-11) và anh ta chưa bao giờ tin nhận sự sống đời đời (*Giăng* 6:64-71). Thế nhưng không ai trong số các sứ đồ nghi ngờ gì về sự phản bội của Giu-đa. Chúng ta đều có cơ tin rằng Giu-đa cũng được ban cho quyền phép như các sứ đồ khác, anh ta đã rao truyền cùng một sứ điệp và làm những phép lạ giống nhau. Điều này cho thấy có thể một người đến gần Vương quốc Đức Chúa Trời nhưng rồi vẫn có thể bị hư mất (*Ma-thi-ơ* 7:21-29).

Vì sao Giu-đa phản Chúa? Chúng ta hẳn biết anh ta là một “tay trộm cắp” (*Giăng* 12:4-6) và tiền bạc đóng vai trò quan trọng trong hành động tội ác gồm ghieếc của anh ta. Đối với tội lỗi như thế, 30 nén bạc chẳng phải là món tiền công hậu hĩnh, mà nó còn có nguyên nhân khác. Có thể qua Chúa Giê-xu, Giu-đa biết về sự cứu dành cho dân Do Thái nên đã theo Ngài và mong giữ một địa vị trong Vương quốc Ngài. Hãy nhớ rằng các sứ đồ thường bàn luận về việc ai sẽ là kẻ lớn nhất ở Nước Trời, và dĩ nhiên một kẻ tính toán như Giu-đa cũng tham gia những cuộc bàn luận quan trọng ấy.

Khi nhận ra rằng Chúa Giê-xu sẽ không lập Vương quốc Ngài nhưng phải chịu bắt bớ dưới tay các bậc cầm quyền, Giu-đa quay lưng lại với Chúa trong sự trả đũa cay đắng. Chất “men” trong đời sống Giu-đa cứ âm ỉ dậy lên cho đến khi sản sinh ra sự “gian ác độc dữ” (*I Cô-rinh-tô* 5:6-8). Nếu thoả hiệp với Sa-tan, bạn sẽ phải trả một giá đắt. Vì vậy Giu-đa đã đi đến chỗ tự hủy diệt mình (*Ma-thi-ơ* 27:3-5). Sa-tan vốn là kẻ nói dối và kẻ giết người, nên nó đã thể hiện bản chất nó qua con người Giu-đa (*Giăng* 8:44).

Chúa Giê-xu chuẩn bị cho lễ Vượt Qua (Lu-ca 22:7-13).

Cách Chúa Giê-xu chuẩn bị cho lễ Vượt Qua chứng tỏ Ngài đã biết có những âm mưu đang được bày ra. Ngoài Chúa Giê-xu, Phi-e-rơ và Giăng ra, các môn đệ không biết bữa tiệc sẽ được tổ chức ở đâu. Mãi đến khi vào phòng cao, họ mới biết. Nếu Giu-đa biết trước, hẳn sẽ thông báo cho các bậc cầm quyền.

Phi-e-rơ và Giăng dễ dàng nhận ra người đàn ông mang vò nước, vì đàn ông thời ấy hiếm khi mang vò nước, đó là nhiệm vụ của phụ nữ. Cũng giống như người chủ lửa (*Lu-ca* 19:28-34) người đàn ông vô danh này là một môn đệ của Chúa Giê-xu, đã chuẩn bị dọn dẹp nhà mình cho Chúa dự lễ Vượt Qua cuối cùng của Ngài.

Phi-e-rơ và Giăng sẽ chọn một chiên con không tì vết, đem đến đền thờ để giết nó. Sau đó, họ mang chiên con và các thứ cần thiết đến ngôi nhà đã hẹn trước. Ở đó, chiên con sẽ bị quay trên lửa. Bàn tiệc được dọn lên gồm có rượu, bánh không men, và rau đắng để nhắc nhở dân Do Thái về ách nô lệ triền miên đắng cay ở Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:1-28).

Vấn đề về thời gian là điều đáng nói ở đây. Phải chăng các tác giả Phúc Âm đã mâu thuẫn nhau? Theo *Giăng* 18:28, các nhà cầm quyền Do Thái chưa dự lễ Vượt Qua và ngày Chúa Giê-xu bị bắt là “ngày sắm sửa về lễ Vượt Qua” (*Giăng* 19:14). Nhưng Chúa và các môn đệ đã dự lễ Vượt Qua trước! Trong cuốn sách *Sự Hòa Hòa Giữa Các Sách Phúc Âm (Harmony of the Gospels - Harper & Row)*, Robert Thomas và Stanley Gundry đã đưa ra lời giải thích hữu lý cho vấn đề này. Thời ấy, dân Do Thái tính ngày theo hai cách từ lúc mặt trời lặn hôm nay đến mặt trời lặn ngày hôm sau, hoặc từ mặt trời mọc hôm nay đến mặt trời mọc hôm sau. Cách tính thứ nhất theo truyền thống của người Do Thái (*Sáng Thế Ký* 1:5) còn cách thứ hai của người Rô-ma mà trước đây Kinh Thánh cũng nói đến (*Sáng Thế Ký* 8:22).

Nếu *Ma-thi-ơ*, *Mác*, *Lu-ca* sử dụng cách tính ngày của người Do Thái và *Giăng* sử dụng cách tính của người Rô-ma, vậy

không hề có sự mâu thuẫn. Cách tính chông lập về ngày cho phép cả hai nhóm người dự lễ cùng một ngày nhưng lại khác thứ. Các thầy tế lễ trong đền thờ cho phép dân Do Thái đem chiên con đến giết sớm hơn hoặc trễ hơn. Rõ ràng, các chức sắc Do Thái theo cách tính ngày của người Rô-ma (Giăng 18:28), còn Chúa Giê-xu và các môn đệ theo cách tính của dân Do Thái. Chúa chúng ta bị đóng đinh trong kỳ lễ Vượt Qua vào thời điểm các chiên con bị giết, làm trọn lời tiên tri trong Cựu Ước.

2. Trong Bữa Ăn Tối: Chúa Bày Tỏ

Lu-ca 22:14-16, 21-38

¹⁴ Đến giờ, Ngài ngồi bàn ăn, các sứ đồ cùng ngồi với Ngài. ¹⁵ Ngài phán rằng: Ta rất muốn ăn lễ Vượt Qua này với các người trước khi ta chịu đau đớn. ¹⁶ Vì, ta nói cùng các người, ta sẽ không ăn lễ này nữa cho đến khi lễ ấy được trọn trong nước Đức Chúa Trời.

²¹ Và lại, này, bàn tay kẻ phản ta ở gần ta, nơi bàn này. ²² Con người đi, theo như điều đã chỉ định; nhưng khốn cho người này phản Ngài! ²³ Môn đồ bèn hỏi nhau trong bọn mình ai là người sẽ làm điều đó.

²⁴ Môn đồ lại cãi lầy nhau, cho biết ai sẽ được tôn là lớn hơn hết trong đám mình. ²⁵ Nhưng Ngài phán cùng môn đồ rằng: Các vua của các dân ngoại lấy phép riêng mình mà cai trị, những người cầm quyền cai trị được xưng là người làm ơn. ²⁶ Về phần các người, đừng làm như vậy; song ai lớn hơn trong các người phải như kẻ rất nhỏ, và ai cai trị phải như kẻ hầu việc. ²⁷ Vì một người ngồi ăn với một người hầu việc, ai là lớn hơn? Có phải là kẻ ngồi ăn không? Nhưng ta ở giữa các người như kẻ hầu việc vậy. ²⁸ Còn như các người đã bền lòng theo ta trong mọi sự thử thách ta, ²⁹ nên ta ban nước cho các người, cũng như Cha ta đã ban cho ta vậy, ³⁰ để các người được ăn uống chung bàn trong nước ta, và được ngồi ngai để xét đoán mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên.

³¹ Hỡi Si-môn, Si-môn, này, quỷ Sa-tan đã đòi sàng sảy ngươi như lúa mì.

³² Song ta đã cầu nguyện cho ngươi, hầu cho đức tin ngươi không thiếu thốn. Vậy, đến khi ngươi đã hối cải, hãy làm cho vững chí anh em mình. ³³ Phi-e-rô thưa rằng: Thưa Chúa, tôi sẵn lòng đi theo Chúa, đồng tù đồng chết. ³⁴ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Hỡi Phi-e-rô, ta nói cùng ngươi, hôm nay khi gà chưa gáy, ngươi sẽ ba lần chối không biết ta.

³⁵ Đoạn, Ngài lại phán rằng: Khi ta đã sai các người đi, không đem túi, bao, giày chi hết, các người có thiếu gì không? Môn đồ thưa rằng: Không thiếu chi hết. ³⁶ Ngài phán rằng: Nhưng bây giờ, ai có túi bạc, hãy lấy đi, ai có bao, cũng vậy; ai không có gươm, hãy bán áo ngoài đi mà mua. ³⁷ Vì ta rao cho các người,

có lời chép rằng: Ngài đã bị kể vào hàng kẻ dữ. Lời ấy phải ứng nghiệm về chính mình ta. Thật vậy, sự đã chỉ về ta hầu được trọn. ³⁸ Các sứ đồ thưa rằng: Thưa Chúa, có hai thanh gươm đây. Ngài phán rằng: Ấy là đủ.

Các môn đệ không biết điều gì sẽ xảy đến khi họ nhóm lại ở phòng cao, nhưng hôm ấy đã trở nên một buổi tối mạc khải đau thương. Chúa Giê-xu vị chủ tiệc đã tiếp họ bằng cái hôn bình an theo truyền thống Do Thái (Ngài đã hôn Giu-đa như vậy!). Mọi người ngồi quanh bàn, Giu-đa ở bên trái Chúa và Giăng ở bên phải (*Giăng* 13:23).

Chúa bày tỏ tình yêu Ngài (Lu-ca 22:14-16). Chúa bày tỏ tình yêu qua lời Ngài phán và việc Ngài làm. Ngài cho các môn đệ yêu dấu biết rằng Ngài rất muốn cùng họ dự lễ Vượt Qua cuối cùng này trước khi phải chịu thương khó. Lễ Vượt Qua kỷ niệm hành trình của dân Do Thái thoát khỏi đất Ai Cập hằng thế kỷ trước. Nhưng Chúa Giê-xu sẽ thực hiện một “hành trình” vĩ đại hơn trên thập tự giá. Ngài sẽ trả giá để cứu chuộc một thế giới tội lỗi và hư mất (*Lu-ca* 9:31).

Đoạn Ngài đứng dậy, lấy khăn vấn ngang lưng mình và rửa chân cho các môn đệ kể cả Giu-đa (*Giăng* 13:1-20). Buổi tối hôm đó, các sứ đồ biện luận nhau xem ai sẽ là lớn nhất, vì vậy họ chẳng để tâm đến bài học về sự khiêm nhường và tinh thần phục vụ này. Có lẽ Phi-e-rơ đã nhớ cảnh tượng này về sau ông khuyên mọi người “phải trang sức bằng sự khiêm nhường” (*I Phi-e-rơ* 5:5; *Phi-líp* 2:1-11).

Lời Chúa trong câu 16 cho thấy sẽ không có lễ Vượt Qua nào nữa trong “lich” Đức Chúa Trời. Lễ Vượt Qua kế tiếp sẽ là bữa tiệc lớn ở Nước Trời khi Ngài trở lại trên đất để thiết lập quyền cai trị của Ngài (*Lu-ca* 22:28-30; 13:24-30; *Ma-thi-ơ* 8:11-12). Ngài nhìn vượt trên sự thống khổ để thấy vinh hiển, vượt trên thập tự giá để thấy mào triều thiên. Và bởi tình yêu Ngài đã dang rộng vòng tay tiếp nhận những “bạn hữu” Ngài.

Chúa bày tỏ về sự phản bội (Lu-ca 22:21-23). Chúa đã hé mở cho môn đệ rằng sẽ có một người trong số họ không thật

tâm theo Ngài (*Giăng* 6:66-71), nhưng giờ đây Ngài công khai nói về kẻ phản bội trước mặt họ. Tuy nhiên, Ngài làm điều này không vì các môn đệ, mà vì Giu-đa. Ngài đã hôn Giu-đa, rửa chân cho ông ta và bây giờ lại muốn cho ông ta một cơ hội ăn năn. Thật là điều ý nghĩa khi Chúa không công khai chỉ đích danh Giu-đa là kẻ phản bội, nhưng bảo vệ Giu-đa đến giờ phút cuối cùng.

Nếu biết trước rằng Giu-đa sẽ phản bội, sao Chúa lại chọn ông ta vào vị trí quan trọng như vậy? Nếu phải có người phản bội Chúa, vậy tại sao Ngài lên án Giu-đa? Nói cho cùng, Giu-đa chỉ đơn giản làm theo ý Đức Chúa Trời và làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Cựu Ước (*Thi Thiên* 41:9; 55:12-14; so sánh *Thi Thiên* 69:25; và 109:8; với *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:15-20).

Trước khi chọn lựa mười sứ đồ, Chúa Giê-xu đã thức trọn đêm để cầu nguyện (*Lu-ca* 6:12-16). Vì vậy chúng ta phải tin rằng, việc Giu-đa được chọn giữa các sứ đồ là ý muốn của Đức Chúa Trời (*Giăng* 8:29). Nhưng việc Giu-đa được chọn không quyết định số phận ông ta, đúng hơn đó chính là cơ hội để ông ta có thể chăm xem Chúa Giê-xu, tin nhận Ngài để được cứu. Trong quyền tể trị của Đức Chúa Trời, Ngài định trước rằng Con Ngài phải bị một bạn hữu phản bội. *Tuy nhiên, sự biết trước của Đức Chúa Trời không loại bỏ trách nhiệm và quyết định của con người.* Giu-đa đã tự do quyết định điều mình làm, nên phải bị xét đoán tương xứng, dù ông ta vẫn làm trọn ý định Đức Chúa Trời (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:23).

Việc các môn đệ bối rối khi nghe sự bày tỏ kỳ lạ này cho thấy họ không biết bản chất thật của Giu-đa, nên cứ thắc mắc ai là người sẽ làm việc gớm ghiếc đó? Họ cũng không biết về những lời tiên tri trong *Thi Thiên* và không nhớ lời Chúa phán trước rằng Ngài sẽ bị nộp vào tay kẻ thù (*Ma-thi-ơ* 17:22; 20:18). Nếu Phi-e-rơ thật sự biết trước điều xảy ra, có lẽ ông ta đã cho Giu-đa ném mùi lưỡii gươm của mình!

Còn nhiều điều bí ẩn về Giu-đa chúng ta chưa biết hết nên chúng ta không nên suy đoán quá nhiều. Chắc chắn Giu-đa là

một nhân chứng cho sự vô tội của Chúa Giê-xu, vì nếu có ai có thể nêu lên chứng cứ nghịch lại Ngài thì người đó chính là Giu-đa. Các nhà cầm quyền phải tìm những chứng đối để có cơ nghịch Chúa. Giu-đa thừa nhận rằng đã “nộp huyết vô tội” (*Ma-thi-ơ* 27:4).

Vào thời điểm này, Giu-đa rời khỏi phòng cao để đến với các chức sắc đền thờ, chuẩn bị bắt Chúa trong vườn, khi Giu-đa đi ra, “trời đã tối” (*Lu-ca* 22:53) vì muốn phục dưới “quyền của sự tối tăm” (22:53). Than ôi, chỉ vì Giu-đa mà trời tối và mãi mãi tăm tối!

Chúa bày tỏ về tinh thần thế gian của các môn đệ (*Lu-ca* 22:24-30). Đây không phải là lần đầu các môn đệ phạm lỗi này (9:46-48; *Ma-thi-ơ* 20:20-28; *Mác* 9:33-37), nhưng qua ánh sáng của lời Chúa phán và việc Chúa làm, hành động cuối cùng của họ không cơ nào để bào chữa được. Có lẽ cuộc tranh luận bắt đầu khi họ suy đoán ai sẽ phản bội Chúa, hoặc có thể giữa họ đã nảy sinh sự ganh tị về chỗ ngồi ở bàn ăn. Khi bạn quan tâm đến sự cất nhắc của chính mình thì chắc chắn sẽ dẫn ngay đến sự tranh luận!

Chúa phải giải thích rằng cách suy nghĩ của họ giống như người ngoại chứ không phải con cái Đức Chúa Trời. Người Rô-ma đặc biệt luôn giành cho được địa vị và danh vọng bằng mọi cách, nhưng họ không phải là tấm gương cho chúng ta. Trong mọi sự, Chúa Giê-xu là tấm gương cho chúng ta noi theo, Ngài là thước đo của sự cao trọng thật.

“Sự cao trọng thật” nghĩa là “giống Chúa Giê-xu”, phục vụ người khác. Đầy tớ thì không tranh luận ai sẽ là người cao trọng nhất, vì biết mình thấp hèn nhất. Vì mọi Cơ Đốc nhân đều là người phục vụ, nên chúng ta không có cơ tranh giành danh vọng với người khác. Tiếc thay, tinh thần ganh đua này đang nổi lên trong Hội Thánh hôm nay khi con người tự đề cao bản thân và chức vị mình như những “kẻ cao trọng nhất”.

Chúa kết thúc bài học về sự phục vụ bằng cách bày tỏ cho họ phần thưởng trong Nước Thiên Đàng (*Lu-ca* 22:28-30). Dù

yếu đuối thất bại, các môn đệ vẫn đứng vững và trung thành với Chúa suốt thời gian Ngài thi hành chức vụ trên đất, và Đức Chúa Trời sẽ thưởng công cho sự trung tín của họ. Hôm nay, chúng ta không nên e ngại làm người phục vụ, vì chúng ta sẽ ngồi với Chúa trong Nước Thiên Đàng. Vì vậy sự phục vụ trung tín của chúng ta hôm nay chuẩn bị cho chúng ta phần thưởng trong tương lai. Chúa đưa ra ví dụ về thập tự giá và sau đó là mào triều thiên.

Chúa bày tỏ về sự chối Chúa của Phi-e-rơ (Lu-ca 22:31-38). Thật thú vị khi lời báo trước này tiếp theo lời khiển trách về việc ai sẽ là kẻ cao trọng nhất! Bạn hình dung xem các môn đệ suy nghĩ ra sao khi họ biết rằng không những sẽ có một người trong số họ phản Ngài, nhưng chính Phi-e-rơ người phát ngôn và lãnh tụ của họ cũng công khai chối Ngài. Nếu một người mạnh mẽ như Phi-e-rơ còn chối Chúa, vậy những môn đệ kia còn có hy vọng gì đứng vững?

Chữ “người” trong *Lu-ca 22:31* là đại danh từ số nhiều; Satan đòi có tất cả các môn đệ để nó có thể sàng sảy họ như lúa mì. Họ đã theo Chúa trong mọi thử thách (22:28) hẳn Ngài sẽ không bỏ rơi họ trong sự thử thách. Đây là một lời cảnh cáo, cũng là sự an ủi khích lệ Phi-e-rơ và các môn đệ. Lời cầu nguyện của Chúa Giê-xu đã được Đức Chúa Trời nhậm, Phi-e-rơ ngã lòng nhưng không mất đức tin. Ông đã được phục hồi mối liên hệ với Đấng Christ và được đại dụng trong việc làm vững mạnh dân Chúa.

Sự khoe khoang có tính chủ quan của Phi-e-rơ nhắc nhở rằng không ai trong chúng ta hiểu rõ lòng mình (*Giê-rê-mi 17:9*) và chúng ta có thể vấp ngã ở lãnh vực mà mình cho rằng mạnh mẽ nhất. Sức mạnh vĩ đại nhất của Áp-ra-ham là đức tin, nhưng ông đã yếu đức tin khi đến xứ Ai Cập và nói dối về Sa-ra (*Sáng Thế Ký 12:10-13:4*). Sức mạnh của Môi-se là sự khiêm nhu (*Dân Số Ký 12:3*) nhưng khi nổi giận ông đã nói ra những lời thiếu suy nghĩ nên không được vào xứ Ca-na-an (*Dân Số Ký 20:1-29*). Phi-e-rơ là người can đảm nhưng sau

đó đã chùn bước và chối Chúa ba lần. “Vậy thì, ai tưởng mình đứng, hãy giữ kẻ ngã” (*I Cô-rinh-tô* 10:12).

Từ “hối cải” ở *Lu-ca* 22:32 có nghĩa là “quay trở lại”. Phi-e-rơ là kẻ được cứu, nhưng sau đó đã bắt đầu đi chệch hướng và được kêu gọi trở lại ăn năn hối cải với Chúa. Ông không bị mất món quà của sự sống đời đời, nhưng ông không vâng lời Chúa, và gây nguy hại cho địa vị làm môn đệ Ngài. Tất cả các môn đồ đều bỏ rơi Chúa, thậm chí Phi-e-rơ đã chối Ngài trước thiên hạ. Đây là bài học cho chúng ta thấy sự yếu đuối của con người.

Các môn đệ không hiểu rõ ý nghĩa của lời Chúa khuyên trong *Lu-ca* 22:35-38, vì họ chỉ hiểu lời Ngài theo nghĩa đen hoàn toàn. Sự bạo động bằng gươm của Phi-e-rơ trong vườn là một bằng chứng về điều đó (22:49-51). Chúa muốn nói về một ý nghĩa rằng: “các người sắp trải qua một giai đoạn hoàn toàn mới. Nếu người đời bắt ta, sẽ có một ngày họ bắt các người. Nếu họ đối xử ta như kẻ tội phạm (*Ê-sai* 53:12) họ cũng sẽ xử các người như thế. Vậy hãy sẵn sàng!”

Suốt thời gian đồng công với Chúa, các môn đệ được sai đi với quyền năng đặc biệt, được đối xử bằng tôn trọng và ưu ái (*Lu-ca* 9:1; 10:1). Lúc bấy giờ, Chúa Giê-xu là thầy dạy đạo rất nổi tiếng, các bậc cầm quyền không thể tấn công môn đệ Ngài. Nhưng đến lúc này “giờ Ngài đã đến” và hoàn cảnh đã thay đổi nhanh chóng. Hôm nay, con cái Đức Chúa Trời cũng giống khách lạ trên lãnh địa kẻ thù, vì vậy chúng ta phải hầu việc Chúa bằng đức tin và lương tri được thánh hóa. Đây là lời khuyên hữu ích cho những người quá khích tự đưa mình vào chỗ nguy hiểm rồi mong đợi Chúa làm phép lạ giải cứu. Sứ đồ Phao-lô đã biết cách sử dụng “gươm” của con người như thế nào để bảo vệ mình cũng như bảo vệ Phúc Âm của Chúa (*Rô-ma* 13:1-14; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 16:35-40; 21:37-40; 25:11).

Câu nói “có hai thanh gươm” đây hẳn đã làm Chúa buồn lòng, vì nó chứng tỏ các môn đệ đã hiểu sai lời phán của

Ngài. Lẽ nào họ lại nghĩ rằng Ngài cần được họ bảo vệ? Hoặc bây giờ Ngài sẽ lật đổ Rô-ma để lập vương quốc Ngài? “Ấy là đủ” có nghĩa là “Đừng nói thêm về việc này nữa” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 3:26). Vương quốc Ngài được lập nên chẳng phải bởi gươm loài người (*Giăng* 18:36-37) nhưng bởi quyền lẽ thật từ Đức Chúa Trời vì Lời Đức Chúa Trời sắc hơn gươm loài người (*Ê-phê-sô* 6:17; *Hê-bơ-rơ* 4:12).

3. Sau Bữa Ăn Tối Lễ Tưởng Nhớ

Lu-ca 22: 17-20

¹⁷ Ngài bèn cầm chén, tạ ơn, rồi phán rằng: Hãy lấy cái này phân phát cho nhau. ¹⁸ Vì, ta nói cùng các ngươi, từ nay ta sẽ không uống trái nho nữa, cho tới khi nước Đức Chúa Trời đến rồi. ¹⁹ Đoạn, Ngài cầm lấy bánh, tạ ơn xong, bẻ ra phân phát cho môn đồ, mà phán rằng: Này là thân thể ta, đã vì các ngươi mà phó cho; hãy làm sự này để nhớ đến ta. ²⁰ Khi ăn xong, Ngài cũng làm như vậy, lấy chén đưa cho môn đồ, mà phán rằng: Chén này là giao ước mới trong huyết ta vì các ngươi mà đổ ra.

Khi tiệc lễ Vượt Qua chấm dứt, Chúa lập một Thánh lễ mà Hội Thánh gọi là “Tiệc Thánh” (là tiệc thông công, hoặc “Tiệc thánh của Chúa” (*I Cô-rinh-tô* 10:16; *I Cô-rinh-tô* 11:20).

Lễ Vượt Qua được bắt đầu bằng lời cầu nguyện tạ ơn. Sau đó người ta uống chén rượu đầu tiên trong số bốn chén (Rượu được pha loãng với nước nên không làm cho say). Tiếp đó, người ta ăn rau đắng và hát *Thi Thiên* 113:1-114:8. Kế đến, họ uống chén rượu thứ hai và ăn thịt chiên con cùng bánh không men. Sau khi uống chén rượu thứ ba, họ hát *Thi Thiên* 115:1-118:29. Cuối cùng, chén rượu thứ tư sẽ được chuyển tay nhau để uống. Có lẽ chén rượu sau cùng này đã được Chúa Giê-xu sử dụng khi Ngài lập Tiệc Thánh.

Phao-lô cho biết trật tự của Tiệc Thánh trong *I Cô-rinh-tô* 11:23-26. Trước tiên Chúa Giê-xu bẻ bánh không men, cảm tạ Đức Chúa Trời và trao cho các môn đồ. Ngài phán rằng bánh ấy tượng trưng cho thân thể Ngài đã tan nát vì họ. Sau đó, Ngài cầm chén, tạ ơn và phán rằng chén ấy tượng trưng

cho huyết Ngài. Đây là hình thức đơn giản, sử dụng những yếu tố cơ bản trong một bữa ăn khiêm tốn của người Do Thái. Chúa Giê-xu đã thánh hóa những điều đơn sơ trong cuộc sống và sử dụng chúng để rao ra những lẽ thật thuộc linh thâm thúy.

Chúa xác định mục đích của Tiệc Thánh "...để nhớ đến ta" (*I Cô-rinh-tô* 11:24-25). Đây là hình thức nhắc nhở Cơ Đốc nhân rằng chính Chúa Giê-xu đã hy sinh thân Ngài và đổ huyết ra để cứu chuộc thế giới. Trong câu chuyện của lễ Tiệc Thánh, không có điều gì "kỳ diệu" xảy ra khi Chúa Giê-xu chúc phước trên bánh và chén. Bánh vẫn là bánh và chén vẫn là chén. Hành động ăn bánh và uống chén không tạo nên một điều gì đặc biệt đối với các môn đệ. Khi dự Tiệc Thánh, chúng ta đồng nhất hóa chính mình với thân và huyết Chúa (*I Cô-rinh-tô* 10:16) chứ không có nghĩa là chúng ta "nhận" chính thân thể và huyết Ngài!

Mục đích thứ hai của Tiệc Thánh là "rao sự chết của Chúa cho tới lúc Ngài đến" (*I Cô-rinh-tô* 11:26). Tiệc Thánh giúp ta *nhớ lại* những gì Chúa đã làm cho mình trên thập tự giá hầu thêm sự yêu mến và tôn quý Ngài, Tiệc Thánh còn giúp ta *nhìn tới* tương lai với sự tin cậy về ngày Chúa trở lại. Chúng ta phải cẩn thận đừng bước vào bàn Tiệc Thánh của Chúa với tội còn đó chưa ăn năn. Tiệc Thánh còn là dịp tiện để chúng ta *nhìn vào bên trong* xem xét tấm lòng mình cũng như để xưng nhận tội lỗi mình trước Chúa (*I Cô-rinh-tô* 11:27-32).

Phước hạnh thứ ba của Tiệc Thánh là sự nhắc nhở về tính hiệp nhất của Hội Thánh: chúng ta là "một cái bánh" (*I Cô-rinh-tô* 10:17). Đây là Tiệc Thánh của Chúa chứ không phải là hình thức đặc biệt của giáo phái Cơ Đốc nào cả. Mỗi khi dự Tiệc Thánh, mọi Cơ Đốc nhân đều được nhắc nhở về nhiệm vụ "dùng dây hòa bình mà giữ gìn sự hiệp một của Thánh Linh" (*Ê-phê-sô* 4:3).

Đối với chúng ta, nhận ơn phước thuộc linh từ Tiệc Thánh không chỉ đơn giản là việc tham dự tiệc ấy. Chúng ta phải

“phân biệt thân Chúa” (I Cô-rinh-tô 11:29), nghĩa là xem xét những lễ thật thuộc linh vốn có nơi bánh và chén. Sự phân biệt thuộc linh này đến từ Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh khiến mọi sự này trở nên một lễ thật khi chúng ta đứng trước bàn tiệc của Chúa.

Sau khi lập Tiệc Thánh, Chúa Giê-xu dạy môn đệ nhiều lễ thật mà họ cần phải biết để thi hành chức vụ Chúa giao một cách kết quả giữa thế gian đầy thù hận (Giăng 14:1-16:33). Ngài cầu nguyện cho các môn đệ (Giăng 17:1-26) và cùng họ hát một Thánh Ca. Sau đó rời phòng cao để đến vườn Ghết-sê-ma-nê. Giu-đa biết mọi người sẽ đến đó nên bảo các quân lính sẵn sàng bắt Ngài.

Khi đọc đến đoạn này, bạn sẽ không khỏi xúc động về sự bình thần của Chúa. Chính Ngài là Đấng làm chủ mọi tình thế xảy đến chứ không phải Sa-tan, Giu-đa hay Tòa Công Luận. Chính Ngài khích lệ các môn đệ, thậm chí Ngài còn có thể hát Thánh Ca trước khi đến chịu chết trên thập giá! Isaac Watts có cùng tâm trạng với chúng ta khi bày tỏ rằng:

“Tình yêu Ngài thật quá kỳ diệu, quá thánh khiết

Cả linh hồn lẫn sự sống cùng tất cả những gì thuộc về tôi
hợp lại mới xứng đáng nhận tình yêu ấy trong muôn một.”

Vào Đêm Người Ta Bắt Chúa !

Lu-ca 22:39-71

Chú ý đến những hình ảnh trong câu chuyện này có lẽ là cách tốt nhất để chúng ta nắm được ý nghĩa của những bài học thuộc linh phía sau những biến cố đau thương xảy ra vào đêm đó. Kinh Thánh tựa như cuốn truyện tranh và cũng là cuốn sách kể lại lịch sử và tiểu sử con người. Những bức tranh này có thể nói cho chúng ta biết nhiều điều. Qua đoạn này, có sáu hình ảnh giúp ta hiểu rõ về sự thương khó và sự chết của Chúa Giê-xu Christ. Đó là: khu vườn vắng vẻ, cái chén đắt giá, cái hôn giả dối, lưới gươm vô dụng, gà gáy và ngôi vinh hiển.

1. Khu Vườn Vắng Vẻ

Lu-ca 22: 39

³⁹ Đoạn, Đức Chúa Jêsus ra đi, lên núi Ô-li-ve theo như thói quen; các môn đồ cùng đi theo Ngài.

Chúa Giê-xu rời khỏi Phòng Cao, đi cùng các môn đệ đến vườn Ghết-sê-ma-nê trên núi Ô-li-ve. Đây là nơi quen thuộc Ngài từng ở lại đêm khi đến Giê-ru-sa-lem (*Lu-ca 21:37*). Biết rõ Chúa ở đó (*Giăng 8:1-2*) Giu-đa đã dẫn quân lính La Mã và

những quan coi đền thờ đến bắt Ngài, Đấng đã sẵn sàng phó mình vào tay họ.

Nhưng tại sao địa điểm lại là một khu vườn? Lịch sử loài người khởi đầu tại một khu vườn (*Sáng Thế Ký* 2:7-25) và con người cũng bắt đầu phạm tội trong vườn (*Sáng Thế Ký* 3:1-24). Với những kẻ được cứu chuộc, cả câu chuyện sẽ đạt đến tột đỉnh trong một “thành phố vườn” nơi không còn sự hiện diện của tội lỗi (*Khải Thị* 21:1-22:7). Nhưng giữa ngôi vườn nơi con người thất bại và ngôi vườn nơi Đức Chúa Trời cai trị có vườn Ghết-sê-ma-nê, nơi Chúa Giê-xu nhận chén từ tay Cha.

Giăng cho chúng ta biết rằng Chúa đã đi qua khe Kết-rôn khi đến vườn (*Giăng* 18:1). Có lẽ Giăng nhớ lại kinh nghiệm của vua Đa-vít khi vua rời Giê-ru-sa-lem để trốn khỏi Áp-salôm con trai ông (*II Sa-mu-ên* 15:1-37; đặc biệt xem 15:23). Cả vua Đa-vít và Chúa Giê-xu đều là những vị vua không ngôi, đồng hành với những người bạn thân nhất và bị chính dân tộc mình phản bội. Tên gọi “*Kết-rôn*” nghĩa là tối tăm, âm u; “*Ghết-sê-ma-nê*” nghĩa là “máy ép ô-liu”. Hẳn những địa danh này đều có ý nghĩa.

Những hướng dẫn viên ở Giê-ru-sa-lem ngày nay có thể dẫn du khách đến bốn địa điểm khác nhau và tuyên bố đó là vườn Ghết-sê-ma-nê khi xưa. Có lẽ một địa điểm được nhiều người chấp nhận và quen thuộc với dân chúng là nơi nằm ngoài bức tường thành Giê-ru-sa-lem ở phía Đông, gần “Nhà Thờ của Mọi Dân Tộc”. Những cây ô-liu ở đó thật rất nhiều tuổi, nhưng dường như chúng không chứng kiến được thời của Chúa Giê-xu, vì dân La Mã đã huỷ phá mọi cây cối khi xâm chiếm đất Giu-đa năm 70 TC.

Vị trí của vườn Ghết-sê-ma-nê không quan trọng bằng thông điệp thuộc linh chúng ta nhận được từ những gì Chúa Giê-xu đã làm ở đó khi Ngài nếm “chén đắng” của Đức Chúa Cha. A-đam đầu tiên chống nghịch Đức Chúa Trời tại vườn Ê-đen nên đã đem tội lỗi và sự chết vào thế gian, nhưng A-đam sau

cùng (*I Cô-rinh-tô* 5:45) đã đầu phục Đức Chúa Trời tại vườn Ghết-sê-ma-nê nên đã đem sự sống và sự cứu rỗi đến cho mọi kẻ tin nhận.

2. Cái Chén Đất Giá

Lu-ca 22: 40-46

⁴⁰ Khi đã đến nơi đó, Ngài phán cùng môn đồ rằng: Hãy cầu nguyện, hầu cho các người khỏi sa vào sự cám dỗ. ⁴¹ Ngài bèn đi khỏi các môn đồ, cách chừng liệng một cục đá, quì xuống mà cầu nguyện ⁴² rằng: Lạy Cha, nếu Cha muốn, xin cất chén này khỏi tôi! Dầu vậy, xin ý Cha được nên, chớ không theo ý tôi!

⁴³ Có một thiên sứ từ trên trời hiện xuống cùng Ngài, mà thêm sức cho Ngài.

⁴⁴ Trong cơn rất đau thương, Ngài cầu nguyện càng thiết, mồ hôi trở nên như giọt máu lớn rơi xuống đất. ⁴⁵ Cầu nguyện xong, Ngài đứng dậy trở lại cùng các môn đồ, thấy đương ngủ mê vì buồn rầu. ⁴⁶ Ngài phán rằng: Sao các người ngủ? Hãy đứng dậy cầu nguyện, để cho khỏi sa vào sự cám dỗ.

Chúa Giê-xu để tám môn đệ ở lại một nơi và đem Phi-e-rô, Gia-cơ, Giăng đến nơi vắng vẻ để cầu nguyện (*Mác* 14:32-33). Đây là lần thứ ba Ngài chia xẻ một biến cố đặc biệt với họ. Lần thứ nhất khi Chúa gọi con gái Giai-ru sống lại (*Lu-ca* 8:41-56), lần thứ hai khi Ngài hóa hình trước mặt họ (9:28-36). Hẳn phải có một thông điệp thuộc linh ở đây!

Tiến sĩ G. Campell Morgan nhà giải kinh người Anh nêu lên rằng mỗi trường hợp trong số này đều có liên quan đến sự chết. Ở nhà Giai-ru, Chúa Giê-xu bày tỏ chính Ngài là Đấng đắc thắng sự chết. Trên núi hóa hình, Ngài được vinh hiển qua sự chết (Ngài cùng Môi-se, và Ê-li nói về sự “vượt qua” của Ngài ở Giê-ru-sa-lem 9:31). Tại khu vườn Ghết-sê-ma-nê, Ngài đầu phục sự chết. Trong số ba sứ đồ này, Gia-cơ là sứ đồ chịu chết trước tiên (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 12:1-2), Giăng chết sau cùng, Phi-e-rô phải trải qua sự bắt bớ khủng khiếp và sau đó bị đóng đinh. Ba bài học này rất thực tế cho đời sống họ.

Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời nên Ngài biết rõ mình sẽ sống lại từ cõi chết. Tuy nhiên tâm thần Ngài vẫn ném trái

Vào Đêm Người Ta Bắt Chúa / 129

sự đau đớn tột cùng khi nhìn thấy những sự việc sắp xảy đến cho mình. Lúc ấy, Ngài bị sỉ nhục, mắng nhiếc và chịu đau đớn trên thập tự giá. Hơn thế, Ngài bị định tội vì chúng ta và bị phân cách với Đức Chúa Cha. Ngài gọi kinh nghiệm này là “uống chén” (xem Ê-sai 51:17, 22; Thi Thiên 73:10 và 75:8; Giê-rê-mi 25:15-28).

Các sách Phúc Âm bày tỏ rằng Chúa Giê-xu cầu nguyện ba lần về “chén” Ngài phải uống và đến với môn đệ ba lần nhưng chỉ thấy họ ngủ. Họ chẳng để tâm gì đến thử thách và nguy hiểm ở trước mặt! Nếu có sự cầu nguyện của họ hỗ trợ khi Chúa đối diện với Gô-gô-tha thì có ý nghĩa với Ngài biết bao (*Hê-bơ-rơ* 5:7-8).

Lu-ca là tác giả Phúc Âm duy nhất chú ý chi tiết “mồ hôi trở nên như giọt máu lớn rơi xuống đất”. Có một hiện tượng vật lý hiếm hoi xảy ra dưới áp lực tâm lý nặng nề, các mạch máu nhỏ sẽ vỡ ra trong những tuyến mồ hôi, tạo nên hỗn hợp máu và mồ hôi. A-đam đầu tiên đã phạm tội trong vườn nên bị định tội “sẽ làm đổ mồ hôi trán mới có mà ăn” (*Sáng Thế Ký* 3:19). A-đam sau cùng là Chúa Giê-xu đã vâng phục Cha trên trời trong khu vườn và đắc thắng tội lỗi của A-đam (*Rô-ma* 5:12-21).

Lu-ca cũng là tác giả duy nhất chú ý đến công việc của thiên sứ (*Lu-ca* 22:43). Thực ra, sách *Lu-ca* và *Công-vụ* đều dành cho các thiên sứ một vị trí quan trọng trong công tác của Chúa. Các vị ấy không thể chết thay cho chúng ta, nhưng chỉ có thể thêm sức cho Chúa Cứu Thế khi Ngài dọn dĩ nhận “chén” của Đức Chúa Cha. Tiến sĩ George Morrison nói rằng: “Mỗi đời sống đều có một Ghết-sê-ma-nê, và mỗi Ghết-sê-ma-nê đều có thiên sứ”. Thật là điều khích lệ cho con cái Đức Chúa Trời khi phải vật lộn với nghịch cảnh và cầu nguyện trước những quyết định khó khăn!

3. Cái Hôn Giả Dối

Lu-ca 22: 47-48

⁴⁷ Khi Ngài còn đương phán, một lũ đông kéo đến. Tên Giu-đa, một trong mười hai sứ đồ, đi trước hết, lại gần Đức Chúa Jê-sus đặng hôn Ngài. ⁴⁸ Đức Chúa Jê-sus hỏi rằng: Hỡi Giu-đa, người lấy cái hôn để phản Con Người sao?

Có người nói rằng “cái hôn” là “sự mím miệng lại vì con tim mở rộng ra”. Nhưng không phải mọi cái hôn đều xuất phát từ con tim, vì có những cái hôn giả dối. Cái hôn của Giu-đa thuộc loại đê tiện nhất trong sự giả dối và phản bội.

Thời đó, các môn đệ thường chào thầy mình bằng một cái hôn đầy kính trọng và yêu quý. Giu-đa dùng cái hôn để làm ám hiệu cho những kẻ bắt Chúa nhận ra Ngài (*Ma-thi-ơ* 26:48-49). Chúa Giê-xu hằng ngày đã dạy dỗ trong đền thờ, nhưng các quan coi đền thờ không nhận ra Ngài!

Sự hiện diện của đám lính trang bị gươm giáo ấy chứng tỏ Giu-đa biết về Chúa Giê-xu quá ít. Lẽ nào Giu-đa nghĩ rằng Chúa sẽ lo chạy trốn hay ẩn nấp đâu đó trong vườn? Giu-đa hẳn tưởng rằng Chúa và các môn đệ sẽ kháng cự; nếu không, anh ta đã không huy động nhiều lực lượng như vậy. Có lẽ Giu-đa sợ Chúa sẽ làm phép lạ. Nhưng nếu Ngài làm phép lạ, đám lính mang gươm giáo kia có thể làm được gì để đối phó với quyền phép của một Đức Chúa Trời toàn năng?

Giu-đa là kẻ giả dối giống như Sa-tan vì nó đã vào lòng anh ta (*Giăng* 13:27; 8:44). Giu-đa làm ô ố mọi thứ mình đụng đến: tên anh ta (Giu-đa có nghĩa là ca ngợi), tập thể môn đệ (*Lu-ca* 6:13-16), quà dâng cho Chúa (*Giăng* 12:1-8) và cái hôn. Giu-đa thậm chí còn xâm phạm đến buổi cầu nguyện riêng, khiến buổi ấy bị ô ố bởi sự hiện diện của mình. Anh ta đã phản bội Đấng Christ bằng một cái hôn. “Bạn hữu làm cho thương tích, ấy bởi lòng thành tín; còn sự hôn hít của kẻ ghen ghét lấy làm giả nguy” (*Châm Ngôn* 27:6).

4. Lưỡi Gươm Vô Dụng

Lu-ca 22: 49-53

⁴⁹ Những người ở với Ngài thấy sự sắp xảy đến, bèn nói rằng: Thưa Chúa, chúng tôi nên dùng gươm đánh chăng? ⁵⁰ Một người trong các sứ đồ đánh đầu gối của thầy cả thượng phẩm và chém đứt tai bên hữu. ⁵¹ Nhưng Đức Chúa Jê-sus cất tiếng phán rằng: Hãy để cho họ đến thế! Ngài bèn rời tai đầu gối ấy, làm cho nó được lành. ⁵² Đoạn, Đức Chúa Jê-sus phán cùng các thầy tế lễ cả, các thầy đội coi đền thờ, và các trưởng lão đã đến bắt Ngài, rằng: Các ngươi cầm gươm và gậy đến bắt ta, như bắt kẻ trộm cướp. ⁵³ Hằng ngày ta ở trong đền thờ với các ngươi, mà các ngươi không ra tay bắt ta. Nhưng nầy là giờ của các ngươi, và quyền của sự tối tăm vậy.

Các môn đệ ghi nhớ (và hiểu sai) lời Chúa phán về thanh gươm (*Lu-ca 22:35-38*), vì vậy họ hỏi Ngài đây có phải là lúc dùng gươm hay không. Không chờ Chúa trả lời, Phi-e-rô đã lao đến tấn công một người tên là Man-chu, đầu gối của thầy cả thượng phẩm (*Giăng 18:10, 26-27*).

Vì sao Phi-e-rô hành động như vậy? Một lý do là Phi-e-rô phải thực hiện những lời khoe khoang đã nói ra trong Phòng Cao (*Lu-ca 22:33*) và lặp lại trên đường đến vườn Ghết-sê-ma-nê (*Ma-thi-ơ 26:30-35*). Phi-e-rô đã ngủ thay vì cầu nguyện, nói huyền thuyên thay vì lắng nghe, khoe khoang thay vì kính sợ. Giờ đây, Phi-e-rô lại bạo động thay vì phải đầu phục!

Phi-e-rô đã phạm những sai lầm nghiêm trọng khi tấn công Man-chu bằng gươm. Trước tiên, Phi-e-rô đã chống cự không đúng kẻ thù bằng vũ khí không thích hợp. Kẻ thù chúng ta không bằng xương thịt và máu huyết nên chúng ta không thể bị đánh bại bằng những vũ khí tầm thường (*Ê-phê-sô 6:10-18; II Cô-rinh-tô 10:3-6*). Khi bị cám dỗ trong đồng vắng, Chúa Giê-xu đã đánh bại Sa-tan bằng lời Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ 4:1-11*). Đó cũng là vũ khí chúng ta phải sử dụng (*Hê-bơ-rơ 4:12; Ê-phê-sô 6:17*). Phi-e-rô cũng bày tỏ thái độ thiếu đúng đắn khi tin tưởng nơi một năng lực sai lầm. Trong khi Chúa Giê-xu đầu phục Đức Chúa Trời, Phi-e-rô lại khiêu chiến! Phi-e-rô cậy nơi cánh tay xác thịt, hành động của ông ta trong tình

huống này không giống Chúa chút nào (*Giăng* 18:36), đó cũng là lời cảnh tỉnh chúng ta hôm nay. Thế gian hư mất có thể hành động theo cách này, nhưng đó không phải là cách tôi tớ Đức Chúa Trời nên làm (*II Ti-mô-thê* 2:24; *Ma-thi-ơ* 12:19).

Chúa Giê-xu đã hành động cách nhân từ khi kẻ khác làm việc gian ác (*Thi Thiên* 103:10). Ngài bày tỏ sự nhân từ với Phi-e-rơ khi quở trách hành động quá tự tin của ông và sửa chữa lại hành động sai lầm ấy. Ngài bày tỏ lòng nhân từ đối với Man-chu một đầy tớ thấp hèn khi chữa lành tai anh ta. Ngài còn bày tỏ lòng nhân từ với cả thế giới khi vui lòng hạ mình xuống và đi đến Gô-gô-tha. Ngài đến không phải để xét đoán nhưng để cứu con người (*Lu-ca* 19:10; *Giăng* 3:17).

Phép lạ cuối cùng Chúa Giê-xu thực hiện trước khi lên thập tự giá không phải là sự kiện gây chú ý cho người khác. Có lẽ rất ít người có mặt đêm đó biết điều Phi-e-rơ và Chúa Giê-xu đã làm. Lẽ ra Chúa có thể triệu tập mười hai đạo thiên sứ (*Ma-thi-ơ* 26:53), mỗi đạo thiên sứ (6.000 thiên binh) bảo vệ cho một trong số mười một môn đệ và một đạo thiên sứ bảo vệ Chúa, nhưng Ngài không làm vậy. Thay vì thực hiện một kỳ công “ngoạn mục”, Ngài đã ân cần chữa lành tai của người đầy tớ vô danh và vui lòng để người ta bắt trói Ngài.

Mỗi người trong chúng ta quyết định xem mình sẽ sống trong sự giả dối như Giu-đa hoặc chiến đấu như Phi-e-rơ, hoặc đầu phục hoàn toàn ý muốn Đức Chúa Trời như Chúa Giê-xu. Chọn cái hôn, lưỡi gươm hay chén đắng?

5. Gà Gáy

Lu-ca 22: 54-62

⁵⁴ Bấy giờ họ bắt Đức Chúa Jê-sus đem đi, giải Ngài đến nhà thầy cả thượng phẩm. Phi-e-rơ đi theo Ngài xa xa. ⁵⁵ Họ nhóm lửa giữa sân, rồi ngồi với nhau; Phi-e-rơ cũng ngồi giữa đám họ. ⁵⁶ Một con đòi kia thấy Phi-e-rơ ngồi gần lửa, thì ngó chăm chỉ, mà nói rằng: Người nầy vốn cũng ở với người ấy. ⁵⁷ Song Phi-e-rơ chối Đức Chúa Jê-sus, nói rằng: Hỡi đàn bà kia, ta không biết người đó.

⁵⁸ Một lát, có người khác thấy Phi-e-rơ, nói rằng: Người cũng thuộc về bọn đó! Phi-e-rơ đáp rằng: Hỡi người, ta không phải thuộc về bọn đó đâu. ⁵⁹ Độ cách

Vào Đêm Người Ta Bắt Chúa / 133

một giờ, có kẻ khác đề quyết như vậy mà rằng: Thật người nầy cũng ở với Jêsus, vì người là dân Ga-li-lê. ⁶⁰ Nhưng Phi-e-rơ cãi rằng: Hỡi người, ta không biết người nói chi! Đương lúc Phi-e-rơ còn nói, thì gà liền gáy; ⁶¹ Chúa xây mặt lại ngó Phi-e-rơ. Phi-e-rơ nhớ lại lời Chúa đã phán cùng mình rằng: Hôm nay trước khi gà chưa gáy, người sẽ chối ta ba lần; ⁶² rồi đi ra ngoài, khóc lóc thảm thiết.

Chúa Giê-xu đã chịu đựng sáu thử thách trước khi bị đóng đinh, ba lần trước dân Do Thái và ba lần trước các quan chức La Mã. Trước tiên Ngài bị giải đến thầy cả thượng phẩm Anne, là người thế lực và tiếng tăm trong nước (*Giăng* 18:12-13). Anne giải Ngài đến con rể ông là Cai-phe vốn mang chức vụ thầy cả thượng phẩm (*Ma-thi-ơ* 26:57). Cuối cùng, vào buổi sáng Ngài bị xét hỏi trước Tòa Công Luận để luận tội Ngài (*Lu-ca* 22:66-71).

Người Do Thái không được phép giết ai (*Giăng* 18:31-32) nên họ giải Ngài đến nhà cầm quyền Rô-ma. Trước tiên họ đưa Ngài tới quan Tổng đốc Phi-lát (*Lu-ca* 23:1-4). Người này cũng không muốn xét xử Ngài nên giải Ngài đến vua Hê-rốt (23:6-12), nhưng sau đó vua Hê-rốt giao Chúa lại cho Phi-lát! (23:13-25). Khi Phi-lát thấy mình không còn cách nào giải quyết việc của Chúa Giê-xu nên ông chiều ý Tòa Công Luận và kết án Chúa phải bị đóng đinh trên thập tự giá.

Ở phiên tòa xét xử Chúa lần thứ hai, Ngài đối diện với thầy cả thượng phẩm Cai-phe, còn Phi-e-rơ lại chối Chúa ba lần ở trong sân phiên tòa xử án. Vì sao chuyện ấy xảy ra như vậy? Trước hết, Phi-e-rơ đã không chú tâm đến lời khuyên của Chúa (*Lu-ca* 22:31-34; *Ma-thi-ơ* 26:33-35), cũng không “tỉnh thức và cầu nguyện” theo lời Chúa dạy trong vườn (*Mác* 14:37-38). Cho rằng mình can đảm và sốt sắng, Phi-e-rơ hầu như không có sự chuẩn bị để đối phó với sự tấn công của ma quỷ?

Chúa Giê-xu bị giải đi khỏi vườn, còn Phi-e-rơ “theo Ngài xa xa” (*Lu-ca* 22:54). Đây là bước tiếp theo dẫn đến sự thất bại, cho dù là nhiều bài giảng dựa trên phân đoạn Kinh Thánh này đã phê bình Phi-e-rơ vì theo Chúa xa xa, nhưng thật ra

ông không hề có ý định theo Ngài. “Chiên” bị định trước phải tan lạc và sẽ gặp lại Chúa tại Ga-li-lê (*Ma-thi-ơ* 26:31-32). Thật ra, khi bị bắt, Chúa nói với những lính canh rằng “hãy để cho những kẻ này đi” (*Giăng* 18:8-9). Đó là dấu hiệu rõ ràng cho thấy các môn đệ không thể theo Ngài được. Phi-e-rơ và Giăng theo đám đông vào sân thầy cả thượng phẩm Cai-phe (*Giăng* 18:15-16). Đó là một đêm lạnh lẽo (dù Chúa đổ mồ hôi), nên Phi-e-rơ đến đứng gần đồng lửa (*Giăng* 18:18), ngồi chung với các đầy tớ và lính canh (*Lu-ca* 22:55). Ngồi trong lãnh địa kẻ thù, hẳn Phi-e-rơ là mục tiêu của họ (*Thi Thiên* 1:1). Trong khi Chúa mình đang bị quân lính sỉ nhục, Phi-e-rơ chỉ nghĩ đến bản thân (*Lu-ca* 22:63-65).

Ban đầu, Phi-e-rơ bị thử thách bởi một đầy tớ gái của thầy cả thượng phẩm. Đầy tớ ấy nhận ra Phi-e-rơ là người từng ở với Chúa Giê-xu và là môn đệ Ngài. Phi-e-rơ chối rằng: “Hỡi người đàn bà kia, ta không biết người đó” (*Lu-ca* 22:57; *Ma-thi-ơ* 26:71). Phi-e-rơ bỏ ra ngoài hiên và gà gáy lần thứ nhất (*Mác* 14:68). Lẽ ra điều này phải khiến Phi-e-rơ cảnh tỉnh, nhưng ông cứ nấn ná ở đó.

Phi-e-rơ không thể thoát khỏi sự chú ý của nhiều người. Có một đầy tớ gái khác cũng nói rằng; “Người cũng thuộc về bọn đó” (Lần thứ hai Phi-e-rơ chối rằng: “Hỡi người, ta không phải thuộc về bọn đó đâu” Khi một người bà con của Man-chu chỉ Phi-e-rơ và nói: “Ta há chẳng từng thấy người ở trong vườn với người sao?” Những kẻ khác cũng đồng thanh. “Chắc thật người cũng thuộc về đảng ấy, vì tiếng nói của người khai người ra” (vì người Ga-li-lê có giọng địa phương dễ nhận biết). Lúc này Phi-e-rơ thề: “Ta không biết người đó đâu? Ta không biết người nói chi!” và tiếng gà gáy lần thứ hai cho thấy lời bảo trước của Chúa Giê-xu đã ứng nghiệm (*Mác* 14:30).

Khi Chúa Giê-xu bị giải đi để chịu xét xử lần thứ hai, Ngài quay lại nhìn Phi-e-rơ. Ánh mắt Ngài khiến lòng Phi-e-rơ tan vỡ. Trong khi đám đông xem Chúa Giê-xu, Phi-e-rơ lên ra ngoài và khóc lóc thảm thiết. Chính vì vấn đề đức tin của Phi-

e-rơ, nên Chúa phải nhìn ông, hầu có thể khiến ông trở lại ăn năn tội.

Con gà nào đó đã gáy đúng lúc trong khi mọi loài chim trong thành vẫn đang yên lặng, thật là một phép lạ! Nhưng tiếng gà gáy ấy còn mâu nhiệm hơn một phép lạ, vì nó làm ứng nghiệm lời của Chúa. Đó cũng là thông điệp đặc biệt dành cho Phi-e-rơ, giúp ông phục hồi lại địa vị mình. Tiếng gà gáy đã khích lệ sứ đồ Phi-e-rơ về điều gì?

Trước tiên, tiếng gà gáy bảo đảm với Phi-e-rơ rằng Chúa Giê-xu vẫn đang cai trị mọi sự dù Ngài ở trong tình trạng bị xem là tội nhân, bị trói và dường như bất lực trước những kẻ bắt bớ Ngài. Phi-e-rơ có thể nhớ lại chứng cứ về quyền phép Chúa tể trị trên những con cá, trên bão biển, thậm chí trên bệnh tật và sự chết. Dù Phi-e-rơ đang trong giờ phút tăm tối, Ngài vẫn là Đấng tể trị mọi sự!

Thứ hai, tiếng gà gáy giúp Phi-e-rơ tin chắc rằng tội lỗi ông có thể được tha. Ông đã không cẩn thận chú tâm đến lời Chúa, lại còn biện luận, không vâng lời và lún sâu vào những vi phạm. Nhưng giờ đây ông đã “nhớ lại lời Chúa đã phán cùng mình” (*Lu-ca* 22:61), điều này đem đến cho ông niềm hy vọng. Vì sao? Vì lời báo trước của Chúa cũng là một lời hứa tha thứ! Phi-e-rơ sẽ hối cải và làm vững chí anh em mình (22:32).

Cuối cùng, sự nhiệm mầu của tiếng gà gáy cho Phi-e-rơ biết bình minh của một ngày mới đang bắt đầu. Đó không phải là ngày mới dành cho dân Do Thái hay cho kẻ thù của Chúa. Đó là ngày mới dành cho Phi-e-rơ khi ông ăn năn và khóc lóc đắng cay. “Cửa lễ đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là tâm thần đau thương: Đức Chúa Trời ôi! Lòng đau thương thống hối Chúa không khinh để đâu” (*Thi Thiên* 51:17). Vào buổi sáng Chúa Phục Sinh, thiên sứ Đức Chúa Trời đã rao cho Phi-e-rơ một thông điệp đặc biệt để khích lệ ông (*Mác* 16:7) và quả nhiên Chúa đã hiện ra trước mặt Phi-e-rơ vào ngày ấy để phục hồi địa vị của ông (*Lu-ca* 24:34).

Sẽ có lúc mỗi người trong chúng ta rơi vào tình trạng “chối

Chúa”. Lúc ấy, hãy lắng nghe “tiếng gà gáy”. Sa-tan sẽ nói với chúng ta rằng chúng ta đã thất bại, tương lai chúng ta sẽ đi đến chỗ “huỷ diệt”, nhưng đó không phải là thông điệp của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta. Đó chắc chắn không phải là sự kết thúc của Phi-e-rơ! Ông được tha thứ hoàn toàn hầu có thể nói trước dân Do Thái rằng “Các người đã chối bỏ Đấng Thánh và Đấng Công Bình” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:14). Lúc đó, Phi-e-rơ không có câu Kinh Thánh *I Giăng* 1:9 để đọc, nhưng kinh nghiệm được sự tha thứ của Chúa qua chính tấm lòng ông.

6. Ngôi Vinh Hiển

Lu-ca 22: 63-71

⁶³ Vả, những kẻ canh Đức Chúa Jê-sus nhạo báng và đánh Ngài; ⁶⁴ che mặt Ngài lại, rồi nói rằng: Hãy nói tiên tri đi, hãy đoán xem ai đánh người! ⁶⁵ Họ lại nhiếc móc Ngài nhiều lời khác nữa.

⁶⁶ Đến sáng ngày, các trưởng lão trong dân, các thầy tế lễ cả, và các thầy thông giáo nhóm lại, rồi sai đem Đức Chúa Jê-sus đến nơi tòa công luận. ⁶⁷ Họ hỏi Ngài rằng: Nếu người phải là Đấng Christ, hãy xưng ra cho chúng ta. Ngài đáp rằng: Nếu ta nói, thì các người không tin; ⁶⁸ nếu ta tra gạn các người, thì các người không trả lời. ⁶⁹ Nhưng từ nay về sau, Con Người sẽ ngồi bên hữu quyền phép Đức Chúa Trời. ⁷⁰ Ai nấy đều hỏi rằng: Vậy, người là Con Đức Chúa Trời sao? Ngài đáp rằng: Chính các người nói ta là Con Ngài. ⁷¹ Họ bèn nói rằng: Chúng ta nào có cần chứng cứ nữa làm chi? Chính chúng ta đã nghe từ miệng nó nói ra rồi.

Chúa Giê-xu không bị định tội công khai vậy mà người ta lại cho phép lính canh nhạo báng và nhiếc móc Ngài. Họ chế nhạo việc Ngài xưng mình là tiên tri và vua (*Giăng* 19:1-3). Tuy nhiên, sự nhạo báng tội lỗi của họ thật sự ứng nghiệm lời phán của Chúa (*Ma-thi-ơ* 20:19). Ngài là tấm gương cho cách xử thế khi kẻ ác nhạo báng đức tin chúng ta (*I Phi-e-rơ* 2:18-24).

Người ta cho rằng tòa án Do Thái không có quyền biểu quyết về sự tử hình giữa đêm, nên các thầy tế lễ cả, thầy thông giáo và các trưởng lão phải tập họp lại ngay khi trời

sáng. Chúng ta không biết rõ vào thời Chúa Giê-xu luật này thì hành hay chưa, tuy nhiên, phiên tòa vào buổi sáng sớm của tòa công luận đã giải thích vấn đề này.

Đây là giai đoạn căng thẳng ở phiên tòa giáo hội và vấn đề chính là “Có phải Chúa Giê-xu Na-xa-rét là Đấng Christ của Đức Chúa Trời không?” Họ cho rằng những lời tuyên bố của Chúa là giả dối nên ghép Ngài vào tội phạm thượng. Hình phạt dành cho tội phạm thượng là xử tử (*Lê-vi Ký* 24:10-16).

Chúa biết lòng của những kẻ tố cáo Ngài, sự vô tín và bất nghĩa của họ (*Lu-ca* 20:1-8). Lúc này, dù giảng dạy cho họ hay tranh luận với họ cũng chẳng ý nghĩa gì! Bởi họ muốn bác bỏ mọi chứng cứ Chúa bày tỏ (*Giăng* 12:37-43). Chúa càng bày tỏ lẽ thật, càng cho thấy tội lỗi và sự xét đoán dành cho họ bấy nhiêu (*Giăng* 9:39-41).

Chúa tự xưng “Con Người”, một danh hiệu dành cho Đấng Mết-si-a được chép trong *Đa-ni-ên* 7:13-14. Ngài cũng khẳng định về quyền “ngồi bên hữu quyền phép Đức Chúa Trời” (*Lu-ca* 22:69) một ám chỉ rõ ràng về *Thi Thiên* 110:1. Đây cũng là câu Kinh Thánh được Chúa trích dẫn khi Ngài biện luận với các lãnh đạo tôn giáo trước đó (*Lu-ca* 20:41-44). Chúa đã nhìn thấy ngôi vinh hiển phía sau sự thương khó của thập tự giá (*Hê-bơ-rơ* 12:2; *Phi-líp* 2:1-11).

Việc Chúa Giê-xu được ngồi bên hữu Đức Chúa Trời là một lẽ thật thường được nhắc lại nhiều lần trong Tân Ước (*Hê-bơ-rơ* 1:3; 8:1; 10:12; 12:2; *I Phi-e-rơ* 3:22; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:33; 5:31; 7:55-56; *Rô-ma* 8:34; *Ê-phê-sô* 1:20; *Cô-lô-se* 3:1). Đó là nơi cao trọng và quyền phép. Khi tuyên bố về sự cao trọng này, Chúa Giê-xu muốn tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời. Chỉ có *Lu-ca* đã ghi chép câu hỏi trực tiếp trong *Lu-ca* 22:70 và lời đáp trực tiếp của Chúa Giê-xu, theo nghĩa đen “chính các người nói ta là Con Ngài!” Họ đã sử dụng chứng cứ này khi nộp Ngài cho Phi-lát (*Giăng* 19:17). Một số nhà thần học phái tự do cho rằng Chúa Giê-xu chưa từng tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời. Chẳng biết họ sẽ nói gì về phiên

tòa công khai này? Các lãnh đạo tôn giáo Do Thái biết điều Chúa Giê-xu muốn nói, đó cũng là lý do họ kết tội phạm thượng cho Ngài.

Tòa án tôn giáo giờ đây đã chấm dứt. Bước kế tiếp, họ đưa Chúa ra trước tòa án dân sự và tôn giáo thuyết phục nhà cầm quyền Rô-ma rằng Chúa Giê-xu Na-xa-rét là tội nhân đáng xử chết. Con Đức Chúa Trời phải bị đóng đinh và chỉ có người Rô-ma mới có thể làm điều đó.

Nói đến nhà cầm quyền Do Thái, trong cuốn sách *Vụ Án Và Sự Chết Của Chúa Giê-xu (The Death of Jesus Christ)* William Stalker viết: “Họ bước đi trong ánh sáng của riêng mình nhưng ánh sáng trong họ cũng chỉ là sự tối tăm”.

Nhà giải nghĩa Kinh Thánh Mathew Henry nói rằng: “Không ai mù lòa như những kẻ không muốn nhìn thấy”.

“Các người đương có sự sáng, hãy tin sự sáng, hầu cho trở nên con cái của sự sáng” (*Giăng 12:36*).

Chúa Bị Kết Án Và Đóng Đinh

Lu-ca 23

Vụ án và sự chết của Chúa Giê-xu bày tỏ lòng gian ác của con người và lòng nhân từ của Đức Chúa Trời. Khi con người phạm tội gồm ghiếc nhất là lúc Đức Chúa Trời bày tỏ sự nhân từ vô đối của Ngài. “Nơi nào tội lỗi đã gia thêm, thì ân sủng lại càng dư dật hơn nữa” (*Rô-ma 5:20*). Chúa Giê-xu bị đóng đinh không phải vì kẻ ác muốn giết Ngài nhưng “theo ý định trước và sự biết trước của Đức Chúa Trời” (*Công Vụ Các Sứ Đồ 2:23*). Đó là sự định trước từ buổi sáng thế (*I Phi-e-rơ 1:20; Khải Thị 13:8*).

Khi học đến đoạn này, bạn hãy chú ý đến sáu cuộc gặp gỡ Chúa trải qua suốt những giờ phút thương khó này.

1. Chúa Giê-xu Và Phi-lát

Lu-ca 23: 1-25

¹ Đoạn, cả hội đồng đứng dậy điệu Ngài đến trước mặt Phi-lát. ² Họ bèn khởi cáo Ngài rằng: Chúng tôi đã thấy người này xui dân ta làm loạn, cấm nộp thuế cho Sê-sa, và xưng mình là Đấng Christ, là Vua. ³ Phi-lát gạn Ngài rằng: Chính người là Vua dân Giu-đa phải không? Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Thật như lời. ⁴ Phi-lát bèn nói với các thầy tế lễ cả và dân chúng rằng: Ta không thấy người này có tội gì. ⁵ Nhưng họ cố nài rằng: Người này xui giục dân sự, truyền giáo

khắp đất Giu-đê, bắt đầu từ xứ Ga-li-lê rồi đến đây. ⁶ Khi Phi-lát nghe điều đó, thì hỏi nếu người nầy thật là dân Ga-li-lê chăng. ⁷ Biết Ngài thuộc quyền cai trị của vua Hê-rốt, bèn giải đến cho vua Hê-rốt, vua ấy ở tại thành Giê-ru-sa-lem trong mấy ngày đó.

⁸ Vua Hê-rốt thấy Đức Chúa Jê-sus thì mừng lắm; vì lâu nay vua muốn gặp Ngài, nhân đã nghe nói về chuyện Ngài, và mong xem Ngài làm phép lạ.

⁹ Vậy, vua hỏi Ngài nhiều câu, song Ngài không trả lời gì hết. ¹⁰ Các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo ở đó, cáo Ngài dữ lắm. ¹¹ Bấy giờ vua Hê-rốt và quân lính hầu vua đều đả Ngài cách khinh dể và nhạo báng Ngài; đoạn, họ mặc áo hoa hộc cho Ngài, rồi giao Ngài về cho Phi-lát. ¹² Trước kia Phi-lát với vua Hê-rốt thù hiểm nhau, nhưng nội ngày ấy trở nên bạn hữu.

¹³ Phi-lát hiệp các thầy tế lễ cả, các quan đề hình và dân chúng lại, mà nói rằng:

¹⁴ Các người đã đem nộp người nầy cho ta, về việc xui dân làm loạn; nhưng đã tra hỏi trước mặt các người đây, thì ta không thấy người mắc một tội nào mà các người đã cáo; ¹⁵ vua Hê-rốt cũng vậy, vì đã giao người về cho ta. Vậy người nầy đã không làm điều gì đáng chết, ¹⁶ nên ta sẽ đánh đòn rồi tha đi. (Có mấy bản thêm câu 17 rằng: Số là, đến ngày lễ, quan phải tha một tên tù cho dân.)

¹⁸ Chúng bèn đồng thanh kêu lên rằng: Hãy giết người nầy đi, mà tha Ba-ra-ba cho chúng tôi! ¹⁹ Vả, tên nầy bị tù vì dấy loạn trong thành, và vì tội giết người.

²⁰ Phi-lát có ý muốn tha Đức Chúa Jê-sus, nên lại nói cùng dân chúng nữa.

²¹ Song chúng kêu lên rằng: Đóng đinh nó trên cây thập tự đi! Đóng đinh nó trên cây thập tự đi! ²² Phi-lát lại nói đến lần thứ ba, rằng: Vậy người nầy đã làm điều ác gì? Ta không tìm thấy người có sự gì đáng chết. Vậy, đánh đòn xong, ta sẽ tha.

²³ Nhưng chúng cố nài, kêu lớn tiếng rằng phải đóng đinh Ngài trên cây thập tự; tiếng kêu của họ được thắng. ²⁴ Phi-lát truyền làm y như lời chúng xin. ²⁵ Bèn tha tên tù vì tội dấy loạn và giết người, là người chúng đã xin tha; rồi phó Đức Chúa Jê-sus cho mặc ý họ.

Phi-lát làm tổng đốc xứ Giu-đê từ năm 26-36 SC. Sau đó ông được triệu về Rô-ma và không còn được nhắc đến trong lịch sử La Mã nữa. Bị người Do Thái căm ghét, Phi-lát chẳng bao giờ muốn hiểu họ. Có lần ông đã chọc giận dân Do Thái khi cho giương những biểu ngữ vô thần của dân Rô-ma trong đền thờ và sai các do thám trang bị vũ khí đến đền thờ để dẹp những người Do Thái chống đối (*Lu-ca* 13:1-3).

Khi xét xử Chúa Giê-xu, vị quan tổng đốc này tỏ ra do dự. Phúc Âm Giăng ghi lại bảy lần Phi-lát ra vào. Ông bước ra gặp dân chúng rồi trở vào thăm vấn Chúa Giê-xu (*Giăng* 18:29, 33, 38; 19:1, 4, 9, 13). Ông cố tìm sơ hở nhưng không thể

được. Phi-lát là người thất bại khi thẩm vấn Chúa, ba lần tuyên bố Ngài vô tội vậy mà vẫn để người ta đóng đinh Ngài.

Lời xác nhận của Phi-lát (Lu-ca 23:1-5). Các quan chức Rô-ma thường dậy sớm khi có nhiệm vụ, nhưng buổi sáng hôm ấy có lẽ Phi-lát ngạc nhiên biết mình phải giải quyết một vụ xử kiện về tội tử hình vào lễ Vượt Qua. Các quan Do Thái biết rằng luật lệ tôn giáo của họ chẳng có ý nghĩa gì đối với một quan chức La Mã, vì vậy họ đưa vào bản cáo trạng Chúa những vấn đề mang tính chất chính trị. Họ buộc Ngài ba tội: phản quốc, chống đối việc nộp thuế cho Sê-sa và tự xưng là vua.

Phi-lát tra hỏi Chúa Giê-xu cách riêng tư về việc Ngài xưng mình là Vua, vì đây là vấn đề quyết định. Ông kết luận rằng Chúa vô tội. Ba lần trong phiên tòa, Phi-lát khẳng định rõ ràng sự vô tội của Chúa (Lu-ca 23:4,14,22). Bên cạnh lời nói của Phi-lát "ta không thấy người này có tội gì", Bác sĩ Lu-ca đưa ra ba chứng cứ khác bảo rằng Chúa vô tội, đó là: vua Hê-rốt (23:15), một tên cướp (23:40-43) và thầy đội La Mã (23:47).

Sự nhượng bộ của Phi-lát (Lu-ca 23:6-12). Dân Do Thái bác bỏ sự phán quyết của Phi-lát nên bắt đầu tố cáo Chúa nhiều hơn nữa. Khi họ nhắc đến người Ga-li-lê thì Phi-lát, một nhà chính trị lão luyện liền thấy một cơ hội chuyển Chúa Giê-xu sang chỗ khác. Ông giải Ngài đến vua Hê-rốt An-ti-ba vua chư hầu xứ Ga-li-lê, người đã giết Giăng Báp-tít và cũng nóng lòng muốn gặp Chúa Giê-xu (23:7-9). Có lẽ vị vua xảo quyết này đã tìm cách làm hài lòng dân Do Thái.

Có lẽ vua Hê-rốt rất ngạc nhiên và hồi hộp khi quân lính giải Chúa Giê-xu vào. Tuy nhiên, càng đặt câu hỏi với Chúa, vua càng trở nên can đảm hơn! Có lẽ Chúa Giê-xu đã làm vua hài lòng bằng một phép lạ! Dù bị vua tra hỏi liên tục và bị dân Do Thái tố cáo quyết liệt, Chúa Giê-xu vẫn không nói lời nào. *Hê-rốt đã làm ngưng tiếng nói của Đức Chúa Trời.* Hê-rốt có ý định xét xử Chúa, nhưng chính Chúa mới là Đấng xét đoán ông.

Cuối cùng, vua Hê-rốt thật “can đảm” khi nhạo báng Chúa và cho phép quân lính mặc “áo hoa hòe” cho Ngài, loại áo được dân Rô-ma dệt cho quan chức. Vua Hê-rốt không đưa ra được lời phán quyết công khai dành cho Chúa Giê-xu, rõ ràng ông không tìm được tội lỗi đáng chết nào nơi Ngài (*Lu-ca* 23:15).

Thủ đoạn này đã thực hiện được một vấn đề duy nhất: hàn gắn lại một mối quan hệ bằng hữu đã đổ vỡ. Hê-rốt biết ơn Phi-lát vì đã giúp ông gặp được Chúa Giê-xu, Phi-lát lại còn hỏi ý kiến của ông nghĩa là biết tôn trọng ông nữa! Việc Hê-rốt giao Chúa lại cho Phi-lát mà không đưa ra lời định tội có thể giải thích như sau: “Thưa Ngài Phi-lát, vì chúng tôi không ở Ga-li-lê (Lúc ấy vua Hê-rốt đang có mặt tại Giê-ru-sa-lem) nên Ngài có quyền hành động, tôi sẽ không can dự vào. Giê-xu này là phạm nhân của Ngài, không phải của tôi. Tôi biết Ngài sẽ hành động đúng”. Chính vì hai người cùng gặp phải một mối đe dọa chung, nên họ đã bỏ qua những hiểm thù để kết bạn trở lại.

Sự mặc cả của Phi-lát (Lu-ca 23:13-23). Lần thứ hai Phi-lát cho các quan trưởng Do Thái biết rằng ông không tìm thấy tội lỗi nào nơi Chúa Giê-xu. Việc vua Hê-rốt giao quyền quyết định cho Phi-lát không khiến dân Do Thái để tâm đến, vì họ vốn căm ghét Hê-rốt cũng như không ưa gì dân Rô-ma.

Nhà cầm quyền thường có lệ tha bổng một phạm nhân vào kỳ lễ Vượt Qua, nên Phi-lát muốn đưa ra một quyết định dung hòa: ông sẽ đánh đòn Chúa Giê-xu rồi tha Ngài. Hiện Phi-lát đang giam giữ một phạm nhân tên Ba-ra-ba và ông tin chắc dân Do Thái sẽ không muốn tha tên ấy. Ba-ra-ba là một kẻ trộm cướp (*Giăng* 18:40), kẻ giết người và là kẻ dấy loạn (*Lu-ca* 23:19). Có lẽ Ba-ra-ba đã cầm đầu những kẻ Do Thái cực đoan muốn lật đổ Rô-ma lúc bấy giờ.

Bạn đừng cho rằng dân chúng trong thành Giê-ru-sa-lem được phép tụ tập lại và kêu la trước Phi-lát về huyết Chúa Giê-xu, dù lẽ dĩ nhiên một đám đông hiếu kỳ thường tụ tập

lại. Chính các chức sắc tôn giáo trong nước đặc biệt là các thầy tế lễ cả (*Lu-ca 23:23*) đòi Phi-lát phải đóng đinh Chúa Giê-xu. Bảo rằng những người đã tung hô “Hô-sa-na” vào Chúa Nhật lễ Lá cũng là những người cuối cùng hét lên “Đóng đinh nó trên cây thập tự đi!” vào ngày thương khó của Chúa cũng không ngoa.

Sự đầu hàng của Phi-lát (Lu-ca 23:24-25). Phi-lát nhận ra rằng việc ông không giải quyết được tình huống này thật sự gây nên cuộc bạo động và sự nổi dậy của dân Do Thái có thể sẽ là kết quả sau cùng trong kỳ lễ Vượt Qua. Vì vậy, ông rửa tay trước mặt dân chúng để khẳng định sự vô can của mình (*Ma-thi-ơ 27:24-25*). Ông là kẻ nhượng bộ “muốn cho đẹp lòng dân” (*Mác 15:15*). Ba-ra-ba được tha bổng, còn Chúa Giê-xu phải bị xử chết trên thập tự giá của người Rô-ma.

Bản tính của Phi-lát thật khó hiểu. Ông từng tuyên bố sự vô tội của Chúa Giê-xu, nhưng vẫn cho phép người ta đánh đòn và xử tử Ngài. Phi-lát cẩn thận tra hỏi Chúa, thậm chí run sợ trước lời đáp của Ngài, nhưng lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời vẫn không thay đổi được quyết định của ông. Ông muốn được nổi tiếng hơn làm người công bình, quan tâm đến danh vọng hơn phẩm chất. Nếu Hê-rốt làm ngưng tiếng nói Đức Chúa Trời, Phi-lát cũng làm nghẹt ngòi tiếng nói ấy. Có cơ hội trong tay, Phi-lát đã đánh mất nó.

2. Chúa Giê-xu Và Si-môn

Lu-ca 23: 26

²⁶ Khi chúng điệu Đức Chúa Jê-sus đi, bắt một người xứ Sy-ren, tên là Si-môn, từ ngoài đồng về, buộc phải vác cây thập tự theo sau Ngài.

Vác thập tự giá của chính mình đến trường án là nỗi tủ nhục của phạm nhân. Vì vậy khi Chúa Giê-xu rời khỏi sân Phi-lát, Ngài phải vác thập tự giá (*Giăng 19:17*). Chúa thật sự không thể bước nổi nên quân lính phải buộc Si-môn người xứ Sy-ren vác thập tự cho Ngài (xem *Ma-thi-ơ 5:41*). Khi theo dõi

những việc Chúa chịu đựng từ khi bị bắt trong vườn, thật không khó hình dung Ngài gục ngã ra sao dưới gánh nặng trên lưng. Hơn thế, mang thập tự giá là biểu hiện của sự phạm tội, *nhưng Chúa Giê-xu không hề có tội!*

Hàng ngàn người Do Thái từ mọi xứ đến Giê-ru-sa-lem dự các kỳ lễ (*Công Vụ Các Sứ Đồ 2:5-11*), Si-môn đi chung với họ. Ông ta đã đi 800 dặm từ Châu Phi đến dự lễ Vượt Qua, giờ lại phải chịu nhục nhã trong một ngày lễ trọng thể nhất! Ông sẽ nói gì với gia đình khi trở về?

Chuyện xảy đến với Si-môn như một tai họa, lại là một cơ hội kỳ diệu, đưa ông đến trong mối liên hệ với Chúa Giê-xu. (Vây còn Si-môn kia đâu? Si-môn Phi-e-rơ, người đã thề sống chết cùng Ngài?) Có lẽ Si-môn đến thành Giê-ru-sa-lem để dự buổi lễ cầu nguyện lúc 9 giờ sáng, nhưng quân lính đã thay đổi kế hoạch của ông ta.

Chúng ta có lý do tin rằng con người Si-môn đã được thay đổi sau lần gặp gỡ Chúa Giê-xu. Mác xác nhận Si-môn là "cha A-léc-xan-đơ và Ru-phu" (*Mác 15:21*), đó là hai người Mác cho rằng các độc giả Rô-ma có thể biết họ. Phao-lô gửi lời chào thăm một tín hữu tên Ru-phu ở *Rô-ma 16:13*, và có thể đó là con của Si-môn người Sy-ren. Rõ ràng, Si-môn và hai con ông là những tín hữu được nhiều người biết đến và được Hội Thánh Chúa tôn trọng.

Trước khi Si-môn gặp Chúa, ông đã có niềm tin và sự tin kính. Nhưng sau khi gặp Chúa, ông nhận được lẽ thật và sự cứu rỗi. Buổi sáng ấy, ông đã có một cuộc gặp gỡ về mặt thuộc thể và thuộc linh, làm thay đổi cuộc đời ông. Đức Chúa Trời vẫn có thể sử dụng những hoàn cảnh khó khăn mà con người không ngờ đến, thậm chí những sự nhục nhã để đem con người đến với Đấng Cứu Thế.

3. Chúa Giê-xu Và Những Phụ Nữ Thành Giê-ru-sa-lem

Lu-ca 23: 27-31

²⁷ Có đoàn dân đông lắm đi theo Đức Chúa Jê-sus, và có mấy người đàn bà đầm ngực khóc về Ngài. ²⁸ Nhưng Đức Chúa Jê-sus xây mặt lại với họ mà phán rằng: Hỡi con gái thành Giê-ru-sa-lem, đừng khóc về ta, song khóc về chính mình các người và về con cái các người. ²⁹ Vì nầy, ngày hầu đến, người ta sẽ nói rằng: Phước cho đàn bà son, phước cho dạ không sanh đẻ và vú không cho con bú!

³⁰ Bấy giờ, người ta sẽ nói với núi rằng: Hãy đổ xuống trên chúng ta! Với gò rằng: Hãy che chúng ta! ³¹ Vì nếu người ta làm những sự ấy cho cây xanh, thì cây khô sẽ xảy ra sao?

Những vụ xử án công khai thường thu hút nhiều người xem, đặc biệt vụ xử án Chúa Giê-xu lại càng khiến đông người chú ý. Thêm vào sự kiện này, thành Giê-ru-sa-lem đầy những khách hành hương nên dễ tin rằng có một “đoàn dân đông lắm” (*Lu-ca 23:27*) đi theo những kẻ bị kết án đến đồi Gò-gô-tha.

Trong đoàn dân, có một số phụ nữ than khóc vì cảm thông sự thương khó của Chúa và nghĩ đến tình trạng thuộc linh suy đồi của dân tộc mình. Điều này cho thấy theo các sách Phúc Âm, không có phụ nữ nào chống đối Chúa. Chúa Giê-xu cũng chưa từng là kẻ thù của giới phụ nữ. Tấm gương của Ngài, sự dạy dỗ và trên hết sự cứu chuộc của Ngài đã góp phần to lớn trong việc đề cao giới phụ nữ. Tin tức về sự giáng sinh của Chúa được loan báo cho một trinh nữ Do Thái. Sự chết của Chúa được các người đàn bà đau khổ chứng kiến. Và tin mừng về sự phục sinh của Chúa được rao ra trước tiên cho người đàn bà trước kia bị quỉ ám.

Chúa Giê-xu đánh giá cao sự chia sẻ của họ và dùng điều đó để dạy dỗ họ cùng chúng ta một bài học đầy ý nghĩa. Trong khi họ khóc cho *cái chết của một người vô tội*, Ngài lại nhìn thấy trước và đau thương cho sự hủy diệt khủng khiếp dành cho *cả dân tộc Do Thái*, một sự đoán phạt hoàn toàn công bằng (*Lu-ca 19:41-44*). Nhưng than ôi, lịch sử đã chứng minh phụ nữ và trẻ con lại chịu hoạn nạn nhiều nhất. Quân

Rô-ma cố bắt phục người Do Thái bằng cách làm cho họ bị đói. Vì vậy những kẻ giữ thành đói khát phải dùng lương thực của vợ con mình, thậm chí giết người và ăn thịt cùng huyết họ.

Đất nước Y-sơ-ra-ên giống như “cây xanh” trong những năm Chúa Giê-xu hiện diện trên đất. Chính vào lúc có cơ hội và ơn phước cây xanh ấy phải kết quả. Thế nhưng dân tộc này đã chối bỏ Chúa và trở nên “cây khô” chỉ xứng đáng dành cho lửa. Đã bao lần Chúa muốn nhóm dân Ngài lại, nhưng họ không muốn. Khi kết án Chúa, chính họ đã tự kết tội mình.

Lời Chúa phán có thể được diễn giải rằng: “Nếu nhà cầm quyền Rô-ma làm điều này cho Đấng vô tội, thì họ sẽ đối xử ra sao với các người, là những kẻ tội lỗi? Khi ngày đoán xét xảy đến, các người có thoát khỏi chăng?”

4. Chúa Giê-xu Và Hai Kẻ Trộm Cướp

Lu-ca 23: 32-43

³² Chúng cũng đem hai người đi nữa, là kẻ trộm cướp, để giết cùng với Ngài.

³³ Khi đến một chỗ gọi là chỗ Sọ, họ đóng đinh Ngài trên cây thập tự tại đó, cùng hai tên trộm cướp, một tên bên hữu Ngài, một tên bên tả. ³⁴ Song Đức Chúa Jê-sus cầu rằng: Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì. Đoạn, họ bắt thăm chia nhau áo xống của Ngài. ³⁵ Dân chúng đứng đó mà ngó. Các người coi việc nhạo cười Ngài, rằng: Nó đã cứu kẻ khác; nếu nó là Đấng Christ, Đấng Đức Chúa Trời đã lựa, thì hãy cứu mình đi! ³⁶ Quân lính cũng giỡn cợt Ngài, lại gần đưa giấm cho Ngài uống, ³⁷ mà rằng: Nếu người là Vua dân Giu-đa, hãy tự cứu lấy mình đi! ³⁸ Phía trên đầu Ngài, có đề rằng: Người này là Vua dân Giu-đa.

³⁹ Vả, một tên trộm cướp bị đóng đinh cũng mắng nhiếc Ngài rằng: Người không phải là Đấng Christ sao? Hãy tự cứu lấy mình người cùng chúng ta nữa!

⁴⁰ Nhưng tên kia trách nó rằng: Người cũng chịu một hình phạt ấy, còn chẳng sợ Đức Chúa Trời sao? ⁴¹ Về phần chúng ta, chỉ là sự công bình, vì hình ta chịu xứng với việc ta làm; nhưng người này không hề làm một điều gì ác. ⁴² Đoạn lại nói rằng: Hỡi Jê-sus, khi Ngài đến trong nước mình rồi, xin nhớ lấy tôi!

⁴³ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Quả thật, ta nói cùng người, hôm nay người sẽ được ở với ta trong nơi Ba-ra-đi.

Lời tiên tri đã báo trước rằng Con Đức Chúa Trời sẽ “bị kể

vào hàng kẻ dữ” (22:37; Ê-sai 53:12). Thật vậy, hai phạm nhân bị đóng đinh cùng Ngài là những kẻ cướp (Ma-thi-ơ 27:38). Hai người này bị kết tội cướp của giết người.

Theo tiếng A-ram “gô-gô-tha” có nghĩa là cái sọ. Có lẽ địa điểm này trông như một cái sọ người. Đồi Gô-gô-tha ở gần Cửa Damascus trong thành Giê-ru-sa-lem, có thể tên gọi này được biết đến đơn giản bởi những vụ thi hành án khủng khiếp.

Chúa Giê-xu bị đóng đinh khoảng 9 giờ sáng và bị treo trên thập tự đến 3 giờ chiều. Vào giữa trưa sự tối tăm bao trùm khắp đất (Mác 15:25,33). Chúa Giê-xu đã cất tiếng bảy lần suốt sáu giờ đồng hồ đau thương khủng khiếp này.

1. “Lạy Cha, xin tha cho họ” (Lu-ca 23:34)
2. “Hôm nay người sẽ được ở với ta trong nơi Ba-ra-đi (23:43)
3. “Hỡi đàn bà kia, đó là con của người” (Giăng 19:25-27)
4. “Đức Chúa Trời ơi sao Ngài lia bỏ tôi” (Ma-thi-ơ 27:46)
5. “Ta khát” (Giăng 19:28)
6. “Mọi việc đã được trọn” (Giăng 19:30)
7. “Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong tay Cha” (Lu-ca 23:46)

Phúc Âm Lu-ca chỉ ghi lại ba trong bảy lời nói của Chúa. Lời cầu nguyện của Chúa cho kẻ thù và công tác Ngài dành cho một kẻ trộm cướp đã ăn năn, những điều này thích hợp với mục đích của Lu-ca, bày tỏ Chúa Giê-xu là Con Người cảm thông, luôn quan tâm đến những kẻ khốn khó.

Khi người ta đóng đinh Chúa trên thập tự, Ngài cứ cầu nguyện: “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì” (Lu-ca 23:34). Ngài không chỉ thực hiện điều Ngài đã dạy dỗ kẻ khác (Lu-ca 6:27-28), Ngài còn làm ứng nghiệm lời tiên tri và “cầu thay cho những kẻ phạm tội” (Ê-sai 53:12). Qua lời cầu nguyện của Ngài, chúng ta không nên suy đoán rằng sự dốt nát là cơ sở cho sự tha tội, cũng đừng cho rằng những ai phạm tội nghịch cùng Chúa Giê-xu tự nhiên đã được tha thứ bởi sự cầu nguyện của Chúa. Chắc chắn người Do Thái và người Rô-ma đều thiếu hiểu biết về sự kinh khiếp của

tội lỗi, điều đó cũng không thể miễn tội cho họ được. Luật pháp cho phép người lầm lỡ phạm tội được dâng của lễ chuộc tội (*Dân Số Ký* 15:27-31; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 21:14; *Thi Thiên* 51:16-17). Sự cầu thay của Chúa Giê-xu đã “trì hoãn” được sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên dân tộc này suốt gần bốn mươi năm, cho họ thêm nhiều cơ hội để được cứu (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:17-19).

Thật là một sự thần hựu khi Chúa Giê-xu bị đóng đinh ở giữa hai tên cướp, vì điều này giúp họ có cùng một cơ hội để tiếp cận với Đấng Christ. Cả hai có thể đọc bảng viết trên thập tự “NGƯỜI NÀY LÀ VUA DÂN GIU-ĐA”. Họ có thể nhìn xem Chúa, Đấng đầy lòng nhân từ đã phó thân mình vì tội lỗi cả thế gian.

Một tên cướp lập lại lời chế giễu của các chức sắc tôn giáo và yêu cầu Chúa tự cứu mình khỏi cây thập tự, nhưng tên cướp thứ hai lại có suy nghĩ khác hẳn. Có lẽ anh ta có thể lý luận rằng: “Nếu người này thật sự là Đấng Christ, nếu Ngài có Vương quốc, nếu Ngài từng cứu nhiều người, vậy Ngài hẳn có thể đáp ứng nhu cầu lớn nhất của tôi là sự cứu chuộc tội lỗi. Tôi chưa sẵn sàng để chết!” Tên cướp này có can đảm, bất chấp ảnh hưởng của bạn mình, sự chế nhạo của đám đông để đặt niềm tin nơi một vị Vua đang hấp hối! Khi xem xét những trở ngại anh ta phải khắc phục, bạn sẽ thấy đức tin anh ta đáng ngạc nhiên biết bao!

Người này được cứu hoàn toàn bởi ân sủng, đó là sự ban cho của Đức Chúa Trời (*Ê-phê-sô* 2:8,9). Anh ta không xứng đáng nhận ân sủng, cũng không tự mình có được. Sự cứu rỗi dành cho chính anh có tính chất chắc chắn, được bảo đảm bởi lời của Chúa Giê-xu. Anh hy vọng được giúp đỡ trong tương lai, nhưng Chúa Giê-xu ban cho anh sự tha thứ ngay hôm ấy, nên anh đã qua đời và đồng đi với Chúa đến Ba-ra-đi (*II Cô-rinh-tô* 12:1-4).

Điều đáng chú ý ở đây, những người có mặt nơi đồi Gô-gô-tha đã làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Cựu Ước qua hành động của họ: bắt thăm chia nhau áo xống Chúa (*Thi Thiên*

22:18), nhạo cười Ngài (22:6-8) và cho Ngài uống giấm (69:1). Đức Chúa Trời vẫn ngự trên ngôi Ngài và tế trị mọi sự qua lời Ngài.

5. Chúa Giê-xu Với Đức Chúa Cha

Lu-ca 23: 44-49

⁴⁴ Khi đó, ước giờ thứ sáu, khắp xứ đều tối tăm cho đến giờ thứ chín. ⁴⁵ Mặt trời trở nên tối, và màn trong đền thờ xé chính giữa ra làm hai. ⁴⁶ Đức Chúa Jê-sus bèn kêu lớn rằng: Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong tay Cha! Ngài vừa nói xong thì tắt hơi.

⁴⁷ Thấy đội thấy sự đã xảy ra, ngợi khen Đức Chúa Trời rằng: Thật người này là người công bình. ⁴⁸ Cả dân chúng đi xem, thấy nông nổi làm vậy, đấm ngực mà trở về. ⁴⁹ Song những kẻ quen biết Đức Chúa Jê-sus và các người đàn bà theo Ngài từ xứ Ga-li-lê, đều đứng đàng xa mà ngó.

Hãy nhớ rằng điều Chúa Giê-xu hoàn tất trên thập tự giá là công tác vĩnh cửu, có liên quan đến Đức Chúa Cha và Chúa Giê-xu. Ngài không chết như thánh tử đạo, cũng không chỉ là một gương cho con người noi theo. *Ê-sai 53:1-12* bày tỏ rằng Chúa Giê-xu không chết vì chính tội lỗi mình bởi Ngài vốn vô tội. Ngài chết thay cho tội lỗi của chúng ta. Linh hồn Ngài buồn bực vì cơ tội lỗi con người (*Ê-sai 53:4-6,10-12*).

Sự tối tăm trong suốt ba giờ quả là một phép lạ! Đó không phải là hiện tượng nhật thực vì nó không thể xảy ra trong mùa lễ Vượt Qua khi trăng tròn. Đó là bóng tối do Đức Chúa Trời bao phủ thập tự giá khi Con Đức Chúa Trời gánh thay tội lỗi chúng ta (*I Cô-rinh-tô 5:21*). Ngay cả thiên nhiên cũng bày tỏ nỗi cảm thông với Đấng Tạo Hoá khi chính Ngài chịu thương khó và chịu chết. Khi dân Y-sơ-ra-ên ở trong Ê-díp-tô, có ba ngày tối tăm trước lễ Vượt Qua đầu tiên (*Xuất Ê-díp-tô Ký 10:21*). Khi Chúa Giê-xu bị treo trên thập tự, có ba giờ tối tăm trước khi Chiên Con Đức Chúa Trời chết thay tội lỗi thế gian (*Giăng 1:29*).

Cả Ma-thi-ơ (*Ma-thi-ơ 27:45-46*) và Mác (*Mác 15:33-34*) ghi lại tiếng kêu của Chúa khi trời đất tối tăm, trích từ *Thi*

Thiên 22:1 “Đức Chúa Trời tôi ôi! Đức Chúa Trời tôi ôi! Sao Ngài lìa bỏ tôi?” Sự lìa bỏ ấy là gì và cảm xúc của Chúa ra sao, chúng ta không thể hiểu rõ. Nhưng chắc hẳn nó có liên quan đến sự kiện Ngài đã trở nên tội lỗi vì chúng ta. Khi Chúa kêu lớn tiếng rằng: “mọi việc đã được trọn!” (*Giăng 19:30*), đó là lời tuyên bố đắc thắng. Ngài đã hoàn tất công tác Cha trên trời giao phó (*Giăng 17:4*). Công tác cứu chuộc đã được hoàn thành, mọi lời tiên tri đã được ứng nghiệm (*Hê-bơ-rơ 9:24*) và Đấng Christ giờ đây có thể yên nghỉ.

Lần cuối cùng, Ngài cầu nguyện với Cha rằng: “Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong tay Chúa!” (*Thi Thiên 31:5*). Đây chính là lời cầu nguyện mà các trẻ em Do Thái cầu nguyện khi đi ngủ và điều này, cho chúng ta biết cách Chúa Giê-xu chết: tự tin, mãn nguyện và đắc thắng (*Giăng 10:17-18*). Những ai tin Chúa Giê-xu là Chúa Cứu Thế của mình, đều có thể chết như Chúa với sự thanh thản như vậy (*Phi-líp 1:20-23; I Cô-rinh-tô 5:1-8*).

Khi Chúa trút linh hồn, bức màn trong đền thờ xé ra làm đôi “từ trên chí dưới” (*Mác 15:38*). Phép lạ này bày tỏ cho thấy tế lễ và dân chúng biết rằng con đường sống Đức Chúa Trời đã mở ngang qua cái màn cho những ai đến gần Ngài bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu (*Hê-bơ-rơ 9:1-10:25*). Tội nhân chẳng cần đến đền thờ trên đất, bàn thờ, của lễ hay thầy tế lễ nữa, vì mọi sự đã được trọn vẹn trong công tác đã hoàn tất của Con Đức Chúa Trời.

Lu-ca ghi lại ba phản ứng đối với những biến cố xảy ra vào những giây phút cuối cùng trước khi Chúa tắt hơi. Thầy đội là người có nhiệm vụ thi hành án, đã xác nhận: “Thật người này là người công bình, thật là Con Đức Chúa Trời” (*Lu-ca 23:47; Mác 15:39*). Ông sợ hãi trước cảnh tối tăm và đất rung động (*Ma-thi-ơ 27:54*) đặc biệt trước tình trạng thương khó và chết của Chúa. Ông hẳn phải ngạc nhiên khi Chúa la lớn tiếng và trút hơi đột ngột, vì các nạn nhân bị đóng đinh thương sống yếu ớt vài ngày và không đủ sức để nói.

Dân chúng đến xem cảnh tượng này bắt đầu lên bước trở về, một số người đấm ngực vì biết mình tội lỗi (*Lu-ca* 18:13). Họ có phải là những người tin Chúa? Có lẽ không phải vậy. Họ chỉ là những kẻ ngoại cuộc bị thu hút đến nơi xử án, nhưng mọi điều họ thấy và nghe đủ để họ cảm biết tội lỗi mình.

Sau cùng, các bạn hữu của Chúa đã có mặt ở đó, có cả những người đàn bà từng đi theo Chúa (*8:1-3; 24:22*). Thật ý nghĩa khi những người đàn bà là những người sau cùng có mặt nơi thập tự giá và cũng là những người đầu tiên có mặt tại phần mộ Ngài vào buổi sáng Phục Sinh.

6. Chúa Giê-xu Và Giô-sép Ở A-ri-ma-thê

Lu-ca 23: 50-56

⁵⁰ Có một người, tên là Giô-sép, làm nghị viên tòa công luận, là người chánh trực công bình, ⁵¹ không đồng ý và cũng không dự việc các người kia đã làm. Người ở A-ri-ma-thê, là thành thuộc về xứ Giu-đê, vẫn trông đợi nước Đức Chúa Trời. ⁵² Người bèn đi đến Phi-lát mà xin xác Đức Chúa Jê-sus. ⁵³ Khi đã đem xác Ngài xuống khỏi cây thập tự, người lấy vải liệm mà bọc, rồi chôn trong huyết đã đục nơi hòn đá, là huyết chưa chôn ai hết. ⁵⁴ Bấy giờ là ngày sắm sửa, và ngày Sa-bát gần tới. ⁵⁵ Các người đàn bà đã từ xứ Ga-li-lê đến với Đức Chúa Jê-sus, theo Giô-sép, xem má và cũng xem xác Ngài đặt thể nào. Khi trở về, họ sắm sửa những thuốc thơm và sáp thơm. ⁵⁶ Ngày Sa-bát, họ nghỉ ngơi theo luật lệ.

Giô-sép và bạn ông là Ni-cô-đem (*Giăng* 19:38-42) đều là thành viên trong hội đồng xét xử của dân Do Thái, nhưng họ đã không có mặt để biểu quyết về việc xử Chúa Giê-xu. *Mác* 14: 64 cho thấy cả hội đồng đều kết án Chúa Giê-xu, có lẽ điều ấy sẽ không xảy ra nếu Giô-sép và Ni-cô-đem có mặt hôm ấy.

Có lẽ Giô-sép và Ni-cô-đem đã biết lời Kinh Thánh Cựu Ước nói về cách Chúa Giê-xu chịu chết, nên họ muốn lo việc chôn cất cho Ngài. Ngôi mộ mới chắc hẳn là của Giô-sép, được xây trong vườn rất gần nơi thi hành án và rất xa nhà ông. Không người giàu nào lại chuẩn bị cho mình một ngôi mộ với vị trí như vậy vừa xa nhà mà lại gần nơi xử hình. Đây là phần

mộ dường như dành cho Chúa chứ không phải cho Giô-sép. Có thể, hai người này đã nắp trong ngôi mộ khi Chúa bị treo trên thập tự giá, chờ đến khi Ngài trút hơi. Hẳn là họ đã chuẩn bị các hương liệu và vải liệm vì họ không thể mua sắm những thứ này trong ngày lễ Vượt Qua.

Khi Chúa Giê-xu chết, Giô-sép lập tức đến Phi-lát để xin xác Ngài, còn Ni-cô-đêm ở lại đòi Gô-gô-tha để thăm dò. Họ nhẹ nhàng đem xác Ngài xuống khỏi thập tự, nhanh chóng đem Ngài đến khu vườn, ướp xác Ngài bằng các hương liệu. Đây là việc chôn cất tạm thời, họ sẽ trở lại sau ngày Sa-bát. Khi đặt Chúa vào phần mộ mới, họ đã làm ứng nghiệm lời tiên tri Ê-sai 53:9 và không để cho dân Rô-ma vất xác Ngài nơi đồng rác ngoài cửa thành. Các tử tội thường không có quyền được chôn cất, tuy nhiên Đức Chúa Trời biết rằng thân thể của con Ngài phải được chôn cất với sự kính trọng và yêu mến.

Thật ý nghĩa khi thân thể này được chôn cất thích đáng, vì Đức Chúa Trời sẽ khiến Ngài sống lại từ cõi chết. Nếu có điều gì không rõ ràng minh bạch về sự chết và chôn của Chúa, có thể đã ảnh hưởng đến thông điệp và công tác của Phúc Âm (*I Cô-rinh-tô* 15:1-8).

Sau sáu ngày Đức Chúa Trời hoàn tất công tác “sáng tạo cũ” Ngài nghỉ ngơi (*Sáng Thế Ký* 2:1-3). Sau sáu giờ Chúa chúng ta hoàn tất công tác “sáng tạo mới” (*II Cô-rinh-tô* 5:17), Ngài nghỉ ngơi trong ngày Sa-bát tại phần mộ của Giô-sép.

Tuy vậy, đó chưa phải là kết thúc của câu chuyện. Ngài sẽ sống lại!

Con Người Đã Chiến Thắng!

Lu-ca 24

Tiến sĩ John Stott nói: “Bản chất của Đạo Cơ Đốc là Đạo của sự phục sinh. Khái niệm phục sinh chính là cốt tủy của Đạo Chúa. Nếu bạn bỏ nó qua một bên, Cơ Đốc giáo sẽ bị hủy diệt”.

Sự phục sinh của Chúa Giê-xu xác nhận với chúng ta rằng Ngài thật là Con Đức Chúa Trời, như Ngài đã phán (*Rô-ma 1:4*). Điều này chứng minh của lễ hy sinh của Ngài thay cho tội lỗi loài người đã được chấp nhận và công tác cứu rỗi đã hoàn tất (*Rô-ma 6:4; Ga-la-ti 2:20*). Sự phục sinh của Chúa công bố cho chúng ta biết Ngài là Đấng xét đoán, sẽ có một ngày Ngài xét xử cả thế gian (*Công Vụ Các Sứ Đồ 17:30-31*).

Không có gì ngạc nhiên khi Sa-tan tấn công vào lễ thật của sự phục sinh. Lời dối trá trước tiên nó dựng lên, đó là phao vu các môn đệ đến ăn cắp xác Chúa Giê-xu (*Ma-thi-ơ 28:11-15*). Nhưng khó hình dung nổi các môn đệ làm việc ấy ra sao. Cửa mồ được lính canh cẩn mật (*Ma-thi-ơ 27:61-66*). Hơn nữa những môn đệ còn đang khiếp sợ không thể đánh bại quân lính để mở cửa mồ lấy xác Chúa. Tuy nhiên, trở ngại lớn nhất là do các sứ đồ không tin rằng Chúa mình đã phục sinh! Vậy tại sao

họ muốn trộm xác Ngài và dựng ra trò lừa như vậy?

Sự dối trá thứ hai là đồn rằng Chúa Giê-xu thực sự chưa chết trên thập tự nhưng chỉ ngất đi, và khi được đặt vào phần mộ “lạnh lẽo”, Ngài đã tỉnh lại! Chính Phi-lát và thầy đội đã kiểm tra để biết Chúa có thật sự chết hay không (*Mác 15:44*). Lính La Mã khi đánh gãy ống chân hai tên cướp cũng biết rằng Chúa đã chết (*Giăng 19:31-34*). Hơn nữa, làm sao ngôi mộ lạnh giá kia có thể thay đổi thân thể Chúa hầu Ngài có khả năng biến hóa và đi xuyên qua cửa đóng kín?

Sứ điệp Phúc Âm dựa trên nền tảng *sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-xu* (*I Cô-rinh-tô 15:1-8*). Các sứ đồ được sai đi làm chứng về sự phục sinh của Ngài (*Công Vụ Các Sứ Đồ 1:22*), và sách Công Vụ tập trung vào sự sống lại của Chúa Giê-xu. Đây cũng là lý do Lu-ca kể lại những lần Chúa xuất hiện sau khi sống lại từ cõi chết. Trước tiên, Ngài hiện ra cho Ma-ri Ma-đơ-len (*Giăng 20:11-18*), sau đó Ngài hiện ra cho những người đàn bà khác (*Ma-thi-ơ 28:9-10*), hai người trên đường đến Em-ma-út (*Lu-ca 24:13-22*). Chúa cũng hiện ra cho Phi-e-rơ (*24:34*) và cho Gia-cơ (là em cùng mẹ của Ngài) (*I Cô-rinh-tô 15:7*).

Vào buổi chiều hôm đó, Ngài hiện ra trước các môn đệ (*Lu-ca 24:36-43*), nhưng Thô-ma không tin lời họ kể (*Giăng 20:19-25*). Một tuần sau đó, Ngài hiện ra cho các sứ đồ lần nữa, đặc biệt cho Thô-ma (*Giăng 20:26-31*). Ngài hiện ra cho bảy sứ đồ khi họ đang thả lưới ở biển Ga-li-lê (*Giăng 21:1-23*). Trước khi thăng thiên, Ngài còn hiện ra vài lần cho các sứ đồ, dạy dỗ họ và giao sứ mạng cho họ (*Công Vụ Các Sứ Đồ 1:1-12*).

Khi các tín hữu biết Chúa Giê-xu đang sống, đời sống họ đã thay đổi một cách kỳ diệu.

1. Những Tấm Lòng Bối Rối: Chúa Mở Cửa Mộ

Lu-ca 24: 1-12

¹ Ngày thứ nhất trong tuần lễ, khi mờ sáng, các người đàn bà ấy lấy thuốc thơm đã sửa soạn đem đến mộ Ngài. ² Họ thấy hòn đá đã lăn ra khỏi cửa mộ; ³ nhưng, bước vào, không thấy xác Đức Chúa Giê-sus. ⁴ Đang khi không biết nghĩ làm sao, xảy có hai người nam mặc áo sáng như chớp, hiện ra trước mặt họ. ⁵ Họ đương thất kinh, úp mặt xuống đất; thì hai người ấy nói rằng: Sao các người tìm người sống trong vòng kẻ chết? ⁶ Ngài không ở đây đâu, song Ngài đã sống lại. Hãy nhớ khi Ngài còn ở xứ Ga-li-lê, phán cùng các người thế nào, ⁷ Ngài đã phán rằng: Con người phải bị nộp trong tay kẻ có tội, phải đóng đinh trên cây thập tự, và ngày thứ ba phải sống lại. ⁸ Họ bèn nhớ lại những lời Đức Chúa Giê-sus đã phán.

⁹ Họ ở mộ trở về, rao truyền mọi sự ấy cho mười một sứ đồ và những người khác. ¹⁰ Ấy là Ma-ri Ma-đơ-len, Gian-nơ, và Ma-ri mẹ của Gia-cơ, cùng các đàn bà khác đi với họ đã rao truyền như vậy cho các sứ đồ. ¹¹ Song các sứ đồ không tin, cho lời ấy như là hư không. ¹² Dầu vậy, Phi-e-rơ đứng dậy, chạy đến mộ, cúi xuống mà dòm, chỉ thấy vải liệm ở trên đất, đoạn về nhà, lạ lùng cho việc đã xảy ra.

Chúng ta không rõ Chúa Giê-xu sống lại vào giờ nào trong ngày đầu tuần, nhưng chắc là rất sớm. Đất rung động và thiên sứ lăn cửa mộ (*Ma-thi-ơ* 28:2-4) không phải để Chúa Giê-xu bước ra, nhưng để minh chứng cho sự phục sinh của Ngài “Hãy đến xem!... Đi hãy mau nói...” là mệnh lệnh ngày Phục Sinh cho Hội Thánh.

Ma-ri Ma-đơ-len là người đặc biệt được Chúa cứu và đi theo phục vụ Ngài (*Lu-ca* 8:2). Bà có mặt cho đến cuối cùng nơi thập tự giá (*Mác* 15:47) và đến mộ Chúa trước tiên. Bà đi cùng Ma-ri mẹ của Gia-cơ, Gian-nơ cùng những người đàn bà khác (*Lu-ca* 24:10) hy vọng có thể hoàn tất việc chuẩn bị xác Chúa cho việc chôn cất chính thức. Tấm lòng buồn bực của họ giờ đã biến thành niềm vui mừng khi khám phá Chúa Giê-xu đang sống.

“Ai sẽ lăn hòn đá lấp cửa mộ ra cho chúng ta” (*Mác* 16:3) là điều họ quan tâm. Lính La Mã không muốn phá dấu niêm phong đặc biệt chỉ vì một nhóm phụ nữ Do Thái than khóc kia! Nhưng Đức Chúa Trời giải quyết nan đề của họ: *cửa mộ*

đã mở và không còn xác để chuẩn bị!

Lúc này có hai thiên sứ xuất hiện. *Ma-thi-ơ* 28:2 và *Mác* 16:5 chỉ nói đến một thiên sứ truyền sứ điệp cho các bà. Sứ điệp cũng mang tính chất quả trách khi thiên sứ nhắc họ về trí nhớ kém cỏi của họ. Hơn một lần, Chúa Giê-xu cho môn đệ biết Ngài sẽ chịu thương khó, chịu chết và sống lại (*Ma-thi-ơ* 16:21; 17:22-23; 20:17-19; *Lu-ca* 9:22,44; 18:31-34). Thật đáng buồn nếu con cái Đức Chúa Trời quên lời Ngài để rồi phải sống vô vọng. Hôm nay, Thánh Linh Đức Chúa Trời vẫn giúp chúng ta nhớ lại lời Ngài (*Giăng* 14:26).

Vâng theo nhiệm mạng, những phụ nữ này đã chạy đi rao tin cho các môn đệ, nhưng họ không tin! (Theo *Mác* 16:14, sau đó Chúa Giê-xu đã quả trách sự vô tín của họ). Ma-ri Ma-đơ-len bảo Phi-e-rơ và Giăng đến xem mộ (*Giăng* 20:1-10), họ cũng chứng kiến ngôi mộ không có Chúa Giê-xu. Chứng cứ này cho thấy Chúa đã phục sinh và không có cuộc bạo động nào xảy ra.

Khi Ma-ri khóc lóc nơi phần mộ, Chúa Giê-xu hiện ra với bà (*Giăng* 20:11-18). Thấy ngôi mộ trống và những tấm vải liệm là một việc, nhưng gặp được Chúa Phục Sinh lại hoàn toàn là một việc khác. Hôm nay, chúng ta không thể nhìn thấy bằng chứng ấy nơi mộ, nhưng chúng ta có lời chứng của các nhân chứng được ghi trong lời được hứa của Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể sống bằng đức tin trong Chúa Giê-xu và kinh nghiệm cá nhân về sự sống của Ngài trong chúng ta (*Ga-la-ti* 2:20).

Hãy nhớ những phụ nữ này không nghĩ rằng sẽ gặp Chúa sống. Họ quên hẳn những lời báo trước của Chúa về sự phục sinh của Ngài, nên chỉ đến phần mộ để hoàn tất việc xúc dầu cho xác Chúa. Cho rằng họ bị ảo giác và nghĩ mình gặp Chúa

là một kết luận hơi hợt. Chẳng lẽ nhiều người lại có cùng một ảo giác về cùng một sự việc trong cùng một lúc? Không thể như vậy được. Họ đã trở thành những nhân chứng nhiệt thành ngay cả cho những người lãnh đạo của họ: Chúa Giê-xu đang sống!

2. Những Tấm Lòng Chán Nản: Chúa Mở Mắt Họ

Lu-ca 24:13-35

¹³ Cũng trong ngày ấy, có hai môn đồ đi đến làng kia, gọi là Em-ma-út, cách thành Giê-ru-sa-lem sáu mươi ếch-ta-đơ; ¹⁴ họ đàm luận về những sự đã xảy ra. ¹⁵ Đang khi nói và cãi lẽ nhau, chính Đức Chúa Jê-sus đến gần, cùng đi đường với họ. ¹⁶ Nhưng mắt hai người ấy bị che khuất không nhìn biết Ngài được. ¹⁷ Ngài phán cùng họ rằng: Các người đương đi đường, nói chuyện gì cùng nhau vậy? Họ dừng lại, buồn bực lắm. ¹⁸ Một trong hai người tên là Cơ-lê-ô-ba, trả lời rằng: Có phải chỉ ngươi là khách lạ ở thành Giê-ru-sa-lem, không hay việc đã xảy đến tại đó cách mấy bữa rày sao? ¹⁹ Ngài hỏi rằng: Việc gì vậy? Họ trả lời rằng: Ấy là việc đã xảy ra cho Jê-sus Na-xa-rét, một đấng tiên tri, có quyền phép trong việc làm và trong lời nói, trước mặt Đức Chúa Trời và cả chúng dân; ²⁰ làm sao mà các thầy tế lễ cả cùng các quan đê hình ta đã nộp Ngài để xử tử, và đã đóng đinh trên cây thập tự. ²¹ Chúng tôi trông mong Ngài sẽ cứu lấy dân Y-sơ-ra-ên; dầu thế ấy, việc xảy ra đã được ba ngày rồi. ²² Thật có mấy người đàn bà trong vòng chúng tôi đã làm cho chúng tôi lấy làm lạ lắm: Khi mờ sáng, họ đến mộ, ²³ không thấy xác Ngài, thì về báo rằng có thiên sứ hiện đến, nói Ngài đương sống. ²⁴ Có mấy người trong vòng chúng tôi cũng đi thăm mộ, thấy mọi điều y như lời họ nói; còn Ngài thì không thấy. ²⁵ Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng: Hỡi những kẻ dại dột, có lòng chậm tin lời các đấng tiên tri nói! ²⁶ Há chẳng phải Đấng Christ chịu thương khó thế ấy, mới được vào sự vinh hiển mình sao? ²⁷ Đoạn, Ngài bắt đầu từ Môi-se rồi kể đến mọi đấng tiên tri mà cắt nghĩa cho hai người đó những lời chỉ về Ngài trong cả Kinh thánh. ²⁸ Khi hai người đi gần đến làng mình định đi, thì Đức Chúa Jê-sus dường như muốn đi xa hơn nữa. ²⁹ Nhưng họ ép Ngài dừng lại, mà thưa rằng: Xin ở lại với chúng tôi; vì trời đã xế chiều hầu tối. Vậy, Ngài vào ở lại cùng họ. ³⁰ Đang khi Ngài ngồi ăn cùng hai người, thì lấy bánh, chúc tạ, đoạn, bẻ ra cho họ. ³¹ Mắt họ bèn mở ra, mà nhìn biết Ngài; song Ngài thoạt biến đi không thấy. ³² Hai người nói cùng nhau rằng: Khi nãy đi đường, Ngài nói cùng chúng ta và cắt nghĩa Kinh Thánh, lòng chúng ta há chẳng nóng nảy sao? ³³ Nội giờ đó, họ liền đứng dậy, trở về thành Giê-ru-sa-lem, gặp mười một sứ đồ cùng các môn đồ khác đương nhóm lại, ³⁴ nói với họ rằng: Chúa thật đã sống lại, và hiện ra với Si-môn. ³⁵ Rồi hai người thuật lại sự đã xảy đến khi đi đường, và nhìn biết Ngài lúc bẻ bánh ra là thế nào.

Em-ma-út là ngôi làng nhỏ cách Giê-ru-sa-lem mười hai cây số về phía Tây Bắc. Hai người này đi từ Giê-ru-sa-lem đến Em-ma-út, họ là những môn đệ nhụt chí mà đúng ra họ không có lý do gì để chán nản như vậy. Họ đã nghe những người đàn bà kể lại sự việc ở ngôi mộ trống và việc Chúa đã sống lại, nhưng họ không tin. Họ hy vọng Chúa Giê-xu sẽ cứu dân Y-sơ-ra-ên (*Lu-ca* 24:21) nhưng hy vọng ấy đã tiêu tan! Chúng ta có cảm giác rằng họ chán nản vì Đức Chúa Trời đã không hành động theo điều họ muốn. Họ chỉ nhìn thấy vinh hiển của Vương quốc nhưng không hiểu gì về sự thương khó.

Chúa nhân từ đồng hành với hai người, lắng nghe cuộc đối thoại sôi nổi của họ (*Lu-ca* 24:17). Chắc hẳn, họ đã trưng dẫn những lời tiên tri trong Cựu Ước, cố nhớ lại những lời dạy dỗ của Chúa Giê-xu, nhưng họ không thể đối chiếu những lời ấy để đưa ra một lời giải thích ý nghĩa. Ngài là Đấng đắc thắng hay chiến bại? Vì sao Ngài phải chịu chết? Liệu có một tương lai hứa hẹn dành cho dân tộc này không?

Một chi tiết đầy thú vị ở 24:19 khi Chúa hỏi: "*Việc gì vậy?*" Ngài là trung tâm của mọi sự việc xảy ra tại Giê-ru-sa-lem, nhưng giờ đây Ngài muốn hỏi chính họ những sự việc này! Chúa thật kiên nhẫn biết bao khi Ngài lắng nghe chúng ta kể cho Ngài những điều mà Ngài đã biết rõ (*Rô-ma* 8:34). Chúng ta có thể "dạn dĩ" đến trước ngôi Ngài, dốc đổ lòng mình ra hầu Ngài có thể giúp chúng ta khi cần (*Hê-bơ-rơ* 4:16; *Thi Thiên* 62:8).

Cơ-lê-ô-ba càng nói nhiều, ông ta càng tự buộc tội mình và bạn ông về sự vô tín của họ. Họ muốn chứng cứ nào nữa? Những nhân chứng (kể các các sứ đồ) đã thấy ngôi mộ trống. Các thiên sứ rao về sự phục sinh của Chúa. Các chứng nhân đã mục kích Chúa sống và nghe Ngài nói. Đó chính là chứng cứ!

"Đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng" (*Rô-ma* 10:17). Đây là lý do Chúa Giê-xu mở lời với hai người khi họ đến làng Em-ma-

út. Nan đề thật của họ không phải ở lý trí nhưng ở tấm lòng họ (xem *Lu-ca* 24:25,32,38). Có thể họ đã bàn luận vấn đề này trong vài ngày nhưng chưa tìm được lời giải đáp thỏa đáng. Họ cần hiểu rõ Lời Đức Chúa Trời vì vậy Chúa giúp họ hiểu rõ về Ngài. Ngài mở Kinh Thánh và mở mắt họ. Họ nhận ra rằng Chúa Giê-xu không những đang sống mà Ngài thật sự còn ở cùng họ!

Nan đề chính của họ là gì? Họ không tin mọi điều các tiên tri đã viết về Đấng Mết-si-a. Đó cũng là nan đề của dân Do Thái thời bấy giờ: họ biết Đấng Mết-si-a là Chúa Cứu Thế đắc thắng, nhưng không hiểu rằng Ngài cũng là Đầy tớ Thánh phải chịu thương khó. Khi đọc Kinh Thánh Cựu Ước, họ chỉ thấy sự vinh hiển chứ không thấy sự thương khó, thấy máo vinh hiển chứ không phải “thập tự giá”. Các giáo sư thời đó không giống như những nhà truyền giáo đầy ơn hôm nay. Họ mù lòa với toàn bộ thông điệp của Kinh Thánh.

Có lẽ Chúa Giê-xu bắt đầu dạy từ *Sáng Thế Ký* 3:15 là lời hứa đầu tiên về Đấng Cứu chuộc, và chỉ cho họ thấy lời hứa này qua suốt Kinh Thánh. Có lẽ Ngài dừng lại ở *Sáng Thế Ký* 22:1-19 là đoạn nói về việc Áp-ra-ham dâng con một yêu dấu của mình trên bàn thờ. Hẳn Ngài cũng nói về lễ Vượt Qua, về những của lễ không xứng đáng, lễ nghi, ngày cứu chuộc, con rắn trong đồng vắng, Đầy tớ thánh ở *Ê-sai* 53:1-12 và những thông điệp ở *Thi Thiên* 22:1-30; 69:1-36. Chìa khóa để hiểu Kinh Thánh là nhìn xem Chúa Giê-xu ở từng trang Kinh Thánh, Ngài không chỉ dạy chúng ta lý thuyết hay lời tiên tri; Ngài dạy “những lời chỉ về Ngài” (*Lu-ca* 24:27) .

Hai người nói chuyện với Chúa và lắng nghe Ngài. Khi Chúa tỏ ra muốn đi tách xa khỏi họ thì họ nài Ngài ở lại với họ. *Lời Đức Chúa Trời đã chinh phục được họ*, nhưng họ vẫn chưa biết Vị Khách Lạ này là ai. Họ chỉ cảm thấy được “nóng chấy” và muốn hưởng hạnh phúc này đến tận cùng.

Càng nghe lời Đức Chúa Trời, ta càng muốn gắn bó và cứ ở trong lời ấy. Một tác giả Thánh Ca diễn tả rằng: “Lạy Chúa,

vượt trên các trang sách thánh, con tìm kiếm Ngài”. Sự hiểu biết Kinh Thánh có thể sinh ra “kiêu căng” (I Cô-rinh-tô 8:1) nhưng nhận lễ thật Kinh Thánh và đồng hành với Đấng Christ sẽ sinh ra một tấm lòng nóng cháy.

Chúa Giê-xu mở Kinh Thánh cho họ, và rồi mở mắt họ để họ nhận biết Ngài. *Giờ đây họ hiểu rằng Ngài đang sống.* Họ có chứng cứ ngời mộ trống, những thiên sứ, các nhân chứng, Lời Kinh Thánh và về kinh nghiệm của riêng họ với Chúa. Ngài thoạt biến đi, không có nghĩa là bỏ rơi họ, vì Ngài luôn ở cùng họ dù họ không thấy Ngài. Họ sẽ lại gặp Ngài.

Chứng cứ rõ nhất cho thấy chúng ta hiểu Kinh Thánh và gặp được Chúa sống, là chúng ta nhiệt thành chia sẻ với người khác niềm vui của mình. Hai người vội vã rời Em-ma-út trở lại Giê-ru-sa-lem để cho các môn đệ biết việc họ đã gặp Chúa Giê-xu. Nhưng khi họ đến nơi, các môn đệ cùng những người khác *kể cho họ* rằng Chúa đã sống lại và hiện ra cùng Phi-e-rơ! Những buổi nhóm thờ phượng trong Hội Thánh chúng ta sẽ khác hẳn biết bao nếu mọi người gặp nhau và chia sẻ kinh nghiệm gặp Chúa sống của mình! Nếu những buổi thờ phượng của chúng ta “thiếu sức sống” có lẽ vì chúng ta chưa thật sự đồng đi và lắng nghe lời của Đấng Christ Hằng Sống.

Việc bẻ bánh (Lu-ca 24:30-35) có liên quan đến một bữa ăn, không phải Tiệc Thánh của Chúa. Như chúng ta biết các sứ đồ là những người duy nhất được Chúa dạy về Tiệc Thánh. Cho nên dường như Chúa không có ý nhắc lại Tiệc Thánh ấy lúc này. Ngài bày tỏ chính mình cho họ suốt một bữa ăn bình thường, đó là cách Ngài hành động. Chúng ta phải học cách nhìn xem Ngài qua những việc thường nhật trong cuộc sống. Tuy nhiên, khi dự Tiệc Thánh nhiều lần, chúng ta đều mong Chúa bày tỏ Ngài cho chúng ta theo một cách mới. Vì vậy chúng ta không nên hài lòng với bất cứ điều gì chưa trọn vẹn.

3. Những Tấm Lòng Ngờ Vực: Chúa Mở Trí Họ

Lu-ca 24:36-46

³⁶ Môn đồ đương nói với nhau như vậy, chính Đức Chúa Jê-sus hiện ra giữa đó mà phán rằng: Bình an cho các người! ³⁷ Nhưng môn đồ đều sững sốt rụng rời, tưởng thấy thần. ³⁸ Ngài phán rằng: Sao các người bối rối, và sao trong lòng các người nghi làm vậy? ³⁹ Hãy xem tay chân ta: Thật chính ta. Hãy sờ đến ta, và hãy xem; thần thì không có thịt xương, mà các người thấy ta có. ⁴⁰ Đương phán vậy, Ngài giơ tay và chân ra cho xem. ⁴¹ Nhưng vì cơ môn đồ vui mừng, nên chưa tin chắc, và lấy làm lạ, thì Ngài phán rằng: Ở đây các người có gì ăn không? ⁴² Môn đồ dâng cho Ngài một miếng cá nướng. ⁴³ Ngài nhận lấy mà ăn trước mặt môn đồ.

⁴⁴ Đoạn, Ngài phán rằng: Ấy đó là điều mà khi ta còn ở với các người, ta bảo các người rằng mọi sự đã chép về ta trong luật pháp Môi-se, các sách tiên tri, cùng các thi thiên phải được ứng nghiệm. ⁴⁵ Bấy giờ Ngài mở trí cho môn đồ được hiểu Kinh Thánh. ⁴⁶ Ngài phán: Có lời chép rằng Đấng Christ phải chịu đau đớn dường ấy, ngày thứ ba sẽ từ kẻ chết sống lại.

Có quá nhiều sự việc kỳ thú xảy ra ngày hôm đó và cũng có nhiều điều không thể giải thích được nên mười sứ đồ cùng những người khác gặp nhau tối hôm ấy để chia sẻ những gì họ thấy. Trong khi Cơ-lê-ô-ba cùng bạn ông kể cho nhau về chuyện Chúa Giê-xu, Ngài xuất hiện trong phòng khi mọi cửa đều đóng kín! (*Giăng 20:19*).

Có lẽ bạn tưởng rằng các tín hữu sẽ reo mừng và dâng lời ca ngợi, nhưng họ đều sững sốt, rụng rời và bối rối (*Lu-ca 24:37-38*). Họ tưởng là ma! Điều xảy ra thật bất ngờ, dù nhiều người trong số họ đã gặp Chúa Phục sinh. *Mác 16:14* cho thấy tình trạng của lòng họ đã ảnh hưởng đến việc biểu lộ sự sợ hãi của họ.

Chúa trấn tĩnh họ. Trước tiên, Ngài chúc phước: “Bình an cho các người” (*Lu-ca 24:36*). Ngài cũng lặp lại lời chúc phước ấy lần nữa (*Giăng 20:19-21*). “Đức Chúa Trời bình an” là Đấng đã khiến Chúa sống lại từ cõi chết, nên họ không có điều gì phải sợ hãi (*Hê-bơ-rơ 13:20-21*). Bởi Chúa Giê-xu đã hy sinh trên thập tự, mọi người giờ đây được “hòa thuận với Đức Chúa Trời” (*Rô-ma 5:1*) và vui mừng hưởng “sự bình an của Đức

Chúa Trời” (*Phi-líp 4:6-7*).

Điều kế tiếp khi Ngài trấn an họ là cho họ xem tay chân bị đóng đinh của Ngài (*Thi Thiên 22:16*) để họ tin chắc Ngài không phải là một bóng ma. Các tác giả thánh ca đôi khi nhắc đến những “vết hằn” trên thân thể Ngài, nhưng sách Phúc Âm không đề cập gì đến những vết sẹo ấy. Dấu vết của Gô-gô-tha ở trên thân thể vinh hiển của Ngài (*Giăng 20:24-29*) và chúng vẫn còn đó (*Khải Thị 5:6, 9, 12*). Có người nói rằng: “Giờ đây, tác phẩm duy nhất của nhân loại ở trên thiên đàng là những dấu vết Gô-gô-tha trên thân thể Đấng Christ đáng tôn quý”.

Chúa đồng ăn với họ để chứng minh cho những tín hữu ngờ vực này tin rằng Ngài thật sự đang sống và hiện hữu, thậm chí Ngài còn mời họ rờ thử vào thân thể Ngài (*Lu-ca 24:39; I Giăng 1:1*). Với tri thức hạn hẹp, chúng ta không thể giải thích được làm sao thân thể một người có xương thịt rắn chắc lại đi xuyên cửa và biến hóa được. Chúng ta cũng không hiểu vì sao thân thể được vinh hiển mà vẫn còn mang những dấu vết của thập tự giá. Nhưng chúng ta biết rằng sẽ có một ngày chúng ta sẽ giống Ngài trong sự vinh hiển (*I Giăng 3:1-2*).

Lu-ca 24:41 bày tỏ một tâm trạng bối rối: vì cơ vui mừng nên chưa tin chắc. Quả là một sự thật khó tin! Đây cũng là tâm trạng của Gia-cốp khi hay tin Giô-sép con mình vẫn còn sống (*Sáng Thế Ký 45:26-28*). Dân Y-sơ-ra-ên kinh nghiệm điều này khi Đức Chúa Trời đem sự giải cứu đến cho họ (*Thi Thiên 126:1-3*). Chúa Giê-xu cho môn đệ biết rằng họ sẽ vui mừng khi thấy Ngài trở lại và lời hứa ấy đã được trọn (*Giăng 16:22*).

Nguồn bình an và sự bảo đảm cuối cùng, là lời Đức Chúa Trời. Vì vậy Chúa “mở trí họ” về lời Kinh Thánh ở Cựu Ước, như Ngài đã làm cho các môn đệ ở Em-ma-út. Sau cùng, các môn đệ không bị lạc hướng trong tư tưởng và suy đoán của riêng mình, nhưng nhận lấy những lẽ thật của lời Đức Chúa Trời. Hôm nay chúng ta không thể rờ được Chúa Giê-xu, và

cũng không cần thiết phải làm vậy, nhưng chúng ta vẫn có thể đặt niềm tin mình trên lời Đức Chúa Trời (*I Giăng 1:1-5*).

Không chỉ giúp họ hiểu luật pháp, các tiên tri, các Thi Thiên, Chúa còn nhắc họ nhớ lại những điều Ngài đã dạy dỗ họ, và giải thích cho họ những mối liên hệ đó. Giờ đây họ hiểu rằng, Ngài phải chịu thương khó, chịu chết và vì sao thập tự giá có liên quan đến những lời hứa về vương quốc trên trời (xem *I Phi-e-rơ 1:10-12*). Thật là một đặc ân dành cho họ khi lắng nghe Chúa bày tỏ Lời Ngài!

4. Những Tấm Lòng Vui Mừng: Chúa Mở Môi Miệng Họ *Lu-ca 24: 47-53*

⁴⁷ và người ta sẽ nhân danh Ngài mà rao giảng cho dân các nước sự ăn năn để được tha tội, bắt đầu từ thành Giê-ru-sa-lem. ⁴⁸ Các người làm chứng về mọi việc đó; ta đây, sẽ ban cho các người điều Cha ta đã hứa, ⁴⁹ còn về phần các người, hãy đợi trong thành cho đến khi được mặc lấy quyền phép từ trên cao.

⁵⁰ Kế đó, Ngài đem môn đồ đi đến nơi xung quanh làng Bê-tha-ni, giơ tay lên mà ban phước cho. ⁵¹ Đang khi ban phước, Ngài lia môn đồ mà được đem lên trời. ⁵² Môn đồ thờ lạy Ngài rồi trở về thành Giê-ru-sa-lem, mừng rỡ lắm.

⁵³ Môn đồ cứ ở trong đền thờ luôn, ngợi khen Đức Chúa Trời.

Đặc ân luôn kèm theo trách nhiệm. Các môn đệ phải làm chứng về những điều Chúa đã phán và thực hiện (*Công Vụ Các Sứ Đồ 1:8*). Người làm chứng là người nói thật những gì mình thấy và nghe (*Công Vụ Các Sứ Đồ 4:20*). Theo vài cách dùng khác nhau từ “làm chứng” được đề cập đến hai mươi chín lần trong sách Công Vụ. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta không phải là những quan xét hay luật sư buộc tội được sai đến để lên án thế gian. Chúng ta là những chứng nhân nói về Chúa Giê-xu và cho tội nhân hư mất biết phương cách để được cứu rỗi.

Làm sao một nhóm người bình thường có thể tin rằng họ thực hiện được nhiệm vụ như thế? Đức Chúa Trời hứa ban cho họ quyền năng (*Lu-ca 24:49; Công Vụ Các Sứ Đồ 1:8*) và Ngài đã làm vậy. Vào ngày lễ Ngũ Tuần, Thánh Linh Đức

Chúa Trời đã giáng trên Hội Thánh và ban cho họ quyền năng rao giảng Đạo Ngài (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:1-47). Sau lễ Ngũ Tuần, Đức Thánh Linh vẫn ban quyền năng lớn cho họ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:33).

Việc làm chứng không phải là điều chúng ta đã làm cho Chúa, nhưng đó là điều Ngài hành động qua chúng ta *khi* chúng ta đầy dẫy Đức Thánh Linh. Có một sự khác biệt lớn giữa “quảng cáo hàng hóa” với lời làm chứng trong quyền năng Thánh Linh. Vance Havner nói rằng: “Người ta không đến với Chúa Giê-xu sau một cuộc tranh luận. Si-môn Phi-e-rô đến với Chúa vì Anh-rê đã đi theo làm chứng cho ông? Chúng ta ra đi với thẩm quyền của danh Chúa, trong quyền năng Thánh Linh để rao giảng về Phúc Âm của ân sủng Ngài.

Chúng ta nên so sánh *Lu-ca* 24:50-52 với *Mác* 16:19-20 và *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:9-12. Sự thăng thiên của Chúa không là điều được chú ý trong Hội Thánh lúc đó. Bạn hãy nghĩ đến ý nghĩa của sự kiện này đối với việc Ngài lên trời và ngự trên ngai vinh hiển! (*Giăng* 17:5,11). Sự thăng thiên là bằng chứng Ngài đấng thắng mọi kẻ thù và cai trị “trên hết mọi quyền” (*Ê-phê-sô* 1:18-23).

Hôm nay trên thiên đàng, Chúa chúng ta đang làm công việc của Ngài như Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta (*Hê-bơ-rơ* 7:25,26) và là Đấng cầu thay cho chúng ta (*I Giăng* 2:1). Là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, Ngài ban ơn phước khi chúng ta cần đối phó với thử thách và cám dỗ (*Hê-bơ-rơ* 4:14-16). Khi chúng ta vấp ngã Ngài là Đấng cầu thay sẵn sàng tha thứ và phục hồi địa vị chúng ta nếu chúng ta xưng nhận tội lỗi mình (*I Giăng* 1:6-10). Là Đầu Hội Thánh, Ngài chuẩn bị cho chúng ta mọi điều trọn vẹn để sống cho Ngài và phục vụ Ngài trong thế gian này (*Hê-bơ-rơ* 13:20-21; *Ê-phê-sô* 4:7-16). Qua lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện, Ngài dùng Đức Thánh Linh để hành động trong chúng ta và khiến chúng ta trở nên giống Ngài hơn.

Dĩ nhiên, Ngài còn chuẩn bị một nơi trên Thiên Đàng cho

chúng ta, là những con cái Ngài (*Giăng* 14:1-6). Một ngày nào đó, Ngài sẽ tái lâm để đem chúng ta đi với Ngài mãi mãi.

Điều cuối cùng Chúa thực hiện là chúc phước cho những người thuộc về Ngài. Vì vậy điều trước tiên họ làm là thờ phượng Ngài! Hai điều này sẽ luôn đi đôi với nhau, vì khi chúng ta thật sự thờ phượng Ngài, Ngài sẽ ban phước cho chúng ta. Ngài không chỉ mở môi miệng các tín hữu để làm chứng về Ngài, Ngài còn mở môi họ để thờ phượng và tôn vinh Ngài!

Bác sĩ Lu-ca mở đầu Phúc Âm bằng một hình ảnh trong đền thờ (*Lu-ca* 1:8) và kết thúc Phúc Âm giống như vậy (*Lu-ca* 24:53). Tuy nhiên, có một sự khác biệt giữa thầy tế lễ vô tín và câm lặng với những thánh đồ tin cậy và vui mừng! *Lu-ca* đã giải thích vì sao Chúa Giê-xu đến Giê-ru-sa-lem và hoàn thành công tác cứu chuộc của Ngài. Sách *Lu-ca* mở đầu và kết thúc tại thành Giê-ru-sa-lem. Nhưng trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ* của ông đã giải thích quá trình Phúc Âm của Đức Chúa Trời loan truyền từ Giê-ru-sa-lem đến Rô-ma.

Phải chăng Phúc Âm cũng đang được rao ra khắp đất từ "Giê-ru-sa-lem" của bạn?

Bạn Sẵn Sàng Đến Giê-ru-sa-lem?

Mỗi người trong chúng ta có một “Giê-ru-sa-lem,” một “Ghết-sê-ma-nê,” “một Gô-gô-tha” phải đến trong ý muốn Đức Chúa Trời. Giống như Chúa Giê-xu, chúng ta phải can đảm và sẵn sàng theo tiếng gọi của Ngài. Đây không phải là điều dễ làm nhưng chắc chắn sẽ đem lại niềm vui cho chúng ta và vinh quang cho Đức Chúa Trời.

Với tập sách này, Warren W. Wiersbe giúp chúng ta nghiên cứu Phúc Âm Lu-ca, chương 14–24, để thấy thế nào chúng ta có thể hành trình đến Giê-ru-sa-lem và mang thập tự giá một cách CAN ĐẢM.

Warren W. Wiersbe

Tiến sĩ Warren W. Wiersbe là giáo sư Kinh Thánh nổi tiếng trên các làn sóng phát thanh. Ông từng làm mục sư tại Hội Thánh Moody Church, Chicago và giáo sư về môn giảng luận tại Trường viện Grand Rapids Baptist Seminary. Ông đã viết trên 100 cuốn sách, trong đó bộ Giải Nghĩa Kinh Thánh này - BE SERIES - đã ấn hành trên 4 triệu bản.

văn phẩm nguồn sống

Vietnam Ministries, Inc.

P.O. Box 4568, Anaheim, CA 92803

(714) 758-VPNS 758-8767

Fax: (714) 535-3943